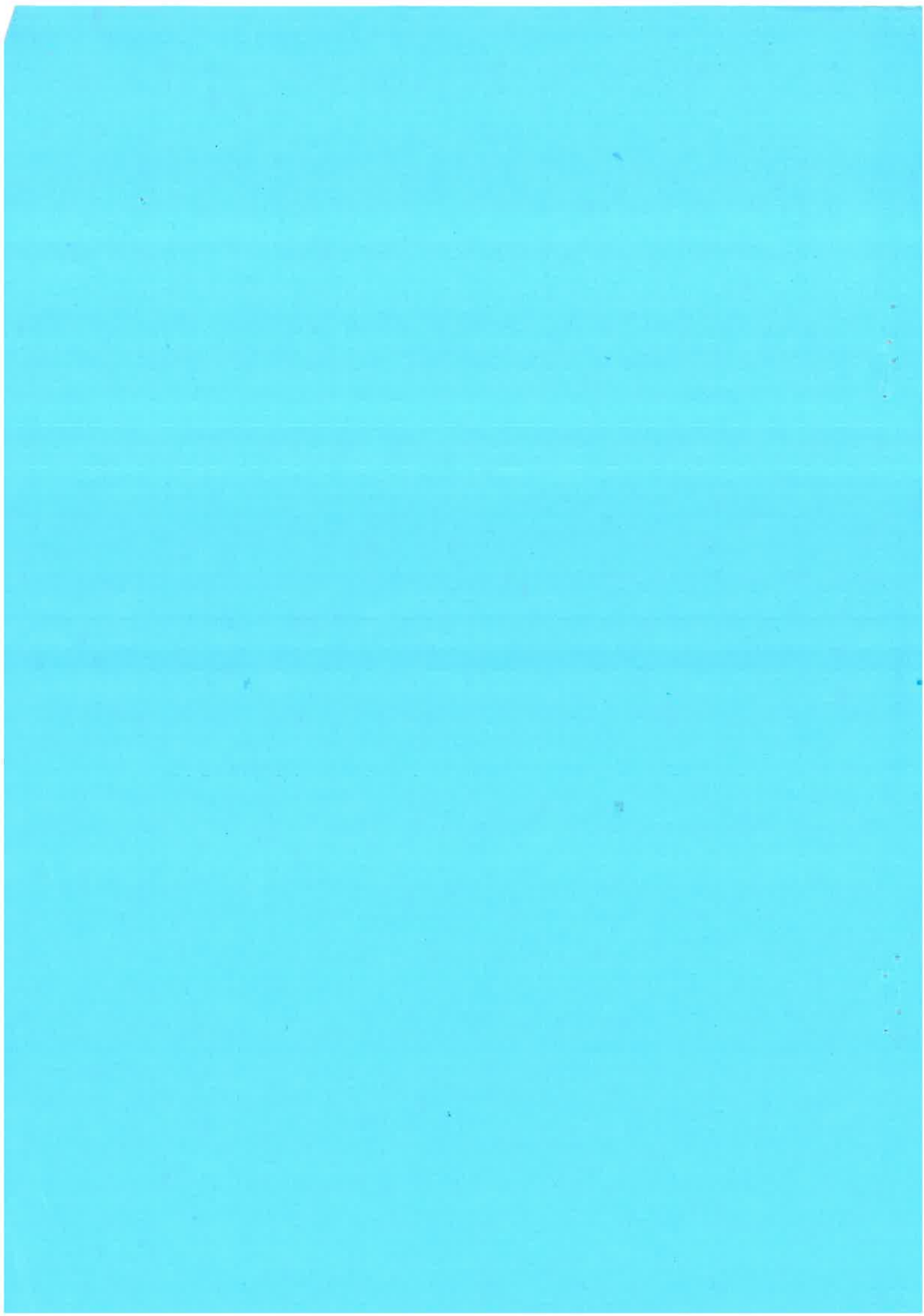


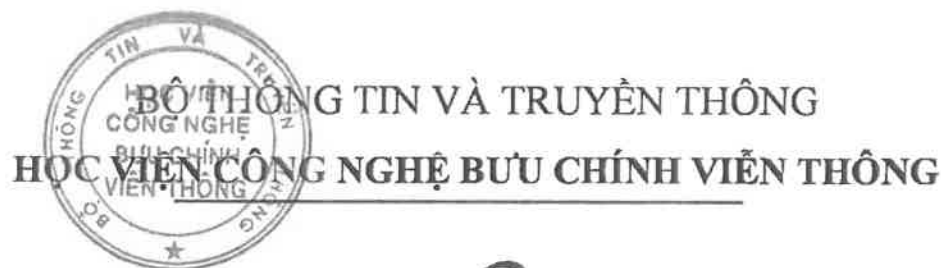
**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình
đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

*(Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận
kết quả đánh giá chất lượng CTĐT)*

Hà Nội, tháng 3 - 2024





**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình
đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

*(Hồ sơ đề nghị thẩm định và công nhận
kết quả đánh giá chất lượng CTĐT)*

Hà Nội, tháng 3 - 2024



**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN**

Quyết định số 1963/QĐ-HV ngày 27/12/2022 của Giám đốc Học viện

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện, Phó Bí thư Đảng ủy Học viện	Chủ tịch	
2.	PGS.TS. Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	Phó chủ tịch	
3.	TS. Tân Hạnh	Phó Giám đốc Học viện, Chủ tịch Công đoàn Học viện	Phó chủ tịch	
4.	PGS. TS. Hoàng Xuân Dâu	Trưởng khoa An toàn thông tin	Phó chủ tịch thường trực	
5.	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc Trung tâm ĐTBCVT1	Ủy viên thường trực	
6.	TS. Nguyễn Hồng Sơn	Trưởng khoa CNTT2	Ủy viên	
7.	TS. Huỳnh Trọng Thừa	Phó trưởng khoa CNTT2 - Trưởng bộ môn ATTT	Ủy viên	
8.	TS. Nguyễn Ngọc Diệp	Giangr viên, Trưởng bộ môn An toàn mạng Khoa ATTT	Ủy viên	
9.	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Ủy viên	
10.	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính Kế toán	Ủy viên	
11.	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Lao động	Ủy viên	
12.	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền trưởng phòng Đào tạo Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Ủy viên	
13.	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ Thư ký Hội đồng Học viện	Ủy viên	
14.	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng phòng Quản lý KHCN&HTQT	Ủy viên	
15.	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng Chính trị & Công tác sinh viên	Ủy viên	
16.	ThS. Đinh Hồng Hải	Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Kế hoạch - Đầu tư	Ủy viên	
17.	ThS. Trần Vũ Hải	Chánh văn phòng Học viện	Ủy viên	
18.	TS. Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng trung tâm Thí nghiệm - Thực hành	Ủy viên	
19.	KS. Cao Xuân Hiến	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ	Ủy viên	
20.	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
21.	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KHCN - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
22.	ThS. Lưu Nguyễn Kỳ Thu	Trưởng phòng Giáo vụ - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên	
23.	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn Thanh niên Học viện	Ủy viên	
24.	Phạm Thị Vân Anh	Sinh viên, Lớp D20CQAT03-B	Ủy viên	
25.	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký	

(Danh sách gồm có 25 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	5
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	9
1. Đặt vấn đề	9
2. Tổng quan chung.....	13
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	27
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	27
Mở đầu	27
Tiêu chí 1.1:.....	27
Tiêu chí 1.2	33
Tiêu chí 1.3:.....	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	<i>38</i>
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1:.....	39
Tiêu chí 2.2:.....	41
Tiêu chí 2.3	43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	<i>44</i>
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	45
Mở đầu	45
Tiêu chí 3.1	45
Tiêu chí 3.2:.....	47
Tiêu chí 3.3	50
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	<i>53</i>
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 4.1	55
Tiêu chí 4.2:.....	56
Tiêu chí 4.3:.....	60

Kết luận về Tiêu chuẩn 4	63
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 5.1:	64
Tiêu chí 5.2:	71
Tiêu chí 5.3:	75
Tiêu chí 5.4:	78
Tiêu chí 5.5:	80
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	82
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	83
Mở đầu	83
Tiêu chí 6.1:	83
Tiêu chí 6.2:	88
Tiêu chí 6.3:	92
Tiêu chí 6.4:	95
Tiêu chí 6.5:	98
Tiêu chí 6.6:	101
Tiêu chí 6.7:	106
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	111
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	112
Mở đầu	112
Tiêu chí 7.1:	112
Tiêu chí 7.2:	115
Tiêu chí 7.3:	118
Tiêu chí 7.4:	121
Tiêu chí 7.5:	124
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	127
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	128
Mở đầu	128
Tiêu chí 8.1:	129

Tiêu chí 8.2:	134
Tiêu chí 8.3:	138
Tiêu chí 8.4:	143
Tiêu chí 8.5:	150
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	154
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	155
Mở đầu	155
Tiêu chí 9.1:	155
Tiêu chí 9.2:	157
Tiêu chí 9.3:	161
Tiêu chí 9.4:	166
Tiêu chí 9.5:	173
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	180
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	180
Mở đầu	180
Tiêu chí 10.1:	181
Tiêu chí 10.2:	187
Tiêu chí 10.3:	190
Tiêu chí 10.4:	196
Tiêu chí 10.5:	198
Tiêu chí 10.6:	205
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	208
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	209
Mở đầu	209
Tiêu chí 11.1:	209
Tiêu chí 11.2:	213
Tiêu chí 11.3:	216
Tiêu chí 11.4:	220
Tiêu chí 11.5:	224
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	228

PHẦN III. KẾT LUẬN	229
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo.....	229
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo.....	235
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo	240
4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo ngành An toàn thông tin.....	245
PHẦN IV. PHỤ LỤC	248
Phụ lục 01. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ngành An toàn thông tin.....	248
Phụ lục 02: Các tư liệu, tài liệu liên quan	268
1. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách	268
2. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành An toàn thông tin.....	268
3. Các bảng biểu tổng hợp, thống kê số liệu theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	281
Phụ lục 03. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG	299

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết đầy đủ	Viết tắt
1	An toàn thông tin	ATTT
2	Ban chấp hành	BCH
3	Ban giám đốc	BGD
4	Ban Thường vụ	BTV
5	Bảo hiểm xã hội	BHXH
6	Bảo hiểm y tế	BHYT
7	Bộ Giáo dục và Đào tạo	BGD&ĐT
8	Cách mạng công nghiệp	CMCN
9	Cán bộ	CB
10	Cán bộ quản lý	CBQL
11	Cán bộ viên chức	CBVC
12	Cán bộ, viên chức, người lao động	CBVCNLĐ
13	Cature the Flag (Cuộc thi bảo mật thông tin)	CTF
14	Câu lạc bộ	CLB
15	Chỉ số hoạt động chính	KPI
16	Chiến sỹ thi đua	CSTĐ
17	Chính phủ	CP
18	Chính trị và Công tác sinh viên	CT&CTSV
19	Chuẩn đầu ra	CDR
20	Chương trình đào tạo	CTĐT
21	Chương trình dạy học	CTDH
22	Chuyển giao công nghệ	CGCN
23	Cơ sở dữ liệu	CSDL
24	Cơ sở giáo dục	CSGD
25	Cơ sở Học viện	CSHV
26	Cơ sở vật chất	CSVC
27	Cổ vấn học tập	CVHT
28	Công đoàn cơ sở	CĐCS
29	Công nghệ thông tin	CNTT

STT	Cụm từ viết đầy đủ	Viết tắt
30	Công tác sinh viên	CTSV
31	Đại học chính quy	ĐHCQ
32	Đại học từ xa	ĐHTX
33	Đảm bảo chất lượng	ĐBCL
34	Đảm bảo chất lượng giáo dục	ĐBCLGD
35	Đào tạo và Khoa học công nghệ	ĐT&KH-CN
36	Đề cương chi tiết	ĐCCT
37	Đề cương học phần	ĐCHP
38	Đồ án tốt nghiệp	ĐATN
39	Đồ án, khóa luận tốt nghiệp	ĐAKLTN
40	Đoàn Thanh niên	ĐTN
41	Giá trị cốt lõi	GTCL
42	Giảng viên	GV
43	Giảng viên hướng dẫn	GVHD
44	Giáo dục đại học	GDĐH
45	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
46	Giáo sư	GS
47	Giáo viên chủ nhiệm	GVCN
48	Hồ Chí Minh	HCM
49	Hoàn thành nhiệm vụ	HTNV
50	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	HTTNV
51	Học phần	HP
52	Học viện Bưu chính Viễn thông Hà Nội (phía Bắc)	BVH
53	Học viện Bưu chính Viễn thông TP HCM (phía Nam)	BVS
54	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Học viện
55	Hội đồng Học viện	HĐHV
56	Hội đồng trường	HĐT
57	Institute for Scientific Information	ISI
58	Kết quả học tập	KQHT
59	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	KT&ĐBCLGD

STT	Cụm từ viết đầy đủ	Viết tắt
60	Khoa học công nghệ	KHCN
61	Khoa học Công nghệ - Hợp tác quốc tế	KHCN-HTQT
62	Kiểm định chất lượng	KĐCL
63	Kiểm tra đánh giá	KTĐG
64	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	KTĐT-VT
65	Ký túc xá	KTX
66	Lao động tiên tiến	LĐTT
67	Liên chi đoàn	LCĐ
68	Mô tả công việc	MTCV
69	Ngân hàng câu hỏi thi	NHCHT
70	Nghiên cứu khoa học	NCKH
71	Nghiên cứu sinh	NCS
72	Nghiên cứu viên	NCV
73	Nghiệp vụ sư phạm	NVSP
74	Người học	NH
75	Nhân viên	NV
76	Phó Giáo sư	PGS
77	Phòng cháy chữa cháy	PCCC
78	Phục vụ cộng đồng	PVCĐ
79	Phương pháp dạy học	PPDH
80	Quản lý đào tạo	QLĐT
81	Quản lý và Đào tạo phía Bắc	QL&ĐTPB
82	Quyết định	QĐ
83	Sinh viên	SV
84	Sinh viên tốt nghiệp	SVTN
85	Tài chính Kế toán	TCKT
86	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	VNPT
87	Thạc sỹ	ThS
88	Thể dục thể thao	TDTT
89	Thi đua khen thưởng	TĐKT

STT	Cụm từ viết đầy đủ	Viết tắt
90	Thí nghiệm thực hành	TNTH
91	Thông tin và Truyền thông	TT&TT
92	Thực tập tốt nghiệp	TTTN
93	Thương mại điện tử	TMĐT
94	Tiến sỹ	TS
95	Tiêu chuẩn chức danh Nhà nước	TCCDNN
96	Tín chỉ	TC
97	Tổ chức cán bộ - Lao động	TCCB-LĐ
98	Trung học phổ thông	THPT
99	Trung ương	TW
100	Tự đánh giá	TĐG
101	Ủy ban kiểm tra	UBKT
102	Vừa học vừa làm	VHVL

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt Báo cáo Tự đánh giá Chương trình đào tạo

Khoa An toàn thông tin (tiền thân là Bộ môn An toàn thông tin thuộc Khoa Công nghệ thông tin 1) trực thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Học viện) là đơn vị có nhiều thành tích, đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của Học viện, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CM 4.0) và công cuộc chuyển đổi số của ngành thông tin và truyền thông. Trong giai đoạn 2019-2023, Khoa An toàn thông tin (ATTT) luôn quan tâm đến việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo của ngành An toàn thông tin khoa được giao quản lý.

Với những kết quả đạt được trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH), Học viện đã chỉ đạo khoa ATTT chủ trì triển khai công tác tự đánh giá (TĐG) chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành ATTT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT. Nội dung tự đánh giá CTĐT ngành ATTT với 11 nội dung gồm: Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; bản mô tả CTĐT; cấu trúc và nội dung CTĐT; phương pháp tiếp cận trong dạy và học; đánh giá kết quả học tập của người học; chất lượng đội ngũ giảng viên (GV) và nghiên cứu viên; chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; chất lượng người học (NH) và hoạt động hỗ trợ người học; cơ sở vật chất và trang thiết bị; nâng cao chất lượng; và kết quả đầu ra.

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành ATTT được cấu trúc thành 4 phần: Phần I. Khái quát; Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn; Phần III. Kết luận; Phần IV. Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần I: Khái quát

Phần I giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT ngành ATTT của Khoa ATTT theo các tiêu chí, tiêu chuẩn. Phần này mô tả mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan; báo cáo cũng nêu rõ mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình tự đánh giá, mô tả hiện trạng tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Học viện và Khoa ATTT.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Báo cáo TĐG CTĐT ngành ATTT với 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, gồm: nội dung TĐG về (1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT; (2) Bản Mô tả hiện trạng CTĐT; (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (6) Đội ngũ GV; (7) Đội ngũ nhân viên; (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học (NH); (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (10) Nâng cao chất lượng; (11) Kết quả đầu ra.

Tại từng tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn, báo cáo đều mô tả hiện trạng và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Sau khi mô tả hiện trạng và phân tích từng tiêu chí, báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn và kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Sau phần kết luận là bản tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành ATTT của Học viện.

Phần IV: Phụ lục

Bao gồm các phụ lục về cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành ATTT, các quyết định, văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...). Ví dụ:

[H1.01.01.01]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, đặt ở hộp 1.

[H10.03.02.15]: Minh chứng thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, đặt ở hộp 10.

b) Mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của bản báo cáo TĐG; sự tham gia của các bên liên quan (khoa, phòng, ban, cán bộ quản lý, GV, nhân viên, người học, ...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động TĐG CTĐT.

Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ATTT sẽ giúp Học viện và Khoa ATTT đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo kỹ sư ATTT so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT. Đồng thời thực hiện việc giải trình với cơ quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình đào tạo, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình và nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực được đào tạo từ Học viện.

- Là cơ sở để Học viện cải tiến chất lượng CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa ATTT trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng (PVCĐ).

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành ATTT.

Quy trình Tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ATTT được thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.

Bước 4. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phạm vi tự đánh giá

Khoa ATTT tiến hành đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành ATTT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện, sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng Học viện và qua các thông tin, hệ thống các minh chứng trong 5 năm, giai đoạn 2019-2023.

Công cụ và phương pháp tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành ATTT của Khoa ATTT và Học viện dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH) ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, Công văn số 2085/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo và Công văn số 774/QLCD-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau: Mô tả thực trạng, phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại hoặc thiếu sót; xây dựng kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại để cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành ATTT được thành lập theo Quyết định số 1963/QĐ-HV ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Học viện, thành phần gồm: Hội đồng Học viện; Ban Giám đốc Học viện; các cán bộ, giảng viên của Khoa TCKT; cán bộ, viên chức các phòng, ban, trung tâm chức năng Học viện.

Hội đồng Tự đánh giá CTĐT ngành ATTT có 25 thành viên, Ban thư ký có 31 thành viên và 9 nhóm công tác chuyên trách để chỉ đạo và triển khai công tác TĐG CTĐT ngành ATTT.

Ban Giám đốc Học viện trực tiếp chỉ đạo công tác tự đánh giá; các phòng, ban chức năng, ban thư ký cung cấp thông tin, minh chứng; sự phản hồi của người học, cựu NH, chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc viết báo cáo tự đánh giá; các nhóm công tác chuyên trách tiếp nhận thông tin, minh chứng

để biên soạn báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công; căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Khoa ATTT là đơn vị chủ trì, phối hợp với các nhóm công tác chuyên trách tiến hành biên soạn báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành ATTT theo các quy định, văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

2. Tổng quan chung

2.1 Tổng quan về Học viện

Học viện là cơ sở giáo dục (CSGD) đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT), được thành lập theo Quyết định số 516/TTg ngày 11 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ. Học viện là tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà nước được thí điểm đặt trực thuộc doanh nghiệp mạnh của nhà nước là Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT).

Học viện được thành lập trên cơ sở sắp xếp lại 4 đơn vị, gồm Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện, Viện Kinh tế Bưu điện, Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông I (cũ - tiền thân là Trường Đại học Bưu điện - Vô tuyến điện được thành lập năm 1953) và Trung tâm Đào tạo bưu chính viễn thông II (cũ).

Trong suốt chặng đường xây dựng và phát triển, từ mái trường Bưu điện (1953 - 1997) tới Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (1997-2023), trải qua nhiều lần tiếp nhận, sáp nhập, Học viện ghi dấu bởi các mốc lịch sử quan trọng: Trường Đại học Bưu điện - Vô tuyến điện (1953), Trường Chuyên nghiệp Bưu điện, Trường Cán bộ Bưu điện - Truyền thanh, Trường Đại học Kỹ thuật Thông tin Liên lạc, Trường Cán bộ Bưu điện, Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I và Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (1997).

Năm 2014, Học viện được điều chuyển từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông về Bộ Thông tin và Truyền thông, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ TT&TT với vị thế là trường đại học, trung tâm nghiên cứu trọng điểm của Ngành thông tin truyền thông Việt Nam. Ngày 04 tháng 02 năm 2016, Học viện được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận trở thành trường đại học tự chủ tài chính. Hiện tại, Học viện hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao; chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục và đào tạo, của Bộ Thông tin và Truyền thông về cơ cấu tổ chức và chuyên môn theo quy định của Chính phủ. Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm bồi dưỡng đào tạo bồi dưỡng

ngắn hạn thuộc Học viện có quyền tự chủ, có tư cách pháp nhân được quy định trong Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học.

Học viện có hai cơ sở đào tạo tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; có các viện nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và trung tâm đào tạo bồi dưỡng; có chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, nghiên cứu khoa học tiên tiến; có đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trình độ cao; có đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp và đồng bộ; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng, giữa khoa học và công nghệ để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài khoa học, công nghệ.

Học viện đã đóng góp nguồn nhân lực đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt là cho ngành thông tin và truyền thông. Đến nay, Học viện là một cơ sở giáo dục (CSGD) đào tạo đa ngành, đa phương thức theo định hướng trở thành một tổ chức giáo dục - đào tạo, nghiên cứu theo quy mô, hình thức của các trường đại học hiện đại trên thế giới với hệ thống tổ chức, quản lý hiệu quả các nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển trong lĩnh vực thông tin - truyền thông và xã hội; thu hút được những người có năng lực, trình độ vào học tập, nghiên cứu, làm việc tại Học viện và bảo đảm các đối tượng chính sách có cơ hội học tập tại Học viện.

Triết lý giáo dục của Học viện: *“Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm”*, đây là phương châm xuyên suốt định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu của Học viện, hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người *“vừa có tài vừa có đức”* để đóng góp cho sự phát triển chung của ngành, đất nước và nhân loại.

Sứ mạng, tầm nhìn của Học viện được xây dựng phù hợp với Chiến lược phát triển công nghiệp, công nghệ số Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Bộ Thông tin và Truyền thông và theo định hướng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các nền tảng công nghệ số được triển khai rộng rãi.

Sứ mạng: Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Học viện là trường đại học hàng đầu Việt Nam về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong

giáo dục; trở thành trường đại học hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm 100 trường đại học hàng đầu Châu Á, nhóm 5 trường đại học hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số.

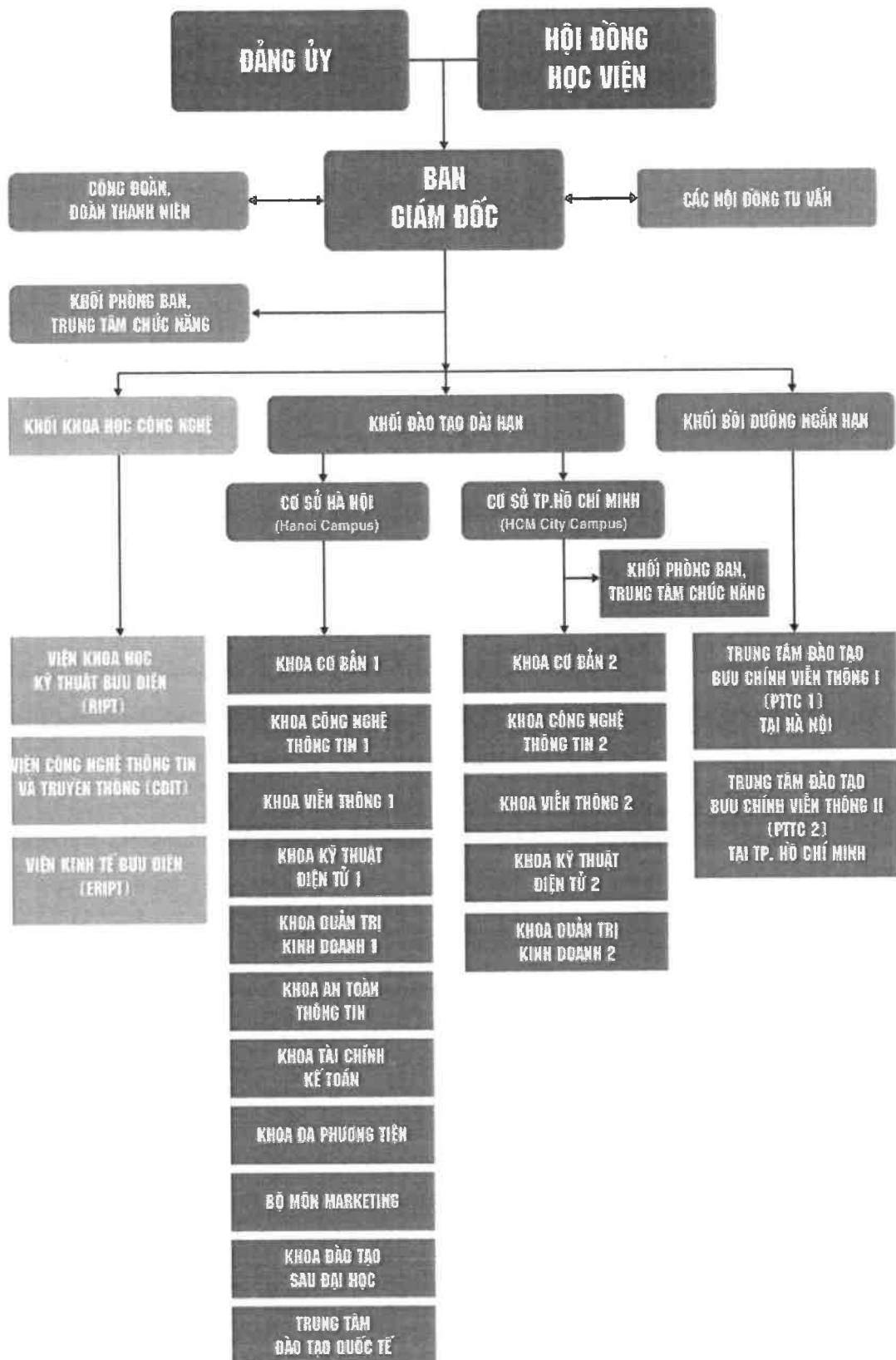
Giá trị cốt lõi (GTCL): Tiên phong - Sáng tạo; Chất lượng - Hiệu quả; Uy tín - Trách nhiệm; Tận tụy - Nghĩa tình. Giá trị cốt lõi của Học viện được xây dựng, đúc kết từ giá trị văn hóa truyền thống 70 năm xây dựng và phát triển trường Bưu điện cũng như kế thừa truyền thống tận tụy, nghĩa tình của Ngành thông tin truyền thông. GTCL của Học viện thể hiện tinh thần không ngừng nâng cao chất lượng nhằm đạt được mục tiêu chiến lược, TN, SM của Học viện.

Phương châm hành động: Làm gương - Kỷ cương - Trọng tâm - Bứt phá.

2.1.1 Cơ cấu tổ chức Học viện: Sơ đồ tổ chức của Học viện tại Hình 1.1.

Thực hiện quy định của Luật giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) và văn bản hướng dẫn của Bộ TT&TT, Hội đồng học viện ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Học viện với cơ cấu tổ chức gồm: Ban Giám đốc (BGĐ), 09 phòng chức năng, 01 đơn vị phụ trách đào tạo sau ĐH; 09 khoa, trung tâm; 03 viện (Viện Khoa học Kỹ thuật bưu điện, Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Viện Kinh tế Bưu điện); 04 Trung tâm (Trung tâm Đào tạo quốc tế, Trung tâm Đào tạo Bưu chính viễn thông I, Trung tâm Đào tạo Bưu chính viễn thông II, Trung tâm Dịch vụ) và 01 bộ môn Marketing thuộc Học viện.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



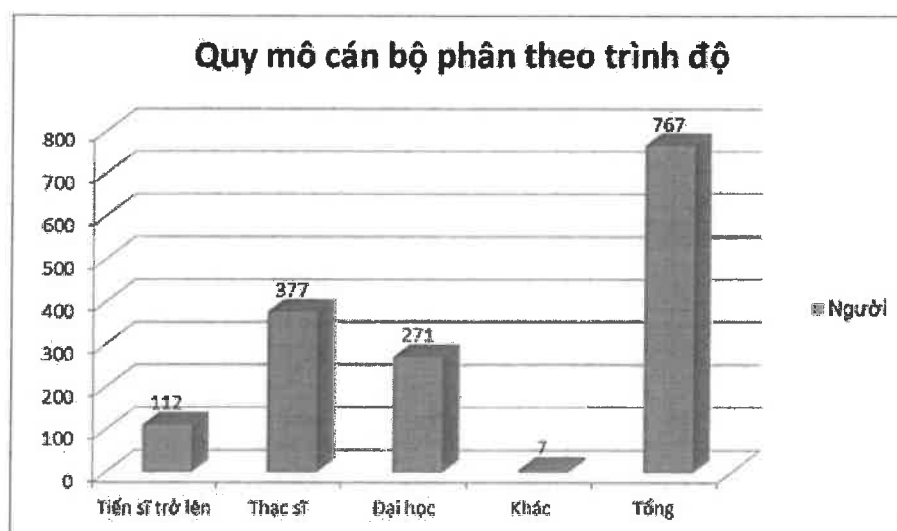
Hình 1.1: Cơ cấu tổ chức Học viện

2.1.2 Nguồn nhân lực của Học viện

Kế hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thể hiện trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, xác định để đảm bảo thực hiện các mục tiêu của Chiến lược đến năm 2025, Học viện phấn đấu có 850 cán bộ, GV (trong đó có 670 giảng viên, cán bộ nghiên cứu); 100% giảng viên đạt chuẩn; thu hút 20 - 25 chuyên gia, giảng viên quốc tế đến làm việc tại Học viện; xây dựng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ (40 - 50 người).

Tổng số cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên của Học viện là 767 người, với 459 giảng viên, 308 nhân viên. Đội ngũ giảng viên của Học viện là 459 người, trong đó có 4 GS (0,87%); 28 PGS (6,1%); 141 TS (30,72%); 257 Thạc sĩ (55,99%); 113 GV thỉnh giảng, trong đó có 4 GS (3,5%); 22 PGS (1,5%); 34 TS (30,1%); 50 Thạc sĩ 44,2%).

Tính đến 31/12/2023, tổng số GV cơ hữu tham gia đào tạo CTĐT ngành ATTT trình độ đại học của Học viện là 35 người, trong đó có 06 PGS, 13 TS, 15 thạc sĩ và 01 ĐH với cơ cấu theo độ tuổi: 01 người dưới 30 tuổi, 12 người ở độ tuổi 30-40, 13 người ở độ tuổi 41-50, 03 người ở độ tuổi 51-60 và 06 người trên 60 tuổi.



Hình 1.2: Cơ cấu nguồn nhân lực của Học viện

2.1.3 Chiến lược phát triển Học viện

Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 đã xây dựng 92 nhóm giải pháp và chỉ số thực hiện theo 07 lĩnh vực chiến lược: Chuyển đổi số toàn diện các lĩnh vực hoạt động; Đẩy mạnh phát triển hoạt động đào tạo và bồi dưỡng; Nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học; Hoàn thiện nguồn nhân lực và hoàn thiện mô hình tổ chức; Đổi mới công tác sinh viên, lấy người học làm trung tâm; Tăng trưởng nguồn thu, đẩy mạnh đầu tư, nâng cao thu nhập; Nâng cao vị thế và hình ảnh của học viện. Đồng thời, Học viện đã xây dựng, ban hành kèm theo chiến

lược Chương trình hành động thực hiện chiến lược như: Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025; Chương trình đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục đến năm 2025; Chương trình phát triển nhân lực chất lượng cao đến năm 2025.

Nội dung chiến lược xác định mục tiêu đến năm 2025, Học viện trở thành trung tâm về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tri thức hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực thông tin và truyền thông với các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu trực thuộc và 02 sản phẩm chính là sản phẩm giáo dục, đào tạo đa dạng, đáp ứng nhu cầu xã hội với chất lượng đạt chuẩn quốc tế và khu vực và sản phẩm nghiên cứu khoa học được quốc tế công nhận và chuyển giao sử dụng trong doanh nghiệp và xã hội.

2.1.4 Đào tạo bồi dưỡng

Học viện triển khai 16 CTĐT đại học, 5 CTĐT Thạc sĩ, 5 CTĐT Tiến sĩ và Học viện luôn tiên phong trong việc mở các ngành đào tạo mới, đáp ứng nhu cầu xã hội như ngành ATTT, Truyền thông Đa phương tiện, Fintech (công nghệ tài chính), ...

Trong chu kỳ KĐCL, Học viện đã mở thêm 7 ngành đào tạo trình độ đại học gồm Công nghệ Internet vạn vật (IOT), Công nghệ tài chính Fintech, Báo chí số, Khoa học máy tính (Khoa học dữ liệu), Kỹ thuật dữ liệu (ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu), Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa và Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng).

2.1.5 Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Học viện đã mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới với các tập đoàn quốc tế lớn như Naver, Qualcomm, Amazon; với các trường đại học hàng đầu thế giới và khu vực như ĐH Huddersfield (Anh), ĐH Gunma, Viện Kyushu... (Nhật Bản), ĐH Busan (Hàn Quốc), ĐH Seville (Tây Ban Nha) và các đối tác châu Âu và châu Á khác.

Giai đoạn 2019-2023, Học viện đã tiếp và làm việc với 57 lượt đoàn khách nước ngoài đến làm việc tại Học viện để mở rộng quan hệ hợp tác, mở rộng mạng lưới quan hệ quốc tế; thực hiện đề tài các cấp, các bài báo, các loại hội nghị, hội thảo với 1045 đề tài các cấp (20 đề tài cấp Nhà nước, 98 đề tài cấp Bộ/thành phố, 927 đề tài cấp trường), 414 bài báo quốc tế trong đó có 212 bài ISI, 97 bài Scopus, 411 bài đăng tạp chí chuyên ngành trong nước, 307 hội thảo quốc tế, 133 hội thảo trong nước....; viết được tổng cộng 187 cuốn sách; đăng được 1062 bài báo khoa học; tổ chức được 448 hội nghị và hội thảo khoa học; thành lập 7 Nhóm nghiên cứu mạnh.

Học viện đã ký kết 34 biên bản thỏa thuận, ghi nhớ hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ, các tổ chức quốc tế như: Học viện Công nghệ Shibaura Nhật Bản, Viện JAIST Nhật Bản, ĐH Lille 1 Khoa học và Công nghệ Pháp, ĐH Busan Hàn Quốc, Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc, ĐH Padova Italia, ĐH La Trobe Úc, Tập đoàn HCL Ấn Độ, ĐH Seville Tây Ban Nha... Ký kết 38 biên bản thỏa thuận, hợp tác với các đối tác trong nước như: Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội Viettel, Tập

đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty phần mềm F-Soft thuộc Tập đoàn FPT, Tổng công ty Viễn thông Mobifone, Công ty Cổ phần phát triển công nghệ VINTECH, Công ty Cổ phần viễn thông FPT... để hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ thực tập, thực tế. Học viện đã tiếp và trao đổi với 57 lượt đoàn nước ngoài đến làm việc, tham gia hội thảo, tập huấn như: ĐH Công nghệ Sydney, ĐH Sakatchewan Canada, ĐH Jeonju Hàn Quốc, Viện Khoa học công nghệ tiên tiến Nhật Bản, Đại học Lille Pháp, ĐH Ngoại ngữ Busan Hàn Quốc, Viện Công nghệ Thông tin và truyền thông Lào...; Cử 137 lượt đoàn GV, CB, SV của Học viện tham gia học tập nâng cao trình độ, khảo sát, tập huấn tại Tây Ban Nha, Anh, Áo, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Brunei, Hàn Quốc, Ấn Độ, Malaysia...

Học viện phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế như: Hội nghị về Kỹ nghệ tri thức và hệ thống; Hội nghị về các công nghệ truyền thông tiên tiến; Hội nghị Châu Á - Thái Bình Dương về truyền thông, ...

Học viện đã ký kết tham gia triển khai dự án “Mạng quang tử silicon trên chip điều khiển được thông qua trí tuệ nhân tạo”, ký kết với Công ty Cổ phần phát triển công nghệ VINTECH về nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật cho cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên, hợp tác về giảng dạy, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; ký kết thỏa thuận với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội Viettel về tuyển dụng sinh viên, hỗ trợ đào tạo bổ trợ kiến thức thực tiễn cho CB, SV và NCKH; ký kết với Công ty Cổ phần viễn thông FPT tài trợ phòng Lab FPT Telecom mô phỏng toàn bộ hoạt động vận hành Internet và các dịch vụ gia tăng của doanh nghiệp, hỗ trợ tư vấn xây dựng hệ thống giáo trình, bài giảng, giảng dạy; ký kết với Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia triển khai Chương trình Nhân tài số cấp học bổng cho GV, SV, phối hợp tổ chức Ngày hội Công nghệ và kết nối – Google I/O Extended Hanoi; Ký kết với ĐH Luật Hà Nội hợp tác trong các lĩnh vực chuyển đổi số giáo dục, quản lý điều hành, đào tạo và nghiên cứu khoa học, ...

2.1.6 Công tác chuyển đổi số tại Học viện

Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, với định hướng theo mô hình “Quốc gia số thu nhỏ”, Học viện xây dựng phương án chuyển đổi số theo 03 trụ cột lớn là (1) Phát triển hệ thống quản trị số, (2) Cung ứng dịch vụ số và (3) Phát triển xã hội số - thu hẹp khoảng cách số. Đồng thời Học viện cũng đặt 05 trọng tâm trong xây dựng “Học viện Số” gồm (1) Học liệu số; (2) Nền tảng số; (3) GV số; (4) SV số; (5) Môi trường số. Đồng thời, hoạt động triển khai chuyển đổi số trong Học viện ứng dụng triệt để chủ trương xây dựng và ứng dụng các nền tảng số “Make in Việt Nam”.

Mục tiêu đến năm 2025, Học viện sẽ tập trung vào phát triển hệ thống quản trị số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; cung ứng các dịch vụ giáo dục và đào tạo 100% trên nền tảng công nghệ giáo dục số, xem xét thành lập “Trường đào tạo công nghệ số”

đầu tiên ở Việt Nam trực thuộc Học viện; phát triển hệ sinh thái số tương tác giữa SV Học viện với doanh nghiệp và xã hội. Xây dựng nền tảng phát triển mạng xã hội SV Việt Nam.

Kể từ năm 2021, Học viện lựa chọn các giải pháp trọng tâm và đột phá với việc mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu nền kinh tế số, song song với việc duy trì và cải thiện chất lượng đào tạo. Cách làm mới của Học viện là đặt mục tiêu chủ động tăng trưởng quy mô tuyển sinh và đa dạng hóa ngành nghề, đẩy mạnh kiểm định chất lượng ngay từ khi xác định kế hoạch năm 2021 và để các công tác của Học viện đồng bộ và phản đầu đáp ứng mục tiêu kể trên. Việc mở rộng quy mô và đa dạng ngành nghề đi đôi với chất lượng giúp tăng cường nguồn thu tương xứng với tiềm lực của Học viện, giúp Học viện chiếm lĩnh thị trường mới, qua đó khẳng định vị thế, nâng cao đời sống CBGV của Học viện. Việc phát triển toàn diện cả về quy mô, nguồn lực, chất lượng sẽ được Học viện tiếp tục thực hiện trong 5 năm tới theo tinh thần chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Quá trình triển khai chuyển đổi số, Học viện đã đạt được những kết quả bước đầu, hình thành hệ sinh thái số ở Học viện: Ứng dụng công nghệ trong tổ chức, quản lý đào tạo (PTIT-Slink) với số người dùng đạt trên 13.000 tài khoản; ứng dụng thực hành ảo D-Lab.; phòng điều hành số và phòng học thông minh; hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (Edusoft.NET); cổng thông tin quản lý đào tạo, hệ thống quản lý lớp học trực tuyến (LMS); Trung tâm điều hành số, mô hình dịch vụ công cấp 4; Mạng xã hội cựu sinh viên đã được phát triển, kết nối và dần trở thành hệ sinh thái số ban đầu ở Học viện.

Ngày 09/12/2021, tại Lễ Vinh danh Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2021, Học viện là một trong các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp được bình xét ở hạng mục Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc, với hệ sinh thái PTIT-Slink phục vụ công tác chuyển đổi số giáo dục đại học nhắm tới mục tiêu đặt người học làm trung tâm của mọi nghiệp vụ, quy trình. Ứng dụng đã được triển khai tại Học viện kể từ năm 2020, với số người dùng đạt trên 13.000 tài khoản. Đây là giải thưởng danh giá, tôn vinh thành tựu của 53 tổ chức được vinh danh chuyển đổi số xuất sắc tại Việt Nam và năm 2022, Học viện được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trong công tác chuyển đổi số.

Kết quả của việc chuyển đổi số trong giáo dục đại học của Học viện có ý nghĩa quan trọng trong giai đoạn cả nước đang phải đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và trong tương lai sẽ góp phần hình thành và phát triển được hệ sinh thái số hỗ trợ toàn diện mọi hoạt động cho người học và xã hội.

2.1.7 Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục

Các chính sách ưu tiên để thực hiện các mục tiêu ĐBCLGD được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược ĐBCLGD như: (1) Xây dựng hệ thống ĐBCL, văn hóa chất lượng trong Học viện, hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; (2) Đảm bảo và kiểm định chất lượng CTĐT, xây dựng, rà soát, cập nhật và công bố CDR của tất cả các CTĐT; (3) Đảm bảo và Kiểm định chất lượng CSGD và 10 CTĐT; ...

Học viện được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 1 giai đoạn 2018-2023 vào năm 2018 và chu kỳ 2 giai đoạn 2023-2028 vào năm 2023; Giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng 6 CTĐT ngành Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện tử viễn thông, Quản trị kinh doanh, Marketing, Kế toán và Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử và năm 2023, Học viện tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá để đăng ký kiểm định CLGD với 04 CTĐT trình độ đại học đã có sinh viên tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học viện cũng đã ban hành Quy định về hoạt động ĐBCL, trong đó nêu rõ nguyên tắc của hoạt động ĐBCL, cấu trúc hệ thống ĐBCL của Học viện, phương thức, công cụ đánh giá chất lượng, tổ chức kiểm định chất lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng và điều kiện thực hiện hoạt động ĐBCL, cam kết ĐBCLGD tại Học viện; thành lập Hội đồng đảm bảo CLGD và các Tổ ĐBCL tại các đơn vị của Học viện; thành lập đơn vị chuyên trách về ĐBCL -Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục với 16 cán bộ làm công tác ĐBCL và khảo thí; tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ CB làm công tác ĐBCL, đã có 04 người có chứng chỉ kiểm định viên, 45 người được cấp giấy chứng nhận tham gia tập huấn về nghiệp vụ ĐBCL.

Học viện cũng đã xây dựng hệ thống CSDL phục vụ công tác ĐBCL trên ứng dụng Teams và OneDrive, các văn bản, quy định về công tác ĐBCL được số hóa và tập hợp thành Sổ tay ĐBCL điện tử được đặt tại hệ thống email nội bộ; CB, GV, NLĐ của Học viện đều được cấp quyền truy cập hệ thống để sử dụng tài liệu.

2.1.8 Hoạt động phục vụ cộng đồng

Cán bộ, nhân viên và giảng viên của Học viện cũng tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung, kêu gọi nhân tin ủng hộ người dân bị Covid-19, hỗ trợ sinh viên Học viện gặp khó khăn trong thiên tai lũ lụt, dịch bệnh.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã có nhiều thành tích về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, cụ thể: Năm 2019, Đoàn Thanh niên (ĐTN) Học viện đã vinh dự được tuyên dương tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019

của Đoàn Khối các cơ quan Trung ương, và 02 cá nhân được tuyên dương có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019. Năm 2022 Đoàn Thanh niên Học viện đã được BCH Đoàn khối các cơ quan Trung ương tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai cuộc thi Olympic tiếng Anh học sinh, sinh viên toàn quốc lần thứ IV năm 2022, Năm học 2018-2019, ĐTN Học viện cơ sở đã được Ban chấp hành Trung ương ĐTN Cơ sở Hồ Chí Minh tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học.

2.2 Tổng quan về Khoa An toàn thông tin và Chương trình đào tạo ngành An toàn thông tin

2.2.1 Tổng quan về Khoa An toàn thông tin

CTĐT ngành ATTT có 01 chuyên ngành đào tạo, do các bộ môn ATTT thuộc các khoa CNTT1, 2 thực hiện.

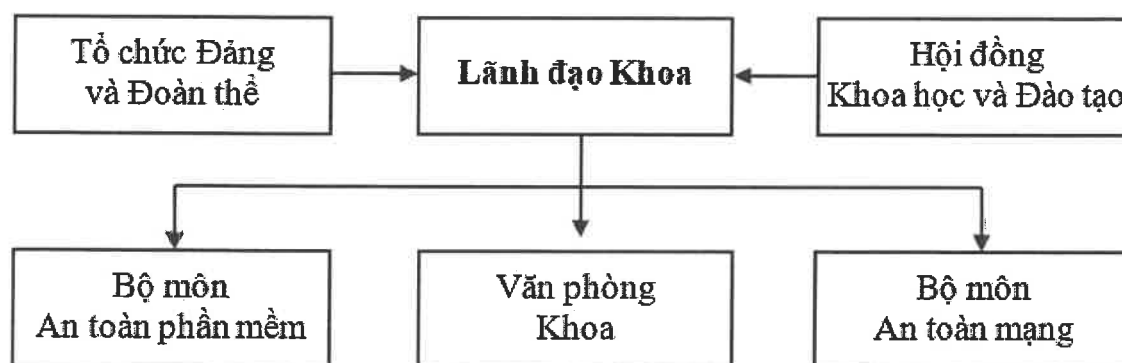
Kể từ năm 2013 đến tháng 3 năm 2022, nhiệm vụ đào tạo ngành ATTT tại cơ sở Hà Nội của Học viện được giao cho Bộ môn An toàn thông tin, trực thuộc Khoa CNTT1 thực hiện. Khoa ATTT được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 2022, có nhiệm vụ đào tạo ngành ATTT tại cơ sở Hà Nội của Học viện. Kế thừa lực lượng CBGV nòng cốt từ Bộ môn An toàn thông tin, Khoa ATTT đã và đang phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên đều có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, được đào tạo bài bản từ các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước, năng động, sáng tạo, có đầy đủ năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Việc đào tạo đại học ngành ATTT ở Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh được bắt đầu triển khai từ năm 2014 và được giao cho Bộ môn ATTT thuộc Khoa Công nghệ thông tin 2 phụ trách. Trong báo cáo này, đơn vị Khoa ATTT được sử dụng đại diện cho cả hai đơn vị được giao phụ trách đào tạo đại học ngành ATTT tại hai cơ sở đào tạo của Học viện.

Khoa ATTT thực hiện sự chỉ đạo thống nhất của Học viện về mọi mặt hoạt động trong công tác tổ chức thực hiện CTĐT. Khoa có chức năng thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ATTT. Cụ thể, Khoa có nhiệm vụ chủ trì việc xây dựng và hiệu chỉnh CTĐT ngành ATTT; quản lý, tổ chức giảng dạy các học phần do khoa quản lý cho các hệ (hình thức và trình độ) đào tạo của Học viện; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp và quá trình đào tạo của khoa; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ,

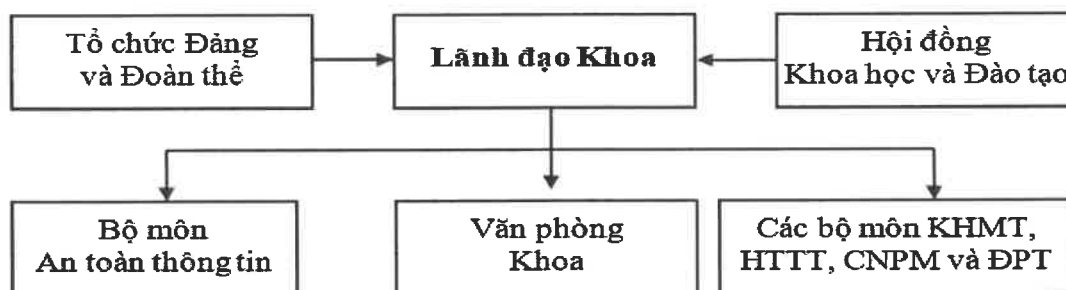
GV và người học thuộc khoa; xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV; ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; đề xuất thay đổi về tổ chức, nhân sự trong khoa; quản lý cán bộ, GV và người học thuộc khoa, tổ chức đánh giá theo quy định của Học viện; tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong Học viện; tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách, chỉ thị, nghị quyết, quy chế, quy định của cấp trên; phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể khác hoạt động thực hiện tốt điều lệ, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình; tổ chức các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt và các nội dung thi đua khác trong khoa.

a) Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Khoa ATTT tại Hình 1.3.1, gồm lãnh đạo Khoa, các tổ chức Đảng và Đoàn thể, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Văn phòng Khoa, Bộ môn An toàn phần mềm và Bộ môn An toàn mạng. Các tổ chức Đảng và Đoàn thể, Hội đồng Khoa học và Đào tạo có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ lãnh đạo Khoa về chiến lược phát triển Khoa, các định hướng phát triển CTĐT và xây dựng đội ngũ. Văn phòng Khoa thực hiện các công việc hành chính và hỗ trợ lãnh đạo Khoa và các bộ môn trong công tác đào tạo, NCKH; các bộ môn được giao phụ trách giảng dạy các học phần thuộc chuyên ngành ATTT. Khoa CNTT2 có cơ cấu tổ chức tại Hình 1.3.2, gồm lãnh đạo Khoa, các tổ chức Đảng và Đoàn thể, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Văn phòng Khoa, Bộ môn An toàn thông tin, Bộ môn Khoa học máy tính, Bộ môn Công nghệ phần mềm, Bộ môn Hệ thống thông tin và Bộ môn Công nghệ đa phương tiện. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Khoa CNTT2 tương tự như Khoa ATTT.



Hình 1.3.1: Sơ đồ tổ chức của Khoa An toàn thông tin



Hình 1.3.2: Sơ đồ tổ chức của Khoa Công nghệ thông tin 2

b) Đội ngũ cán bộ, giảng viên

Tính đến 31/12/2023, tổng số GV cơ hữu tham gia đào tạo CTĐT ngành ATTT trình độ ĐH của Học viện là 35 người, trong đó có 06 PGS, 13 TS, 15 thạc sĩ và 01 ĐH với cơ cấu theo độ tuổi: 01 người dưới 30 tuổi, 12 người ở độ tuổi 30-40, 13 người ở độ tuổi 41-50, 03 người ở độ tuổi 51-60 và 06 người trên 60 tuổi. Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu ngành ATTT là 39,8 tuổi.

Tỷ lệ SV/GV của ngành ATTT tính trung bình 5 năm trong chu kỳ kiểm định CLGD là 18,38 SV/GV. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

c) Danh sách lãnh đạo các bộ môn thuộc Khoa An toàn thông tin

Stt	Tên bộ môn	Trưởng bộ môn
Khoa An toàn thông tin		
1	Bộ môn An toàn mạng	TS. Nguyễn Ngọc Diệp
2	Bộ môn An toàn phần mềm	PGS.TS. Hoàng Xuân Dậu
Khoa Công nghệ thông tin 2		
1	Bộ môn An toàn thông tin	TS. Huỳnh Trọng Thừa

d) Giai đoạn 2019-2023, Khoa ATTT đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Nghiên cứu khoa học: Khoa đã thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 10 đề tài cấp Bộ, 135 đề tài cấp Học viện; 17 bài báo khoa học trong nước, 46 bài báo khoa học quốc tế, trong đó có 34 bài báo đăng trên các tạp chí ISI/Scopus; xuất bản 02 cuốn sách giáo trình và 09 bài giảng phục vụ đào tạo.

- Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH: Các chương trình đào tạo của Học viện nói chung và ngành ATTT nói riêng đều được xây dựng với phương châm gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất kinh doanh, vì vậy, Khoa có các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH với nhiều đối tác trong và ngoài nước: Đại học Khoa học ứng dụng St. Peolten (CH Áo), Đại học RMIT (Úc), Đại

học NSW tại Canberra (Úc), Evo Labs (Singapore); và các đối tác trong nước, như Học viện Kỹ thuật Mật mã, Đại học Công nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội, Công ty an ninh mạng Viettel, Công ty an ninh mạng Việt Nam (VSEC), Công ty VNPT-IT, Công ty FSOFT, Công ty an ninh mạng thông minh SCS, Công ty an ninh mạng CMC, Công ty an ninh không gian mạng Việt Nam (VNCS), Công ty công nghệ Savis, Công ty PwC Việt Nam, Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC), ...

- Tổ chức phong trào sinh viên:

+ Khoa tổ chức cho sinh viên tham gia các cuộc thi chuyên môn về an toàn thông tin, như cuộc thi cấp trường “Sinh viên với an toàn thông tin” được tổ chức hàng năm thu hút 250-300 sinh viên tham gia/kỳ thi.

+ Khoa tổ chức tuyển chọn và đào tạo đội tuyển sinh viên an toàn thông tin của Học viện tham dự các cuộc thi Sinh viên với an toàn thông tin quốc gia và quốc tế. Các đội tuyển sinh viên an toàn thông tin Học viện thường xuyên đạt thứ hạng cao trong các cuộc thi, đã đạt nhiều giải thưởng như Giải Nhì, Giải Ba cuộc thi Sinh viên với an toàn thông tin quốc gia và quốc tế (ASEAN).

+ Khoa tổ chức nhiều hoạt động phong trào tạo sân chơi lành mạnh cho sinh viên: các sự kiện chào tân sinh viên hàng năm, các cuộc thi tài năng, văn hóa, văn nghệ trong sinh viên và hỗ trợ phát triển Câu lạc bộ An toàn thông tin cho sinh viên với hơn 50 thành viên tham gia.

2.2.2 Tổng quan về Chương trình đào tạo ngành An toàn thông tin

a) Chương trình đào tạo đại học ngành ATTT của Học viện được phép mở mã ngành số 7480202 theo Quyết định số 722/QĐ-BGDĐT ngày 25/2/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mục tiêu chung của CTĐT đại học ngành ATTT của Học viện được thiết kế nhằm đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trình độ đại học ngành ATTT trong thời đại hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Sinh viên tốt nghiệp chương trình có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có bản lĩnh chính trị vững vàng; có kiến thức cơ bản, cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn về ngành ATTT.

b) Chương trình đào tạo ngành ATTT năm 2022 được ban hành theo Quyết định 2071/QĐ-HV, ngày 30/12/2022 và được hoàn thiện trên cơ sở kế thừa CTĐT đại học ngành ATTT năm 2020, theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Học viện. Chương trình được thiết kế theo phương pháp CDIO nhằm đào tạo NH toàn diện, bao gồm các kiến thức nền tảng, kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, trong đó nhấn mạnh phát triển khả năng tự học, năng lực thực hành và trách nhiệm xã hội. SV tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu lao động của xã hội.

Chương trình đào tạo được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện; phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực, thị trường lao động ngành ATTT ở trong nước, trong khu vực và quốc tế. Chương trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn về đảm bảo chất lượng giáo dục quốc

gia và quốc tế và được tham khảo các chương trình đào tạo đại học ngành ATTT của các trường đại học trong và ngoài nước, cụ thể:

- Chương trình đào tạo trong nước: CTĐT đại học ngành ATTT của Học viện Kỹ thuật Mật mã, CTĐT đại học ngành ATTT của Đại học FPT, CTĐT đại học ngành ATTT của Đại học Công nghệ thông tin – ĐH quốc gia TP.HCM, Chương trình đào tạo đại học ngành CNTT của Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông.

- Chương trình đào tạo nước ngoài: CTĐT đại học ngành ATTT của Đại học Khoa học ứng dụng St. Peolten (CH Áo), Chương trình đào tạo đại học ngành Information Technology, chuyên ngành Cyber Security, của Đại học RMIT Việt Nam, CTĐT đại học ngành Khoa học (An toàn không gian mạng) của Đại học Edith Cowan (Úc).

c) Một số thông tin chung về chương trình đào tạo:

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: An toàn thông tin
 - + Tiếng Anh: Information Security
- Mã số ngành đào tạo: 7480202
 - Trình độ đào tạo: Đại học
 - Số tín chỉ yêu cầu: 150 Tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm)
 - Thời gian đào tạo: 4.5 năm - 9 học kỳ (tối đa 9 năm).
 - Tên văn bằng tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Bằng Kỹ sư An toàn Thông tin
 - + Tiếng Anh: The Degree of Engineer in Information Security

2.3 Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục:

Khoa ATTT đã triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng của khoa như rà soát các CTĐT, đảm bảo không bị trùng lặp mã học phần, nội dung học phần giữa các hệ đào tạo; xác định phù hợp tỷ lệ điểm thành phần, có tính đến điểm chuyên cần; số tín chỉ của CTĐT phù hợp với văn bằng; rà soát đề cương chi tiết các học phần, cập nhật tài liệu học tập; tham gia các buổi tập huấn về công tác CVHT; phối hợp với phòng CT&CTSV, hàng quý tổ chức các buổi họp giao ban công tác SV với thành phần tham gia họp là các CVHT; Các hoạt động kiểm tra, đánh giá được khoa và Học viện tiến hành hàng năm nhằm phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại để nâng cao chất lượng đào tạo.

Với phương châm đào tạo gắn liền với thực tế và hội nhập quốc tế, Khoa ATTT đã xây dựng chương trình đào tạo hiện đại, linh hoạt thường xuyên cập nhật kiến thức thực tiễn cho sinh viên ngành ATTT.

Với những đóng góp trong công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ, Các GV của Khoa ATTT đã đạt được các danh hiệu thi đua, khen thưởng như: 14 lượt CBGV được công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 03 chiến sĩ thi đua cấp Bộ, 07 GV được tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ TTTT.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Phòng Đào tạo là đơn vị chức năng thuộc Học viện, có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu xây dựng mục tiêu, chương trình, đề cương chi tiết, nội dung đào tạo của các ngành; các khoa đảm nhận xây dựng CTĐT, tổ chức biên soạn đề cương chi tiết, phát triển chương trình, biên soạn học liệu, nghiên cứu và triển phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá.

Từ tháng 02/2022 trở về trước, Học viện xây dựng, đổi mới CTĐT theo các văn bản của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 08/TT-BGDĐT ngày 17/2/2011, Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 1/4/2015) và các văn bản quy phạm khác (Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016, ...). Tháng 3 năm 2022, Học viện đã ban hành quy định về xây dựng, cải tiến, phát triển CTĐT (Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 22/3/2022). Khi rà soát CTĐT, Học viện ban hành các kế hoạch rà soát trong từng giai đoạn.

Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo ngành An toàn thông tin được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học Việt Nam và có căn cứ đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học (NH) đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, thể hiện được sự cam kết với người học, xã hội.

Các mục tiêu và CĐR được xây dựng và định kỳ rà soát điều chỉnh trên cơ sở sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan như SV, cựu SV, chuyên gia, nhà tuyển dụng lao động và GV. Các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và hiểu được mục tiêu và CĐR của CTĐT.

Sau mỗi lần điều chỉnh, rà soát, mục tiêu và CĐR của CTĐT được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông của Học viện cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Chương trình giáo dục đại học ngành An toàn thông tin trình độ đại học của Học viện ban hành theo Quyết định số 881/QĐ-HV ngày 12/10/2016 [H1.01.01.01] và Quyết định

số 686/QĐ-HV ngày 23/9/2020 [H1.01.01.02] có mục tiêu rõ ràng và được thể hiện cụ thể như sau:

1. Về kiến thức: Chương trình trang bị cho SV những kiến thức sau:

- Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận chính trị, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; chú trọng các môn Toán học, Vật lý và Tin học để làm nền tảng cho sinh viên khi học kiến thức ngành.

- Kiến thức cơ sở ngành: trang bị cho sinh viên những kiến thức về toán chuyên ngành, các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin như kỹ thuật và ngôn ngữ lập trình, kiến trúc máy tính, hệ điều hành, cơ sở dữ liệu, mạng máy tính, công nghệ phần mềm, cơ sở an toàn thông tin, mật mã học cơ sở.

- Kiến thức chuyên ngành: trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về An toàn thông tin như: các kỹ thuật mật mã nâng cao, an toàn mạng máy tính, an toàn hệ điều hành, an toàn các ứng dụng web, an toàn cơ sở dữ liệu, các kỹ thuật tấn công và xâm nhập mạng, mô hình bảo vệ và các kỹ thuật phòng thủ chống tấn công xâm nhập, quản trị mạng an toàn, lập trình web, lập trình mạng và ứng dụng di động, thiết kế các phần mềm và công cụ đảm bảo an toàn, quản lý và đánh giá điểm yếu, lỗ hổng, các kỹ thuật kiểm tra đánh giá an toàn, các vấn đề về chính sách, pháp luật và chuẩn hóa an toàn thông tin.

2. Về kỹ năng:

- Áp dụng các kiến thức, kỹ năng; sử dụng các công cụ khoa học kỹ thuật để nhận biết, phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan đến an toàn, bảo mật thông tin mạng;

- Thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp các yêu cầu về an ninh, bảo mật từ hệ thống thông tin để phục vụ công tác nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống an toàn, an ninh thông tin;

- Thiết kế và triển khai các ứng dụng đảm bảo an toàn thông tin đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế;

- Tìm kiếm, tiếp cận, ứng dụng hiệu quả và sáng tạo các kỹ thuật, kỹ năng và công cụ hiện đại để giải quyết những vấn đề thực tế của lĩnh vực An toàn thông tin.

3. Về kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;

- Có kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;

- Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc;

- Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

4. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về ATTT;

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

5. Về Hành vi đạo đức:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn;

- Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước;

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

6. Về ngoại ngữ (Tiếng Anh):

- Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương;

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với cộng đồng công nghệ thông tin khu vực và quốc tế sau khi ra trường.

Năm 2022, Học viện đã ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành An toàn thông tin trình độ đại học hệ chính quy theo Quyết định số 2071/QĐ-HV ngày 30/12/2022 [H1.01.01.03], mục tiêu CTĐT được điều chỉnh thành mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, với các nội dung thay đổi như sau:

(1) Mục tiêu chung (Goals): Đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trình độ kỹ sư An toàn thông tin trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế số. Sinh viên tốt nghiệp được trang bị các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong tương lai về an toàn và bảo mật thông tin, hệ thống, mạng, bao gồm cả chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng mềm. Chương trình đào tạo ngành An toàn thông tin nằm trong chiến lược phát triển của Học viện với nội dung “Tri thức – Sáng tạo – Đạo đức - Trách nhiệm” hướng tới mục tiêu đào tạo ra những con người “vừa có tài vừa có đức” để đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước, của nhân loại.

(2) Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs):

- Về kiến thức

PO1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận chính trị, Khoa học tự nhiên, chú trọng vào Toán học.

PO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở ngành Công nghệ thông tin và An toàn thông tin.

PO3: Trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về An toàn thông tin.

- Về kỹ năng

PO4: Làm việc chuyên nghiệp trong ít nhất một trong các lĩnh vực sau: an toàn thông tin, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin.

PO5: Làm việc hiệu quả, độc lập cũng như tập thể, trong nhiều môi trường làm việc khác nhau.

PO6: Có khả năng tự học suốt đời để đảm bảo làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả trong thế giới khoa học và công nghệ không ngừng thay đổi.

- Về thái độ

PO7: Hiểu biết về các giá trị đạo đức nghề nghiệp.

PO8: Ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước.

- Trình độ ngoại ngữ và tin học

PO9: Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, làm việc, hòa nhập nhanh trong môi trường quốc tế.

PO10: Thành thạo kỹ năng số, bao gồm kỹ năng về tin học văn phòng; sử dụng, khai thác Internet và các phần mềm thông dụng khác trong công việc và học tập.

- Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học ngành An toàn thông tin có thể phù hợp với các vị trí việc làm sau:

+ Cán bộ kỹ thuật, quản lý, điều hành trong các lĩnh vực an toàn thông tin, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin.

+ Quản trị viên bảo mật máy chủ, mạng, hệ điều hành và cơ sở dữ liệu; chuyên viên phân tích, tư vấn, thiết kế hệ thống thông tin đảm bảo an toàn; chuyên viên kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho mạng và hệ thống; chuyên viên quét lỗ hổng, điểm yếu và xử lý sự cố an toàn thông tin.

+ Lập trình viên phát triển các ứng dụng đảm bảo an toàn thông tin cũng như các ứng dụng thông thường.

+ Cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về an toàn thông tin, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin tại các viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo.

+ Học viên học tiếp lên trình độ sau đại học ở trong nước và nước ngoài, trở thành các nhà khoa học về an toàn thông tin, công nghệ thông tin.

Biên bản họp Khoa về việc rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình giáo dục đại học ngành ATTT năm 2016, 2020 và 2022 [H1.01.01.04] có nhận xét: “Mục tiêu đầy đủ, rõ ràng, bao gồm các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ đạo đức”.

Biên bản họp của Hội đồng nghiệm thu chương trình giáo dục đại học ngành ATTT năm 2020 và 2022 cấp Học viện [H1.01.01.07] đã kết luận: “Hoàn toàn đồng ý về mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành An toàn thông tin”.

Căn cứ sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Học viện ban hành theo Quyết định số 516/QĐ-HV ngày 06/06/2017 [H1.01.01.08], sứ mạng của Học viện là: “Sáng tạo và chuyển giao tri thức cho xã hội thông qua việc gắn kết các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và công nghệ số góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường”. Như vậy, có thể khẳng định mục tiêu của CTĐT đại học ngành An toàn thông tin ban hành năm 2016, 2020 và 2022 trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực đảm bảo an toàn cho thông tin và hệ thống mạng, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trình độ đại học ngành An toàn thông tin trong thời đại hội nhập quốc tế là phù hợp với sứ mạng của Học viện.

Mục tiêu CTĐT trình độ đại học ngành An toàn thông tin cũng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện trong Chiến lược phát triển Học viện được ban hành theo Quyết

định số 156/QĐ-HV ngày 05/03/2020 của Giám đốc Học viện [H1.01.01.09] và Nghị quyết số 42/NQ-HV ngày 25/11/2021 của Hội đồng Học viện [H1.01.01.10] là: “Đến năm 2030, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông là trường đại học hàng đầu Việt nam về quy mô, chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học; là hình mẫu tiên phong về chuyển đổi số trong giáo dục đại học; trở thành trường đại học hàng đầu của khu vực, nằm trong nhóm 100 trường đại học hàng đầu châu Á, nhóm 5 trường đại học hàng đầu Đông Nam Á về công nghệ số”. Từ tầm nhìn này, để Học viện trở thành một trung tâm về giáo dục, đào tạo trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, CTĐT đại học ngành An toàn thông tin đã nhấn mạnh đến mục tiêu đào tạo các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để có thể làm việc chuyên nghiệp trong ít nhất một trong các lĩnh vực sau: an toàn thông tin, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin - là các lĩnh vực trọng yếu trong ngành thông tin - truyền thông và đặc biệt là công nghệ số.

Theo khoản 2, Điều 5 Luật giáo dục đại học năm 2012 [H1.01.01.11] và Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018 [H1.01.01.12], mục tiêu cụ thể của giáo dục đại học là “Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”. Mục tiêu đào tạo của CTĐT đại học ngành An toàn thông tin nhằm cung cấp đầy đủ các kiến thức và kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu, khả năng làm việc độc lập cũng như theo nhóm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, là phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định trong Luật giáo dục Đại học.

Nội dung của phiếu khảo sát và báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về dự thảo mục tiêu, CDR và chương trình đào tạo ngành ATTT năm 2020 [H1.01.01.13] và nội dung của phiếu khảo sát và báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về dự thảo mục tiêu, CDR và chương trình đào tạo ngành ATTT năm 2022 [H1.01.01.14] cho thấy mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành ATTT năm 2020 và năm 2022 được xác định rõ ràng và phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo Luật giáo dục đại học.

Khi tổ chức lấy ý kiến khảo sát về dự thảo mục tiêu, CDR và chương trình đào tạo ngành ATTT năm 2022, Khoa đã lập kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan, gồm nhà tuyển dụng, cựu SV và GV. Tuy vậy, việc lấy ý kiến khảo sát của nhà tuyển dụng mới chỉ tập trung vào các đơn vị chuyên về CNTT và ATTT, chưa thực hiện được với các đơn vị đại diện cho các lĩnh vực khác như cơ quan nhà nước, tài chính, ngân hàng.

2. Điểm mạnh

Các mục tiêu của CTĐT đại học ngành An toàn thông tin được trình bày rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Học viện qua các giai đoạn khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát của nhà tuyển dụng về dự thảo mục tiêu, CĐR và chương trình đào tạo ngành ATTT chưa thực hiện được với các đơn vị đại diện cho các lĩnh vực ngoài CNTT và ATTT, như cơ quan nhà nước, tài chính, ngân hàng.

4. Kế hoạch hành động

Trong đợt điều chỉnh CTĐT đại học ngành An toàn thông tin tiếp theo vào năm 2024, Khoa ATTT chủ trì phối hợp với Phòng CT&CTSV triển khai lấy ý kiến khảo sát của nhà tuyển dụng về dự thảo mục tiêu, CĐR và chương trình đào tạo ngành ATTT ở nhiều lĩnh vực, gồm CNTT, ATTT, cơ quan nhà nước, tài chính, ngân hàng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện có 2 lần ban hành CĐR của CTĐT đại học ngành ATTT, bao gồm Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học ngành An toàn thông tin được ban hành theo Quyết định số 688/QĐ-HV ngày 23/9/2020 [H1.01.01.01] và Chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học ngành An toàn thông tin được ban hành theo Quyết định số 2070/QĐ-HV ngày 30/12/2022 [H1.01.02.02].

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành An toàn thông tin đã nêu yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR được xây dựng theo quy trình xây dựng và công bố CĐR được hướng dẫn tại Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010 về Hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo [H1.01.02.03] và Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS [H1.01.02.04]. Chuẩn đầu ra CTĐT ngành An toàn thông tin được xác định rõ ràng thể hiện qua 4 yếu tố cốt lõi

mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp, gồm kiến thức; kỹ năng; mức tự chủ, trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2020 được xác định cụ thể thông qua 6 yêu cầu gồm: (1) Kiến thức, (2) Kỹ năng chuyên môn, (3) Kỹ năng mềm, (4) Về năng lực, (5) Về hành vi đạo đức và (6) Về ngoại ngữ (Tiếng Anh). CTĐT năm 2020 có 21 CĐR, bao gồm có 3 CĐR về kiến thức, 4 CĐR các kỹ năng chuyên môn, 4 CĐR kỹ năng mềm, 4 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm, 3 CĐR về hành vi đạo đức và 3 CĐR về ngoại ngữ.

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 được xác định trên 3 khía cạnh: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm với 18 CĐR như sau:

- Về kiến thức:

LO1: Có hiểu biết về lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh; nắm vững kiến thức về khoa học tự nhiên, đặc biệt là toán học.

LO2: Nắm vững kiến thức cơ sở ngành công nghệ thông tin và an toàn thông tin, bao gồm hệ thống máy tính, lập trình máy tính, mạng máy tính, cơ sở dữ liệu, phát triển phần mềm, nền tảng về an toàn thông tin và mật mã.

LO3: Có kiến thức chuyên sâu về an toàn thông tin, bao gồm các kỹ thuật mật mã cho bảo mật thông tin; an toàn hệ thống máy tính, mạng, hệ điều hành và các ứng dụng; các kỹ thuật rà quét, phân tích và quản lý điểm yếu, lỗ hổng; các kỹ thuật tấn công, xâm nhập và phòng thủ hệ thống và mạng; các kỹ thuật kiểm tra đánh giá an toàn, các vấn đề về chính sách, pháp luật và chuẩn hóa an toàn thông tin.

- Về kỹ năng

+ Kỹ năng nghề nghiệp chung

LO4: Áp dụng tri thức toán học, khoa học, và công nghệ để xác định, mô hình và giải quyết các vấn đề công nghệ.

LO5: Thiết kế và thực hiện các thực nghiệm, cũng như phân tích, đánh giá và diễn giải các kết quả thực nghiệm.

LO6: Thiết kế hệ thống, các thành phần, các tiến trình phù hợp với những ràng buộc thực tế trên nhiều khía cạnh như kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, văn hóa, an toàn sức khỏe, công nghiệp và bền vững.

LO7: Nhận biết, mô hình hóa và giải quyết được các vấn đề công nghệ.

LO8: Thể hiện được tri thức và năng lực làm việc với các vấn đề đương đại.

LO9: Áp dụng các kỹ thuật, kỹ năng và công cụ công nghệ hiện đại vào thực hành.

LO10: Chuyển đổi lý thuyết và các khái niệm kỹ thuật vào các ứng dụng thực tế.

+ Kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành

LO11: Thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp các yêu cầu về an ninh, bảo mật từ hệ thống thông tin để phục vụ công tác nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống an toàn, an ninh thông tin.

LO12: Thiết kế và triển khai các ứng dụng đảm bảo an toàn thông tin đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế.

LO13: Tìm kiếm, tiếp cận, ứng dụng hiệu quả và sáng tạo các kỹ thuật, kỹ năng và công cụ hiện đại để giải quyết những vấn đề thực tế của lĩnh vực an toàn thông tin.

LO14: Áp dụng các kiến thức, kỹ năng, sử dụng các công cụ khoa học kỹ thuật để nhận biết, phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan đến an toàn, bảo mật thông tin mạng.

+ Kỹ năng mềm

LO15: Hoạt động trong các nhóm đa ngành.

LO16: Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế; Có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành để phục vụ công việc, học tập và nghiên cứu; Giao tiếp, làm việc trong môi trường quốc tế.

- Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

LO17: Hiểu rõ đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

LO18: Hiểu được sự ảnh hưởng của các giải pháp công nghệ trong ngữ cảnh môi trường, kinh tế, xã hội toàn cầu, đất nước.

Như vậy, có thể thấy CĐR của CTĐT đã nêu cụ thể các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và cụ thể hóa mục tiêu chung của CTĐT đại học ngành An toàn thông tin là “đào tạo ra những con người ‘vừa có tài vừa có đức’ để đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước, của nhân loại”.

Hơn nữa, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành An toàn thông tin còn được xác định rõ ràng qua CĐR của từng học phần trong CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 [H1.02.02.05], trong đó mỗi học phần đều có CĐR cần đạt được và ma trận liên kết nội dung học phần với CĐR của học phần và CĐR của CTĐT [H1.01.01.03].

Nội dung các biên bản họp Khoa về việc rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình giáo dục đại học ngành ATTT năm 2016, 2020 và 2022 có nhận xét “CĐR CTĐT ngành

An toàn thông tin bám sát mục tiêu, đầy đủ, rõ ràng”. Đồng thời, các biên bản họp của Hội đồng nghiệm thu chương trình giáo dục đại học ngành ATTT năm 2020 và 2022 cấp Học viện đều đã kết luận: “Hoàn toàn đồng ý về CDR của CTĐT ngành An toàn thông tin” [H1.01.01.07].

CDR của CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai, tuy nhiên, mức độ lượng hóa, hoặc đo được của một số CDR của CTĐT chưa được rõ ràng và một số CDR tương đối định tính.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra CTĐT đại học ngành An toàn thông tin năm 2022 được trình bày rõ ràng và cụ thể hóa mục tiêu của CTĐT ngành An toàn thông tin.

3. Điểm tồn tại

Mức độ lượng hóa, hoặc đo được của một số CDR của CTĐT chưa được rõ ràng và một số CDR tương đối định tính.

4. Kế hoạch hành động

Trong đợt điều chỉnh CTĐT đại học ngành An toàn thông tin tiếp theo vào năm 2024, Khoa ATTT chủ trì phối hợp với Phòng Đào tạo hiệu chỉnh, nâng cao mức độ lượng hóa, hoặc đo được của các CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên kế hoạch chung của Học viện về thực hiện rà soát điều chỉnh CDR theo 2 đợt vào các năm 2020 và năm 2022, Khoa đã xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (bao gồm các nhà tuyển dụng, CBQL, GV, cựu SV và SV năm cuối) về CDR của CTĐT ngành An toàn thông tin theo Kế hoạch số 10/KH-HV ngày 09/1/2020 [H1.01.03.01] và Kế hoạch số 10/KH-HV, ngày 09/01/2022 của Học viện về việc rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy [H1.01.03.02].

Trong đợt rà soát điều chỉnh CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2020, Khoa đã dựa trên Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT

trình độ ĐH, ThS, TS để xây dựng và triển khai quy trình rà soát điều chỉnh CĐR [H1.01.02.04]. Trong đợt rà soát điều chỉnh năm 2022, Khoa đã dựa trên Thông tư số 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học [H1.01.03.03] với quy trình cụ thể: 1) Ban lãnh đạo Khoa xây dựng dự thảo về CĐR sửa đổi; 2) Khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR sửa đổi; 3) Tổ chức hội thảo cấp khoa để thảo luận và sửa đổi dự thảo CĐR dựa trên kết quả khảo sát; 4) Trình Hội đồng KH&ĐT Học viện thẩm định phê duyệt CĐR mới; và 5) Giám đốc Học viện ký ban hành CĐR mới. Khoa đã khảo sát 32 ý kiến của các bên liên quan (bao gồm 8 cơ quan, doanh nghiệp, 5 chuyên gia, nhà khoa học, 7 GV và 12 cựu SV) về bản dự thảo CĐR đã được khoa đề xuất.

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo CĐR của CTĐT, trên cơ sở xem xét tiếp thu ý kiến của các bên liên quan tại báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về chương trình đào tạo năm 2020 [H1.01.01.13] và năm 2022 [H1.01.01.14], Khoa tiến hành hiệu chỉnh dự thảo CĐR lần 1 để đưa ra xin ý kiến GV và các chuyên gia trong buổi họp về CĐR cấp khoa. Dựa trên Biên bản họp khoa về việc đóng góp ý kiến Dự thảo Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, Thời gian đào tạo và Khung chương trình giáo dục đại học ngành ATTT năm 2020 [H1.01.03.04], Biên bản họp khoa về việc đóng góp ý kiến Dự thảo Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, Thời gian đào tạo và Khung chương trình giáo dục đại học ngành ATTT năm 2022 [H1.01.03.05], Khoa tiến hành hiệu chỉnh dự thảo CĐR lần cuối để hoàn thiện CĐR của CTĐT đại học ngành An toàn thông tin.

Mặc dù việc lấy ý kiến của các bên liên quan đã được thực hiện nghiêm túc, bài bản và CĐR của CTĐT ngành An toàn thông tin đã phản ánh được ý kiến của các bên liên quan, tuy nhiên mẫu khảo sát của các nhà tuyển dụng mới chỉ tập trung vào các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNTT và ATTT, mà chưa thực sự đa dạng.

CĐR CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2020 được ban hành theo Quyết định số 688/QĐ-HV, ngày 23/9/2020 [H1.01.02.01] và CĐR của CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 được ban hành theo Quyết định số 2070/QĐ-HV, ngày 30/12/2022 [H1.01.02.02] đều được gửi cho các đơn vị liên quan trong Học viện, gồm Khoa CNTT1, CNTT2, Khoa ATTT; lưu ở thư viện tại các cơ sở đào tạo của Học viện, phòng Đào tạo và gửi đến các bên liên quan ngoài Học viện bao gồm Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời, CĐR của CTĐT đã ban hành được công bố công khai trên website của Học viện [H1.01.03.06], trên hệ thống quản lý học tập (LMS) của Khoa ATTT

[H1.01.03.06-1]. Trong tuần lễ sinh hoạt công dân khi nhập trường, SV được giới thiệu về CĐR của CTĐT [H1.01.03.07]. Bên cạnh đó, CĐR của CTĐT còn được tích hợp trong hệ thống hỗ trợ học tập PTITSLink của Học viện [H1.01.03.08].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm/lần và được công bố công khai với nhiều hình thức đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng chưa thực sự đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Trong đợt điều chỉnh CTĐT đại học ngành An toàn thông tin tiếp theo vào năm 2024, Khoa ATTT chủ trì phối hợp với Phòng CT&CTSV triển khai lấy ý kiến khảo sát của nhà tuyển dụng ở nhiều lĩnh vực, gồm CNTT, ATTT, cơ quan nhà nước, tài chính, ngân hàng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Tiêu chuẩn 1 có các điểm mạnh, đó là: Mục tiêu và CĐR về kiến thức và kỹ năng của CTĐT đã đáp ứng được những xu hướng phát triển nhanh của công nghệ số, của lĩnh vực thông tin - truyền thông và được trình bày rõ ràng; CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm/lần và được công bố công khai với nhiều hình thức đa dạng.

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành An toàn thông tin của Học viện đã được xác định và được thể hiện cụ thể và được ban hành theo CTĐT ngành An toàn thông tin các năm 2020 và 2022. CĐR của CTĐT ngành An toàn thông tin đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Khi hiệu chỉnh CTĐT, Khoa đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (bao gồm các nhà tuyển dụng; cán bộ quản lý, giảng viên; cựu sinh viên và SV năm cuối) về CĐR của CTĐT ngành An toàn thông tin. Ý kiến của các bên liên quan đã được tổng hợp để hoàn thiện Dự thảo CĐR của CTĐT.

Bên cạnh đó, còn có những hạn chế: Mức độ lượng hóa, đo được của một số CĐR của CTĐT chưa được rõ ràng; một số CĐR tương đối định tính và việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng về mục tiêu và CĐR của CTĐT chưa thực sự đa dạng.

Tiêu chuẩn 1 có 3 tiêu chí: 4,67/7

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT đại học ngành An toàn thông tin năm 2020 và năm 2022 được xây dựng theo các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và quy định của Học viện. Bản mô tả CTĐT năm 2022 cung cấp cho các bên liên quan các thông tin về CTĐT, mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ ngoại ngữ & tin học và vị trí việc làm sau tốt nghiệp; CDR của CTĐT; Ma trận CDR với mục tiêu đào tạo; đối tượng tuyển sinh & yêu cầu đầu vào; Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp; Thang điểm tín chỉ; Nội dung chương trình dạy học; Ma trận liên kết các học phần/môn học với chuẩn đầu ra; Mô tả (tóm tắt) các học phần/môn học; Đề cương chi tiết (ĐCCT)/Đề cương học phần (ĐCHP) của tất cả các học phần trong CTĐT. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được cập nhật định kỳ và công bố công khai trên các phương tiện truyền thông Học viện.

Các học phần của CTĐT được phân bổ một cách hợp lý trong kế hoạch và tiến trình học tập chuẩn của CTĐT. Vào đầu các học kỳ, Phòng Giáo vụ đã xây dựng kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu của học kỳ cho tất cả các CTĐT, các lớp. Kế hoạch/thời khóa biểu được Giám đốc Học viện phê duyệt và trên cơ sở đó các khoa/bộ môn phân công giáo viên giảng dạy, hướng dẫn thực hành theo thời khóa biểu.

Học viện đã cung cấp đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành An toàn thông tin lên cơ sở dữ liệu của Học viện và SV, GV được cấp tài khoản truy cập. Tất cả các đề cương học phần đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Phòng Đào tạo để SV tham khảo.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2016, những thông tin về CTĐT đại học ngành ATTT được thể hiện trong chương trình khung giáo dục đại học ngành Kế toán trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 485/QĐ-HV ngày 17/05/2016 [H1.01.01.01].

Năm 2020, bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành An toàn thông tin được ban hành lần đầu theo Quyết định số 681/QĐ-HV ngày 23/09/2020 [H2.02.01.01]. Năm 2022, bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành An toàn thông tin được ban hành theo Quyết định số 2072/QĐ-HV ngày 30/12/2022 [H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 được thiết kế bao gồm đầy đủ các mục nội dung theo quy định như: thông tin về CTĐT, mục tiêu của CTĐT bao gồm mục tiêu về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ ngoại ngữ & tin học và vị trí việc làm sau tốt nghiệp; CĐR của CTĐT; Ma trận CĐR với mục tiêu đào tạo; đối tượng tuyển sinh & yêu cầu đầu vào; Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp; Thang điểm tín chỉ; Nội dung chương trình dạy học; Ma trận liên kết các học phần/môn học với chuẩn đầu ra; Mô tả (tóm tắt) các học phần/môn học; thời điểm cập nhật bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 đã phản ánh đầy đủ các thay đổi của CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 so với CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2020, như chỉnh sửa toàn diện mục tiêu và CĐR theo hướng khái quát và ngắn gọn, súc tích hơn. Ngoài ra, Kiến thức giáo dục đại cương trong Cấu trúc chương trình dạy học hệ đại học ngành ATTT năm 2022 được tách ra thành hai khối, gồm Khối kiến thức chung và Khối kiến thức cơ bản khoa học tự nhiên. Thay đổi này giúp Cấu trúc chương trình dạy học hệ đại học ngành ATTT năm 2022 trở lên rõ ràng và dễ hiểu hơn.

Bên cạnh đó, so sánh với Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2020, Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 còn có các thay đổi, cập nhật:

- Cấu trúc Bản mô tả CTĐT 2022 thay đổi làm nổi bật các mục quan trọng, như các mục “Ma trận liên kết các học phần/môn học với chuẩn đầu ra”; “Mô tả (tóm tắt) các học phần/môn học” được chuyển thành mục lớn.

- Bổ sung mục lớn “Ma trận Chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo”;

- Mục tiêu đào tạo được tách ra thành Mục tiêu chung và Mục tiêu cụ thể.

Từ các phân tích trên có thể thấy Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định và được cập nhật theo sự thay đổi của CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022. Mặc dù vậy, Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 chưa lưu vết các thay đổi lớn so với Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2020, giúp người đọc dễ theo dõi hơn.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin của Học viện ban hành năm 2022 có đầy đủ các nội dung theo quy định và được cập nhật theo sự thay đổi của CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 chưa có mục lưu vết các thay đổi lớn so với Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2020.

4. Kế hoạch hành động

Trong đợt điều chỉnh CTĐT đại học ngành An toàn thông tin tiếp theo vào năm 2024, Khoa ATTT sẽ bổ sung mục lưu vết các thay đổi lớn so với Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Giai đoạn trước năm 2022, Học viện ban hành mẫu đề cương chi tiết theo Công văn hướng dẫn số 474/HV-ĐT&KHCHN ngày 26/6/2012 và hàng năm, Phòng Đào tạo cung cấp mẫu đề cương chi tiết học phần và hướng dẫn các đơn vị xây dựng/điều chỉnh đề cương chi tiết học phần [H2.02.02.01].

Năm 2022, Học viện ban hành quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/3/2022, kèm theo có mẫu ĐCCT học phần [H2.02.02.02]. Đồng thời, căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT, Học viện đã chỉnh sửa mẫu đề cương chi tiết học phần theo Quyết định số 705/QĐ-HV ngày 09/6/2022 [H2.02.02.03]. Toàn bộ 48 đề cương học phần trong CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2016 [H2.02.02.04] và 54 đề cương học phần trong CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2020 [H2.02.02.05], đặc biệt 54 đề cương học phần trong CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 đã được chỉnh sửa toàn bộ [H2.02.02.06].

Trong đợt rà soát điều chỉnh năm 2022, CTĐT ngành An toàn thông tin có 54 học phần với 150 tín chỉ (không tính các học phần giáo dục thể chất, quốc phòng và kỹ năng mềm theo chương trình chuẩn của Học viện) và tất cả đề cương chi tiết học phần của 54/54 học phần được hiệu chỉnh theo mẫu ĐCCT học phần ban hành kèm theo Quyết định số 705/QĐ-HV ngày 09/6/2022 [H2.02.02.03], bao gồm các thông tin cơ bản bắt buộc:

- Thông tin về học phần: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần, phân bổ thời gian học phần, các yêu cầu của học phần, các học phần tiên quyết, học trước, song hành;
- Thông tin về GV: thông tin của các GV đảm nhiệm giảng dạy, bộ môn, khoa;
- Mục tiêu, CDR của học phần, ma trận liên kết nội dung với CDR của học phần;
- Mô tả học phần;

- Nội dung chi tiết của học phần;
- Học liệu: Sách/giáo trình/bài giảng bắt buộc, tài liệu tham khảo;
- Hình thức tổ chức dạy học của học phần;
- Phương pháp dạy học;
- Chính sách đối với học phần/môn học và các yêu cầu khác;
- Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung nội dung ĐCHP được thực hiện thường xuyên hàng năm được thực hiện hàng năm theo quy trình: (1) Đầu quý I hàng năm, Phòng Đào tạo gửi thông báo về việc rà soát, điều chỉnh ĐCCT các học phần gửi các khoa đào tạo, (2) Khoa CNTT1/ATTT và các khoa đào tạo chỉ đạo các bộ môn hợp rà soát và lên danh sách đăng ký hiệu chỉnh và xây dựng mới các ĐCCT các học phần trong CTĐT gửi Phòng Đào tạo [H2.02.02.08], (3) Phòng Đào tạo xem xét, tổng hợp trình lãnh đạo Học viện ban hành kế hoạch biên soạn và hiệu chỉnh đề cương chi tiết học hàng năm [H2.02.02.07], (4) Khoa CNTT1/ATTT căn cứ kế hoạch được giao triển khai hiệu chỉnh và xây dựng mới, hội thảo, thẩm định các ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành ATTT [H2.02.02.09] và (5) Phòng Đào tạo tổng hợp trình lãnh đạo Học viện ban hành và công bố ĐCCT các học phần [H2.02.02.10].

So sánh với ĐCCT năm 2016, ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành ATTT năm 2020 đã được bổ sung CĐR riêng của từng học phần, ma trận liên kết giữa CĐR và nội dung các chương mục của học phần, và phương pháp dạy - học. So sánh với ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành ATTT năm 2020, ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành ATTT năm 2022 được hiệu chỉnh theo mẫu mới ban hành kèm theo Quyết định số 705/QĐ-HV ngày 09/6//2022 [H2.02.02.03]. Mẫu ĐCCT năm 2022 được cấu trúc lại toàn diện giúp cho các ĐCCT chuẩn chỉnh và đầy đủ thông tin hơn.

Sau đợt rà soát thẩm định năm 2022 có những học phần thay đổi cách tiếp cận nội dung cho phù hợp với thực tế như “Phân tích mã độc”, “Kiểm thử xâm nhập” và “An toàn mạng”; 100% ĐCCT học phần của 54/54 học phần này đều đầy đủ các thông tin .

ĐCCT các học phần trong CTĐT ngành ATTT năm 2022 được hiệu chỉnh theo mẫu mới ban hành năm 2022, tuy vậy nội dung của một số học phần cơ sở ngành CNTT như Cơ sở dữ liệu, Kiến trúc máy tính và Hệ điều hành có tài liệu tham khảo chính tương đối cũ. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính cập nhật của nội dung học phần.

2. Điểm mạnh

Tất cả các đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành ATTT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Học viện.

3. Điểm tồn tại

ĐCCT một số học phần cơ sở ngành CNTT có tài liệu tham khảo chính tương đối cũ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Khoa ATTT phối hợp với Khoa CNTT1 (đơn vị chủ trì quản lý các học phần cơ sở ngành CNTT) và Phòng Đào tạo triển khai rà soát, hiệu chỉnh tài liệu tham khảo cho ĐCCT các học phần cơ sở ngành CNTT, đảm bảo tính cập nhật.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Các Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành An toàn thông tin được ban hành theo Quyết định số 681/QĐ-HV ngày 23/09/2020 [H2.02.01.01] và Quyết định số 2072/QĐ-HV ngày 30/12/2022 [H2.02.01.02] được gửi cho các đơn vị liên quan trong Học viện, như Khoa CNTT1/ATTT và Khoa CNTT2, lưu tại Thư viện, văn thư và tại phòng Đào tạo theo Văn bản gửi Bản mô tả CTĐT trình độ đại học ngành An toàn thông tin trong nội bộ Học viện [H2.02.03.01]. Đồng thời, Bản mô tả CTĐT cũng được gửi cho các đơn vị có liên quan bên ngoài Học viện, bao gồm Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông [H2.02.03.02].

Để các cơ quan quản lý, SV đang theo học, SV khóa mới, các cá nhân và tổ chức có nhu cầu tìm hiểu về CTĐT ngành An toàn thông tin, Bản mô tả CTĐT sau khi được Giám đốc phê duyệt chính thức đã được công bố trên Website của Học viện [H2.02.03.03]. Ngoài ra, SV được cung cấp tài khoản cá nhân trên hệ thống học tập Edusoft và hệ thống hỗ trợ học tập PTIT-Slink, Hệ thống quản lý học tập của Khoa ATTT [H2.02.03.03-1] để dễ dàng và thuận tiện truy cập, tìm hiểu nội dung ĐCHP theo ngành học của mình để phục vụ cho quá trình học tập của mình [H2.02.03.04].

Trong quá trình đào tạo, SV từ khi nhập học đã được cung cấp thông tin đầy đủ về CTĐT và ĐCHP thông qua các tài liệu được phổ biến khi nhập học và đại diện Khoa CNTT1/ATTT đều giới thiệu với tân SV về Bản mô tả CTĐT của ngành An toàn thông tin trong Tuần lễ sinh hoạt công dân đầu năm học, khóa học [H2.02.03.05]. Đề cương chi tiết học phần còn được các giảng viên giới thiệu với SV trong giờ học đầu tiên của mỗi học

phần qua slide bài giảng mỗi học phần, đồng thời GV cũng có những hướng dẫn chi tiết cho SV cách tra cứu Đề cương chi tiết học phần trên website của Học viện.

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, cựu NH v.v... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT trên Website Học viện [H2.02.03.03]. Đối với cơ quan quản lý trực tiếp Học viện là Bộ Thông tin & Truyền thông, sau mỗi đợt rà soát điều chỉnh CTĐT, Học viện đều soạn công văn gửi Bộ GD&ĐT để báo cáo việc ban hành lại các CTĐT các ngành của Học viện. Tuy nhiên, Học viện chưa dịch Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin sang tiếng Anh để đề cung cấp, trao đổi với đối tác nước ngoài, bao gồm các trường đại học, các viện nghiên cứu, nhằm tăng cường hợp tác để có thể tiến tới công nhận CTĐT của nhau trong các hoạt động hợp tác đào tạo.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT đại học ngành An toàn thông tin và đề cương các học phần được công bố công khai, sử dụng đa dạng các kênh thông tin; được Học viện đặt trên cơ sở dữ liệu và được giảng viên giảng dạy phổ biến, cung cấp cho người học.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa dịch Bản mô tả CTĐT sang tiếng Anh để cung cấp, trao đổi với đối tác nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Khoa ATTT chủ trì phối hợp với Phòng CT&CTSV thực hiện dịch Bản mô tả CTĐT sang tiếng Anh để đăng tải trên website Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Một số điểm mạnh của tiêu chuẩn 2: (i) Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin của Học viện ban hành năm 2022 có đầy đủ các nội dung theo quy định và được cập nhật theo sự thay đổi của CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022; (ii) 100% đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành ATTT được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Học viện; (iii) Bản mô tả CTĐT đại học ngành ATTT và đề cương các học phần được công bố rộng rãi, công khai sử dụng đa dạng các kênh thông tin giúp người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Bên cạnh đó còn có những hạn chế: (i) Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2022 chưa có mục lưu vết các thay đổi lớn so với Bản mô tả CTĐT ngành An toàn thông tin năm 2020; (ii) ĐCCT một số học phần cơ sở ngành CNTT có tài liệu tham khảo

chính tương đối cũ; (iii) Học viện chưa dịch Bản mô tả CTĐT sang tiếng Anh để cung cấp, trao đổi với đối tác nước ngoài.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) ngành ATTT được cấu trúc hợp lý, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá người học được sử dụng nhằm đảm bảo đạt các CĐR chung của CTDH và các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của từng học phần. Nội dung các học phần được cấu trúc logic, theo trình tự và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTDH. Đồng thời, CTDH của ngành ATTT liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp, cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTDH tổng thể.

Các phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá người học của CTDH được thiết kế hợp lý góp phần hỗ trợ việc đạt được các chuẩn đầu ra. Đây là tiến trình có “sự tương thích có định hướng” (constructive alignment). “Có định hướng” (Constructive) có nghĩa là người học chủ động tạo ra sự hiểu biết dựa trên các hoạt động dạy và học có liên quan. “Sự tương thích” (Alignment) là khái niệm để chỉ các hoạt động dạy và học, hoạt động kiểm tra, đánh giá người học được xây dựng tương thích với nhau nhằm đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra. “Sự tương thích có định hướng” liên quan đến các hoạt động sau:

- Xây dựng chuẩn đầu ra có thể đo được.
- Lựa chọn các phương pháp dạy và học để đảm bảo việc đạt được CĐR.
- Đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành ATTT các phiên bản năm 2020 và 2022 được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ cũng như mức độ tự chủ, ý thức trách nhiệm nghề nghiệp [H1.01.02.01] và [H1.01.02.02]. Theo đó, định hướng quá trình thiết kế, xây dựng CTDH hoàn toàn dựa trên CĐR đã được xác định ngay từ đầu, như mô tả trên Hình 3.1 (*Phụ lục 02*). Theo quy trình này, Khoa lên ý tưởng và thiết kế, xây dựng Khung chương trình ngành ATTT năm 2022 gồm các khối kiến thức và các học

phần xuất phát từ CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Bảng 3.2 (*Phụ lục 02*) thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức và các học phần trong việc đạt được các CDR. Bảng 3.3 (*Phụ lục 02*) mô tả sự đáp ứng các CDR của cấu trúc các khối kiến thức của CTDH ngành ATTT. Sau khi có Khung chương trình, Ma trận liên kết học phần - CDR được xây dựng thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR của CTDH, như cho trên Bảng 3.4 (*Phụ lục 02*). Việc xây dựng ĐCCT của các học phần được phân công cho các bộ môn chuyên ngành. Sau khi hoàn tất việc xây dựng ĐCCT các học phần, Khoa hoàn chỉnh hồ sơ và thực hiện các bước thẩm định CTDH.

Phiên bản CTDH năm 2022 được thiết kế để đáp ứng 18 CDR với 54 học phần/150 tín chỉ, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức đại cương gồm 50/ tín chỉ nhằm đạt được CDR về kiến thức đại cương; trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 88 tín chỉ trong đó có 56 tín chỉ cơ sở ngành, 28 tín chỉ bắt buộc của ngành, 4 tín chỉ lựa chọn ngành và 12 tín chỉ thực tập và khóa luận tốt nghiệp; phần lựa chọn tự do sinh viên chọn 4 tín chỉ bất kì trong các học phần tự chọn được giảng dạy ở Học viện.

Báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về CTDH ngành ATTT năm năm 2020 [H3.03.01.01], năm 2022 [H3.03.01.02]; Biên bản họp Khoa về việc thiết kế chương trình dạy học dựa trên yêu cầu của chuẩn đầu ra năm 2020 [H3.03.01.03], năm 2022 [H3.03.01.04] đã cho thấy: Chương trình dạy học ngành ATTT năm 2020 và năm 2022 được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

Trong CTDH, việc bố trí các học phần trong Kế hoạch và Tiến trình học tập chuẩn một cách hợp lý cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các CDR, nhất là các CDR kỹ năng của CTDH. Về cơ bản, Kế hoạch và Tiến trình học tập chuẩn của CTDH ngành ATTT năm 2022 [H1.01.01.03] phù hợp với quá trình học tập, tích lũy kiến thức và kỹ năng của người học nhằm đạt các CDR. Mặc dù vậy, việc bố trí một số các học phần trong Kế hoạch và Tiến trình học tập chuẩn của CTDH ngành ATTT năm 2022 [H1.01.01.03] vẫn có điểm chưa thực sự hợp lý: hầu hết các học phần trong năm học thứ 1 và thứ 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và một số học phần cơ sở ngành CNTT. Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành ATTT chỉ được giảng dạy một phần từ năm học thứ 3 (5 học phần) và tập trung chủ yếu vào năm học thứ 4. Điều này có thể phần nào

gây khó khăn cho người học trong việc rèn luyện các kỹ năng cơ sở và chuyên ngành ATTT do thời thời gian còn lại hạn chế.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành ATTT của Học viện được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp; các khối kiến thức và mỗi học phần trong CTDH có quan hệ mật thiết và góp phần đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

Các học phần cơ sở và chuyên ngành ATTT của CTDH chủ yếu được bố trí vào năm học cuối trong Kế hoạch và Tiến trình học tập chuẩn của CTDH ngành ATTT có thể gây khó khăn cho người học trong việc rèn luyện các kỹ năng cơ sở và chuyên ngành ATTT do thời thời gian còn lại hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong kỳ điều chỉnh CTDH ngành ATTT tiếp theo vào năm 2024, Khoa ATTT phối hợp với Phòng Đào tạo rà soát, hiệu chỉnh Kế hoạch và Tiến trình học tập chuẩn của CTDH ngành ATTT theo hướng đưa các học phần cơ sở và chuyên ngành ATTT lên sớm hơn giúp cho người học có đủ thời gian để rèn luyện các kỹ năng cơ sở và chuyên ngành ATTT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH trình độ đại học ngành ATTT được thiết kế bao gồm các khối kiến thức theo trình tự logic, từ khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành đến khối kiến thức chuyên ngành và tốt nghiệp. Tiến trình học tập chuẩn toàn khoá của CTDH được thực hiện trong 4,5 năm gồm 9 học kỳ [H1.01.01.03], trong đó các học phần được sắp xếp theo trình tự khoa học và logic, đảm bảo sự kế thừa và bổ trợ cho nhau. Các học phần đại cương được ưu tiên giảng dạy trong 2 năm học đầu tiên, kết hợp với một số học phần nền tảng của khối kiến thức cơ sở ngành. Trong năm học thứ 3, SV được học hầu hết các học phần cơ sở ngành và một phần kiến thức chuyên ngành. Từ học kỳ 7, SV tập trung học các học phần chuyên sâu về ATTT. Học kỳ cuối (học kỳ 9) dành riêng cho thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp và học phần tốt nghiệp (đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế tốt nghiệp). Đa số các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành có thời lượng 3 tín chỉ, trong đó phân bổ rõ ràng thời lượng cho giảng dạy lý thuyết, bài tập lớn/tiểu luận (hoạt động

nhóm) và thực hành. Điều này giúp kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết, thực hành và các hoạt động nhóm, đảm bảo đóng góp trực tiếp vào CĐR của CTDH.

Mục tiêu và CĐR ra của mỗi học phần đều được thể hiện đầy đủ trong ĐCCT của học phần. Tất cả các học phần trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung với nhau do mỗi học phần đều là một thành phần liên kết của một khối kiến thức thống nhất và cao hơn là thành phần của CTDH, có kế thừa và bổ sung cho nhau [H1.01.01.03]. Chẳng hạn, học phần Tin học cơ sở 1 trong Khối kiến thức đại cương là cơ sở cho học phần Tin học cơ sở 2 trong cùng khối, nhưng học phần này cũng là cơ sở và được tiếp nối bởi các học phần Kiến trúc máy tính, Hệ điều hành trong Khối kiến thức cơ sở ngành. Mỗi học có CĐR riêng và có đóng góp cụ thể cho CĐR của CTDH ngành ATTT được thể hiện qua ma trận liên kết CĐR – học phần [H2.02.01.02] thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần cho CĐR của CTDH [H1.01.02.02] và cho ở Bảng 3.4 (*Phụ lục 02*).

ĐCCT của mỗi học phần/môn học được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành cân đối, logic, ứng với mỗi nội dung kiến thức cụ thể và yêu cầu về CĐR. Cụ thể, những yêu cầu cần đạt được khi kết thúc học phần bao gồm các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ, trách nhiệm của người học. Trong ĐCCT của mỗi học phần, CĐR của học phần được xác định chặt chẽ và có đóng góp trực tiếp vào CĐR của CTDH [H1.01.02.02]. ĐCCT của mỗi học phần đều thể hiện đầy đủ thời lượng lý thuyết, thực hành, bài tập lớn/tiểu luận, hoạt động nhóm,... và những ràng buộc về các học phần tiên quyết, học phần học trước và song hành [H2.02.02.06]. Ở góc độ CTDH, đóng góp của từng học phần vào CĐR được liệt kê trong Ma trận liên kết CĐR - học phần trong CTDH [H2.02.01.02] và cho ở Bảng 3.4 (*Phụ lục 02*).

ĐCCT của mỗi học phần trong CTDH đều liệt kê đầy đủ thời lượng lý thuyết, thực hành, bài tập lớn/tiểu luận, hoạt động nhóm và các yêu cầu kiểm tra, đánh giá người học. Trên cơ sở đó, các phương pháp giảng dạy được lựa chọn sử dụng một cách phù hợp cho từng nội dung của học phần, bao gồm thuyết trình, thảo luận nhóm bài tập, báo cáo tiểu luận, làm bài tập trực tiếp, câu hỏi lựa chọn, thực hành trên máy tính,... giúp người học tiếp thu nhanh và nắm vững kiến thức. Dựa trên yêu cầu đầu ra và các đầu điểm đánh giá cần thực hiện trong ĐCCT của học phần, các hình thức kiểm tra, đánh giá người học đa dạng, như kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo thuyết trình bài tập nhóm, kiểm tra/thi thực hành trên máy, thi tự luận, hội đồng chấm đồ án được sử dụng... nhằm đánh giá chính xác và khách quan kết quả học tập, góp phần đạt được CĐR của CTDH [H2.02.02.06].

Các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá người học thường được lựa chọn theo cặp, có hỗ trợ và bổ sung cho nhau, nhằm đánh giá chính xác từng phần kết quả học tập của mỗi người học. Chẳng hạn, thành phần “bài tập lớn” trong ĐCCT được GV giao cho các nhóm gồm 4-5 SV thực hiện và đánh giá sử dụng phương pháp thuyết trình báo cáo bài tập nhóm kết hợp với vấn đáp từng thành viên trong nhóm. Nhờ vậy, GV có thể đánh giá được mức độ đóng góp của các thành viên vào bài tập nhóm, khả năng thuyết trình và hiểu biết của từng SV trong nhóm. 54 học phần trong CTDH ngành ATTT đã xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp nhằm đạt được CĐR; Nhà trường sử dụng hình thức đánh giá chuyên cần chiếm 10%, hình thức đánh giá giữa kỳ chiếm 20-40%, hình thức đánh giá cuối kỳ chiếm 50-70% tỉ trọng của điểm tổng kết học phần. Các học phần bài tập, bài tập lớn, đồ án tốt nghiệp được lồng ghép với các học phần lý thuyết giúp người học có đầy đủ kỹ năng về chuyên môn và thực hành đảm bảo đạt CĐR của học phần. Để đánh giá người học, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn được đánh giá qua quá trình đánh giá thường xuyên, đánh giá nhận thức và mức độ tham gia thảo luận đóng góp xây dựng bài, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ, điểm bài tập lớn. Hơn nữa, các phương pháp giảng dạy, cũng như phương pháp kiểm tra đánh giá người học cũng định kỳ được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp, trên cơ sở tiếp thu ý kiến từ người học [H3.03.02.01].

Trong quá trình xây dựng, cũng như chỉnh sửa, bổ sung CTDH, ĐCCT các học phần được các GV có nhiều kinh nghiệm trong các bộ môn thuộc Khoa biên soạn, định kỳ hiệu chỉnh theo yêu cầu về chuyên môn, kết hợp với kinh nghiệm giảng dạy và tham khảo xu thế phát triển nhanh chóng của lĩnh vực CNTT và ATTT. Mỗi môn học, học phần đều có các CĐR về kiến thức và kỹ năng riêng [H2.02.02.06] và có đóng góp vào việc đạt CĐR chung của toàn bộ CTDH [H1.01.02.02].

Ngoài ra, ĐCCT được biên soạn, hiệu chỉnh có nghiên cứu, tham khảo CTĐT đại học ngành ATTT của các trường đại học có uy tín ở trong nước và ngoài nước [H3.03.02.02], ý kiến của người học, các GV trong Khoa ATTT, các chuyên gia và các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNTT và ATTT [H3.03.01.01], [H3.03.01.02]. Mặc dù việc lấy ý kiến của người học, các GV, các chuyên gia và các doanh nghiệp đã được thực hiện, nhưng các đối tượng được lấy ý kiến chưa thực sự đa dạng. Chẳng hạn, việc lấy ý kiến các doanh nghiệp chủ yếu tập trung trong lĩnh vực CNTT và ATTT, mà chưa có ý kiến của nhiều đơn vị sử dụng nhiều lao động CNTT và ATTT, như các ngân hàng, các đơn vị dịch vụ công nghệ cao.

2. Điểm mạnh

Tất cả các học phần trong CTDH ngành An toàn thông tin có sự tương thích về nội dung và có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan khác đã được thực hiện nhưng chưa thực sự đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Khoa ATTT phối hợp với Phòng CT&CTSV tổ chức lấy ý kiến của người học và các bên liên quan khác với các đối tượng đa dạng hơn trong lần rà soát, điều chỉnh CTĐT tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH hệ đại học ngành ATTT năm 2022 được thiết kế theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS [H1.01.02.04] và Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT ban hành theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/03/2022 của Học viện. Theo đó, CTDH hệ đại học ngành ATTT phiên bản năm 2022 được thiết kế với 150 tín chỉ/54 học phần, gồm Kiến thức giáo dục đại cương, Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, và Thực tập và Tốt nghiệp. Trong đó, Kiến thức giáo dục đại cương được chia thành Khối kiến thức chung và Khối kiến thức cơ bản khoa học tự nhiên; Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm Khối kiến thức cơ sở ngành và Khối kiến thức chuyên ngành, như biểu diễn trên Bảng 3.1 (*Phụ lục 02*); CTDH được thực hiện trong thời gian 4,5 năm với 9 học kỳ, gồm 150 tín chỉ, không bao gồm khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và kỹ năng mềm [H1.01.01.03].

Trong CTDH, mỗi khối kiến thức lại gồm một số học phần, trong đó các học phần trong khối có liên kết chặt chẽ, hình thành một khối thống nhất, có kế thừa và bổ sung cho nhau [H1.01.01.03]. Cụ thể, các học phần thuộc Kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy trong các năm thứ nhất và năm thứ 2 nhằm trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản, tạo nền tảng ban đầu cho người học có thể tiếp thu các học phần tiếp theo với

kiến thức chuyên sâu hơn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được giảng dạy vào các năm học thứ 2 và thứ 3 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ sở của khối ngành CNTT và ATTT, như lập trình, thuật toán, cơ sở dữ liệu, hệ thống máy tính, mạng, cơ sở an toàn thông tin và mật mã. Đây là các kiến thức và các kỹ năng cơ sở đặc biệt quan trọng giúp người học có nền tảng vững chắc để tiếp thu kiến thức chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành được giảng dạy vào 3 học kỳ cuối (học kỳ 7, 8 và 9) nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về ATTT. Nhờ việc tiếp thu, tích lũy các kiến thức và kỹ năng qua từng học kỳ với từng khối kiến thức được sắp xếp một cách khoa học trong CTDH, người học có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết đạt được CĐR khi tốt nghiệp ra trường [H1.01.02.02].

Kế hoạch và tiến trình đào tạo chuẩn toàn khoá của CTDH hệ đại học ngành ATTT năm 2022 [H1.01.01.03] được phân bố hợp lý, trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy trước, tiếp theo đến khối kiến thức cơ sở ngành, rồi đến khối kiến thức chuyên ngành và thực tập, tốt nghiệp. Trong mỗi khối kiến thức, các học phần được sắp xếp hợp lý trong tiến trình đào tạo, từ các học phần có kiến thức - kỹ năng cơ bản đến các học phần chuyên ngành có kiến thức - kỹ năng nâng cao nhằm đảm bảo người học có thể tích lũy các kiến thức và kỹ năng đáp ứng CĐR. Chẳng hạn, các học phần Tin học cơ sở 1, Tin học cơ sở 2, Ngôn ngữ lập trình C++, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật được bố trí đào tạo kế tiếp nhau với độ khó tăng dần, giúp người học tích lũy các kiến thức từ cơ bản về hệ thống máy tính, lập trình, đến kiến thức nâng cao về các cấu trúc dữ liệu và giải thuật. Cùng với đó, kỹ năng sử dụng hệ thống máy tính, mạng, kỹ năng rà quét, phân tích tìm lỗ hổng, đảm bảo an toàn cho thông tin và hệ thống, kỹ năng giải quyết vấn đề được rèn luyện. Nhờ vậy, sau khi học xong một khối kiến thức, người học có đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp tục học các khối kiến thức tiếp theo và đến cuối khoá học tích lũy đầy đủ kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của CĐR [H1.01.02.02].

CTDH hệ đại học chính quy ngành ATTT được rà soát, đánh giá định kỳ tối thiểu 2 năm một lần để điều chỉnh, cập nhật nhằm đảm bảo cho người học đạt được CĐR với kiến thức, kỹ năng và thái độ sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của các cơ quan, doanh nghiệp [H2.02.01.02]. Cụ thể, hàng năm Khoa ATTT đều thực hiện việc rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, theo quy trình như sau: các bộ môn chuyên ngành rà soát các học phần và chuyển danh sách các môn học cần điều

chỉnh ĐCCT lên Khoa; Khoa tổ chức hội thảo và lấy ý kiến và lên kế hoạch đăng ký điều chỉnh ĐCCT [H2.02.02.08] chuyển Phòng Đào tạo tổng hợp và trình lãnh đạo Học viện phê duyệt; khi có kế hoạch được phê duyệt [H2.02.02.07], Khoa giao các bộ môn thực hiện việc điều chỉnh và chủ trì việc nghiệm thu [H2.02.02.09]. Với khung chương trình, CTDH hệ đại học ngành ATTT được rà soát, điều chỉnh và ban hành năm 2016 [H1.01.01.01], năm 2020 [H1.01.01.02] và năm 2022 [H1.01.01.03]. Trên cơ sở rà soát và điều chỉnh mục tiêu và CDR của CTĐT, CTDH ngành ATTT đã được rà soát và điều chỉnh 02 lần vào các năm 2020 và năm 2022. Năm 2020, trên cơ sở rà soát, điều chỉnh mục tiêu đào tạo và xây dựng CDR của CTĐT ngành ATTT, xây dựng bản mô tả CTĐT, hoàn thiện đề cương học phần theo mẫu ban hành năm 2020, CTDH ngành ATTT đã được cấu trúc gồm 150 tín chỉ với 54 học phần tương ứng, trên cơ sở đã cắt bỏ đi những học phần không cần thiết hoặc trùng lặp (như học phần Kỹ thuật vi xử lý, Lập trình mạng), thêm mới một số học phần (như học phần Thực tập cơ sở, Phân tích mã độc), điều chỉnh và nâng thời lượng một số học phần (như học phần Kiến trúc máy tính nâng từ 2TC lên 3TC). Năm 2022, CTĐT ngành ATTT được rà soát, điều chỉnh với các thay đổi: xây dựng mới toàn bộ mục tiêu và CDR theo hướng khái quát, nhưng cô đọng và súc tích hơn, nhằm đáp ứng sự thay đổi nhanh của lĩnh vực ICT. CTDH ngành ATTT giữ nguyên cấu trúc gồm 150 tín chỉ với 54 học phần, nhưng ĐCCT của tất cả các học phần đã được xây dựng lại theo mẫu ĐCCT mới ban hành năm 2022 [H2.02.02.02].

CTDH ngành ATTT khi được điều chỉnh định kỳ có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp. Cụ thể, CTĐT ngành ATTT được tham khảo bao gồm: CTĐT đại học ngành ATTT của Học viện Kỹ thuật Mật mã, CTĐT đại học ngành ATTT của Đại học FPT, CTĐT đại học ngành ATTT của Đại học Công nghệ thông tin - ĐH quốc gia TP.HCM, Chương trình đào tạo đại học ngành CNTT của Học viện công nghệ Bưu chính Viễn thông; CTĐT đại học ngành ATTT của Đại học Khoa học ứng dụng St. Peolten (CH Áo), Chương trình đào tạo đại học ngành Information Technology, chuyên ngành Cyber Security, của Đại học RMIT Việt Nam, CTĐT đại học ngành Khoa học (An toàn không gian mạng) của Đại học Edith Cowan (Úc) [H3.03.02.02]. Việc tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo cho CTĐT ngành ATTT của Học viện tính cập nhật, hiện đại, theo kịp xu hướng phát triển ATTT hiện nay. Ngoài ra, các học phần của CTĐT được thiết kế theo mô đun giúp tăng khả năng tương tích với CTĐT của các đại học khác. Một số học phần chuyên ngành được thiết kế với tính

mở cao, hoặc dưới dạng các chuyên đề cập nhật, cho phép tích hợp các nội dung mới và được thực hiện bằng các phương pháp đào tạo mới.

CTDH hệ đại học ngành ATTT phiên bản năm 2022 có cấu trúc, trình tự logic, nhưng thời lượng một số học phần giáo dục đại cương và cơ sở ngành CNTT còn tương đối nhiều, chẳng hạn phần vật lý có 2 học phần Vật lý 1 và thí nghiệm và Vật lý 3 và thí nghiệm với 8 tín chỉ - áp dụng chung cho khối ngành kỹ thuật của Học viện; Toán rời rạc có 2 học phần Toán rời rạc 1 và Toán rời rạc 2 với 6 tín chỉ. Điều này có thể gây quá tải cho SV ngành ATTT với định hướng đảm bảo an toàn cho thông tin và hệ thống, không chuyên sâu về phân cứng và thuật toán.

2. Điểm mạnh

CTDH hệ đại học ngành ATTT có cấu trúc, trình tự logic, có nội dung được cập nhật hàng năm và có sự tham khảo CTDH tiên tiến của các trường trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần đại cương và cơ sở ngành có thời lượng tương đối nhiều, chưa thực sự phù hợp với ngành ATTT.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, phòng Đào tạo chủ trì, Khoa ATTT, Khoa CNTT1 và Khoa Cơ bản phối hợp rà soát, điều chỉnh thời lượng một số học phần đại cương và cơ sở ngành CNTT trong lần rà soát, điều chỉnh CTĐT tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Các điểm mạnh của tiêu chuẩn 3 gồm: (1) CTDH ngành ATTT của Học viện được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp; các khối kiến thức và mỗi học phần trong CTDH có quan hệ mật thiết và góp phần đạt được CĐR; (2) Tất cả các học phần trong CTDH ngành An toàn thông tin có sự tương thích về nội dung và có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR; và (3) CTDH hệ đại học ngành ATTT có cấu trúc, trình tự logic, có nội dung được cập nhật hàng năm và có sự tham khảo CTDH tiên tiến của các trường trong và ngoài nước.

Các điểm tồn tại của tiêu chuẩn 3 gồm: (1) Các học phần cơ sở và chuyên ngành ATTT của CTDH chủ yếu được bố trí vào năm học cuối trong Kế hoạch và Tiến trình học tập chuẩn của CTDH ngành ATTT có thể gây khó khăn cho người học trong việc rèn luyện các kỹ năng cơ sở và chuyên ngành ATTT do thời gian còn lại hạn chế; (2) Việc lấy ý

kiến phản hồi của người học và các bên liên quan khác đã được thực hiện nhưng chưa thực sự đa dạng; và (3) Một số học phần đại cương và cơ sở ngành có thời lượng tương đối nhiều, chưa thực sự phù hợp với ngành ATTT.

Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí: 4,67/7.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Tổ chức hoạt động dạy và học, trong đó bao gồm phương pháp tiếp cận trong dạy và học là khâu quan trọng, then chốt trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo cũng như hoàn thành mục tiêu đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa ATTT đã xây dựng tổ hợp các phương pháp phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập, trong đó kết hợp nhiều hình thức giảng dạy linh hoạt, phù hợp với từng nội dung và từng học phần. Tổ hợp các phương pháp dạy và học nhằm đạt mục tiêu giáo dục của Học viện cũng như mục tiêu của CTĐT ngành ATTT, trong đó chú trọng giáo dục toàn diện cho người học, trang bị cho người học những khả năng sau:

Khả năng tự khám phá kiến thức: Người học có kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp tài liệu; hiểu được các chiến lược học tập khác nhau và lựa chọn chiến lược thích hợp nhất cho mình.

Khả năng ghi nhớ kiến thức lâu dài: Phương pháp học nhấn mạnh vào khả năng hiểu chứ không phải học thuộc và giúp người học nhớ lâu hơn.

Khả năng nhận thức các mối liên hệ giữa kiến thức cũ và mới: Chất lượng học tập phụ thuộc vào khả năng tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.

Khả năng tạo ra kiến thức mới: Người học học tập có chất lượng biết khám phá tri thức của người khác và gắn kết nó với kinh nghiệm và kiến thức đã học của bản thân để đưa đến những phát kiến mới mẻ.

Khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề.

Khả năng truyền đạt kiến thức cho người khác: Chất lượng học tập của người học phụ thuộc vào việc người học có khả năng hình thành và diễn đạt những suy nghĩ và hành động độc lập của mình một cách mạch lạc và rõ ràng.

Tính hiếu học: Người học học tập có chất lượng là người học có tinh thần học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu giáo dục của Học viện được xác định Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 ban hành theo Quyết định số 156/QĐ-HV ngày 05/03/2020 [H1.01.01.09], Nghị quyết số 42/NQ-HV ngày 25/11/2021 của Hội đồng Học viện [H1.01.01.10]. Theo đó, mục tiêu giáo dục cũng là một trong các mục tiêu phát triển cụ thể của Học viện được xác định: “Nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo đạt chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế. Phát triển các hệ đào tạo tài năng, chất lượng cao, tiên tiến, quốc tế đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao về công nghệ số của đất nước. Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động và tận dụng các nguồn lực xã hội phục vụ đào tạo. Xây dựng môi trường học thuật sáng tạo, hội nhập, thu hút nhân tài trong nước, ngoài nước đến học tập nghiên cứu và làm việc”. Tiếp theo mục tiêu giáo dục, Học viện cũng đã ban hành triết lý giáo dục theo Quyết định số 967/QĐ-HV, ngày 28/10/2021 [H4.04.01.05] : “Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm”. Đi kèm với quyết định ban hành, Học viện có văn bản giải thích ý nghĩa của Triết lý giáo dục gửi tới toàn thể CBGV, NH và các cá nhân, tổ chức xã hội có liên quan.

Mục tiêu và triết lý giáo dục của Học viện được phổ biến tới các cán bộ, GV trong các hội nghị công chức, viên chức, người lao động Học viện, hội nghị tổng kết năm học của Học viện [H4.04.01.06]. Mục tiêu giáo dục của Học viện cũng được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học [H2.02.03.05]. Trong tuần sinh hoạt công dân, SV được giới thiệu về Học viện, truyền thống lịch sử, tầm nhìn sứ mạng, cũng như mục tiêu giáo dục của Học viện. Ngoài ra các tân SV cũng được giới thiệu về các khoa đào tạo cũng như giải thích về quyền và nghĩa vụ của SV, ngành đào tạo, cơ hội nghề nghiệp trong buổi gặp gỡ và giao lưu với tân SV đầu khóa học khi nhập học [H4.04.01.08]. Mục tiêu giáo dục của Học viện được tuyên bố công khai và phổ biến tới toàn xã hội trên Website của Học viện [H4.04.01.11].

Biên bản họp khoa về phổ biến Triết lý giáo dục của Học viện [H4.04.01.09] cho thấy triết lý giáo dục được tất cả cán bộ, giảng viên, người học của khoa hiểu rõ và thực hiện.

Triết lý giáo dục của Học viện được giới thiệu, phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan với nhiều hình thức đa dạng như: pano, áp phích đặt tại các vị trí trang trọng trong Học viện; Triết lý giáo dục còn được phổ biến thông qua các video giới thiệu về Học viện, các

bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng; trên website của Học viện. Triết lý giáo dục còn được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân và đưa vào trong sổ tay SV.

Mặc dù Học viện đã ban hành mục tiêu giáo dục trong văn bản pháp lý chính thức, công khai, nhưng mục tiêu giáo dục lại được thể hiện dưới dạng là 1 trong các mục tiêu cụ thể trong chiến lược phát triển Học viện. Là một đơn vị GD-ĐT, Học viện cần ban hành mục tiêu giáo dục trong một văn bản riêng.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu và triết lý giáo dục của Học viện được tuyên bố cụ thể trong các văn bản pháp lý của Học viện và được phổ biến rộng rãi tới người học, đội ngũ cán bộ GV và các bên liên quan bằng các hình thức đa dạng.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa ban hành mục tiêu giáo dục trong một văn bản riêng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Văn phòng Học viện phối hợp với Phòng CT-CTSV đề xuất lãnh đạo Học viện ban hành mục tiêu giáo dục trong một văn bản riêng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Theo chu kỳ hiệu chỉnh CTĐT, khoa ATTT tổ chức các cuộc họp chuyên môn nhằm rà soát và đánh giá hiệu quả của các phương pháp giảng dạy, khuyến khích GV xây dựng các hoạt động dạy học đa dạng, phù hợp để NH đạt được CDR [H3.03.01.05] [H3.03.01.06]. Cụ thể, các phương pháp giảng dạy và hoạt động dạy học được sử dụng trong các học phần ngành ATTT bao gồm:

- Thuyết giảng: GV giảng dạy các nội dung lý thuyết sử dụng máy chiếu kết hợp với bảng viết.
- Làm mẫu/demo: GV làm mẫu/demo các ví dụ minh họa sử dụng các công cụ mô phỏng hoặc thực tế
- Vấn đáp: GV đặt câu hỏi và yêu cầu SV trả lời
- Thực hành: GV giao các bài luyện tập yêu cầu SV thực hiện
- Tiểu luận: GV giao các chủ đề, yêu cầu cho SV, hoặc nhóm SV thực hiện. Kết quả là báo cáo tiểu luận và/hoặc slide thuyết trình.

- Thảo luận: GV nêu các chủ đề và chia nhóm, SV trao đổi, thảo luận
- Giao bài tự học: GV giao bài tập cho SV tự làm ở nhà
- Trao đổi trên các nhóm chat, LMS: SV đặt câu hỏi, yêu cầu, GV giải đáp.

Khi bắt đầu giảng dạy học phần, giảng viên giảng dạy các học phần công bố cho người học về đề cương học phần, chuẩn đầu ra của học phần và phương pháp học tập của từng chương trong nội dung học phần. Trên cơ sở ma trận liên kết chuẩn đầu ra – học phần, các phương pháp giảng dạy và hoạt động dạy học đối với chương trình dạy học ngành ATTT được xác định phù hợp cho từng học phần và được cụ thể hóa tại Bảng thống kê phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá chương trình dạy học ngành ATTT năm 2020 [H3.03.01.05] và năm 2022 [H3.03.01.06]. Trong đó: Phương pháp giảng dạy nội dung lý thuyết của các học phần được áp dụng linh hoạt dưới các hình thức: Thuyết trình (diễn giải), phát vấn, thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận nhóm, giao bài tự học....; đối với nội dung thực hành của các học phần, phương pháp giảng dạy được áp dụng như làm mẫu, nêu vấn đề, thảo luận nhóm... Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành đều được giảng dạy sử dụng kết hợp nhiều phương pháp đa dạng như: nghe giảng trên lớp trong đó kết hợp sử dụng bảng và máy chiếu giúp tăng khả năng trực quan và diễn giải kiến thức của GV cũng như khả năng tiếp thu của SV; làm bài tập, trả lời câu hỏi trên lớp giúp SV nắm chắc kiến thức môn học; các giờ thực hành tại phòng máy giúp SV tăng cường kỹ năng thực hành, áp dụng kiến thức lý thuyết vào giải quyết vấn đề; các bài tập lớn dạng dự án giúp SV trải qua quy trình công việc thực tế, hình thành khả năng làm việc nhóm, đẩy nhanh quá trình tiếp cận với công việc ngoài doanh nghiệp và xã hội; các buổi báo cáo bài tập lớn cũng là giờ SV mở rộng kiến thức, khả năng tư duy cũng như khả năng thuyết trình, tăng tương tác giữa GV với SV.

Bên cạnh các hoạt động dạy học đa dạng, khoa ATTT, các bộ môn và GV cũng tích cực tìm tòi và hướng dẫn cho SV các hoạt động học tập phù hợp, hiệu quả từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Các phương pháp và hoạt động học tập phù hợp, hiệu quả được hướng dẫn cho người học bao gồm:

- Phương pháp tìm tài liệu liên quan: Hướng dẫn cho NH phương pháp sử dụng các công cụ tìm kiếm để tìm và lọc các tài liệu có liên quan đến 1 chủ đề.
- Phương pháp đọc nhanh tìm thông tin: Hướng dẫn cho NH phương pháp đọc lướt/quét tìm nhanh thông tin theo các từ khóa, chủ đề.

- Phương pháp nghe giảng và ghi chép khi GV giảng dạy bằng slide: Hướng dẫn cho NH phương pháp chuẩn bị tài liệu, nghe và ghi chú trên các trang slide.

- Phương pháp luyện tập, thực hành: Hướng dẫn cho NH phương pháp thực hiện các bài thực hành.

- Phương pháp viết và trình bày các báo cáo tiểu luận: Hướng dẫn cho NH phương pháp chuẩn bị nội dung, viết báo cáo, chuẩn bị slide và thuyết trình.

- Hướng dẫn sử dụng các phần mềm, công cụ học tập: GV hướng dẫn SV sử dụng các phần mềm, công cụ tạo môi trường hoặc hỗ trợ thí nghiệm, thực hành.

Giảng viên giảng dạy học phần hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động, công cụ học tập phù hợp, giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. Đối với các học phần lý thuyết, phương pháp học tập chủ yếu là đọc trước tài liệu, nghe giảng, ghi chép, giải quyết tình huống, trả lời câu hỏi thảo luận, học tập – trao đổi theo nhóm... Với các phương pháp này, SV đạt được khả năng thu nhận và áp dụng kiến thức thông qua sự tương tác với GV, SV trong lớp qua đó giúp SV phát triển được khả năng phân tích, tổng hợp và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngành học, nhằm đạt được CĐR về kiến thức. Đối với các học phần chuyên ngành, GV yêu cầu SV lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động học tập, hoạt động nhóm.... Phương pháp này giúp SV có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn, rèn kỹ năng thực hành, làm việc nhóm, báo cáo thuyết trình, và nắm bắt công việc trong thực tế doanh nghiệp.

Bên cạnh việc chú ý đến ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/học phần, Khoa đã hợp xây dựng Kế hoạch rà soát, phát triển hệ thống học liệu của Khoa để cung cấp cho SV các học liệu cần thiết [H4.04.02.02].

Trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, giảng viên của Khoa đã kịp thời chuyển đổi hình thức đào tạo từ trực tiếp sang trực tuyến ở tất cả các loại hình đào tạo [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

CTĐT ngành ATTT năm 2022 [H1.01.01.03] đã quy định số tín chỉ và thời gian thực hiện cho hoạt động thực tập, thực tế. Thực tập tốt nghiệp học phần 6 TC bắt buộc của CTĐT với mục đích giúp SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Để tạo môi trường học tập đa dạng, gắn lý thuyết với thực hành, Học viện và Khoa ATTT đã liên kết với các công ty, doanh nghiệp tổ chức cho SV đi thực tập, thực tế tại các doanh nghiệp giúp SV có chương trình

thực tập và hoạt động cũng như phương pháp đánh giá rõ ràng. Khoa đã ký các thỏa thuận hợp tác với các đơn vị đầu ngành về ATTT, như Công ty an ninh mạng Việt Nam (VSEC), Công ty an ninh mạng CMC, Công ty an ninh mạng Viettel... góp phần giúp sinh viên có cơ hội hiểu thêm về nghề nghiệp, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, rèn luyện kỹ năng nhằm đạt chuẩn đầu ra [H4.04.02.07].

Bên cạnh hoạt động học tập chính khóa, Khoa ATTT cũng tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên ngành ATTT, như tổ chức cuộc thi hàng năm Sinh viên với ATTT; tổ chức và ôn luyện cho các đội tuyển sinh viên ATTT Học viện tham dự các cuộc thi về ATTT cấp quốc gia và quốc tế; tổ chức các hội thảo khoa học/nói chuyện chuyên đề giới thiệu các công nghệ mới, các vấn đề nóng về ATTT có các chuyên gia giàu kinh nghiệm thực tế tham dự; hỗ trợ hoạt động của CLB ATTT sinh viên Học viện, CLB Lập trình... Các câu lạc bộ này đều hoạt động hiệu quả và đóng góp nhiều hoạt động và thành tích chung của Khoa cũng như Học viện.

Hằng năm, Khoa xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác dự giờ đối với các GV cũng như tổ chức họp đánh giá, rút kinh nghiệm giờ giảng nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra cho từng học phần [H4.04.02.04][H4.04.02.05]. Kết quả, đa số GV đều được đánh giá xếp loại ở mức độ khá, giỏi và sử dụng phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, với nội dung của bài giảng hoặc với điều kiện thực tế.

Sau khi kết thúc học phần trong mỗi học kỳ, Học viện tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV [H3.03.02.01]. Đa số người học hài lòng với các phương pháp dạy học và cách truyền đạt mà GV sử dụng (44,7% hoàn toàn hài lòng; 51,3% hài lòng; và chỉ có 4% chưa hài lòng). “GV có phương pháp dạy học phù hợp, hòa đồng, cởi mở, hiểu tâm lý SV; giảng dạy lôi cuốn, dễ hiểu, gần gũi với thực tiễn giúp SV hứng thú lĩnh hội những kiến thức, hiểu bài; vận dụng một số phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng bài giảng”. Kết quả phản hồi được Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục tổng hợp và thông báo kết quả đánh giá của người học đến từng GV và khoa chuyên môn để có sự điều chỉnh về hoạt động dạy học và phương pháp dạy học cho phù hợp hơn với thực tiễn giáo dục. Mặc dù Học viện đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, việc tổ chức khảo sát NH về hiệu quả của các phương pháp học tập được GV của hướng dẫn cho sinh viên chưa được thực hiện.

Theo Biên bản họp Hội đồng khoa về đẩy mạnh hoạt động liên kết với các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH tại Khoa ATTT [H4.04.02.14], có thể khẳng định Khoa ATTT đã tổ chức các hoạt động dạy học đa dạng, phù hợp để đạt được CDR và người học hài lòng với hoạt động dạy và học các phương pháp dạy và học được sử dụng trong chương trình dạy học ngành ATTT.

2. Điểm mạnh

Khoa ATTT có nhiều hình thức/phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nội dung và mục tiêu của từng môn học để đạt được CDR; Khoa và các GV của khoa tích cực tổ chức, hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức khảo sát NH về hiệu quả của các phương pháp học tập được GV của hướng dẫn cho sinh viên chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2024-2025, Khoa ATTT phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục tổ chức khảo sát NH về hiệu quả của các phương pháp học tập được GV của Khoa hướng dẫn cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành ATTT năm 2022 có 54/54 đề cương chi tiết học phần mô tả rõ việc sử dụng các hoạt động dạy và học được đa dạng hóa nhằm thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy độc lập, kỹ năng thuyết trình, phân biện giải quyết vấn đề, giải quyết các bài toán thực tế [H2.02.02.06]. ĐCCT của các học phần đều trình bày rõ các phương pháp giảng dạy (PPGD), học tập tích hợp trong từng nội dung bài giảng kèm theo các hình thức đánh giá phù hợp nhằm đảm bảo thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV. Mỗi học phần sẽ xác định cụ thể các phương pháp dạy học phù hợp. Trong các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết trên lớp truyền thống/lớp học trực tuyến đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân

tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV [H3.03.01.06].

Trong đề cương chi tiết cũng quy định rõ thời lượng tự học, tự nghiên cứu ít nhất từ 30 tiết/1 tín chỉ. SV phải nghiên cứu tài liệu trong thời gian tự học trước khi lên lớp và đây là một yêu cầu bắt buộc trong tất cả các đề cương chi tiết. Đặc biệt, lịch trình giảng dạy của từng học phần đều gợi ý tài liệu học tập cần tham khảo theo từng chương hoặc nội dung cụ thể để SV có sự chuẩn bị tốt nhất, khuyến khích vai trò tự nghiên cứu, tự học của SV. *Mặc dù vậy, nội dung tự học trong ĐCCT một số học phần vẫn còn tương đối chung chung, chưa thực sự hữu ích cho người học.* Các nội dung tự học được cụ thể hóa tại bài giảng các học phần trong CTĐT ngành ATTT năm 2022 [H4.04.03.01]. Ngoài ra, Học viện có hệ thống học tập trực tuyến để cung cấp thông tin về môn học, kế hoạch giảng dạy và học liệu, hỗ trợ SV tự học [H4.04.02.06] và các hệ thống thực hành trực tuyến, như D-lab, DsecLab cung cấp các bài thực hành cùng khả năng đánh giá tự động giúp sinh viên có thể chủ động học tập và cải thiện kỹ năng ở các học phần thực hành mọi lúc, mọi nơi [H4.04.02.01].

Báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát về chương trình dạy học ngành ATTT năm 2020 [H3.03.01.01], năm 2022 [H3.03.01.02]; Biên bản họp khoa về việc sử dụng các hoạt động dạy học/ phương pháp giảng dạy năm 2020 [H3.03.01.03], năm 2022 [H3.03.01.04] đã khẳng định: Chương trình dạy học có 100% đề cương chi tiết các học phần đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm; nhấn mạnh đến hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng tới việc nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa ATTT và Học viện định kỳ tổ chức các đợt tập huấn về PPGD để tất cả GV có cơ hội tiếp cận những vấn đề thực tế liên quan đến PPGD, được học hỏi chia sẻ với nhau, từ đó điều chỉnh và lựa chọn các PPGD phù hợp hơn, giúp cải tiến hoạt động học tập của SV cũng như cách đánh giá SV [H4.04.03.02].

Khoa ATTT phối hợp với Đoàn thanh niên Học viện tổ chức và hỗ trợ SV tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa, như các hoạt động của CLB An toàn thông tin, CLB IT, CLB Lập trình, CLB Kỹ năng sống, CLB sinh viên tình nguyện, v.v. [H4.04.03.05]. Qua đó giúp sinh viên tăng cường khả năng tương tác, mạnh dạn trong các hoạt động ngoài khóa cũng như hỗ trợ lẫn nhau trong học tập. Ngoài ra, Học viện và Khoa ATTT tổ chức cho

SV tham gia các hội thảo khoa học, nói chuyện chuyên đề, định hướng việc làm...[H4.04.03.06] và qua đó giúp SV rèn kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế tích hợp vào từng môn học với mục tiêu thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. Trong buổi học đầu tiên của mỗi môn học, GV giới thiệu nội dung môn học, danh mục tài liệu tham khảo và phương pháp học tập; khuyến khích và hướng dẫn SV tự tìm hiểu thêm. Các hoạt động dạy và học giúp hình thành khả năng phân tích, tổng hợp, tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm cho SV được thể hiện qua việc thực hiện các bài tập lớn và tiểu luận môn học. GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Tuy vậy, trong một số đề cương học phần, việc hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu cho SV còn khá chung chung.

Nhằm trang bị cho SV khả năng tự học, tự nghiên cứu, Học viện và Khoa đã triển khai đào tạo cho SV các kỹ năng tự học, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch - tổ chức công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, v.v. SV được tham gia các buổi tranh luận để nâng cao kỹ năng phản biện. Đối với các môn học chuyên ngành, SV được yêu cầu thực hiện báo cáo bài tập lớn/tiểu luận dưới dạng báo cáo khoa học nhằm giúp SV vận dụng kiến thức môn học để giải quyết một vấn đề thực tế. Điều này mang lại kỹ năng vận dụng sáng tạo của SV khi tham gia môn học. SV phải chủ động tìm hiểu các cách giải quyết vấn đề, phân tích đánh giá ưu nhược điểm mỗi phương pháp, để lựa chọn phương pháp phù hợp áp dụng vào giải quyết bài toán của mình và phải bảo vệ lựa chọn của mình.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học tại Khoa ATTT thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng, nâng cao năng lực tự học suốt đời cho người học. Thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động ngoại khóa, SV được rèn luyện khả năng độc lập suy nghĩ, kỹ năng tự nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong thực tế, từ đó SV tự tin hơn trong việc tự đào tạo bản thân để giải quyết vấn đề thực tế.

3. Điểm tồn tại

Trong một số đề cương chi tiết của học phần, việc hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu cho SV còn khá chung chung.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa ATTT rà soát các đề cương học phần để bổ sung và hoàn thiện hơn với những hướng dẫn chi tiết cho SV về việc tự học, tự nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Các điểm mạnh của Tiêu chuẩn 4 gồm (1) Mục tiêu và triết lý giáo dục của Học viện được xác định rõ ràng và được tuyên bố cụ thể trong các văn bản pháp lý của Học viện. Mục tiêu và triết lý giáo dục được phổ biến rộng rãi tới người học, đội ngũ cán bộ GV và các bên liên quan bằng các hình thức đa dạng; (2) Khoa ATTT có nhiều hình thức/phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nội dung và mục tiêu của từng môn học giúp SV đạt được CDR theo chương trình dạy học; và (3) Các hoạt động dạy và học tại Khoa ATTT thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng, nâng cao năng lực tự học suốt đời cho người học.

Các điểm tồn tại của Tiêu chuẩn 4 gồm (1) Học viện chưa ban hành mục tiêu giáo dục trong một văn bản riêng; (2) Việc tổ chức khảo sát NH về hiệu quả của các phương pháp học tập được GV của hướng dẫn cho sinh viên chưa được thực hiện; và (3) Trong một số đề cương chi tiết của học phần, việc hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu cho SV còn khá chung chung.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học là một trong những khâu quan trọng trong công tác tổ chức đào tạo. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng quan trọng đến việc học tập và nghề nghiệp sau này, đồng thời cung cấp cho Học viện, Khoa ATTT các thông tin có giá trị về chất lượng dạy - học và các dịch vụ hỗ trợ người học.

Việc đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành ATTT, quá trình đánh giá được bắt đầu ngay từ khâu tuyển sinh đầu vào và thực hiện xuyên suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp.

Mục đích của việc kiểm tra đánh giá là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà SV cần đạt được so với mục tiêu của CTĐT cũng như mục tiêu của từng học phần trong CTĐT ngành ATTT. Việc đánh giá kết quả của SV căn cứ vào CDR và nội dung của chương trình đào tạo. Các quy định về đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành

ATTT được công bố công khai tới người học và các bên liên quan trước khi bắt đầu triển khai CTĐT. Trong tiết học đầu tiên của các học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng và có tính liên tục, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng, phù hợp với đặc thù của từng học phần.

Thông tin về kết quả học tập được phản hồi kịp thời giúp người học cải thiện quá trình học tập của bản thân, đáp ứng với mục tiêu đào tạo. Ngoài ra, người học cũng dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về việc đánh giá KQHT của GV trong quá trình học tập tại Học viện. Các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được trình bày cụ thể, rõ ràng trong các quy định về đào tạo, thi, kiểm tra đánh giá KQHT do Học viện ban hành và được thông báo công khai tới SV qua nhiều kênh thông tin với các hình thức đa dạng.

Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có các quy trình và kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH. Kể từ năm 2012, khi chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Học viện đã ban hành các quy định để triển khai tổ chức đào tạo, tài liệu hướng dẫn, thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá và đo lường trong giáo dục với những nội dung về đánh giá, phân loại đánh giá, quy trình và các phương pháp đánh giá, một số kỹ thuật để xây dựng công cụ đánh giá dựa trên CDR của từng học phần. Cụ thể:

Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 897/QĐ-HV ngày 11/12/2012 [H5.05.01.01]. Nội dung quy định này đã dành toàn bộ chương V để quy định về việc đánh giá kết quả và thi kết thúc học phần: Điều 23 quy định tiêu chí đánh giá kết quả học tập; Điều 24 quy định việc đánh giá kết quả học phần (các hình thức đánh giá và hình thức thi kết thúc học phần); Điều 25 quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); Điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc học phần; ...

Năm 2018, căn cứ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ GD&ĐT, Học viện ban hành Quy định đào tạo cao đẳng, đại học theo hệ thống tín chỉ theo quyết định số 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 [H5.05.01.02]: Điều 29 quy định công tác tổ chức thi kết thúc học phần gồm các nội dung về tiêu chí đánh

giá kết quả học tập, các hình thức đánh giá kết quả học phần và thang điểm đánh giá, trong đó có nội dung *“Các quy định chi tiết khác liên quan thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ cao đẳng, đại học chính quy theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Giám đốc Học viện”*.

Năm 2021, căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT, Học viện ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.03], tại Chương III, Điều 18 và Chương V, Điều 23, 24, 25, 26 liên quan việc đánh giá kết quả học phần cho các học phần lý thuyết và học phần thực hành có tổ chức thi kết thúc học phần và quy định điểm đánh giá của giảng viên đối với sinh viên; quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); Điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc học phần. Quy định đã thể hiện rõ Học viện dựa trên nhóm 4 tiêu chí để đánh giá CDR của người học: Tiêu chí về kiến thức chung, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành; tiêu chí về trình độ ngoại ngữ; tiêu chí về trình độ tin học; tiêu chí về kỹ năng mềm.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã hai lần chỉnh sửa, ban hành các quy định đào tạo đại học theo tín chỉ và kết cấu bản quy định năm 2021 giữ nguyên như năm 2018, được điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các nội dung quy định về đánh giá kết quả học tập của NH theo đúng Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT.

Học viện ban hành các quy định về việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục đích cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR. Trong suốt quá trình đào tạo, việc học tập trên lớp được đánh giá người học thông qua điểm chuyên cần, các bài kiểm tra giữa kỳ, các bài tập nhóm, bài thực hành, thực tập; Bài thi cuối kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: thi tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp với tự luận, vấn đáp; thực tập tốt nghiệp; thi tốt nghiệp/làm đồ án/khóa luận tốt nghiệp (ĐA/KLTN) và được quy định tại các văn bản, cụ thể:

Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ cao đẳng, đại học chính quy theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 691/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 13/9/2013 [H5.05.01.04]. Trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần; áp dụng cho thi kết thúc học phần với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi học phần thay thế tốt nghiệp ban hành theo Quyết định số 1277/QĐ-HV ngày 31/12/2018 [H5.05.01.05], sau đó được thay thế bằng Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06], trong đó có các quy trình và tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR. Cụ thể, Điều 3 quy định về "Đánh giá kết quả học phần"; Điều 12 quy định về "Đề thi, đáp án", trong đó Khoản 1 quy định số lượng đề thi, đáp án "Đề thi tự luận: Đảm bảo nguyên tắc mỗi ca thi sử dụng tối thiểu 2 đề thi. Mỗi đề thi có tối thiểu 2 câu hỏi/đề thi. Thang điểm, đáp án thi tự luận: Tính theo thang điểm 10. Trong đáp án, mỗi câu được chia thành điểm của các ý nhỏ, tối thiểu đến 0,25 điểm. Yêu cầu đối với đề thi: Mỗi đề thi phải có đáp án thi, kèm thang điểm chi tiết được chi tiết đến 0,25 điểm (thang điểm 10). Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR và quy định tại Điều 3 "Đánh giá kết quả học phần". Cụ thể, Khoản 1 quy định "Điểm học phần được đánh giá dựa trên các điểm đánh giá thành phần bao gồm (i) Điểm đánh giá quá trình (gồm điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thí nghiệm – thực hành (nếu có); Điểm chuyên cần; điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận, bài tập lớn. (ii) Điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần có trọng số không dưới 50%. Điều 4 quy định "Kế hoạch thi kết thúc học phần, bố trí phòng thi", trong đó quy định Kế hoạch thi được gửi đến các đơn vị liên quan, lớp SV và thông báo trên bảng tin, website của Học viện một tháng trước kỳ thi đối với kỳ thi chính và 01 tuần đối với kỳ thi phụ"; Lịch thi của học kỳ chính phải được thông báo cho SV ít nhất 01 tháng và kỳ thi phụ ít nhất 01 tuần trước kỳ thi. Nội dung quy định cũng phân công trách nhiệm cụ thể đối với các đơn vị, cá nhân tham gia quá trình tổ chức đánh giá người học: Ban Thanh tra các kỳ thi có nhiệm vụ thanh tra tất cả các nội dung có liên quan đến công tác tổ chức kỳ thi; tổ chức quán triệt đầy đủ chủ trương của Học viện về việc tổ chức kỳ thi nghiêm túc, khách quan, đảm bảo chất lượng đào tạo, phòng chống tiêu cực trong thi, kiểm tra tới cán bộ, giảng viên và sinh viên dự thi; đôn đốc các đơn vị, cá nhân trong quá trình thực hiện quy trình quản lý và tổ chức thi, kiểm tra theo quy định; tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của tập thể, cá nhân về công tác thi, kiểm tra; Văn phòng Học viện chuẩn bị, cung cấp văn phòng phẩm phục vụ cho kỳ thi, Phòng Tài chính - Kế toán phối hợp lập dự trù kinh phí phục vụ cho kỳ thi, cung cấp danh sách sinh viên chưa hoàn thành học phí;...

Học viện giao nhiệm vụ cho Phòng Giáo vụ tổ chức xây dựng kế hoạch đào tạo năm học, kế hoạch giảng dạy và kế hoạch thi; giao nhiệm vụ cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức các kỳ thi. Quy trình tổ chức các kỳ thi nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm. Quy trình có sự tham gia của nhiều đơn vị trong Học viện như: (i) Phòng Giáo vụ là đơn vị lập Kế hoạch thi. (ii) Trung tâm KT&ĐBCLGD là đơn vị tổ chức thi bao gồm 03 bước (ra đề, coi thi, tổ chức chấm thi và thông báo kết quả, cách tính điểm bộ phận và điểm học phần); phụ trách in sao, lưu trữ đề thi; tổ chức các ca thi; lưu trữ bài thi, bảng điểm, các biên bản. (iii) các bộ môn phụ trách việc ra đề thi, phân công GV chấm thi/chấm phúc tra. (iv) Ban Thanh tra các kỳ thi giám sát việc bốc thăm, in sao đề thi, giám sát công tác coi thi, chấm thi/chấm phúc tra. (v) Trung tâm Thí nghiệm Thực hành quản lý các phòng máy thi thực hành. (vi) Trung tâm Dịch vụ là đơn vị chuẩn bị, quản lý phòng thi. (vii) Văn phòng Học viện bố trí cán bộ bảo vệ trực giữ trật tự tại khu vực tổ chức thi. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2019-2023, Trung tâm KT&ĐBCLGD và Khoa ATTT chưa tiến hành tham khảo ý kiến các bên liên quan để đánh giá sự phù hợp của các văn bản đã ban hành trong lĩnh vực khảo thí.

Trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19, Học viện kịp thời ban hành các văn bản triển khai công tác tổ chức thi trực tuyến như: Hướng dẫn tổ chức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid-19 ban hành theo Quyết định số 470/QĐ-HV ngày 09/6/2021 [H5.05.01.07] và Hướng dẫn bổ sung hình thức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid-19 ban hành theo Quyết định số 654/QĐ-HV ngày 04/8/2021 [H5.05.01.08].

Học viện ban hành Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp theo Quyết định số 05/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 10/01/2011 để hướng dẫn đánh giá và chấm điểm thực tập tốt nghiệp (TTTN) của SV [H5.05.01.09].

Để đánh giá kết quả tốt nghiệp của SV, Học viện ban hành Quy định về việc đánh giá và tổ chức bảo vệ ĐA/KLTN theo Quyết định số 924/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10] và trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Học viện ban hành Quy định về việc tổ chức đánh giá ĐA/KLTN theo hình thức trực tuyến trong thời gian dịch Covid-19 theo Quyết định số 594/QĐ-HV ngày 15/7/2021 [H5.05.01.11].

Học viện ban hành Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đại học hệ chính quy theo ban hành theo Quyết định số 685/QĐ-HV

ngày 18/9/2018 [H5.05.01.12], tại khoản 1, Mục III quy định việc biên soạn ngân hàng câu hỏi thi đối với môn thi tự luận và thi trắc nghiệm. Quy trình xây dựng, quản lý, sử dụng và đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của phương pháp kiểm tra đánh giá người học gồm 12 bước: (1) Xác định phạm vi nội dung ra đề; (2) Viết câu hỏi: do các giáo viên, các nhà khoa học phụ trách; (3) Đánh giá lại câu hỏi về mặt nội dung; (4) Đánh giá lại câu hỏi về tính công bằng; (5) Kiểm tra thử câu hỏi với SV; (6) Phân tích thống kê từ kết quả kiểm tra thử: đánh giá độ khó của câu hỏi, đánh giá khả năng phân biệt trình độ SV của câu hỏi, đánh giá kết quả của các SV cùng trình độ nhưng thuộc các thành phần khác nhau (tôn giáo, dân tộc, giới tính) để xem xét tính công bằng; (7) Hiệu chỉnh và hình thành bản nháp của các câu hỏi thi đã hoàn thiện; (8) Thẩm định của các chuyên gia bên ngoài; (9) Thẩm định của hội đồng chuyên môn: bao gồm đại diện của cố vấn của các trường, chuyên gia tuyển sinh của các trường đại học, các nhà giáo dục, các giảng viên (10) Biên tập, sửa bản in, in, và phân phối; (11) Tổ chức thi; (12) Phân tích thống kê sau khi thi: thực hiện phân tích giống như đã thực hiện ở bước 6 để đảm bảo kết quả thi thử và thi thật không có độ chênh lệch lớn.

Đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần của CTĐT có thiết lập phương pháp và nội dung đánh giá người học, tại Mục 10 "*Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học*" có quy định cụ thể về nội dung, tiêu chí đánh giá các loại bài tập và thi kết thúc học phần [H5.05.01.13]. Căn cứ ĐCCT học phần, Học viện ban hành văn bản hướng dẫn các khoa xây dựng mới và hiệu chỉnh ngân hàng câu hỏi thi kết thúc các học phần của CTĐT [H5.05.01.14]. Theo văn bản hướng dẫn, việc thiết kế ngân hàng câu hỏi thi các học phần dựa trên cơ sở 6 cấp độ của thang cấp độ tư duy Bloom, các bộ môn chủ động thiết kế câu hỏi từ dễ đến phức tạp tương ứng với 3 cấp độ tư duy (Bậc 1: Nhớ, biết; Bậc 2: Hiểu, áp dụng; Bậc 3: Phân tích, tổng hợp, đánh giá). Đối với những học phần chưa xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, Học viện xây dựng kế hoạch biên soạn đề thi để hướng dẫn GV biên soạn đề thi, với yêu cầu đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời đạt yêu cầu phân loại được năng lực của người học, phải phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của người học và đủ thời gian quy định cho mỗi học phần.

Kết quả học tập của NH được đánh giá thông qua các hoạt động học tập trên giảng đường (lớp học và phòng thí nghiệm thực hành) và tại các cơ sở SV đến thực tập, với các phương pháp đánh giá cụ thể:

Căn cứ Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp, hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]: Kết thúc thời gian thực tập theo yêu cầu của đề cương và hướng dẫn

của GVHD, SV phải hoàn thành báo cáo thực tập theo đúng thời hạn quy định; các khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm (có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của cán bộ hướng dẫn dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...) trong thời hạn đã được phê duyệt theo đề cương thực tập và công bố điểm cho SV.

Quy trình tổ chức thực hiện ĐA/KLTN ban hành theo quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10] hướng dẫn đánh giá ĐA/KLTN với các phiếu nhận xét của người phản biện và phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng, điểm đánh giá chi tiết đến 0,25 điểm.

Việc đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ cao đẳng, đại học chính quy theo học chế tín chỉ [H5.05.01.04], [H5.05.01.05], trong đó điểm đánh giá học phần là tổng điểm của tất cả các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng; điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4; đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, tùy theo tính chất của học phần, điểm học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá thành phần; đối với các học phần thực hành: SV phải tham dự đầy đủ các bài thực hành được quy định cho mỗi học phần và điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. Việc lựa chọn phương pháp đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của học phần thông qua bài thi kết thúc học phần với hình thức có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

Việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp thực hiện theo Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]: Trong đó điểm TTTN do khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm, có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của người hướng dẫn và tổ chức cho SV/Nhóm SV báo cáo kết quả TTTN dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...).

Việc đánh giá đồ án tốt nghiệp (ĐATN) thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện ĐA/KLTN ban hành theo Quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10]. Trong đó điểm đánh giá ĐATN là trung bình cộng điểm đánh giá của người phản biện và các thành viên hội đồng. Để có đủ điều kiện làm ĐATN, SV cần đạt điểm trung bình chung tích lũy từ khá trở lên, trường hợp SV không đủ điều kiện làm ĐATN sẽ học và thi các học phần thay thế do khoa đề xuất và được giám đốc học viện phê duyệt theo Quy định thi

các học phần thay thế tốt nghiệp theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06].

Giai đoạn 2019-2023, Học viện đã ban hành tài liệu hướng dẫn, thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá và đo lường trong giáo dục với những nội dung như: đánh giá, phân loại đánh giá, quy trình đánh giá, các phương pháp đánh giá, một số kỹ thuật để xây dựng công cụ đánh giá dựa trên CDR của từng học phần.

Trong bản mô tả CTĐT ngành ATTT ban hành năm 2022, tại Mục 3. Chuẩn đầu ra ban hành kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-HV 30/12/2022 [H2.02.01.02] có xây dựng ma trận liên kết giữa học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Các phương pháp đánh giá của CTĐT phong phú, đa dạng (chuyên cần, bài tập, thuyết trình, hoạt động, viết, làm việc nhóm, thí nghiệm, thực hành, trắc nghiệm tự luận, vấn đáp, báo cáo), phù hợp với CDR của CTĐT ngành ATTT. Phương pháp đánh giá của từng học phần cụ thể đã được tổ chức hội thảo và thông qua ở cấp bộ môn và cấp khoa trước khi trình giám đốc học viện phê duyệt theo đề cương chi tiết học phần.

Học viện thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đạt được CDR đã được công bố. Việc tổ chức thi kết thúc học phần gồm nhiều phương pháp: tự luận, trắc nghiệm, bán trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, phù hợp với từng môn học, giúp đánh giá khách quan quá trình học tập của người học. Người học phải thể hiện được năng lực tư duy, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề với yêu cầu nhất định. Cụ thể:

- Đối với các môn học trên lớp, việc đánh giá quá trình được thực hiện bởi giảng viên (theo dõi chuyên cần và các bài kiểm tra định kỳ); việc đánh giá kết thúc học phần do Trung tâm KT&ĐBCLGD là đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức thi;

- Đối với các môn học thực hành, các khoa chủ trì việc tổ chức đánh giá thông qua các sản phẩm, báo cáo của sinh viên như các môn kiến tập, thực tập, thực hành nghề nghiệp;

- Việc thiết kế nội dung kiểm tra, đánh giá từng học phần bám sát ma trận CDR đã được công bố về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Thông qua nội dung nêu trên, các hoạt động và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR qua việc đánh giá học phần với đề thi có đáp án, thang điểm đánh giá và các mức độ đạt được của từng SV từ không đạt đến khá, giỏi để đo mức độ đạt được của CDR từng học phần; Đề án tốt nghiệp được giao cho SV khá giỏi thực hiện và do hội đồng đánh giá để đo CDR theo

thang điểm cụ thể. Mặc dù việc kiểm tra, đánh giá để đo mức độ đạt được của CĐR từng học phần đã được thực hiện, nhưng trong một số học phần, việc kiểm tra, đánh giá vẫn phần nhiều mang tính chất định tính, thiếu định lượng cụ thể.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống quy định, quy trình, tài liệu hướng dẫn đầy đủ và tạo sự đồng bộ, thống nhất giữa các đơn vị, GV, SV trong quá trình thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc kiểm tra, đánh giá trong một số học phần vẫn phần nhiều mang tính chất định tính, thiếu định lượng cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Khoa ATTT chủ trì phối hợp với Phòng Đào tạo rà soát, chỉnh sửa phương pháp, nội dung kiểm tra, đánh giá trong một số học phần nhằm tăng tính định lượng.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học CTĐT ngành ATTT được quy định tại Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2018 [H5.05.01.02] và năm 2021 [H5.05.01.03]. Tại Quy chế đào tạo năm 2021, quy định cụ thể như sau:

- Thời gian: Mỗi học kỳ chỉ tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần (gọi là kỳ thi chính) và một kỳ thi phụ dành cho SV chưa dự thi kỳ thi chính có lý do chính đáng và đã được chấp nhận (nếu có). Trường hợp đặc biệt do giám đốc học viện quyết định.

- Hình thức thi kết thúc học phần: bài thi kết thúc học phần được thực hiện bằng một trong các hình thức như thi viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên. Hình thức thi của từng học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và được giám đốc Học viện phê duyệt.

- Hình thức đánh giá trực tuyến: Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi cần đảm bảo sự trung thực, công bằng, khách quan và trọng số của điểm đánh giá bằng hình thức trực tuyến không được vượt quá 50%.

- Cách tính điểm thành phần và điểm học phần: Điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân; điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận (điểm thành phần) nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến một chữ số thập phân; điểm liệt quy định cho các thành phần của học phần là 0 điểm.

- Đánh giá lớp học phần

(1) Đánh giá lớp học phần là một trong những biện pháp quan trọng trong công tác đảm bảo CLGD. Việc đánh giá lớp học phần được tiến hành thông qua thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau về nội dung học phần, tổ chức lớp học phần, các hoạt động dạy và học của mỗi lớp học, từ đó đưa ra đánh giá kết luận để có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Các nguồn thông tin có thể bao gồm:

- + Ý kiến phản hồi từ cán bộ phụ trách lớp học phần và các cán bộ khác;
- + Ý kiến phản hồi từ phía SV của lớp học phần;
- + Thông tin kiểm tra giảng dạy từ Tổ công tác dự giờ;
- + Thống kê điểm đánh giá học phần của lớp học phần.

(2) Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị tổ chức việc đánh giá lớp học phần cuối mỗi học kỳ, năm học. Các kết quả đánh giá lớp học phần được báo cáo trực tiếp với giám đốc học viện. Giám đốc học viện quyết định hình thức sử dụng các kết quả đánh giá lớp học phần và chỉ đạo thực hiện biện pháp điều chỉnh cần thiết.

Toàn bộ 54/54 đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành ATTT năm 2022 [H1.01.01.03] và các ĐCCT được Học viện ban hành năm 2022 [H2.02.02.01] đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp, thực hành...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn đầu ra học phần.

Tại Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học, cao đẳng chính qui theo học chế tín chỉ đã quy định cụ thể thời gian, hình thức thi và phúc khảo kết quả thi [H5.05.01.05], [H5.05.01.06]. Nội dung và phương pháp đánh giá được các GV thay đổi cho phù hợp với nội dung của học phần theo đề cương chi tiết của các học phần.

Việc đánh giá kết quả học tập của người học thường xuyên suốt trong quá trình học tập thông qua các hình thức như: thi viết tự luận, thi trắc nghiệm khách quan, thi trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan, thi kết hợp viết và trắc nghiệm khách quan bằng máy tính, thi vấn đáp, thi thực hành, viết tiểu luận,

bài tập lớn, đồ án, bảo vệ chuyên đề... tùy theo tính chất từng học phần. Đánh giá định kỳ (bài kiểm tra) là đánh giá kết quả học tập của SV sau khi hoàn thành một phần chương trình của học phần. Điểm học phần là trung bình cộng theo trọng số của điểm đánh quá trình và điểm thi kết thúc học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân (đối với những học phần có thi kết thúc học phần). Đánh giá kết quả học tập một học phần trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06]. Cụ thể, Điều 8 trình bày kết cấu điểm thành phần, thi kết thúc học phần, điểm tổng kết học phần đối với học phần. Các thông tin về cơ chế phản hồi, khiếu nại phúc tra được trình bày rõ tại Điều 10. Khiếu nại điểm, phúc khảo điểm bài thi kết thúc học phần. Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kỳ thi cuối kỳ được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo và Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần ĐH, CĐ theo học chế tín chỉ.

Việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp thực hiện theo Quy định về tổ chức thực tập tốt nghiệp hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN [H5.05.01.09]. Học viện tổ chức xét cho SV đủ điều kiện đăng ký thực tập và viết chuyên đề thực tập cuối khóa theo 02 đợt trong tháng 01 và tháng 07; thời gian thực tập cuối khóa tại cơ sở là từ 05 đến 06 tuần; việc đánh giá học phần TTTN diễn ra vào tuần cuối của đợt thực tập, SV nộp quyền có xác nhận của cơ sở thực tập cho GV hướng dẫn để chấm điểm TTTN; điểm TTTN do khoa tổ chức đánh giá, chấm điểm, có tham khảo điểm của cơ sở thực tập, của người hướng dẫn và tổ chức cho SV/ Nhóm SV báo cáo kết quả TTTN dưới hình thức phù hợp (vấn đáp hoặc chấm điểm báo cáo...).

Việc đánh giá ĐATN thực hiện theo quy trình tổ chức thực hiện ĐA/KLTN ban hành theo quyết định 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011 [H5.05.01.10]. Trong đó quy định cụ thể về thời gian giao ĐA/KLTN; hình thức đánh giá thông qua hội đồng chấm ĐA/KLTN; ĐA/KLTN được đánh giá bởi ba loại điểm: Điểm đánh giá của người hướng dẫn; điểm đánh giá của người phản biện và điểm do các thành viên hội đồng chấm; Điểm đánh giá ĐA/KLTN là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng, người phản biện và người hướng dẫn, được làm tròn đến phần nguyên.

Học viện giao nhiệm vụ cho Phòng Giáo vụ tổ chức xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và kế hoạch thi; giao nhiệm vụ cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức các kỳ thi. Đầu năm học, Học viện ban hành văn bản “Kế hoạch đào tạo năm học” trong đó ghi rõ thời gian cụ thể (tuần) trong học kỳ sẽ thi kết thúc học

phần và thường được tổ chức vào tuần thứ 18 của học kỳ; Học viện ban hành lịch thi và thực hiện và đánh giá ĐA/KLTN hoặc thi tốt nghiệp. Kế hoạch đào tạo năm học được gửi đến các đơn vị quản lý và các khoa để thông báo cho SV, GV; được công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/giaovu> để các đối tượng liên quan được biết [H5.05.02.01].

Trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, Trung tâm KT&ĐBCLGD phổ biến cho SV quy chế đào tạo có nội dung kiểm tra đánh giá và quy định thi, kiểm tra trong quá trình học tập tại Học viện [H5.05.02.02]. Kế hoạch đào tạo toàn khóa học được in trong Sổ tay SV và được phát cho SV trong “*Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học*” với các mốc thời gian học, nghỉ lễ tết, ôn và thi cuối kỳ được trình bày cụ thể trong cuốn hướng dẫn này tại mục kế hoạch đào tạo toàn học viện theo từng năm học [H5.05.02.03].

Trước mỗi học kỳ, Phòng Giáo vụ thông báo thời khóa biểu của từng học phần trên website Học viện và SV đăng ký học online trên hệ thống QLĐT: <http://qltd.ptit.edu.vn> [H5.05.02.04].

Trong tiết học đầu tiên của học phần, GV giảng dạy học phần có trách nhiệm thông báo tới SV nội dung về tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn học phần, giúp SV hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của học phần qua đề cương chi tiết học phần được Học viện phê duyệt [H2.02.01.02].

Các hình thức kiểm tra đánh giá KQHT của người học được phổ biến rộng rãi và công khai tại kế hoạch thi kết thúc học phần, thi lại, thi cải thiện điểm trong từng học kỳ [H5.05.02.05]; Kế hoạch thi và bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cuối khóa [H5.05.02.06]. Đồng thời SV có thể tra cứu thông tin về các quy định, hướng dẫn liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập trên website Học viện hoặc Fanpage của Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục với nội dung đăng tải các thông tin liên quan về đánh giá kết quả học tập của người học [H5.05.02.07].

Thực hiện chương trình chuyển đổi số, mỗi SV Học viện được cấp mã định danh để truy cập phần mềm PTIT-Slink khai thác các thông tin liên quan đến SV trong quá trình học tại học viện thông qua điện thoại di động ở mọi lúc, mọi nơi [H5.05.02.08].

Mặc dù Học viện có hệ thống văn bản về đánh giá KQHT của người học tương đối đầy đủ, nhưng các quy định, hướng dẫn về thi/đánh giá kết quả học tập ở nhiều văn bản khác nhau nên chưa thuận tiện cho việc triển khai thực hiện.

2. Điểm mạnh

Phần mềm PTIT-Slink giúp SV có thể truy cập khai thác thông tin đầy đủ, mọi lúc, mọi nơi trong thời gian học tập tại Học viện.

3. Điểm tồn tại

Các quy định, hướng dẫn về thi, đánh giá kết quả học tập ở nhiều văn bản khác nhau nên chưa thuận tiện cho việc triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Trung tâm KT&ĐBCLGD nghiên cứu, rà soát hệ thống văn bản, các quy định về thi, đánh giá kết quả học tập có tính tích hợp, đồng bộ để thuận tiện hơn trong việc triển khai thực hiện và đăng tải trên website Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác đánh giá kết quả học tập được nêu tại Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện ban hành năm 2021 [H5.05.01.03] và Quy định thi kết thúc học phần [H5.05.01.05], [H5.05.01.06], cụ thể: Bài thi kết thúc học phần được thực hiện bằng một trong các hình thức như thi viết (tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp các hình thức trên, được quy định tại bản mô tả chương trình đào tạo đại học ngành ATTT năm 2022 [H2.02.01.02] và đề cương chi tiết học phần trong CTĐT ngành ATTT được giám đốc Học viện phê duyệt [H2.02.02.06] trên cơ sở Khoa ATTT đề xuất hình thức và phương pháp đánh giá phù hợp đối với CĐR của CTĐT và CĐR của từng học phần.

Quy định hình thức thi kết thúc học phần [H5.05.01.06] nêu rõ hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần, đồng thời được quy định trong đề cương chi tiết học phần và được giám đốc Học viện phê duyệt tất cả đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đều nêu rõ hình thức, thời gian, tiêu chí, trọng số điểm kiểm tra đánh giá (thi viết, thi vấn đáp, thực hành...), đặc biệt chú trọng việc xây dựng thang đánh giá gồm: tiêu chí đánh giá về nhận thức, kỹ năng, thái độ; mức độ thành tích đạt được theo yêu cầu của chuẩn học phần.

Năm 2023, Học viện đã ban hành hướng dẫn về việc xây dựng và quản lý sử dụng ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm trình độ ĐH ban hành theo Quyết định số 405/HD-HV ngày 21/04/2023, trong đó có nội dung quy định về việc xây dựng ma trận ngân hàng câu hỏi thi và ma trận đề thi [H5.05.03.08].

Khoa sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp để đạt được CDR đã được công bố. Việc tổ chức thi kết thúc học phần gồm nhiều phương pháp: tự luận, trắc nghiệm, bán trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, phù hợp với từng môn học, giúp đánh giá khách quan quá trình học tập của người học. Người học phải thể hiện được năng lực tư duy, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề với yêu cầu nhất định. Cụ thể:

- Đối với các môn học trên lớp, việc đánh giá quá trình được thực hiện bởi giảng viên (theo dõi chuyên cần và các bài kiểm tra định kỳ); việc đánh giá kết thúc môn học/học phần do Trung tâm KT&ĐBCLGD là đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức thi;

- Đối với các môn học thực hành, Khoa chủ trì việc tổ chức đánh giá thông qua các sản phẩm, báo cáo của sinh viên (ví dụ các môn kiến tập, thực tập, thực hành nghề nghiệp).

- Việc thiết kế nội dung kiểm tra, đánh giá từng học phần khoa bám sát ma trận CDR đã được công bố về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Cụ thể, trong nhóm học phần chuyên ngành của ngành ATTT có 4 môn áp dụng hình thức thi tự luận gồm: Mật mã học cơ sở, Mật mã học nâng cao, Các kỹ thuật giấu tin, An toàn mạng nâng cao; 9 môn áp dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan: Cơ sở an toàn thông tin, Kiểm thử xâm nhập, Hệ điều hành Windows và Linux/Unix, An toàn mạng, An toàn hệ điều hành, Quản lý an toàn thông tin, An toàn ứng dụng Web và Cơ sở dữ liệu, Kỹ thuật theo dõi, giám sát an toàn mạng, Phân tích mã độc; 2 môn áp dụng hình thức thi thực hành gồm: Thực tập cơ sở và Thực tập tốt nghiệp; 2 môn kết hợp vấn đáp và tiểu luận: Chuyên đề an toàn phần mềm, Chuyên đề an ninh mạng. Trong đó, mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có quy định về trọng số điểm. Trong đó, điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ là 10%; điểm bài tập/tiểu luận là 10-30%; điểm thi kết thúc học phần là 50-70%.

Có thể thấy Khoa ATTT và Trung tâm KT&ĐBCLGD đã sử dụng nhiều sử dụng phương pháp phù hợp để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH để đạt được CDR. Tuy nhiên, trong quá trình đánh giá kết quả học tập, Khoa ATTT và Trung tâm KT&ĐBCLGD chưa thực hiện việc thống kê tỷ lệ SV thi đạt, không đạt của từng học phần để có phương án điều chỉnh NHCHT các học phần trong các kỳ thi đối với các khóa học sau.

Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng, cụ thể:

- Về độ giá trị, Học viện đã ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần theo Quyết định số 685/QĐ-HV ngày 18/9/2018 [H5.05.01.12]. Khoa ATTT đã xây dựng và đảm bảo mỗi học phần đều có ngân hàng câu hỏi thi [H5.05.03.03], hoặc bộ câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, đảm bảo từng câu hỏi đo lường được đúng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ban hành năm 2022.

- Về độ tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kỳ được bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Trung tâm KT&ĐBCLGD [H5.05.03.04]. Bài thi của SV được chấm chi tiết theo đáp án/ hướng dẫn chấm thi với quy trình chấm được chuẩn hóa (đánh số phách, rọc phách, hai GV cùng chấm, lập bảng điểm thi theo số phách, ...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập đã đo lường được mức độ đạt CDR của SV. Điều này được thể hiện ở kết quả khảo sát SV năm học 2020-2021, khảo sát về tính “*công bằng và khách quan trong đánh giá người học*” cho thấy có trên 95% người học hài lòng về kết quả đánh giá. Đồng thời, thống kê số sinh viên phúc tra, phúc khảo điểm thi trong chu kỳ kiểm định cũng cho thấy tỉ lệ người học thắc mắc, khiếu nại về kết quả thi các năm học rất nhỏ, dưới 1% (năm học 2018-2019: 0,11%; năm học 2019- 2020: 0,09%; năm học 2020-2021: 0,42%; năm học 2021-2022: 0,47%).

2. Điểm mạnh

Phương pháp đánh giá kết quả học tập được đa dạng hóa, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng và đáp ứng được mục tiêu đánh giá kết quả học tập của người học theo CDR ngành ATTT. Nhiều học phần chuyên ngành trong CTĐT ngành ATTT áp dụng hình thức thi trên máy và trắc nghiệm đảm bảo độ tin cậy được sử dụng.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình đánh giá kết quả học tập, Học viện chưa thực hiện việc thống kê tỷ lệ SV thi đạt, không đạt của từng học phần để có phương án điều chỉnh NHCHT các học phần trong các kỳ thi đối với các khóa học sau.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa ATTT tổ chức việc thống kê tỷ lệ % SV thi không đạt của từng học phần và mời chuyên gia đến tập huấn cho GV về phương pháp kiểm tra đánh giá để điều chỉnh NHCHT các học phần.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Tiêu chí 5.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. *Mô tả hiện trạng*

Quy định đào tạo đại học theo tín chỉ ban hành năm 2021 [H5.05.01.03]: Tại khoản 2, Điều 29 quy định vào buổi học cuối cùng của mỗi học phần, GV giảng dạy học phần công bố điểm thành phần môn học và điều kiện dự thi kết thúc học phần cho sinh viên, lập danh sách SV dự thi gửi Trung tâm KT&ĐBCLGD chậm nhất 3 ngày trước ca thi; tại Điều 33 quy định cảnh báo kết quả học tập là hình thức cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập yếu kém của bản thân, đồng thời là cơ sở để xem xét điều kiện buộc thôi học và thời điểm cảnh báo học tập vào cuối mỗi học kỳ là cơ sở để sinh viên xem xét, lập kế hoạch cải thiện kết quả học tập sau từng học kỳ.

Tại khoản 2, Điều 23, của Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi học phần thay thế thi tốt nghiệp trình độ đại học quy định "*Điểm học phần được thông báo sau ngày thi học phần đó chậm nhất 15 ngày trên website của Học viện hoặc tại các Apps ứng dụng, phần mềm quản lý của Học viện*"... [H5.05.01.06].

Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học [H5.05.02.02], sinh viên nhập học được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập của NH. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/> và trong cuốn Sổ tay sinh viên được phát cho SV khi nhập học [H5.05.02.03]; được Phòng Giáo vụ đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/giaovu/> và Trung tâm KT&ĐBCLGD thông báo, hướng dẫn SV trong từng kỳ thi trên website Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/ttk/>.

Năm 2021, thực hiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo, Học viện đã triển khai phần mềm ứng dụng quản lý hệ thống PTIT S-link. Phần mềm này hỗ trợ người học tra cứu kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện trên mọi thiết bị di động [H5.05.02.08] và qua bản in cứng gửi Phòng Giáo vụ. Các trường hợp khiếu nại, phúc khảo của sinh viên đều được giải quyết kịp thời.

Hồ sơ, kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu khi được yêu cầu trên phần mềm QLĐT

EduSoft qua tài khoản email sinh viên được Học viện cấp ngay sau khi nhập học [H5.05.02.04].

Khi kiểm tra giữa kỳ để xác định điểm thành phần của môn học, GV có chữa bài kiểm tra, phân tích kết quả để định hướng SV, chỉ rõ điểm mạnh và điểm yếu của SV theo từng môn học, giúp SV có phương pháp và ý thức học tập tốt hơn. Tuy nhiên, việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm trước khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý.

Một tuần trước thời gian thi của học phần theo kế hoạch thi, GV nhập điểm thành phần trên hệ thống quản lý đào tạo và hoàn thiện danh sách SV đủ điều kiện dự thi gửi cho Trung tâm KT&ĐBCLGD và lưu bản sao tại khoa [H5.05.04.01] và trong buổi học cuối của học phần, SV được GV công bố điều kiện dự thi kết thúc học phần theo quy định.

Mười ngày sau khi thi kết thúc học phần đối với hình thức thi tự luận, SV được Trung tâm KT&ĐBCLGD công bố kết quả thi và điểm học phần trên website Học viện [H5.05.04.02] để SV có thể biết được KQHT của từng học phần. Đồng thời, Bảng điểm học phần được gửi Phòng Giáo vụ để xét cảnh báo học vụ và lưu bản gốc tại Trung tâm KT&ĐBCLGD [H5.05.04.03].

Bên cạnh việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học trong đánh giá quá trình và sau các kỳ thi kết thúc học phần, việc phản hồi về kết quả đánh giá người học còn được thực hiện thông qua việc cảnh báo học vụ của phòng Giáo vụ khi tổng hợp kết quả học tập của người học vào cuối mỗi học kỳ [H5.05.04.04][H5.05.02.08]. Sau khi có kết quả học tập và rèn luyện, vào cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, Phòng CT&CTSV liên hệ với gia đình để thông báo kết quả học tập và rèn luyện đối với những trường hợp tạm dừng học do nghỉ học không có lý do và trường hợp buộc thôi học do học kém để gia đình nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của SV, từ đó giúp SV có những điều chỉnh phù hợp nhằm cải thiện kết quả học tập của NH.

Toàn bộ hồ sơ đánh giá kết quả học tập của người học trong toàn khóa học được lưu giữ đầy đủ bản cứng tại Trung tâm KT&ĐBCLGD và file dữ liệu trên Phần mềm quản lý đào tạo Edusoft theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu khi được yêu cầu [H5.05.02.04]. Nhờ việc thông tin kịp thời và nhanh chóng thông qua hệ thống phần mềm như PTIT-Slink và Edusoft [H5.05.02.04], NH có thể lập kế hoạch đăng ký học, học lại, học cải thiện điểm phù hợp với tiến độ học tập. SV có thể dựa vào KQHT và điểm rèn luyện của từng kỳ, căn cứ vào quyết định cảnh báo học vụ theo học kỳ để lập

kế hoạch học tập phù hợp, tránh được tình trạng bị buộc thôi học khi bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp.

Biên bản họp lớp của SV ngành ATTT cho thấy không có sự phản nản về vấn đề công bố, phản hồi kết quả học tập. Kết quả khảo sát cho thấy trên 99% SV hài lòng về thực tế công bố, phản hồi kết quả học tập của Khoa và Học viện.

2. Điểm mạnh

Người học nhận được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời và chính xác thông qua các hệ thống trực tuyến như PTIT-Slink và Edusoft.

3. Điểm tồn tại

Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm trước khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2024-2025, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với các khoa bổ sung quy định GV phải thông báo điểm kiểm tra giữa kỳ sớm hơn (ngay vào tuần tiếp theo sau khi kiểm tra giữa kỳ) để SV có thể điều chỉnh lại phương pháp học tập nhằm nâng cao kết quả học tập của bản thân.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 5.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Toàn bộ quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH được chi tiết và cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi các học phần thay thế tốt nghiệp theo Quyết định số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.06]. Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 và Quyết định số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Tất cả các văn bản trên đều được Trung tâm KT&ĐBCLGD phổ biến cho SV trong trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, khóa học [H5.05.02.02]. Đồng thời, sinh viên còn được phổ biến quy trình khiếu nại về kết quả học tập trước khóa học tại Sổ tay sinh viên được phát cho SV khi nhập học [H5.05.02.03].

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/giaovu> và trước mỗi học kỳ, cố vấn học tập có phổ biến quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập tại các cuộc họp với lớp SV [H5.05.04.07]. Hiện tại, phần mềm quản lý đào tạo Edusoft chưa có chức năng cho phép

phúc khảo bài thi trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

Trong từng học kỳ, sau khi có điểm thi của tất cả các môn thi trong kỳ thi, toàn bộ điểm sẽ được đồng bộ vào tài khoản cá nhân của SV tại phần mềm quản lý đào tạo Edusoft và phần mềm ứng dụng PTIT-Slink; đồng thời thông báo trên website của Học viện về thời gian nhận đơn phúc tra [H5.05.05.01]. Sau khi kết thúc thời gian nhận đơn phúc tra, Trung tâm KT&ĐBCLGD tập hợp đơn, lập danh sách và rút bài phúc khảo của SV và bàn giao cho các khoa/bộ môn có SV đề nghị phúc khảo bài thi. Bộ môn sẽ nhận bài và phân công 02 GV chấm thi thực hiện. Trong 02 GV chấm phúc khảo, phải có ít nhất 01 GV không chấm thi học phần đó lần đầu. Điểm chấm phúc khảo được ghi vào phiếu chấm điểm phúc khảo bài thi (theo mẫu). Nếu thấy có biểu hiện tiêu cực sẽ xử lý theo quy định. Địa điểm chấm phúc khảo tại phòng chấm thi tập trung. Sau 08 ngày kể từ ngày kết thúc nhận đơn phúc khảo, Trung tâm KT&ĐBCLGD thông báo kết quả tới SV có đơn phúc khảo và thông báo công khai trên website của Học viện (Điều 24 của Quy định tổ chức thi kết thúc học phần).

Báo cáo kết quả chấm thi phúc tra trong giai đoạn 2019-2023 [H5.05.05.02] cho thấy tỷ lệ khiếu nại về kết quả học tập của NH toàn Học viện nhỏ hơn 1,5% tính trên quy mô đào tạo của các ngành học. Cụ thể, năm học 2018-2019 có 22 bài phúc khảo, trong đó có 01 bài thay đổi điểm do khi chấm điểm (bài thi trắc nghiệm trên giấy), cán bộ chấm thi nhầm mã đề của sinh viên; năm học 2020-2021 có 61 bài phúc khảo, trong đó có 01 bài thay đổi 0,5 điểm do giáo viên chấm lần thứ nhất chấm sót ý. Các năm khác không có trường hợp nào phúc khảo. Tất cả các bài thay đổi điểm do lỗi kỹ thuật như chấm sót, cộng nhầm điểm thành phần, hoặc chấm sai mã đề thi trắc nghiệm. Hồ sơ theo dõi việc khiếu nại/kết quả trả lời khiếu nại về KQHT của người học các năm học (đơn đăng ký phúc khảo điểm, hóa đơn nộp tiền, bảng điểm phúc khảo, biên bản đối thoại,...) được lưu tại Trung tâm KT&ĐBCLGD [H5.05.05.03].

2. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện không có đơn thư khiếu nại về công tác chấm thi sau các kỳ thi.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo Edusoft chưa có chức năng cho phép SV phúc khảo bài thi trực tuyến.

4. Kế hoạch hành động

Học kỳ I, năm học 2024-2025, Phòng Giáo vụ phối hợp với đơn vị cung cấp phần mềm nâng cấp các tính năng của phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ như chức năng cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Học viện đã ban hành Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định tổ chức thi kết thúc học phần (trong đó quy định về việc ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần) áp dụng cho thi kết thúc học phần với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Dựa vào các quy định này, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của SV. Quy trình này nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm.

Khoa ATTT cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CDR của CTĐT và đối với CDR mỗi học phần. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đã được khoa sử dụng có tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CDR học phần.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới SV một cách công khai trên các trang website Học viện, khoa. Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, GV và NH được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện và trong Sổ tay sinh viên.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến SV nhằm giúp SV cải thiện việc học tập của mình. Đặc biệt khi SV không thỏa mãn với kết quả học tập của mình sẽ được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và có thể phúc khảo bài thi thông qua một quy trình phúc khảo bài thi quy định chặt chẽ và khoa học.

Các tồn tại bao gồm: Việc kiểm tra, đánh giá trong một số học phần vẫn phần nhiều mang tính chất định tính, thiếu định lượng cụ thể; Chưa phân tích phổ điểm, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và mức độ khó/dễ của các câu hỏi thi/đề thi để điều chỉnh các đề thi phù hợp với yêu cầu đánh giá được CDR của học phần; Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm trước khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý; và Phần mềm quản lý đào tạo Edusoft của Học viện chưa tích hợp chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi của sinh viên vào phần mềm.

Mặc dù còn một số tồn tại, nhưng nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT ngành ATTT được thực hiện một cách chuyên nghiệp, bám sát các hướng dẫn của CTĐT để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí: 4,60/7

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Để thực hiện được sứ mạng và mục tiêu đã đề ra thì một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định việc thực hiện thành công mục tiêu chính là phát triển đội ngũ GV, NCV, cũng như thường xuyên quan tâm để việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của Học viện đạt chuẩn chất lượng cả về giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Kế hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thể hiện trong Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định để đảm bảo thực hiện các mục tiêu của chiến lược đến năm 2025, Học viện phấn đấu có 850 cán bộ, GV (trong đó có 670 giảng viên, cán bộ nghiên cứu); 100% giảng viên đạt chuẩn; thu hút 20 - 25 chuyên gia, giảng viên quốc tế đến làm việc tại Học viện; xây dựng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ (40 - 50 người).

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển, Học viện và Khoa ATTT luôn quan tâm và có kế hoạch xây dựng đội ngũ GV, nghiên cứu viên có trình độ chuyên môn cao, đủ năng lực tham gia công tác giảng dạy, NCKH và đóng góp có hiệu quả cho các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện thực hiện chiến lược, chính sách về thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV nhằm đạt được chiến lược phát triển Học viện. Năm 2020, Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.09] và nội dung bản chiến lược đã được chỉnh sửa, ban hành vào năm 2021, sau khi thành lập Hội đồng Học viện [H1.01.01.10]. Nội dung Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 xác định: *“Triển khai các hoạt động thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025 số lượng lao động của Học viện đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học đề ra, cụ thể đạt 850 cán bộ, với cơ cấu 75% là lao động trực tiếp (nghiên cứu, giảng dạy, kinh doanh trực tiếp); trong đó 100% giảng viên đạt chuẩn, tỷ lệ tiến sĩ đạt trên 50%”*. Nội dung Chiến lược phát triển Học viện phù hợp với kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025 của Bộ Thông tin và Truyền thông theo Quyết định số 212/QĐ-BTTTT ngày 19/02/2021 [H1.01.01.10-1] là *“Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân lực an toàn thông tin mạng nhằm góp phần triển khai thành công chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số xã hội số và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực an toàn thông tin trên trường quốc tế”*.

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên Học viện được nêu cụ thể tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015-2020 [H6.06.01.01] và nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.02]. Nội dung nghị quyết nêu rõ tổng số lao động Học viện đến năm 2025 là 850 người; phát triển đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu. Căn cứ các văn bản nêu trên, Đảng ủy Học viện đã ban hành Nghị quyết về việc về việc thành lập Khoa An toàn thông tin tại văn bản số 206 -NQ/ĐUHV ngày 10/12/2021 [H6.06.01.02-1].

Giai đoạn 2019-2023, công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thực hiện dựa trên đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (PVCD). Hằng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong Học viện thực hiện rà soát tình hình thực tế, các nhiệm vụ mới, thực hiện đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi phòng TCCB-LĐ tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Học viện phê duyệt, trên cơ sở đó Học viện lập kế hoạch nguồn nhân lực cho cả năm và trung hạn.

Học viện thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông [H6.06.01.03], cụ thể: Quyết định số 275-QĐ/BCSĐ

ngày 20/03/2017 của Ban cán sự Đảng Bộ TT&TT về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2020 và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025 của Học viện; Kế hoạch số 797/KH/BCSD ngày 23/10/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Thông tin Truyền thông về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp vụ, cấp phòng và tương đương giai đoạn 2018 - 2020 và nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quyết định số 1331/QĐ-BTTTT ngày 03/8/2020 của Bộ TT&TT về việc phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025 của Học viện và hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Bộ Thông tin Truyền thông theo quy định số 128-QĐ/BCS ngày 31/08/2022; Hướng dẫn về công tác rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Học viện tại văn bản số 128-CV/BCS ngày 31/08/2022.

Căn cứ văn bản nêu trên, Đảng ủy, Hội đồng và Ban giám đốc Học viện ban hành các kế hoạch và quyết định thực hiện công tác quy hoạch các vị trí lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng ban chức năng Học viện, cụ thể: Kế hoạch số 830/KH-HV ngày 02/11/2018 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp Học viện, cấp phòng và tương đương giai đoạn 2018-2020 và nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của ĐUHV về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương VI khóa XII trong việc tái cơ cấu nguồn lực, tăng cường kỷ luật, kỷ cương lao động tại văn bản số 547-NQ/ĐU ngày 06/12/2018; Quyết định số 580/QĐ-HV ngày 12/8/2020 về việc phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 29/03/2021 về việc phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông; Quyết định số 208/QĐ-HV ngày 29/03/2021 về việc phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025 của Cơ sở Học viện tại TP.HCM; Quyết định số 392/QĐ-HV ngày 10/5/2021 về việc phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp bộ môn, cấp phòng các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2021-2025 của Học viện; Kế hoạch số 122/KH-HV ngày 25/02/2021 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo giai đoạn 2021-2025 của Học viện; Kế hoạch số 905/KH-HV ngày 23/9/2022 về việc triển khai công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026-2031; Hướng dẫn số 932/HV-TCCB ngày 29/09/2022 về công tác rà soát quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Học viện; ...

Sau khi thực hiện quy hoạch, Học viện có công văn báo cáo Bộ Thông tin Truyền thông để phê duyệt kết quả xây dựng quy hoạch Ban Giám đốc nhiệm kỳ 2017-2020 và 2020-2025. Đối với cán bộ quản lý (CBQL) các đơn vị, thực hiện hướng dẫn về công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2016-2021, Học viện đã ban hành quyết định phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương giai đoạn 2021-2025 của Học viện.

Đối với các chức danh lãnh đạo, Học viện xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo theo từng giai đoạn và Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2020 và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020-2025. Học viện cũng đã phê duyệt rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương nhiệm kỳ 2020-2025.

Trước năm 2021, công tác bổ nhiệm cán bộ thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm cán bộ Học viện ban hành theo Quyết định số 20/QĐ-TCCB ngày 23/01/2009 [H6.06.01.04] và các quy định, hướng dẫn của Bộ Thông tin Truyền thông. Năm 2021, căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp, người lao động thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo Quyết định số 1929/QĐ-BTTTT ngày 11/11/2020, Học viện đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện theo Quyết định số 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021 [H6.06.01.05]. Quy định này là cơ sở để Học viện chỉ đạo Khoa ATTT thực hiện việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo của khoa và các bộ môn trực thuộc tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trong giai đoạn 2019-2023, Giám đốc Học viện đã ký các quyết định bổ nhiệm 01 trưởng khoa và 01 Trưởng bộ môn thuộc Khoa ATTT [H6.06.01.06]. Các cán bộ được bổ nhiệm theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng bộ môn đều có trình độ tiến sĩ. Công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Học viện tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Bộ Thông tin và Truyền thông; được phổ biến và gửi đến từng đơn vị, cán bộ, viên chức qua đường công văn, hộp thư điện tử của cán bộ theo địa chỉ ... @ptit.edu.vn.

Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định số 1166/QĐ-HV, ngày 24/12/2018 và ngay sau khi thành lập, Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-HĐHV ngày 18/01/2022 về Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện.

Hàng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong Học viện thực hiện đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi Phòng TCCB-LĐ tổng hợp, báo cáo lãnh đạo học viện phê duyệt, trên cơ sở đó Học viện xây dựng kế hoạch lao động hàng năm [H6.06.01.08]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Dựa trên các mục tiêu chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển Học viện, đề án vị trí việc làm và căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, kế hoạch công tác của từng đơn vị, hàng năm Học viện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng lao động, trong đó có việc tuyển dụng giảng viên cho Khoa ATTT [H6.06.01.09]. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng chung, các đơn vị có thể đề xuất các tiêu chí cao hơn tiêu chí theo quy định nhằm đạt được mục đích thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học viện. Nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực ngành ATTT rất cao và có rất nhiều đơn vị trong lĩnh vực ATTT được thành lập và nhiều công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, nên Học viện khó thu hút được GV có trình độ tiến sỹ, học hàm GS, PGS về giảng dạy CTĐT ngành ATTT tại Học viện.

Để giám sát, quản lý công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Học viện, Hội đồng Học viện đã ban hành Quy chế giám sát của Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2020-2025 theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐHV ngày 26/10/2021 [H6.06.01.13]. Giai đoạn 2021-2023, Hội đồng Học viện đã ban hành kế hoạch thực hiện công tác giám sát đối với các lĩnh vực của Học viện, thành lập đoàn kiểm tra giám sát về công tác cán bộ, lao động của Học viện và ban hành kết luận giám sát trong lĩnh vực này. Đồng thời, khi chuyển về trực thuộc Bộ TT&TT, năm 2020, Học viện đã triển khai khắc phục trong công tác tuyển dụng theo kết luận 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban bí thư theo chỉ đạo của Bộ TT&TT tại Hồ sơ triển khai công văn số 4983/BTTTT-TCCB ngày 16/12/2020 của Bộ TTTT về việc khắc phục trong công tác tuyển dụng theo kết luận 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban bí thư [H6.06.01.14].

Công tác tuyển dụng, bố trí công việc, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của GV, NCV được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Luật lao động và Luật Viên chức, cụ thể tại hồ sơ lưu trữ tại Phòng TCCB-LĐ về hợp đồng lao động; các quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của viên chức, người lao động Học viện; các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành [H6.06.01.15]. Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã luân chuyển 124 lượt CBQL các cấp, trong đó có 05 GV của ngành ATTT.

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 đã xác định cụ thể việc thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt trên 50% tổng số GV Học viện.

3. Điểm tồn tại

Học viện còn khó khăn trong việc thu hút được GV có trình độ TS và học hàm GS, PGS về làm công tác giảng dạy tại Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu đề xuất với Giám đốc học viện ban hành cơ chế chính sách nhằm thu hút GV có trình độ cao và học hàm GS, PGS về làm việc tại Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động giảng dạy CTĐT ngành ATTT bao gồm giảng viên Khoa ATTT, Khoa CNTT 2, cán bộ quản lý các đơn vị chức năng học viện và nghiên cứu viên của Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông (CDIT), đơn vị có con dấu trực thuộc Học viện.

Tính đến 31/12/2023, tổng số GV cơ hữu tham gia đào tạo CTĐT ngành ATTT trình độ ĐH của Học viện là 35 người, trong đó có 06 PGS, 13 TS, 15 thạc sĩ và 01 ĐH với cơ cấu theo độ tuổi: 01 người dưới 30 tuổi, 12 người ở độ tuổi 30-40, 13 người ở độ tuổi 41-50, 03 người ở độ tuổi 51-60 và 06 người trên 60 tuổi. Độ tuổi trung bình của GV cơ hữu ngành ATTT là 39,8 tuổi.

Tỷ lệ SV/GV của ngành ATTT tính trung bình 5 năm trong chu kỳ kiểm định CLGD là 18,38 SV/GV. Tỷ lệ này đáp ứng yêu cầu về xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học theo quy định tại Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018.

Ngoài đội ngũ GV cơ hữu, để phục vụ công tác giảng dạy, Khoa ATTT còn mời các GV thỉnh giảng, doanh nghiệp cùng hợp tác giảng dạy nhằm tạo cơ hội để SV tiếp cận sớm nhất với các công nghệ hiện đại và thực tiễn công việc từ các doanh nghiệp cũng như tiếp cận, định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp tại Học viện.

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT quy định số giờ chuẩn giảng dạy của GV [H6.06.02.01], năm 2015, Học viện ban hành Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện theo Quyết định số 914/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.02], theo đó khối lượng công việc của đội ngũ GV được quy đổi theo giờ chuẩn và được cụ thể hóa cho từng đối tượng GV và GV giữ chức vụ quản lý, với định mức chế độ làm việc của GV trong Học viện là 270 giờ/năm. Đồng thời, Học viện ban hành Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ tại các đơn vị thuộc Học viện để làm cơ sở tính khối lượng giảng dạy và NCKH cho nghiên cứu viên, cán bộ quản lý [H6.06.02.03].

Năm 2020, căn cứ quy định của Bộ GD&ĐT về việc quy định chế độ làm việc của GV trong các cơ sở giáo dục đại học [H6.06.02.04], Học viện ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện theo Quyết định số 650A/QĐ-HV ngày 10/9/2020 [H6.06.02.05]. Tuy nhiên, Học viện chưa có quy định cụ thể về số giờ giảng, loại hình và số lượng hoạt động NCKH (đề tài, bài báo quốc tế) cho từng hạng GV, cũng như cho các GV có học hàm GS, PGS.

Học viện ban hành danh mục vị trí công việc đối với cán bộ, giảng viên Khối quản lý đào tạo phía Bắc (QLĐTPB) theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 28/12/2018 và phê duyệt hệ thống bản MTCV chuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối QLĐTPB Học viện theo Tờ trình số 503/TTr-TCCB-LĐ ngày 20/12/2018 [H6.06.02.06], trong đó có nội dung ban hành bản mô tả công việc đối với chức danh giảng viên để làm cơ sở đo lường, đánh giá khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên Học viện.

Trong từng học kỳ, căn cứ bản mô tả công việc của GV, Khoa thực hiện phân công chuyên môn cho GV theo từng bộ môn [H6.06.02.07]. Sau khi GV thực hiện theo bảng

phân công chuyên môn, Học viện thống kê khối lượng công việc của GV và thực hiện qui đổi giờ giảng dạy theo giờ chuẩn [H6.06.02.08]; đối với giờ NCKH, Học viện tiến hành rà soát thống kê giờ NCKH và giảng dạy để có căn cứ thực hiện theo quy định về NCKH đối với GV [H6.06.02.09]. Đối với trường hợp GV thiếu giờ NCKH sẽ được quy đổi từ giờ giảng theo quy định. Đối với nghiên cứu viên của Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông và cán bộ quản lý các đơn vị chức năng Học viện phải thực hiện giờ giảng theo quy chế kiêm giảng của Học viện và chủ yếu tập trung vào công tác NCKH, hướng dẫn SV thực tập, làm đồ án tốt nghiệp [H6.06.02.10].

Học viện có quy định, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên. Thể hiện tại các văn bản như: Quy định đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối Quản lý đào tạo phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26 tháng 3 năm 2018 [H6.06.02.11]; Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện ban hành theo Quyết định số 370/QĐ-TCCB ngày 27 tháng 6 năm 2012 [H6.06.02.12], trong đó xác định cụ thể các tiêu chí phân loại GV theo mức A, B, C với mục tiêu khuyến khích GV chủ động đăng ký học tập để đạt trình độ tiến sỹ và tiếng Anh đạt chuẩn B2 theo khung tham chiếu châu Âu, việc này góp phần quan trọng để giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH của GV Học viện; Quyết định về việc sửa đổi bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện giảng dạy của giảng viên tại Học viện [H6.06.02.13].

Phòng Giáo vụ tổ chức việc giám sát thời gian lên lớp của GV thông qua việc ghi Sổ nhật ký giảng dạy của GV trong từng kíp học, đảm bảo GV lên lớp đúng giờ và sổ được lưu trữ tại phòng giáo vụ [H6.06.02.14]; Tổ Thanh tra thuộc Văn phòng Học viện có nhiệm vụ thanh tra định kỳ việc chấp hành nội quy, thời gian lên lớp đối với GV trên giảng đường [H6.06.02.15].

Sau từng học kỳ, Trung tâm KT&ĐBCLGD lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên với Phiếu khảo sát gồm 10 tiêu chí và kết quả khảo sát được báo cáo LĐHV để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Học viện và công bố công khai để lãnh đạo Khoa nắm rõ tình hình giảng dạy chung của khoa và giúp GV có phương hướng điều chỉnh hoạt động giảng dạy [H3.03.02.01].

Để định hướng cho các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCD) của cán bộ, GV, Học viện đã ban hành Quy định các hoạt động kết nối và PVCD tại Học viện theo Quyết định số 334/QĐ-HV ngày 29/4/2021; Quyết định thành lập Ban chỉ đạo các hoạt động kết nối

và phục vụ cộng đồng năm 2021 và 2022; Kế hoạch các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng năm học 2021-2022 [H6.06.02.16]. Căn cứ hướng dẫn của Học viện, Khoa ATTT chủ động tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Tham gia bồi dưỡng các đội tuyển SV tham gia các kỳ thi ATTT; quyên góp tiền ủng hộ đồng bào khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; ... thông qua báo cáo công tác kết nối và phục vụ cộng đồng năm 2021. Tuy nhiên, Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động PVCD chưa được thuận lợi.

Căn cứ khối lượng công việc thực tế thực hiện được Học viện giao về giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng trong từng năm học, GV tự đánh giá kết quả thực hiện công việc có đánh giá của khoa và gửi Học viện phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại CBGV của Khoa ATTT hàng năm [H6.06.02.17]. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng hàng năm cho thấy đội ngũ GV của Khoa ATTT đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, 100% GV khoa đều hoàn thành khối lượng công việc theo quy định. Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức của Khoa ATTT trong 5 năm giai đoạn 2019-2023 đạt 15% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 50% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 35% hoàn thành nhiệm vụ. 100% GV Khoa ATTT đều đạt mức từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Kết quả đánh giá mức khuyến khích giảng viên giai đoạn 2019-2023 cho thấy tỷ lệ trung bình GV của Học viện đạt mức A là 46,22%; mức B là 33,78% và mức C là 20%, trong đó riêng GV của Khoa ATTT được đánh giá loại A dao động từ 90% - 96% [H6.06.02.18].

Thông qua hội nghị cán bộ viên chức và các báo cáo tổng kết hàng năm của Học viện và Khoa ATTT, GV không có phản nản, khiếu nại về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá của Khoa và Học viện về các công việc GV đã thực hiện [H4.04.01.06], [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/NH của CTĐT ngành ATTT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng không thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các khoa nghiên cứu xây dựng các tiêu chí định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. *Mô tả hiện trạng*

Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định số 1166/QĐ-HV, ngày 24 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 51/NQ-HĐHV, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng nói chung, các đơn vị có thể đưa ra các tiêu chí cao hơn tiêu chí theo quy định nhằm đạt được mục đích thực hiện chiến lược nhân sự của Học viện. Đồng thời, các tiêu chí tuyển dụng còn được quy định cụ thể tại Danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng ban hành theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06] và Khung năng lực, bản mô tả công việc theo Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014, được hiệu chỉnh, ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01].

Dựa trên các mục tiêu của chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong Chiến lược phát triển Học viện và Đề án vị trí việc làm; căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, kế hoạch công tác của từng đơn vị, hàng năm Học viện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng lao động, trong đó xác định rõ quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp [H6.06.01.09].

Để đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ GV, Học viện đã xây dựng chính sách thu hút và ưu đãi đối với đội ngũ GV như: Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện [H6.06.01.05]; Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động [H6.06.01.07]; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Học viện [H6.06.01.11]; Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên và giảng viên thỉnh giảng tại Học viện [H6.06.02.02]; Quy định chính

sách hỗ trợ kinh phí viên chức, người lao động trong Học viện được cử đi đào tạo tiến sĩ trong nước giai đoạn 2021-2025; ... Các văn bản trên đã thể hiện chính sách ưu đãi của Học viện đối với việc thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV, tuy nhiên, số GV được tuyển dụng chỉ đáp ứng được trên 70% so với chỉ tiêu cần tuyển do các chính sách ưu đãi chưa thực sự tạo bước đột phá và mức độ cạnh tranh cao trong xã hội, nhất là các GV trẻ, GV có học vị TS và học hàm cao PGS, GS.

Thông báo tuyển dụng GV các năm từ 2019 đến 2023 [H6.06.03.02] đều nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng GV ngành ATTT với các tiêu chí cơ bản: có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; có đạo đức tốt, sức khỏe tốt; có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; yêu nghề, gắn bó với Học viện. Trong đó, các điều kiện ưu tiên chung đối với các ứng viên vào vị trí GV: Có trình độ tiến sĩ; được đào tạo ở nước ngoài; có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5 hoặc tương đương trở lên; đang là GV hoặc có kinh nghiệm giảng dạy, quản lý giáo dục, nghiên cứu khoa học; có kết quả biên soạn tài liệu, bài giảng, công trình nghiên cứu khoa học đã công bố; tuổi dưới 40 (đối với tiến sĩ tuổi dưới 45); chế độ đãi ngộ: Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, có cơ hội thăng tiến; được tạo điều kiện ra nước ngoài hợp tác giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy tối đa năng lực của bản thân và phát triển nghề nghiệp; được hưởng thu nhập theo vị trí việc làm, tương xứng với năng lực và kết quả công tác; được hưởng đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT theo quy định của Nhà nước. Sau khi có kết quả trúng tuyển, các GV được bố trí sinh hoạt chuyên môn tại khoa và sẽ được một GV hướng dẫn trực tiếp, hỗ trợ cho GV mới được tuyển dụng. Thông báo tuyển dụng được đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ: Portal.ptit.edu.vn/hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong-thong-bao-tuyen-dung/ và trên các báo việc làm và các trang mạng xã hội về tuyển dụng [H6.06.03.03].

Tiêu chí đề bạt và bổ nhiệm các vị trí cán bộ của Học viện đã được thể hiện trong Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái viên chức quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 445/QĐ-HV ngày 01/6/2021 [H6.06.01.05] nêu rõ nguyên tắc; điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, quy trình bổ nhiệm; bổ nhiệm lại và kéo dài thời gian giữ chức vụ; quy định về thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động viên chức quản lý; quy định về biệt phái cán bộ của Học viện. Tùy từng vị trí được bổ nhiệm, Quy chế quy định rõ ràng

về các tiêu chí về đạo đức, về trình độ chuyên môn, bằng cấp, các yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, quy trình bổ nhiệm. Đối với vị trí lãnh đạo, quản lý yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ viên chức trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc. Tùy từng vị trí quản lý là các khoa hay các phòng ban chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý.

Hàng năm, Học viện thành lập Hội đồng tuyển dụng GV cho từng khoa để xét tuyển hồ sơ trên cơ sở trình độ, kết quả/thành tích học tập/nghiên cứu, kinh nghiệm tích lũy ứng viên và sự phù hợp với ngành học, ngành đào tạo. Các ứng viên có hồ sơ đủ điều kiện sẽ được mời tham dự vòng kiểm tra, sát hạch gồm: phỏng vấn trao đổi, đánh giá năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, khả năng sư phạm, giảng thử [H6.06.03.04].

Kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm và bố trí sắp xếp nhân sự của Học viện được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng: trên website của Học viện <http://ptit.edu.vn>, báo in và gửi qua hệ thống văn bản nội bộ của HV, treo tại bảng tin của Phòng TCCB-LĐ và gửi qua email tới ứng viên.

Trong chu kỳ KĐCL, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng, Học viện đã tuyển dụng được 180 nhân sự, trong đó có 53 tiến sỹ, 104 thạc sỹ và 19 cử nhân (hướng dẫn thực tập và làm việc hành chính). Trong đó tuyển dụng được 166 GV và tuyển bổ sung 09 GV cho Khoa ATTT [H6.06.03.05].

Trong giai đoạn 2019 - 2023, trên cơ sở quy hoạch và kết quả đánh giá năng lực đội ngũ CBQL, Học viện đã bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, luân chuyển 124 lượt CBQL các cấp (trong đó, Ban Giám đốc: bổ nhiệm mới 01 nhân sự, bổ nhiệm lại 04 nhân sự; luân chuyển 09 nhân sự; bổ nhiệm mới 68 trưởng, phó khoa/phòng/bộ phận; bổ nhiệm lại 40 nhân sự). Các nhân sự được bổ nhiệm theo đúng quy hoạch.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa có chính sách và cơ chế đặc thù tạo đột phá để thu hút GV có học vị TS và học hàm cao PGS, GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các khoa nghiên cứu, xây dựng chính sách và cơ chế đặc thù với những chế độ đãi ngộ có mức hấp dẫn cao hơn để có thể cạnh tranh thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sĩ và học hàm PGS, GS về làm GV cơ hữu của Học viện, đặc biệt là GV ngành ATTT.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ CB, GV của Học viện được quy định tại Khung năng lực và bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01] và Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/4/2021 của Hội đồng Học viện [H4.04.01.04]. Đề án vị trí việc làm trình bày tóm tắt công việc, nội dung, yêu cầu về năng lực, trách nhiệm cụ thể từng chức danh, vị trí làm việc, khối lượng, tần suất thực hiện, ... và xác định các tiêu chí về năng lực đội ngũ GV về trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên và tiếng Anh trình độ B1, năng lực NCKH, năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH, năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, năng lực nghiên cứu. Tuy nhiên, chức danh GV chỉ quy định năng lực chung của GV, chưa mô tả cụ thể vị trí việc làm của GV có trình độ TS và học hàm GS, PGS.

Căn cứ Đề án việc làm, Học viện xây dựng bản mô tả công việc của các vị trí công việc trong khoa (trưởng, phó khoa; trưởng/phó BM; GV) [H6.06.04.01]. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

Học viện đã giao Phòng TCCB-LĐ tham mưu, theo dõi, tổng hợp về đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, và phụ trách công tác thi đua khen thưởng [H6.06.04.02]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được sử dụng để xem xét, đánh giá xếp loại viên chức và được lấy làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua, khen thưởng và để làm căn cứ xem xét cử CB, GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn.

Việc đánh giá năng lực của GV được thực hiện định kỳ theo từng thời điểm trong năm và dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể, có 6 hình thức đánh giá:

- Đánh giá hàng tháng:

+ Để đánh giá GV hàng tháng, Học viện ban hành Quy chế trả lương của Khối Quản lý và Đào tạo phía Bắc theo Quyết định số 468/QĐ-TCCB ngày 26/7/2012 [H6.06.04.03]; Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QLĐT phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 [H6.06.02.11]; Quyết định sửa đổi bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên tại Học viện ban hành theo Quyết định số 650A/QĐ-HV ngày 10 tháng 9 năm 2020 [H6.06.02.05].

+ Cuối mỗi tháng, khoa họp xét chất lượng công tác, đánh giá năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của từng GV và gửi kết quả đánh giá về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp, họp Hội đồng lương xác định mức lương chi trả hàng tháng cho từng cán bộ, GV [H6.06.04.04]. Đồng thời, hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân VCNLD hàng tháng được lưu tại Phòng TCCB-LĐ Học viện.

- Đánh giá theo quý:

+ Căn cứ quy định và hướng dẫn của Bộ TT&TT tại Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức ban hành theo Quyết định số 2276/QĐ-BTTTT ngày 23/12/2020 và Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức năm 2021 theo công văn số 643/TCCB ngày 10/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông [H6.06.04.05], Học viện ban hành công văn hướng dẫn về việc đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (887/HV-TCCB ngày 20/11/2020) và văn bản hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại VC, NLD theo quý [H6.06.04.06].

+ Thực hiện hướng dẫn của Học viện, các khoa triển khai đánh giá GV theo các tiêu chí đánh giá viên chức của Bộ TT&TT và kết quả đánh giá được gửi về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp theo quý báo cáo Bộ TT&TT. Quy trình đánh giá được cụ thể như sau: GV tự đánh giá theo mức điểm của từng tiêu chí với tổng điểm 100, sau đó khoa tổ chức cuộc họp cán bộ chủ chốt đánh giá từng GV, xác nhận kết quả đánh giá gửi Phòng TCCB-LĐ. Các phiếu đánh giá từng cá nhân có xác nhận của trưởng khoa được lưu tại Phòng TCCB-LĐ.

- Đánh giá theo học kỳ: Công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện thông qua việc Trung tâm KT&ĐBCLGD triển khai lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV đối với mỗi học phần thông qua phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV tại quy định lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng

dạy của giảng viên ban hành theo Quyết định số 816/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H6.06.04.07]. Qua báo cáo kết quả khảo sát của Trung tâm KT&ĐBCLGD [H3.03.02.01] cho thấy đa số các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học, trên 90% SV đánh giá tốt về hoạt động giảng dạy của GV Khoa ATTT.

- Đánh giá cuối năm:

+ Xác nhận khối lượng giảng dạy: Phòng Giáo vụ tổng hợp khối lượng giảng dạy của từng GV, gửi khoa để đối chiếu, xác nhận việc hoàn thành giờ giảng của GV [H6.06.04.08].

+ Xác nhận giờ NCKH: Phòng QL KHCN-HTQT xác nhận giờ NCKH của từng GV căn cứ kết quả thực hiện hoạt động NCKH từng GV trong năm [H6.06.04.09].

- Đánh giá theo đăng ký của GV trong từng năm học:

+ Với mục tiêu từng bước nâng cao trình độ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ của đội ngũ GV Học viện, Học viện ban hành Quy định tạm thời về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện theo Quyết định số 370/QĐ-TCCB ngày 27/6/2012 [H6.06.04.10].

+ Vào đầu mỗi năm học, Học viện tổ chức cho GV đăng ký mức chất lượng A, B, C với Học viện, trong đó tập trung vào các tiêu chí như hoàn thành khối lượng giảng dạy, tham gia NCKH và đạt chuẩn trình độ tiếng Anh; cuối năm, căn cứ kết quả công việc, Học viện xem xét đánh giá mức độ hoàn thành của từng GV để xếp loại mức khuyến khích GV làm cơ sở thi đua khen thưởng hàng năm [H6.06.04.11]. Kết quả đánh giá giai đoạn 2019-2023, tỷ lệ trung bình GV của Học viện đạt mức A là 46,22%; mức B là 33,78% và mức C là 20%, trong đó riêng GV của Khoa ATTT được đánh giá mức A dao động từ 90% - 96%.

- Đánh giá viên chức xét thi đua khen thưởng:

+ Hằng năm, Học viện công bố công khai trên hệ thống thông tin quản lý và gửi đến các đơn vị kế hoạch đánh giá viên chức và mẫu phiếu đánh giá công chức, viên chức và người lao động. Theo đó, các bước thực hiện việc đánh giá, phân loại từ cấp độ cá nhân, bộ môn đến cấp khoa, viện.... Các tiêu chí đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ năm học được xếp loại theo 4 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. được phổ biến rộng rãi tới toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong toàn Học viện.

+ Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch trong năm học tới, việc tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn của Học viện và thể hiện trên bản kiểm điểm viên chức hàng năm của CBGV

Khoa ATTT [H6.06.04.12]. Sau đó, lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng hội đồng thi đua khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua.

Kết quả trong 5 năm của chu kỳ KĐCLGD cho thấy: Đa số các GV của Khoa ATTT có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức tương đối cao với tỷ lệ đạt từ 90 đến 96%, 100% các GV ngành ATTT được khoa, học viện đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ xếp loại A [H6.06.04.14]; Giảng viên Khoa ATTT đạt thành tích được tặng thưởng 4 giấy khen của giám đốc học viện, 7 giấy khen của Bộ Thông tin và Truyền thông, 14 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 03 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp bộ; 79 lượt giảng viên đạt LĐTT.

Tính đến tháng 12/2023, 100% GV tham gia CTĐT ngành ATTT có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định. Tỷ lệ GV có trình độ TS trở lên cao hơn 50%.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống đánh giá năng lực của GV đầy đủ và là cơ sở cho các hình thức khuyến khích đãi ngộ GV.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và chưa phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động xây dựng bản mô tả công việc bổ sung yêu cầu về năng lực chuyên sâu về thiết kế chương trình và phân biệt rõ các hạng GV I, II, III trong bản mô tả công việc.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Vào Quý I hàng năm, Học viện thông báo đến các đơn vị về đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, công nhân viên, trong đó, yêu cầu các đơn vị tập hợp nhu cầu của CB, GV, NV về đào tạo bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Trên cơ sở đăng ký của CB, GV, NV các đơn vị tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng gửi về phòng TCCB-LĐ [H6.06.05.02], trong đó có danh mục các khoá đào tạo theo tiêu chuẩn vị trí chức danh, các khoá bồi dưỡng nâng cao trình độ, phục vụ công tác đang đảm nhiệm.

Phòng TCCB-LĐ tổng hợp đăng ký của các đơn vị, đối chiếu với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học viện nhằm đáp ứng mục tiêu “*Học viện có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp; có hệ thống quản trị hiện đại, hoàn thành chuyển đổi số hầu hết các hoạt động của nhà trường*” và Đề án vị trí việc làm để duyệt sơ bộ nhu cầu của các đơn vị; sau đó tổng hợp thành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của năm tiếp theo cho toàn Học viện và trình lãnh đạo học viện phê duyệt [H6.06.01.12]. Nội dung đào tạo bồi dưỡng tập trung vào các khoá đào tạo theo tiêu chuẩn vị trí chức danh nghề nghiệp, các khoá bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy, NCKH, an ninh quốc phòng, tin học văn phòng, ngoại ngữ, ... phục vụ công tác đang đảm nhiệm.

Căn cứ kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng hàng năm, Học viện đã tổ chức và cử cán bộ, viên chức và người lao động tham gia nhiều khoá bồi dưỡng như: Bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, về trung cấp lý luận chính trị, về quản lý hành chính nhà nước chương trình chuyên viên - chuyên viên chính, tin học, về chuyển đổi số, về đổi mới sáng tạo, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng I, II, III, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, bồi dưỡng an ninh quốc phòng đối tượng 4, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu cơ bản và đấu thầu qua mạng, kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho cố vấn học tập, bồi dưỡng cấp ủy cơ sở, ... [H6.06.05.03].

Học viện đã có chính sách đào tạo bồi dưỡng GV từ nguồn lực nội bộ và khuyến khích GV đi học nghiên cứu sinh sau khi được tuyển dụng. Trong 5 năm, Học viện đã cử nhiều GV của ngành ATTT tham dự các khóa học, gồm: 02 GV học NCS, 152 lượt GV đã tham dự các lớp đào tạo ngắn hạn, hội thảo, hội nghị, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ. Trong giai đoạn đánh giá, 100% GV của ngành ATTT đã tham gia ít nhất một khóa đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Học viện [H6.06.05.04].

Việc quản lý CBGV, NV của Học viện đi công tác, học tập trong nước và ngoài nước được thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện ban hành theo Quyết định số 316/QĐ-HV ngày 18/5/2020 [H6.06.05.05]. Các GV đi học ở nước ngoài hàng năm đều nộp báo cáo kết quả học tập theo quy định tại Quy chế đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, viên chức, người lao động thuộc Học viện ban hành năm 2017 (trong đó quy định về việc báo cáo kết quả học tập hàng năm đối với NCS tại nước ngoài để làm cơ sở trả lương, đóng BHXH cho các đối tượng này trong thời gian học tập) [H6.06.05.06].

Với những cán bộ được bổ nhiệm hoặc quy hoạch chức danh lãnh đạo đơn vị, Học viện đã chi trả toàn bộ kinh phí để cử các cán bộ của Khoa ATTT tham gia bồi dưỡng Lý luận chính trị trung cấp, cao cấp. Các cán bộ này sau khi hoàn thành khóa học đã được cấp bằng và nộp về Phòng TCCB-LĐ đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ theo quy định [H6.06.05.07].

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện thực hiện trao đổi, hợp tác với các cơ sở, các tổ chức giáo dục uy tín trong và ngoài nước trong công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kết nối thực tập, hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy đại học, tổ chức hội thảo, tập huấn (ký biên bản ghi nhớ đào tạo tiếng Nhật với Học viện Công nghệ Shibaura Nhật Bản cử SV sang học tập, nghiên cứu ngắn hạn theo thỏa thuận ngày 28/11/2017; ký kết với Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến JAIST Nhật Bản về hỗ trợ học bổng cho học viên cao học của Học viện sang học tập theo thỏa thuận ngày 28/04/2017); ký kết với ĐH Lille 1 - Khoa học và Công nghệ Pháp hợp tác trong nghiên cứu và đào tạo theo thỏa thuận ngày 07/06/2017); ký kết với ĐH Padova Italia trao đổi về hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và trao đổi CB, GV, SV theo thỏa thuận ngày 10/04/2018; ...[H6.06.05.08]. Căn cứ thỏa thuận, Học viện đã cử cán bộ, giảng viên tham dự các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm chuyên môn do đối tác tổ chức ...[H6.06.05.09].

Học viện phân bổ kinh phí cử CBGV đi đào tạo bồi dưỡng thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ Học viện ban hành theo Quyết định số 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H6.06.05.10]. Trong đó đặc biệt khuyến khích đội ngũ GV, nghiên cứu viên tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn: GV học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi. GV học ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và pháp luật. Học viện hỗ trợ toàn bộ kinh phí cho GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Trong giai đoạn 2019-2023, số lượng GV Học viện được cử đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài còn hạn chế do chưa tìm được nguồn kinh phí để cấp học bổng cho GV có nhu cầu và định mức chi cho đào tạo dài hạn của Học viện còn ở mức thấp (770 triệu đồng/5 năm), chiếm 0,05%/tổng thu.

Tổng kinh phí chi cho đào tạo dài hạn và ngắn hạn trong chu kỳ KĐCLGD chiếm 0,5% tổng nguồn chi [H6.06.05.11]. Trong chu kỳ KĐCL, Học viện đã đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho 4244 lượt cán bộ công chức, viên chức và người lao động, bình quân đạt 3,2 lượt người, trong đó có, đã có 31 lượt viên chức được

cử đi đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ ở trong và nước ngoài, 01 người nghiên cứu sau tiến sĩ; Khoa ATTT đã cử 142 lượt GV đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, tham gia các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước (đạt tỷ lệ 98,59%). Qua quá trình đào tạo bồi dưỡng, có thể khẳng định, đến thời điểm hiện tại, 100% GV của Khoa ATTT có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và đạt chuẩn chức danh GV theo quy định thông qua việc bố trí chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng I, II và III).

Đối với GV được cử tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn trong nước, Học viện giao Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I&II tổ chức quản lý các khóa học theo quy trình tổ chức do giám đốc trung tâm ban hành [H6.06.05.12]. Kết thúc khóa học, Trung tâm tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ, chứng nhận cho học viên hoàn thành khóa học và gửi báo cáo tổng kết khóa học về Phòng TCCB-LĐ [H6.06.05.13], đây là cơ sở để học viện đánh giá hiệu quả trong công tác đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

Định kỳ, Phòng TCCB-LĐ có báo cáo về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC gửi Văn phòng để tổng hợp báo cáo Bộ TT&TT [H6.06.05.14].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm, Học viện đã cử 142 lượt giảng viên của ngành ATTT đi đào tạo, bồi dưỡng, tham gia các hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước (đạt tỷ lệ 98,59%).

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa cử được nhiều GV đi đào tạo tiến sĩ tại nước ngoài do nguyên nhân chưa tìm được nguồn kinh phí để cấp học bổng cho GV có nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động

Kể từ năm 2024, Khoa ATTT làm việc với các doanh nghiệp trong ngành TT&TT để hợp tác tìm kiếm nguồn tài trợ của các doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí cho GV tham gia đào tạo NCS nước ngoài. Đồng thời, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu đề xuất các chính sách tốt hơn trong đầu tư cho đào tạo dài hạn và tạo điều kiện tốt hơn cho giảng viên được đi đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu học thuật và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Vào đầu mỗi năm học, Phòng Giáo vụ xây dựng và trình ban hành Kế hoạch đào tạo năm học, từng học kỳ và thời khóa biểu của các khóa đào tạo đối với tất cả các hình thức và trình độ đào tạo tại Học viện. Đồng thời, căn cứ kế hoạch chung của Học viện, Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch đào tạo năm học và giao nhiệm vụ trọng tâm hàng năm cho giảng viên các khoa 2 về giảng dạy và NCKH [H3.03.03.03].

Học viện có quy định, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc và quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV thể hiện tại các văn bản, quy định như:

- Quy định chế độ làm việc đối với GV và GV thỉnh giảng tại Học viện ban hành năm 2009, được hiệu chỉnh năm 2015 và ban hành theo Quyết định số 914/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.02].

- Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01].

- Căn cứ Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành theo Quyết định số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.04], Học viện ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung phương án tính khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của GV tại Học viện ban hành theo Quyết định số 650A/QĐ-HV ngày 10/9/2020 [H6.06.02.05].

- Quy định Đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối Quản lý đào tạo phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26 tháng 3 năm 2018 [H6.06.02.11].

- Quy định công tác cố vấn học tập ban hành theo Quyết định số 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H6.06.06.01] và được bổ sung, chỉnh sửa ban hành năm 2022 theo Quyết định số 47/QĐ-HV ngày 14/01/2022 [H6.06.06.02].

- Học viện đã xây dựng và ban hành Hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs từ năm 2018 đến năm 2020. Hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs cấp Học viện và 26 đơn vị trực thuộc là cơ sở đo lường kết quả công việc của các đơn vị [H6.06.04.13].

Căn cứ các quy định trên, kế hoạch đào tạo của khoa và CTĐT ngành ATTT, các đơn vị quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu cho mỗi học phần cho học kỳ kế tiếp theo và gửi cho các viện/khoa chuyên môn; các viện/khoa sẽ phân công giảng dạy. Trưởng khoa có trách nhiệm phân công GV giảng dạy theo đúng chuyên môn theo quy định của Học viện, căn cứ vào khối lượng giảng dạy giữa các GV giảng dạy trong bộ môn và giảng viên thỉnh giảng; đảm bảo việc phân công giảng dạy cho các giảng viên theo đúng chuyên môn,

đủ khối lượng và tiếp thu được các đánh giá, phản hồi của SV. Việc phân công giảng dạy được thực hiện qua hệ thống văn bản của các khoa/viện chuyên môn. Hàng năm, Khoa ATTT xây dựng kế hoạch phân công nhiệm vụ cho GV tham gia công tác giảng dạy tại khoa với nội dung về giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCD (CVHT, GVCN, phụ trách phong trào SV, ...) [H6.06.02.07]. Kế hoạch phân công cụ thể nhiệm vụ cho GV được khoa gửi phòng Giáo vụ để phân công giảng dạy, phòng QL KHCN&HTQT để giao nhiệm vụ NCKH và thực hiện việc quy đổi ra giờ NCKH và việc bù trừ giữa giờ NCKH và giờ giảng được thực hiện theo quy định về quy đổi giờ NCKH của Học viện.

Vào đầu năm học, Khoa ATTT tổ chức cho GV đăng ký mức khuyến khích GV theo Quy định về các tiêu chí khuyến khích đối với cán bộ giảng dạy của Học viện (với các mức khuyến khích A, B, C) và tổng hợp báo cáo Học viện để theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ GV hàng năm [H6.06.02.12]. Đồng thời, khoa tổ chức cho GV đăng ký các danh hiệu thi đua năm học theo hướng dẫn của Học viện [H6.06.06.03], [H6.06.04.05].

Học viện phân công các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia vào công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên trong từng giai đoạn của năm học:

- Phòng TCCB-LĐ phụ trách tham mưu, theo dõi, tổng hợp về đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, và phụ trách công tác thi đua khen thưởng. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV được sử dụng để xem xét, đánh giá xếp loại viên chức và được lấy làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua, khen thưởng và để làm căn cứ xem xét cử CB, GV, NV đi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ, kiến thức chuyên môn [H6.06.06.04];

- Phòng Giáo vụ được Học viện giao giám sát hoạt động dạy học với việc theo dõi việc thực hiện kế hoạch, lịch trình giảng dạy thông qua các hình thức như: Sổ theo dõi hàng ngày, sổ lên lớp, báo cáo hàng tháng, hàng năm, biên bản kiểm tra dự giờ, lịch giảng dạy hàng tuần, từng học kỳ [H6.06.06.05];

- Phòng Quản lý KHCN-HTQT được Học viện giao nhiệm vụ tổ chức đăng ký, xét duyệt, nghiệm thu đề tài NCKH các cấp và tính khối lượng giờ NCKH cho GV trong từng năm học [H6.06.06.06];

- Phòng CT&CTSV theo dõi đánh giá kết quả công việc của hệ thống cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm giúp SV học tập đúng kế hoạch [H6.06.06.07];

- Trung tâm KT&ĐBCLGD tổ chức lấy ý kiến phản hồi SV về hoạt động giảng dạy của GV trong từng học kỳ, năm học [H6.06.06.08];

- Tổ Thanh tra giáo dục thuộc Văn phòng, Ban Thanh tra các kỳ thi giám sát hoạt động dạy học, kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của giảng viên, kịp thời nhắc nhở và xử lý các trường hợp vi phạm (nếu có) theo đúng quy chế của Học viện [H6.06.06.09];

- Khoa ATTT quản lý, xác nhận kết quả công việc của giảng viên và theo dõi đánh giá GV qua công tác dự giờ [H6.06.06.10].

Trên cơ sở kế hoạch giảng dạy từng học kỳ của các đơn vị, Học viện quản trị theo các bước sau:

- Đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy:

+ GV lên lớp hàng ngày đều kê khai thông tin trên Sổ lên lớp do Phòng Giáo vụ quản lý [H6.06.06.11]. Cuối học kỳ, Phòng Giáo vụ thống kê khối lượng giảng dạy của từng GV gửi các khoa xác nhận để làm thủ tục thanh toán.

+ Trong học kỳ, khoa/bộ môn sẽ tổ chức dự giờ đối với GV theo Quy định dự giờ của Học viện và kế hoạch dự giờ của khoa được thông báo tới GV theo từng học kỳ, năm học [H6.06.06.12].

+ Cuối học kỳ: Trung tâm KT&ĐBCLGD lập kế hoạch và triển khai đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên và kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy vào cuối từng giai đoạn trong một học kỳ của năm học căn cứ theo Quy định lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H6.06.04.07] và tổng hợp thành báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau từng học kỳ trong giai đoạn 2019-2023 [H3.03.02.01]. Kết quả khảo sát được báo cáo ban giám đốc để chỉ đạo, điều hành và công bố công khai để lãnh đạo Khoa nắm rõ tình hình giảng dạy chung của khoa và GV có phương hướng điều chỉnh hoạt động giảng dạy.

- Đánh giá hoàn thành nhiệm vụ NCKH: Phòng Quản lý KHCN-HTQT quản trị tiến độ thực hiện đề tài theo Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của các cán bộ tại các đơn vị thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 179/QĐ-HV ngày 21/04/2015 và Quy định về quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp Học viện ban hành theo Quyết định số 338/QĐ-HV ngày 21/5/2020 [H6.06.06.13] với quy trình: Đầu năm học, phòng Quản lý KHCN-HTQT tổ chức cho GV đăng ký, xét duyệt và trình lãnh đạo học viện phê duyệt giao đề tài KHCN cho GV; GV thực hiện và báo cáo tiến độ thực hiện giữa kỳ; khi hoàn thành phòng tổ chức nghiệm thu, đánh giá mức độ đạt của đề tài;

cuối năm, từng GV kê khai giờ NCKH, gửi Phòng Quản lý KHCN-HTQT để xác định giờ NCKH.

- Ngoài ra để quản trị tổng thể, hàng quý GV được đánh giá theo các tiêu chí đánh giá viên chức của Bộ TT&TT và kết quả đánh giá được Phòng TCCB-LĐ tổng hợp theo quý để báo cáo về Bộ TT&TT [H6.06.04.06].

- Công tác phục vụ cộng đồng và các hoạt động khác: Công tác phục vụ cộng đồng của GV và nghiên cứu viên cũng được Học viện và khoa quan tâm và được coi là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại lao động của cán bộ viên chức. Cán bộ GV Khoa ATTT thường xuyên tham gia các hoạt động tình nghĩa, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, và nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động cộng đồng về bảo vệ môi trường, ... thông qua báo cáo công tác kết nối và phục vụ cộng đồng năm 2021 của Phòng CT&CTSV [H6.06.02.16].

- Tổng kết thi đua khen thưởng qua đánh giá viên chức; bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm: Học viện có chính sách công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen) thông qua hướng dẫn công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng của Học viện [H6.06.06.14]. Quy trình cụ thể như sau:

- Vào cuối năm học, GV sẽ tự đánh giá thành tích cá nhân, sau đó đồng nghiệp tham gia góp ý. Riêng đối với các danh hiệu CSTĐ các cấp, khoa tiến hành bỏ phiếu đánh giá GV; sau khi có kết quả, hồ sơ được tổng hợp và gửi phòng TCCB-LĐ để hội đồng thi đua khen thưởng họp xét thi đua và công nhận các danh hiệu.

- + GV được đánh giá trên các tiêu chí chính là khối lượng giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được khoa và Học viện phân công.

- + Dự thảo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBGV và quyết định phê duyệt công nhận mức khuyến khích GV của năm được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại [H6.06.02.17].

Thành tích thi đua và khen thưởng của GV Khoa ATTT cụ thể theo bảng 6.1 (*Phụ lục 02*). Tỷ lệ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ viên chức: 35% hoàn thành nhiệm vụ, 50% hoàn thành tốt nhiệm vụ và 15% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đánh giá thi đua của Khoa ATTT trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, giảng viên Khoa ATTT đạt thành tích được tặng thưởng 4 giấy khen của giám đốc học viện, 7 giấy khen của Bộ Thông tin và Truyền thông, 14 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 03 GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi

đưa cấp bộ; 79 lượt giảng viên đạt LĐTT [H6.06.02.17]. Kết quả đánh giá, phân loại và danh sách GV, NCV được khen thưởng hàng năm được gửi tới các đơn vị và công khai cho tất cả CBVC Học viện được biết.

Định kỳ hàng năm, Học viện tổ chức khảo sát về mức độ hài lòng của CBGV về điều kiện, môi trường làm việc và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo [H6.06.06.15]. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy 93,75% CBGV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; cũng như chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện được triển khai thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn 4,9% GV cơ sở phía Bắc chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và 2,7% GV cơ sở Học viện chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, khen thưởng, phúc lợi phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc.

Báo cáo tổng kết hàng năm và các hội nghị CBVCNLĐ của Khoa ATTT đều không nhận được thông tin về việc khiếu kiện của cán bộ, GV trong khoa [H6.06.06.16]. Đồng thời, việc ghi nhận đúng thành tích cho cán bộ đã tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và không có đơn phản ánh hoặc khiếu nại về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Điểm mạnh

Hệ thống quản trị của Học viện được quản trị dưới nhiều góc độ khác nhau, với nhiều hình thức quản trị kết quả công việc và sự tham gia của các bên liên quan trong Học viện.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 4,9% GV cơ sở phía Bắc chưa hài lòng với chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các khoa tiến hành khảo sát nguyên nhân của sự không hài lòng để có kế hoạch điều chỉnh phù hợp.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV của Học viện thực hiện được nêu cụ thể tại các quy định về công tác KHCN của Học viện, bao gồm:

- Quy định về hoạt động KHCN Học viện ban hành theo Quyết định số 1630/QĐ-TCCB-QLNCKH&TTTL ngày 18/12/1999 [H6.06.07.01];

- Quy định về nhiệm vụ trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của các cán bộ tại các đơn vị thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 179/QĐ-HV ngày 21/04/2015 [H6.06.07.02];

- Quy chế quản lý đề tài KHCN cấp Học viện năm 2020 ban hành theo Quyết định số 338/QĐ-HV ngày 21/5/2020 [H6.06.07.03] quy định NCKH và công nghệ để phục vụ xây dựng CTĐT mới, bồi dưỡng ngắn hạn, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá môn học;

- Quy chế quản lý đề tài KHCN cấp Học viện năm 2023 ban hành theo Quyết định số 591/QĐ-HV ngày 28/4/2023 [H6.06.07.04];

- Quy định quản lý thực hiện báo cáo chuyên đề khoa học cấp Học viện ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-HV ngày 30/6/2014 [H6.06.07.05], quy định việc viết bài, báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; Hướng dẫn SV NCKH, học viên cao học viết luận văn thạc sĩ, nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ; Tham gia Hội đồng đánh giá, nghiệm thu các đề tài NCKH các cấp; thực hiện báo cáo chuyên đề cấp Học viện và thực hiện các nhiệm vụ NCKH khác được Học viện giao.

- Quy định về hoạt động NCKH của SV Học viện ban hành theo Quyết định số 521/QĐ-HV ngày 25/06/2020 [H6.06.07.06];

- Quy định hỗ trợ kinh phí cho các bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus ban hành theo Quyết định số 951/QĐ-HV ngày 23/10/2019 [H6.06.07.07].

Mặc dù Học viện ban hành nhiều quy định về hoạt động KHCN của GV, NCV và NH, tuy nhiên, các nội dung được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tổng hợp trong một văn bản cụ thể để thuận tiện trong công tác tổ chức thực hiện.

Căn cứ các văn bản nêu trên, các loại hình sản phẩm NCKH mà GV, NCV của Học viện thực hiện bao gồm: (i) Thực hiện các chương trình, đề tài NCKH các cấp; (ii) NCKH và công nghệ để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo mới; (iii) Biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo; (iv) Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; (v) Viết bài, báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; (vi) Hướng dẫn sinh viên NCKH, học viên cao học viết luận văn thạc sĩ, nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ; (vii) Tham gia hội đồng đánh giá, nghiệm thu các công trình, đề tài NCKH các cấp; (viii) Thực hiện báo cáo chuyên đề cấp Học viện và các nhiệm vụ NCKH khác được Giám đốc Học viện giao.

Học viện quy định số lượng sản phẩm NCKH thông qua định mức giờ NCKH hằng năm, đối với NCV thì gộp chung nhiệm vụ đào tạo và NCKH là 1.454 giờ, đối với GV là 590 giờ NCKH [H6.06.07.02], [H6.06.07.03]. Để đạt được định mức giờ NCKH theo quy định, GV, NCV Học viện chủ động xác định số lượng sản phẩm NCKH cần thực hiện hằng năm.

Theo kế hoạch được giao, đề tài cấp Học viện được chia thành 04 nhóm, bao gồm: Đề tài nhóm A là đề tài hỗ trợ NCKH với mục đích tạo môi trường nghiên cứu, hỗ trợ hoạt động NCKH cho GV Học viện nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, kỹ năng trình bày báo cáo khoa học và xây dựng báo cáo tổng luận khoa học về sản phẩm nghiên cứu của đề tài KHCN. Kết quả đề tài nhóm A phải có áp dụng hiệu quả phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho các khoa, bộ môn đào tạo của Học viện; Đề tài nhóm B là đề tài hỗ trợ học thuật có nội dung nghiên cứu mang tính học thuật cao, kết quả của đề tài có tối thiểu là một bài báo đăng tải công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị khoa học được tính điểm công trình khoa học theo quy định của Hội đồng Giáo sư Nhà nước; Đề tài nhóm C là đề tài có mục đích tạo ra hoặc hình thành các sản phẩm ứng dụng, dịch vụ KHCN có công nghệ tiên tiến và mang thương hiệu Học viện. Đề tài nhóm C phải có kết quả được ứng dụng trong Học viện hay phát triển thành sản phẩm thương mại hóa; Đề tài nhóm D là đề tài có mục đích nghiên cứu hình thành các sản phẩm KHCN áp dụng cho công tác quản lý điều hành của Học viện, các nghiên cứu đổi mới công tác quản lý, xác định luận điểm khoa học cho xây dựng phương hướng, chiến lược, cơ chế chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý của Học viện.

Học viện đã có sự phân công, ủy quyền cho các đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề tài cấp Học viện theo từng loại như sau:

- Đối với các đề tài nhóm A và nhóm B: Học viện ủy quyền cho các trường khoa đào tạo đại học (và các trường đơn vị đào tạo tương đương). Viện trưởng viện nghiên cứu và các trường các đơn vị đào tạo tương đương khác có trách nhiệm tổ chức, quản lý thực hiện kế hoạch đề tài, phê duyệt và ký đề cương KHCN, ký kết hợp đồng KHCN với chủ trì đề tài KHCN, nghiệm thu kết quả đề tài KHCN và ký duyệt các thủ tục thực hiện đề tài KHCN đã được giao. Các đơn vị được ủy quyền có trách nhiệm quản lý thực hiện đề tài theo đúng nội dung Học viện đã phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng nghiên cứu và tuân thủ các quy định liên quan.

- Đối với các đề tài nhóm C, nhóm D: Học viện quản lý thực hiện đề tài, phê duyệt và ký đề cương KHCN, ký kết hợp đồng KHCN, nghiệm thu kết quả và các thủ tục khác

trong quá trình thực hiện đề tài KHCN thông qua đầu mối phòng Quản lý KHCN&HTQT. Đơn vị chủ trì đề tài có trách nhiệm triển khai và báo cáo thực hiện nghiên cứu, hội thảo khoa học và hội nghị đánh giá kết quả thực hiện đề tài.

- Đối với các đề tài KHCN do Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện: Giám đốc Học viện giao phó giám đốc Học viện phụ trách Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức quản lý, ký duyệt đề cương, ký kết hợp đồng KHCN, quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu, ký kết các văn bản liên quan đến thực hiện và thanh quyết toán các đề tài. Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm quản lý thực hiện đề tài theo đúng nội dung quyết định giao đề tài KHCN của Học viện, đảm bảo tiến độ, chất lượng nghiên cứu và tuân thủ các quy định liên quan.

Công tác theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên được Học viện thực hiện ở cấp Học viện và cấp đơn vị. Ở cấp Học viện, Phòng QLKHCN&HTQT là đơn vị đầu mối theo dõi, giám sát, kiểm tra hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện [H6.06.06.06]. Ở cấp đơn vị (Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh, các khoa đào tạo, viện nghiên cứu), có bộ phận theo dõi, giám sát việc thực hiện hoạt động NCKH của giảng viên, NCV [H6.06.06.10]. Khoa ATTT được giao nhiệm vụ tổ chức cho GV của khoa đăng ký các hoạt động KHCN hàng năm, báo cáo học viện phê duyệt, tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, phòng QL KHCN&HTQT có chức năng giám sát việc thực hiện đề tài, yêu cầu chủ trì đề tài báo cáo tiến độ định kỳ và tổ chức nghiệm thu các đề tài theo tiến độ. Bên cạnh đó, Học viện thực hiện đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV thông qua việc đánh giá hoàn thành định mức giờ NCKH hằng năm của GV, NCV [H6.06.07.13].

Trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa ATTT đã thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 10 đề tài cấp Bộ, 135 đề tài cấp Học viện, 17 bài báo khoa học trong nước, 46 bài báo khoa học quốc tế, trong đó có 34 bài báo đăng trên các tạp chí ISI/Scopus; xuất bản 4 cuốn sách [H6.06.07.14].

Kết quả thực hiện đề tài NCKH của GV Khoa ATTT giai đoạn 2019-2023 cụ thể theo các bảng bảng thống kê số lượng bài báo được công bố do giảng viên Khoa ATTT thực hiện (*Bảng 6.2-Phụ lục 02*) và Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus do GV Khoa ATTT thực hiện (*Bảng 6.3-Phụ lục 02*).

Hàng năm, tính trung bình Khoa ATTT có trên 80% GV cơ hữu, nghiên cứu viên tham gia nghiên cứu khoa học, có bài báo, công trình được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu khoa học chuyên ngành có uy tín cao ở trong nước và quốc tế. Đồng thời, các GV, NCV đều chấp hành nghiêm túc Quy định về tiêu chuẩn và ứng xử đạo đức trong hoạt động KHCN của Học viện ban hành theo quyết định số 1023/QĐ-HV ngày 22/11/2018 [H6.06.07.15] và không có hiện tượng vi Quy định về quản lý tài sản trí tuệ tại Học viện ban hành theo quyết định số 1452/QĐ-HV ngày 31/12/2021 [H6.06.07.16].

Phòng QL KHCN&HTQT thực hiện lưu trữ báo cáo kết quả đề tài và xây dựng CSDL danh sách đề tài đã nghiệm thu hằng năm để triển khai công bố trên trang web của Học viện tại địa chỉ: <https://portal.ptit.edu.vn/ket-qua-nghien-cuu/de-tai-san-pham/> để tạo điều kiện cho các nhà khoa học trong và ngoài Học viện có thể tra cứu thông tin. Đối với các bài báo đăng trên tạp chí trong và ngoài nước và các báo cáo tại các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, Phòng đã thực hiện lưu trữ bản sao nội dung các bài báo, báo cáo đó, đồng thời cũng xây dựng CSDL bài báo và công bố trên website Học viện tại địa chỉ: <https://portal.ptit.edu.vn/ket-qua-nghien-cuu/baibao-khoa-hoc/>.

Hàng năm, Học viện đã thực hiện lấy ý kiến khảo sát của cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên trong Học viện về công tác quản lý nghiên cứu của Học viện. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với công tác quản lý thực hiện đề tài cấp Bộ (cấp Học viện) khá cao đạt trên 75% [H6.06.07.20].

Báo cáo tổng kết hoạt động NCKH và HTQT của phòng QL KHCN&HTQT hàng năm có và có đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu về mức độ đạt được các KPIs về KHCN và xác định phương hướng của năm học tiếp theo [H6.06.07.21]. Đồng thời, trong báo cáo tổng kết hằng năm của Học viện đều có đánh giá mức độ đạt được của các KPIs.

2. Điểm mạnh

Giai đoạn 2019-2023, GV Khoa ATTT đã chủ trì thực hiện 2 đề tài KHCN cấp Nhà nước, các đề tài đều được nghiệm thu đúng tiến độ và đạt yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Các quy định về hoạt động KHCN của GV, NCV được quy định ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tổng hợp trong một văn bản cụ thể để thuận tiện trong công tác tổ chức thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Phòng Quản lý KHCN-HTQT nghiên cứu, đề xuất ban hành Quy định hoạt động KHCN để tổng hợp các nội dung NCKH của GV, NCV tại các văn bản khác nhau.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Qua phân tích, đánh giá có thể nhận thấy Khoa ATTT nói riêng và Học viện nói chung trong những năm qua đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ GV và nghiên cứu viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Học viện đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực chuyên môn) để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đánh giá một cách chính xác và khách quan dựa trên những quy định, quy chế đã xây dựng với sự thống nhất cao trong đội ngũ GV trong Học viện. Bên cạnh đó, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được Học viện xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và nghiên cứu viên đã được Học viện, khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng không thuận lợi. Chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ TS và học hàm cao PGS, GS chưa đạt được mức hấp dẫn và cạnh tranh cao để thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sĩ và học hàm PGS và GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí: 5,00/7.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Học viện luôn chú trọng việc phát triển đội ngũ nhân viên để đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, đồng thời thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ qua việc tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ. Học viện có hệ thống quản trị và cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng, kỷ luật đối với đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển của Học viện trong từng giai đoạn.

Đội ngũ nhân viên Học viện bao gồm nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, các bộ phận hỗ trợ SV khác và được bố trí tại các đơn vị chức năng Học viện gồm Phòng TCCB-LĐ, Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Quản lý KHCN và HTQT, Văn phòng, Trung tâm Dịch vụ, Trung tâm Thí nghiệm thực hành, Phòng Chính trị và Công tác SV, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo CLGD và Trợ lý Khoa ATTT và CNTT2. Đồng thời, đội ngũ nhân viên còn được bố trí tại các viện nghiên cứu (Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện, Viện Kinh tế Bưu điện, Viện CNTT và Truyền thông), các Trung tâm đào tạo bồi dưỡng (Trung tâm Đào tạo BCVT I & II) trực thuộc Học viện và các đơn vị quản lý của Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiêu chí 7.1: Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2014, khi chuyển từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về trực thuộc Bộ TT&TT, căn cứ yêu cầu phát triển của ngành TT&TT giai đoạn 2015-2020 và để phục vụ việc quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCD), Học viện đã phân tích và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Việc phân tích, dự báo, xác định nhu cầu của đội ngũ nhân viên được nêu cụ thể trong Chiến lược phát triển của Học viện ban hành năm 2020 [H1.01.01.09] và được điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh năm 2021 sau khi thành lập Hội đồng Học viện [H1.01.01.10]. Nội dung Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 dựa trên sự phân tích bối cảnh trong nước, khu vực, quốc tế; thực trạng Học viện trong các lĩnh vực hoạt động và xác định: “*Triển khai các hoạt động thu hút, tuyển dụng, đào tạo nhằm mục tiêu đến năm 2025 số lượng lao động của Học viện đáp ứng được các yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học đề ra, cụ thể đạt 850 cán bộ, với cơ cấu 75% là lao động trực tiếp (nghiên cứu, giảng dạy, kinh doanh trực tiếp); trong đó 100% giảng viên đạt chuẩn, tỷ lệ tiến sĩ đạt trên 50%*”; “*Cơ cấu lao động của Học viện cần tiếp tục điều chỉnh,*

tỷ lệ lao động gián tiếp còn cao...”; đồng thời xác định mục tiêu về nguồn nhân lực và quản trị đại học “Học viện có bộ máy tinh gọn, hiệu quả; có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp”. Nội dung này là phù hợp với Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025 của Bộ Thông tin và Truyền thông theo Quyết định số 212/QĐ-BTTTT ngày 19/02/2021 là “Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân lực an toàn thông tin mạng nhằm góp phần triển khai thành công chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số xã hội số và nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trong lĩnh vực an toàn thông tin trên trường quốc tế”.

Căn cứ yêu cầu phát triển của Học viện và định hướng chuyển đổi số trong Ngành giáo dục, Học viện đã thực hiện điều chỉnh Đề án vị trí việc làm năm 2014 và ban hành Đề án vị trí việc làm mới theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020. Nội dung Đề án đã xác định rõ số lượng đội ngũ nhân viên quản lý, hỗ trợ của các đơn vị chức năng, các khoa, viện, trung tâm trực thuộc Học viện; đồng thời xác định cụ thể các vị trí lao động gồm vị trí kỹ thuật viên, nhân viên làm việc tại Trung tâm thí nghiệm - thực hành, hệ thống Data center, tổ ứng dụng CNTT thuộc Văn phòng, Thư viện, Trung tâm giao dịch một cửa và đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý tại các đơn vị chức năng Học viện để hỗ trợ SV, GV, NCV trong công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó có Khoa ATTT [H6.06.03.01].

Để xác định định biên lao động hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH, PVCĐ của GV, NCV và NH, Học viện đã xác định danh mục vị trí công việc tại các phòng, ban, trung tâm chức năng thuộc Khối Quản lý và đào tạo phía Bắc, xây dựng bản mô tả công việc và ban hành Hệ thống bản MTCV chuẩn đối với các vị trí công việc tại KQLĐTPB theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 28/12/2018 [H6.06.02.06].

Công tác quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ còn được nêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2015-2020 [H6.06.01.01] và nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.02], trong đó nêu rõ tổng số lao động Học viện đến năm 2025 là 850 người và phát triển đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và đồng bộ về cơ cấu.

Học viện ban hành Quy chế tuyển dụng VCNLĐ theo Quyết định số 1166/QĐ-HV, ngày 24/12/2018 và sau khi thành lập, Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết số 54/NQ-HĐHV ngày 18/01/2022 về Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện.

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Học viện được thực hiện dựa trên đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực phục vụ cho các mục tiêu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hằng năm, căn cứ các nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong Học viện

thực hiện rà soát tình hình thực tế, các nhiệm vụ mới phát sinh để đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị gửi Phòng TCCB-LĐ tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Học viện phê duyệt, trên cơ sở đó Học viện xây dựng kế hoạch lao động [H6.06.01.08]. Nội dung kế hoạch lao động xác định cụ thể quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được quy định cụ thể cho từng vị trí công việc. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, kế hoạch công tác của từng đơn vị, Học viện xây dựng Kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho các đơn vị [H6.06.01.09]. Nội dung kế hoạch xác định cụ thể số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cần tuyển dụng cho các đơn vị trong năm.

Học viện có 3 viện nghiên cứu và 2 trung tâm đào tạo bồi dưỡng, nên Học viện luôn chủ động trong việc điều động đội ngũ nhân viên hỗ trợ giữa các đơn vị khi có yêu cầu, do đó Học viện chưa quan tâm nhiều đến việc xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên. Thời gian tới, để đáp ứng yêu cầu công tác chuyển đổi số, Học viện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đặc biệt là đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin.

Tính đến 31/12/2023, tổng số cán bộ quản lý (chức danh chuyên viên), kỹ thuật viên và nhân viên của Học viện là 291 người, trong đó có 05 nhân sự làm việc tại thư viện; 05 nhân sự làm việc tại trung tâm thí nghiệm thực hành, 13 trợ lý của các Khoa đào tạo trong Học viện; Tổ ứng dụng CNTT (với 04 nhân sự) thuộc Văn phòng có nhiệm vụ quản lý hệ thống ứng dụng CNTT toàn Học viện; Văn phòng giao dịch một cửa hỗ trợ SV giải quyết các thủ tục hành chính trong quá trình học tập có 05 nhân sự được bố trí làm việc thường xuyên tại Văn phòng giao dịch một cửa. Danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên của từng bộ phận tại *Phụ lục 02* [H7.07.01.01] và danh sách nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống ứng dụng CNTT và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo khác có 86 người [H7.07.01.02] và được bố trí tại các bộ phận chi tiết theo Bảng 7.1, *Phụ lục 02*.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, Học viện đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của SV và CBGV về công tác phục vụ của đội ngũ nhân viên, chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ người học theo Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H7.07.01.03]. Nội dung báo cáo kết quả khảo sát sinh viên về mức

độ hài lòng đối với các bộ phận hỗ trợ trong chu kỳ KĐCLGD [H7.07.01.04] cho thấy tỷ lệ sinh viên cơ bản đồng ý (hài lòng) và hoàn toàn đồng ý (hoàn toàn hài lòng) chiếm tỷ lệ 86,7%. Tuy nhiên, việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành ATTT. Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn tỷ lệ 13,7 % tổng số sinh viên được khảo sát chưa hài lòng đối với các bộ phận hỗ trợ, 5,36 % sinh viên chưa hài lòng về việc thay thế, sửa chữa kịp thời các trang thiết bị, máy móc của Trung tâm Thí nghiệm thực hành. Đây chính là cơ sở để khoa, học viện có giải pháp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhân sự, nội dung đề án vị trí việc làm và từng bước xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng được tốt hơn.

Đến thời điểm hiện tại, số lượng nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác là đủ để hoàn thành công việc và thông qua báo cáo tổng kết hàng năm của học viện và khoa, không có sự phản nản của đội ngũ này về những vướng mắc, khó khăn trong quá trình làm việc [H4.04.01.06], [H4.04.01.07].

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát cho thấy SV và CBGV rất hài lòng về công tác phục vụ của đội ngũ nhân viên, chất lượng các dịch vụ, tiện ích hỗ trợ đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa quan tâm nhiều đến việc xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các phòng, ban chức năng, trung tâm TNTH nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút và xây dựng các khóa bồi dưỡng đặc thù để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đặc biệt là đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động theo Quyết định số 1166/QĐ-HV, ngày 24 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 51/NQ-HĐHV, ngày 18 tháng 01

năm 2022 của Hội đồng Học viện [H6.06.01.07], trong đó quy định cụ thể về quy trình, tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn viên chức và người lao động tại Học viện. Ngoài các tiêu chí tuyển dụng nói chung như tốt nghiệp đại học trở lên, tiếng Anh: 450 điểm TOEIC; sử dụng thành thạo tin học cơ bản văn phòng, nắm vững các văn bản, quy định và có kinh nghiệm trong công tác thuộc lĩnh vực tuyển dụng, có khả năng tư duy sáng tạo, có kỹ năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, lập kế hoạch và quản lý công việc, làm việc nhóm..., các đơn vị có thể đưa ra các tiêu chí cao hơn tiêu chí theo quy định nhằm đạt được mục đích thực hiện chiến lược nhân sự của Học viện. Đồng thời, các tiêu chí tuyển dụng còn được quy định cụ thể tại Danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng ban hành theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06]; khung năng lực, bản mô tả công việc theo Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014, được hiệu chỉnh, ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 và được triển khai tại Học viện từ năm 2016 [H6.06.03.01].

Học viện thực hiện quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong giai đoạn 2019-2023 cụ thể như sau:

- Hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển và Quy chế tuyển dụng của Học viện, các đơn vị căn cứ kế hoạch phát triển của đơn vị và năng lực đội ngũ nhân viên hiện có để cân đối, đề xuất nhu cầu và các tiêu chí tuyển dụng phù hợp với thực tiễn triển khai công việc gửi về phòng TCCB-LĐ [H7.07.02.01].

- Phòng TCCB-LĐ căn cứ định hướng phát triển chung của toàn Học viện, nhu cầu cán bộ của các đơn vị, kế hoạch lao động, khả năng tài chính của Học viện để thống nhất chỉ tiêu cần tuyển và trình giám đốc học viện ban hành kế hoạch tuyển dụng lao động, trong đó xác định rõ quy trình tuyển dụng, số lượng cần tuyển, mô tả vị trí việc làm, tiêu chuẩn của các vị trí tuyển dụng phù hợp và đáp ứng yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm và các quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp [H6.06.01.09].

- Học viện phát hành thông báo tuyển dụng lao động hàng năm bao gồm các thông tin về vị trí tuyển dụng; số lượng cần tuyển; tiêu chuẩn tuyển dụng và cơ hội việc làm, thăng tiến, ... Trong thông báo nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng như: có phẩm chất đạo đức tốt; lý lịch rõ ràng; ngoại hình cân đối, không có dị tật; có năng lực sáng tạo, tư duy đổi mới; có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước công việc; yêu nghề, gắn bó với Học viện; có đủ sức khỏe để đảm nhận công việc theo quy định, có bằng tốt nghiệp phù hợp với vị trí việc làm và chuyên ngành đăng ký dự tuyển; đáp ứng yêu cầu theo chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm do Học viện và cơ quan cấp trên quy định [H6.06.03.02]. Thông báo tuyển dụng nhân viên được đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ: <https://portal.ptit.edu.vn/hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong-thong-bao-tuyen-dung/> và trên các báo việc làm và các trang mạng xã hội về tuyển dụng [H6.06.03.04]. Tuy nhiên, do Học viện chủ động trong việc điều động đội ngũ nhân viên giữa các đơn vị nghiên cứu và đào tạo nên

chưa xây dựng chính sách cụ thể để tuyển dụng được các ứng viên có trình độ, kinh nghiệm chuyên môn về làm công tác TNTH và vận hành hệ thống các ứng dụng CNTT của Học viện. Ngoài ra, nguồn tuyển dụng và hình thức thông báo tuyển dụng của Học viện chưa phong phú, rộng rãi và đa dạng để thu hút được nhiều ứng viên tiềm năng, chất lượng cao từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện; mức thu nhập của từng vị trí việc làm chưa thực sự tạo sự hấp dẫn đối với ứng viên.

- Trên cơ sở hồ sơ của các ứng viên dự tuyển, Học viện thành lập Hội đồng tuyển dụng để xét tuyển hồ sơ trên cơ sở trình độ, kết quả/thành tích học tập/nghiên cứu, kinh nghiệm tích lũy của ứng viên và sự phù hợp với vị trí công việc cần tuyển dụng [H6.06.03.03]. Các ứng viên có hồ sơ đủ điều kiện sẽ được mời tham dự vòng kiểm tra, sát hạch gồm: phỏng vấn trao đổi, đánh giá năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, ... Sau khi có kết quả trúng tuyển, các nhân viên được bố trí làm việc tại các đơn vị chức năng theo vị trí tuyển dụng [H7.07.02.02]. Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện tuyển dụng được 27 nhân viên và được bố trí làm việc tại các đơn vị quản lý để hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ; trên cơ sở quy hoạch và kết quả đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, Học viện đã bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, luân chuyển 124 lượt CBQL các cấp (trong đó, Ban Giám đốc bổ nhiệm mới 02 nhân sự, bổ nhiệm lại 04 nhân sự; luân chuyển 06 nhân sự; bổ nhiệm mới 78 Trưởng, Phó khoa/phòng/bộ phận; bổ nhiệm lại 40 nhân sự). Tất cả các nhân sự được bổ nhiệm đều theo đúng quy hoạch. Kết quả bổ nhiệm và bố trí sắp xếp nhân sự của Học viện được thông báo công khai trên website của Học viện, qua hệ thống văn bản nội bộ của Học viện và gửi qua email tới ứng viên.

Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của CBGV, SV về điều kiện cơ sở vật chất 2019-2023 và Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH về tiêu chuẩn y tế, môi trường theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/202. Kết quả đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng chiếm tỷ lệ cao trên 90%. Việc đánh giá hàng năm của Học viện và các đợt khảo sát từ các GV và SV cho thấy rằng các nhân viên hỗ trợ cung cấp một mức độ thỏa đáng của dịch vụ cho cả SV và GV [H6.06.06.15].

2. Điểm mạnh

Học viện có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Hình thức thông báo tuyển dụng của Học viện chưa phong phú, rộng rãi và đa dạng để thu hút được nhiều ứng viên tiềm năng, chất lượng cao từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, đề xuất bổ sung các thức thông báo tuyển dụng phong phú, rộng rãi, đa dạng để thu hút được nhiều ứng viên tiềm năng, chất lượng cao từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ của Học viện được quy định tại khung năng lực và bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm trong Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 [H6.06.03.01]. Đề án vị trí việc làm trình bày tóm tắt công việc, nội dung, yêu cầu về năng lực, trách nhiệm cụ thể từng chức danh, vị trí làm việc, khối lượng, tần suất thực hiện, ... và xác định các tiêu chí về năng lực đội ngũ nhân viên về trình độ chuyên môn, Tiếng Anh, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong công việc, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ....

Căn cứ Đề án vị trí việc làm, Học viện xác định các vị trí công việc đối với nhân viên làm việc tại các đơn vị hỗ trợ đào tạo và NCKH (các đơn vị chức năng, viện nghiên cứu và trung tâm đào tạo bồi dưỡng trực thuộc Học viện) [H6.06.02.06] triển khai xây dựng bản mô tả công việc của các vị trí công việc cán bộ quản lý và nhân viên hỗ trợ tại các đơn vị [H7.07.03.01]. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, bản mô tả vị trí việc làm chưa có yêu cầu về năng lực chuyên sâu đối với nhân viên làm việc tại Trung tâm TNTH và triển khai các ứng dụng về CNTT tại Học viện.

Học viện giao phòng TCCB-LĐ phụ trách tham mưu, theo dõi, tổng hợp về đánh giá năng lực, hiệu quả công việc của cán bộ, giảng viên, nhân viên, đánh giá xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức [H6.06.06.04]. Kết quả đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên được sử dụng để xem xét, đánh giá xếp loại viên chức và được lấy làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua, khen thưởng.

Học viện ban hành các quy định về tiêu chí, quy trình đánh giá và tổ chức đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện định kỳ theo từng thời điểm trong năm và dựa trên các tiêu chí đánh giá cụ thể với các nội dung và hình thức đánh giá. Cụ thể:

- Đánh giá hàng tháng:

+ Để đánh giá NV hàng tháng, Học viện ban hành Quy chế trả lương của Khối quản lý và đào tạo phía Bắc theo Quyết định số 468/QĐ-TCCB ngày 26/7/2012 [H6.06.04.02]; Quy định đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối QLĐT phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26/3/2018 và Quy định đánh giá hệ số chất lượng công tác hàng tháng tại CSHV ban hành theo Quyết định số 321/QĐ-CSHV ngày 01/9/2020 [H6.06.02.11].

+ Cuối mỗi tháng, các đơn vị họp xét chất lượng công tác để đánh giá năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc của từng nhân viên, gửi kết quả đánh giá về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp, họp Hội đồng lương xác định mức lương chi trả hàng tháng cho từng cán bộ, nhân viên [H6.06.04.03]. Hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện công việc của VCNLĐ hàng tháng được lưu tại Phòng TCCB-LĐ Học viện.

- Đánh giá theo quý:

+ Căn cứ quy định và hướng dẫn của Bộ TT&TT tại Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức ban hành theo Quyết định số 2276/QĐ-BTTTT ngày 23/12/2020 và Hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ công chức, viên chức năm 2021 theo công văn số 643/TCCB ngày 10/11/2021 của Bộ TT&TT [H6.06.04.04], Học viện ban hành Công văn hướng dẫn về việc đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và văn bản hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại VC, NLĐ theo quý [H6.06.04.05].

+ Thực hiện hướng dẫn của Học viện, các đơn vị triển khai đánh giá CBVC theo các tiêu chí đánh giá viên chức của Bộ TT&TT và kết quả đánh giá được gửi về Phòng TCCB-LĐ để tổng hợp theo quý Báo cáo Bộ TT&TT. Quy trình đánh giá được cụ thể như sau: Cá nhân tự đánh giá theo mức điểm của từng tiêu chí với tổng điểm 100, sau đó đơn vị tổ chức cuộc họp cán bộ chủ chốt đánh giá từng NV, xác nhận kết quả đánh giá gửi Phòng TCCB-LĐ. Các phiếu đánh giá từng cá nhân có xác nhận của trưởng đơn vị được lưu tại Phòng TCCB-LĐ [H7.07.03.02].

- Đánh giá viên chức xét thi đua khen thưởng:

+ Hằng năm, Học viện công bố công khai trên hệ thống thông tin quản lý và gửi đến các đơn vị kế hoạch đánh giá viên chức và mẫu phiếu đánh giá công chức, viên chức và người lao động. Theo đó, các bước thực hiện việc đánh giá, phân loại từ cấp độ cá nhân, đơn vị quản lý, Học viện.... Các tiêu chí đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ cuối năm được xếp loại theo 4 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. được phổ biến rộng rãi tới toàn thể viên chức và người lao động trong toàn Học viện [H7.07.03.03].

+ Vào tháng 12 hàng năm, các CBVCNLD đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, việc tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn của Học viện và thể hiện trên bản kiểm điểm viên chức hàng năm của nhân viên các đơn vị [H7.07.03.04]. Sau đó, lãnh đạo các đơn vị đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Học viện đánh giá, bình xét xếp loại thi đua.

- Đánh giá theo KPI: Để đánh giá thành tích chung của từng đơn vị trên cơ sở thành tích đạt được của CBVCNLD, Học viện ban hành hệ thống đánh giá kết quả thực hiện công việc theo KPIs của Học viện năm 2018, 2019 và 2020 [H6.06.04.12]. Đây là cơ sở Học viện xác định kết quả các chỉ tiêu chính trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Học viện hàng năm.

Kết quả đánh giá 5 năm thuộc chu kỳ KĐCLGD (2019-2023) cho thấy: đa số các nhân viên của Học viện có kết quả đánh giá ở mức tương đối cao, dao động trong khoảng 90%-96% xếp loại A; 100% các nhân viên được Học viện đánh giá hoàn thành nhiệm vụ. Đội ngũ nhân viên đạt thành tích được tặng thưởng 46 bằng khen của Bộ TT&TT, 01 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 126 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 13 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Thông tin và Truyền thông. Khoa An toàn thông tin: Có 04 Giấy khen của Giám đốc Học viện; 07 Giấy khen của Bộ Thông tin và Truyền thông; 14 Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 03 Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 178 lượt người đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. 100% các CV, KTV và nhân viên của Học viện được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có Khoa ATTT [H7.07.03.05]. Việc đánh giá hàng năm của Học viện và các đợt khảo sát từ các GV, SV cho thấy rằng các nhân viên hỗ trợ cung cấp một mức độ thỏa đáng của dịch vụ cho cả SV và GV, điều này được thể hiện qua báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH (Tiêu chuẩn Y tế, Môi trường) từ 2019-2023, trong đó có Khoa ATTT [H6.06.06.15]. Kết quả khảo sát đánh

giá ở mức hài lòng và rất hài lòng chiếm tỷ lệ cao, tỷ lệ trung bình có 86,7% sinh viên hài lòng về CSVN và chất lượng phục vụ người học, trong đó có SV Khoa ATTT.

Tuy nhiên, quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực, ... đội ngũ nhân viên còn được quy định ở nhiều văn bản khác nhau nên có thể chồng chéo trong quá trình thực hiện. Học viện và các đơn vị phục vụ CTĐT cần lập kế hoạch kiểm tra, giám sát chất lượng phục vụ của đội ngũ NV do đơn vị quản lý hàng tháng, học kỳ và năm học để Học viện kịp thời có những điều chỉnh về nhân sự (khi cần) hoặc kế hoạch làm việc nhằm đáp ứng được nhu cầu của GV, SV.

2. Điểm mạnh

Học viện thực hiện đánh giá năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ toàn diện theo chu kỳ hàng tháng, quý, năm.

3. Điểm tồn tại

Các quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực, ... đội ngũ nhân viên còn được quy định ở nhiều văn bản khác nhau nên có thể chồng chéo trong quá trình thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Các năm 2024-2025, Phòng TCCB-LĐ chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan, xây dựng và trình ban hành bộ văn bản thống nhất về quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành Quy định về đào tạo và bồi dưỡng đối với viên chức và người lao động theo Quyết định số 647/QĐ-HV ngày 27/7/2017 [H6.06.01.11]. Trong đó quy định đối tượng, mục đích, nguyên tắc cử đi đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt có chính sách khuyến khích, hỗ trợ học phí cho VCNLĐ đi bồi dưỡng; quyền lợi và nghĩa vụ của viên chức cũng như trình tự thủ tục để viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và đi thực tế căn cứ để thực hiện; quy trình xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ và nhân viên ở các đơn vị (trong đó nêu rõ các bước xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng từ nguyện vọng cá nhân đến ra quyết định cử đi đào tạo bồi dưỡng và tiếp nhận trở lại làm việc).

Vào quý I hàng năm, Phòng TCCB-LĐ trình giám đốc học viện ban hành kế hoạch đăng ký nhu cầu đào tạo tập huấn, bồi dưỡng của và gửi đến các đơn vị trong toàn Học

viện để đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, trong đó đề nghị các đơn vị tập hợp nhu cầu của CBVCNLD về đào tạo bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ của năm (nhân viên thí nghiệm thực hành, thư viện, tổ công nghệ thông tin, ...) [H6.06.05.02].

Trên cơ sở đăng ký của CBVCNLD, các đơn vị tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng gửi về phòng TCCB trong đó có danh mục các khóa đào tạo dự kiến tổ chức. Phòng TCCB-LĐ tổng hợp đăng ký của các đơn vị, đối chiếu với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Học viện nhằm đáp ứng mục tiêu *“Học viện có nguồn nhân lực chất lượng cao với quy mô và cơ cấu phù hợp; có hệ thống quản trị hiện đại, hoàn thành chuyển đổi số hầu hết các hoạt động của nhà trường”* và Đề án vị trí việc làm để duyệt sơ bộ nhu cầu của các đơn vị; sau đó tổng hợp thành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của năm tiếp theo cho toàn Học viện và trình lãnh đạo Học viện phê duyệt [H6.06.01.12]. Theo kế hoạch, loại hình đào tạo, bồi dưỡng đối ngũ nhân viên gồm đào tạo dài hạn và ngắn hạn, các chương trình đào tạo bồi dưỡng đối với cán bộ, nhân viên chủ yếu tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chuẩn chức danh nghề nghiệp, lý luận chính trị, tiếng Anh và các kỹ năng công việc, tăng cường ứng dụng CNTT, ... dựa trên yêu cầu của từng vị trí công việc.

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện, Học viện phân bổ kinh phí chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng, trong đó đặc biệt khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn để chuyển sang chức danh GV. Nhân viên học ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản được đảm bảo các chế độ bảo hiểm, nâng lương thường xuyên theo quy định của Học viện và pháp luật [H6.06.05.10].

Trên cơ sở các kế hoạch được phê duyệt, các đơn vị lựa chọn và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng phù hợp trình độ chuyên môn, vị trí công việc và thời gian làm việc, lập danh sách gửi phòng TCCB-LĐ Học viện để trình giám đốc ký quyết định cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.01].

Năm 2021, Học viện ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí cho CBVCNLD được cử đi đào tạo tiến sỹ trong nước giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 513/QĐ-HV ngày 18/6/2021 [H6.06.05.01]. CBVCNLD khi đi học tiến sỹ trong nước sẽ được hỗ trợ kinh phí một lần sau khi có kết quả công nhận đã hoàn thành CTĐT TS với mức hỗ trợ 90 triệu khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sỹ ở các trường ngoài Học viện và 50 triệu đồng khi học tại Học viện. Hầu hết, các nhân viên đều có cơ hội tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, điều này được cụ thể qua danh sách các khóa

đào tạo, bồi dưỡng có sự tham gia của nhân viên các bộ phận TNTH, thư viện, Tổ ứng dụng CNTT giai đoạn 2019 - 2023 [H7.07.04.02]. Một số nhân viên có thể theo học trình độ tiến sĩ trong nước với sự hỗ trợ kinh phí của Học viện cũng như từ các nguồn học bổng khác của nhà nước [H7.07.04.03].

Trong giai đoạn 2019 - 2023, Học viện đã tổ chức 83 khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, với khoảng 1240 lượt người tham gia, trong đó có đội ngũ cán bộ chuyên viên và nhân viên của đơn vị TNTH, thư viện, tổ công nghệ thông tin. Tổng kinh phí chỉ cho đào tạo dài hạn và ngắn hạn 5 năm toàn Học viện chiếm 0,6% tổng nguồn chi, trong đó có đội ngũ NV, CV, KTV Khoa ATTT với 154 lượt người (chiếm tỷ lệ 105,48%) [H6.06.05.11]. Tuy nhiên, các khóa bồi dưỡng, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2019-2023 chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ và công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập.

Đối với CBVCNLD được cử tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn trong nước, Học viện giao Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I&II tổ chức quản lý các khóa học theo quy trình tổ chức do giám đốc trung tâm ban hành [H6.06.05.12]. Kết thúc khóa học, trung tâm tổ chức cấp chứng chỉ, chứng nhận cho học viên hoàn thành khóa học và gửi báo cáo tổng kết khóa học về Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động để làm cơ sở cho việc tổng kết, rút kinh nghiệm cho các khóa đào tạo tiếp theo [H6.06.05.13]. Thông qua các báo cáo tổng kết khóa học của Trung tâm Đào tạo Bưu chính Viễn thông I giai đoạn 2019-2023, có 100% cán bộ hỗ trợ được đáp ứng nhu cầu đào tạo bồi dưỡng so với nhu cầu đăng ký. Tuy nhiên, vẫn còn khoảng 4,47% nhân viên chưa hài lòng về tiêu chí công tác đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, hỗ trợ nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao và một số nhân viên của Học viện chưa đăng ký đi học để đạt chuẩn năng lực theo quy định; một số nhân viên phòng thực hành chưa chủ động tìm các khóa tập huấn giúp nâng cao chất lượng công tác phục vụ giảng dạy.

2. Điểm mạnh

Học viện luôn quan tâm đến nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Các khóa học, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2019-2023 chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ, chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên giáo vụ, công tác sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Định kỳ hằng năm, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu tổ chức đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo bồi dưỡng để đúc rút ra những bài học từ thực tế phục vụ cho việc điều chỉnh lại kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân sự là nhân viên các đơn vị chức năng của Học viện nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp thực tiễn phát triển của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có quy định cụ thể để quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được thể hiện tại các văn bản, quy định: Đề án vị trí việc làm của Học viện ban hành theo Quyết định số 449/QĐ-HV ngày 29/6/2020 và được chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở Đề án vị trí việc làm ban hành năm 2014 [H6.06.03.01]. Nội dung đề án được bổ sung các tiêu chí về năng lực đội ngũ nhân viên về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; có yêu cầu về năng lực đối với lãnh đạo các đơn vị về trình độ chuyên môn thạc sỹ trở lên và có trình độ tiếng Anh B1.

Sau khi danh mục vị trí công việc tại các phòng/ban, trung tâm chức năng được ban hành theo Quyết định số 1191/QĐ-HV ngày 04/12/2015 [H6.06.02.06], Học viện phê duyệt bản mô tả công việc cho từng vị trí theo hệ thống bản mô tả công việc chuẩn đối với các vị trí công việc tại Khối QLĐTPB Học viện theo Tờ trình số 503/TTr-TCCB-LĐ ngày 20/12/2018 của Phòng TCCB-LĐ, đây là cơ sở để để xác định khối lượng và tần suất thực hiện công việc cụ thể của từng nhân viên, đồng thời, là cơ sở để các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác của đơn vị, trong đó có phân công cụ thể cho từng cá nhân về khối lượng công việc cần làm trong năm.

Học viện ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm, các đơn vị trực thuộc Học viện để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân và làm căn cứ theo dõi, giám sát quá trình thực thi công việc [H6.06.06.04-10].

Học viện cũng ban hành các văn bản quy định việc chấp hành nội quy lao động và thời gian làm việc của CBVCNLD là một trong những tiêu chí quan trọng để xem xét, đánh giá chất lượng lao động của nhân viên như: Nội quy lao động ban hành theo Quyết định số 550/QĐ-TCCB ngày 12/8/2009, trong đó quy định thực hiện giờ làm việc đối với cán bộ, viên chức khối hành chính, cụ thể thời gian làm việc từ 08h00-17h00 các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và gửi tới toàn thể CBVC tại các đơn vị được biết và thực hiện [H7.07.05.01]; Quy chế làm việc Học viện ban hành theo Quyết định số 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H7.07.05.02].

Học viện triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên theo từng tháng, quý và tổng kết năm, cụ thể: đánh giá hàng tháng để chi trả lương theo vị trí công việc; đánh giá viên chức hàng quý theo phiếu đánh giá của Bộ TT&TT; đánh giá phân loại viên chức, bình xét TĐKT cuối năm.

- Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện theo Quy định đánh giá kết quả công việc cá nhân của Khối Quản lý đào tạo phía Bắc ban hành theo Quyết định số 207/QĐ-HV ngày 26 tháng 3 năm 2018 [H6.06.02.11]. Trong đó quy định Phòng TCCB - LĐ trực tiếp theo dõi và đề nghị đơn vị, cá nhân có đánh giá hàng tháng; sau đó họp hội đồng lương đánh giá hàng tháng và có đề nghị khen thưởng cá nhân hoàn thành tốt công việc [H6.06.04.04].

Vào tháng cuối hàng quý và tháng 12 hàng năm, Học viện tổ chức đánh giá, phân loại viên chức theo quy định của Bộ TT&TT và bình xét danh hiệu TĐKT theo Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức của Bộ T&&TT ban hành theo Quyết định số 2276/QĐ-BTTTT ngày 23/12/2020 [H6.06.04.05].

Học viện quy định công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen) thông qua văn bản hướng dẫn công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc và bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng của Học viện hàng năm [H6.06.06.14]. Ngoài ra, Học viện còn tiến hành khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất đối với thành tích của tập thể và cá nhân trong từng thời điểm.

Trên cơ sở bản mô tả công việc đối với từng vị trí làm việc, mỗi nhân viên hỗ trợ đều được giao nhiệm vụ theo từng chức danh cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng công việc, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo

động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH, đây là một trong những cơ sở để đánh giá tiến độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi nhân viên [H7.07.05.03].

Hàng năm, Học viện căn cứ vào khả năng hoàn thành nhiệm vụ làm cơ sở cho việc khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho những nhân viên có thành tích xuất sắc. Báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hằng năm của Học viện cho thấy đa số các nhân viên của Học viện có kết quả đánh giá ở mức tương đối cao; 100% các nhân viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ và đây là động lực góp phần khuyến khích đội ngũ nhân viên tiếp tục nỗ lực phấn đấu trong công tác phục vụ Học viện [H7.07.05.04].

Học viện ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐHV ngày 4/8/2021 của Hội đồng Học viện [H7.07.05.05], trong đó quy định cụ thể các văn bản cần phải xin ý kiến CBVCNLD trước khi ban hành. Quy định yêu cầu khi soạn thảo và ban hành quy định đánh giá hiệu quả công việc đối với cán bộ, viên chức (Quy chế trả lương, quy chế TĐKT, quy chế chi tiêu nội bộ, tiêu chí đánh giá chất lượng lao động hàng tháng, tiêu chí đánh giá phân loại và bình xét thi đua năm học...) đều có sự tham gia ý kiến đóng góp của CBVC. Quy trình ban hành văn bản gồm các bước: (1) Học viện giao cho Phòng TCCB-LĐ chủ trì, dự thảo văn bản, hoặc đề xuất thành lập các tổ/ nhóm soạn thảo, xây dựng quy định bao gồm đại diện cán bộ một số phòng, khoa, trung tâm để thực hiện nhiệm vụ xây dựng bản dự thảo quy định gửi tới các đơn vị trong toàn Học viện xin ý kiến; (2) Trên cơ sở đó, các đơn vị tổ chức cho CBVC tham gia góp ý và gửi báo cáo về thường trực hội đồng để tổng hợp, hoàn thiện quy định và báo cáo lãnh đạo học viện xem xét, phê duyệt ban hành. Việc được tham gia ý kiến giúp đội ngũ cán bộ, nhân viên cải thiện hiệu quả công việc, đồng thời khi được tham gia góp ý xây dựng các quy định sẽ giúp họ hài lòng hơn về việc đánh giá hiệu quả công việc và công tác thi đua khen thưởng của Học viện. Các văn bản xin ý kiến và ý kiến đóng góp của các đơn vị được phòng TCCB-LĐ lưu tại hồ sơ tổng hợp ý kiến trình giám đốc Học viện ban hành.

Trong 5 năm đội ngũ nhân viên hỗ trợ có 46 lượt người được nhận bằng khen Bộ TT&TT; 126 người đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở; 13 người đạt danh hiệu CSTĐ Bộ TT&TT; 1106 lượt người đạt danh hiệu LĐTT, trong đó có cán bộ, giảng viên Khoa ATTT.

Thông qua các hội nghị CBVC và hội nghị tổng kết công tác hàng năm của khoa và học viện đều không nhận được khiếu nại, phản nản về công việc, đặc biệt là công tác thi đua khen thưởng [H4.04.01.06], [H4.04.01.07].

Kết quả khảo sát CV, KTV và NV cho thấy 94,56% hài lòng về chế độ phụ cấp, tiền lương, khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khỏe định kỳ và an sinh của Học viện và chế độ tiền lương, thu nhập tăng thêm phù hợp với năng lực và mức đóng góp vào việc hoàn thành nhiệm vụ được giao của cá nhân, trong đó có đội ngũ CV, KTV và NV của ATTT. Tuy nhiên, vẫn còn 16,2% nhân viên phân vân về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Hiệu quả công việc của từng nhân viên được định lượng, đánh giá định kỳ hàng tháng, quý và năm.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn 16,2% nhân viên phân vân về việc quản trị theo kết quả công việc được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu, đề xuất phương án, giải pháp quản trị theo kết quả công việc để tạo động lực cho nhân viên trong công tác hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên của Học viện được xây dựng dựa trên quan điểm chỉ đạo từ Nghị quyết của Đảng ủy và Đề án vị trí việc làm đã được giám đốc học viện phê duyệt. Đội ngũ nhân viên của Học viện và của Khoa ATTT đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình, có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm về lĩnh vực công tác đảm nhận. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của khoa và Học viện.

Việc tuyển dụng, điều chuyển nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được điều chuyển hay tuyển dụng đều đảm bảo được các yêu cầu của vị trí việc làm. Nhân viên được đánh giá theo qui trình và được thông báo công khai. Học viện có văn bản hướng dẫn cụ thể để đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá và được đánh giá qua các cấp, từ đó biết được năng lực, trình độ và thái độ phục vụ của nhân viên. Học viện đã kịp thời ban hành những quyết định cử cán bộ, viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để

đảm bảo quyền lợi về học tập và chế độ tài chính theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai.

Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện công bằng và khách quan thông qua quy chế thi đua khen thưởng phù hợp đã khuyến khích, động viên kịp thời tinh thần làm việc của đội ngũ nhân viên.

Học viện chưa tổng kết đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo một cách bài bản để đúc rút ra những bài học từ thực tế đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên của Học viện. Ngoài ra, trong những năm tiếp theo, Học viện cần sẽ hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí: 5,00/7

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học là trung tâm của hoạt động đào tạo và chất lượng người học sẽ quyết định sự phát triển, tạo uy tín cho Học viện nói chung và ngành ATTT nói riêng. Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện và Khoa ATTT đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin hữu ích để lựa chọn ngành học. Tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

Người học CTĐT ngành ATTT của Học viện được học tập và rèn luyện trong một môi trường năng động, sáng tạo và thân thiện và được tham gia vào tất cả các khâu trong tiến trình đào tạo, từ việc cơ cấu các học phần dựa trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện tiến trình đào tạo tùy theo điều kiện và năng lực về tài chính về quỹ thời gian. Người học được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống kiểm soát phù hợp từ phần mềm đến hệ thống GV, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, trợ lý khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị chức năng quản lý trực tiếp như Phòng Chính trị & CTSV, Phòng Giáo vụ và các hoạt động hỗ trợ người học được hầu hết các đơn vị chức năng như Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo Chất lượng giáo dục, Trung tâm Dịch vụ, Văn phòng giao dịch một cửa đều phối hợp hỗ trợ hiệu quả cho người học.

Ngoài ra, Học viện còn tạo môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh - sạch - đẹp, các phương tiện hỗ trợ tiện ích, từ đó nâng cao ý thức người học và chất lượng đào tạo Học viện.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, căn cứ vào năng lực đào tạo, phân tích nhu cầu và dựa trên tổng kết công tác tuyển sinh năm trước và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01], Học viện xác định chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành học, bậc học, của toàn Học viện [H8.08.01.02] và xây dựng Đề án tuyển sinh với nội dung cập nhật các thông tin về chính sách, quy định tuyển sinh, trong đó có các thông tin tuyển sinh của CTĐT ngành ATTT. Những thông tin dự báo về nhu cầu nhân lực của ngành ATTT luôn được theo dõi và phân tích nhằm đưa ra những chính sách tuyển sinh phù hợp với thực tế tại các cuộc họp thống nhất xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Bên cạnh đó, Học viện và Khoa cũng tham khảo ý kiến một số bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng để làm căn cứ xây dựng chính sách tuyển sinh.

Phòng CT&CTSV tổ chức khảo sát học sinh THPT khi tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh năm 2019 và 2022 [H8.08.01.03]. Kết quả khảo sát cho thấy có 92,8% học sinh tham gia khảo sát hài lòng với việc Học viện cung cấp đầy đủ kịp thời thông tin về CTĐT của Học viện; Cơ sở học viện tại Thành phố HCM tổ chức khảo sát chất lượng SVTN và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2021 và 2022, với 100% DN tham gia khảo sát có kế hoạch tiếp tục tuyển dụng SVTN từ cơ sở học viện thời gian tới, trong đó có SVTN ngành ATTT [H8.08.01.04].

Trong chu kỳ kiểm định 2019-2023, Học viện có 6 Đề án tuyển sinh và các phương án điều chỉnh Đề án tuyển sinh [H8.08.01.05], với các chính sách và quy định về tuyển sinh được mô tả cụ thể, rõ ràng và đảm bảo đúng theo quy định Bộ GD&ĐT. Nội dung các đề án đầy đủ thông tin chi tiết cho từng ngành tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh và được điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế theo quy định của Bộ GD&ĐT và năng lực, quy mô đào tạo của Học viện, đồng thời, các đề án tuyển sinh đều được gửi báo cáo Bộ GD&ĐT.

Phạm vi tuyển sinh: Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước (*thí sinh đăng ký xét tuyển vào cơ sở đào tạo nào sẽ theo học tại cơ sở đó theo mã vùng tuyển sinh là BVH hoặc BVS*) và quốc tế.

Đối tượng:

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (*theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên*) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (*trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng*

kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

Chính sách ưu tiên:

- Học viện thực hiện chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT;

- Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và không giới hạn số lượng chỉ tiêu, được quy định tại Thông báo của Học viện (có Thông báo riêng) [H8.08.01.06].

- Học viện tuyển thẳng đối với các thí sinh có kết quả thi 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (tương ứng với tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển) từ 27,0 điểm trở lên (chỉ tính điểm bài thi); thí sinh tuyển thẳng được miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất.

Hằng năm, Học viện xây dựng kế hoạch, thông báo tuyển sinh cho các hệ chính quy. VLVH, đại học từ xa, chất lượng cao [H8.08.01.07] và công bố công khai chính sách và quy định tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên) trên website Học viện (<https://ptit.edu.vn>), cổng thông tin tuyển sinh của Học viện (<https://tuyensinh.ptit.edu.vn>), của Bộ GD&ĐT (<https://thituyensinh.vn>), các trang thông tin điện tử fanpage, facebook của Học viện [H8.08.01.08], trên các cẩm nang, Brochure tuyển sinh giới thiệu các CTĐT của Học viện tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do Bộ GD&ĐT tổ chức [H8.08.01.09].

Học viện phân công cho các đơn vị chức năng thực hiện các chính sách, các công việc tuyển sinh. Phòng Đào tạo là đơn vị thường trực xây dựng đề án tuyển sinh, các thông báo xét tuyển, trúng tuyển, hướng dẫn nhập học; các đơn vị phối hợp là Trung tâm KT&BĐCLGD, Phòng CT&CTSV. Khi thực thi công tác tuyển sinh, Học viện thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký, và các ban giúp việc khác thực hiện công việc theo quy chế tuyển sinh Bộ GD&ĐT ban hành và quy định của Học viện [H8.08.01.10].

Ngoài phương thức tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT, Học viện áp dụng các phương thức tuyển sinh khác nhau và được nêu cụ thể tại Đề án tuyển sinh từng năm:

- Năm 2019 xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT.

- Năm 2020, Học viện sử dụng 3 phương thức tuyển sinh: (1) tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; (2) dựa vào kết quả thi THPT; (3) xét tuyển kết hợp giữa

kết quả thi THPT và chứng chỉ SAT/IELTS/TOEFL IPT/đạt giải khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

- Năm 2021 ngoài phương thức tuyển sinh như năm 2020, đối với xét tuyển kết hợp có thêm một tổ hợp: kết hợp giữa kết quả thi THPT và học sinh chuyên Toán, Lý, Hóa, Tin học hoặc học sinh thuộc lớp chuyên Toán, Lý, Hóa, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc gia và có điểm trung bình chung 3 năm cuối cấp đạt 8 điểm trở lên.

- Năm 2022 và 2023, Học viện có thêm phương thức dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy. Tuyển sinh các hình thức, các bậc học khác, chính sách tuyển sinh được ghi trong Thông báo tuyển sinh. Xét tuyển dựa vào bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây: Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 từ 80 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 từ 700 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của ĐH Bách khoa Hà Nội năm 2022 từ 25 điểm trở lên.

Ngành ATTT tuyển sinh theo các phương thức: (i) Tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; (ii) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT; (ii) Xét kết quả học tập THPT; (iii) Xét tuyển kết hợp giữa kết quả thi THPT và chứng chỉ SAT/IELTS/TOEFL IPT/đạt giải khuyến khích kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia/giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh; (iv) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy. Đề án tuyển sinh xác định các tổ hợp xét tuyển vào học ngành ATTT là: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) và A01 (Toán, Vật lý, tiếng Anh).

Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của Bộ GD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao. Từ năm 2019 đến năm 2023, Học viện cấp 411 suất học bổng toàn phần và 1.395 suất học bổng bán phần cho các thí sinh đáp ứng yêu cầu nhận học bổng đầu vào các ngành đào tạo của Học viện. Mặc dù Học viện đã sử dụng phương thức tuyển thẳng, tuy nhiên trong giai đoạn KĐCLGD, ngành ATTT chỉ có 01 thí sinh được tuyển thẳng.

Từ năm 2019, bên cạnh các thông tin chi tiết của năm tuyển sinh, thông tin ĐBCL của Học viện về đội ngũ giảng viên và CSVN, Đề án tuyển sinh còn cung cấp cho người học thông tin tham khảo của 02 năm tuyển sinh trước đó của CTĐT ngành ATTT (Phương thức tuyển sinh, điểm trúng tuyển); điều kiện đảm bảo chất lượng; về tình hình việc làm

của hai khóa tốt nghiệp gần nhất và công khai nguồn thu tài chính và mức chi phí đào tạo trung bình hằng năm cho mỗi sinh viên.

Từ năm 2022, Học viện bổ sung chính sách học bổng đặc biệt với số lượng dự kiến tối đa là 30 suất học bổng có tổng trị giá học bổng khoảng 3 tỷ đồng. Đối tượng để được xét cấp học bổng đặc biệt này là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học. Với học bổng đặc biệt này, thí sinh sẽ được miễn học phí trong toàn bộ thời gian học tập với điều kiện phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên. Học viện tiếp tục duy trì chính sách học bổng cho các thí sinh đạt thành tích cao; Học bổng miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 100 suất cho các thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế, quốc gia hoặc thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi Học sinh Giỏi cấp tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT; Học bổng miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 300 suất cho thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT (các thí sinh chưa đạt điều kiện để được xét cấp học bổng 100%). Thí sinh chỉ được xét và cấp một loại học bổng trong chính sách học bổng nêu trên. Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các suất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như: Samsung, VNPT, Mobifone, Viettel, FPT, AGR... cụ thể tại thông báo xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học chính quy năm 2022 [H8.08.01.06].

Chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh của Học viện được công khai trên cổng thông tin điện tử của tại địa chỉ: <https://ptit.edu.vn>; cổng thông tin đào tạo <https://daotao.ptit.edu.vn>; cổng thông tin tuyển sinh <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>; Các trang mạng xã hội chính thức của Học viện: facebook.com/ptittuyensinh, facebook.cpm/ptit/; quảng bá trên các Brochure tuyển sinh; trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (<https://thituyensinh.vn/>). Thông tin tuyển sinh còn được công khai trên các báo: Giáo dục và Thời đại; Báo Tuổi trẻ; Báo Dân trí, ... [H8.08.01.11] và tạo đường dây Hotline giải đáp thắc mắc liên quan tuyển sinh để các thí sinh, phụ huynh theo dõi và liên hệ.

Hàng năm, Học viện xây dựng và triển khai kế hoạch tổng thể và chi tiết cho công tác tư vấn tuyển sinh, bao gồm: cẩm nang, ấn phẩm truyền thông tin tuyển sinh, ngày hội tư vấn, tư vấn mùa thi và tuyên truyền trực tiếp thông qua các hình thức như đến các trường

THPT tư vấn hướng nghiệp, trao học bổng và tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh tại ĐH Bách khoa Hà Nội và tại một số trường THPT trên các địa phương như Hải Phòng, Hải Dương, ... [H8.08.01.12].

Khoa ATTT phối hợp với Phòng CT&CTSV tổ chức các hoạt động tư vấn trực tuyến và xây dựng video giới thiệu về CTĐT ngành ATTT và đăng tải trên website Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/> [H8.08.01.13] nhằm giới thiệu, quảng bá cũng như giải đáp tất cả các thắc mắc của thí sinh về thông tin tuyển sinh, hoạt động này thu hút được sự quan tâm của đông đảo học sinh và phụ huynh. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc thi ATTT hoặc thông qua các đợt tập huấn với giáo viên phổ thông, Khoa ATTT cũng được giới thiệu, đó cũng là hình thức đưa hình ảnh của khoa, học viện đến với xã hội. Với chính sách tuyển sinh của Học viện đối với ngành ATTT và chương trình đào tạo ngành ATTT được xã hội biết đến, chất lượng đào tạo được công nhận là sự lựa chọn của những học sinh có đam mê với lĩnh vực ATTT trên toàn quốc.

Chính sách tuyển sinh của Học viện và ngành ATTT được cập nhật, điều chỉnh hằng năm căn cứ vào: Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh hằng năm; kết quả trúng tuyển hằng năm của NH ngành ATTT; kết quả khảo sát tình trạng có việc làm của NH sau tốt nghiệp; dự báo nhu cầu nhân lực, điều kiện thực tế và xu hướng phát triển của ngành ATTT. Tuy nhiên, việc tham khảo góp ý của các bên liên quan để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành TT-TT, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành.

Kết thúc kỳ tuyển sinh hằng năm, Học viện tổng kết công tác tuyển sinh và triển khai nhiệm vụ năm tiếp theo, nội dung đánh giá về: (1) định hướng về công tác tuyển sinh trong năm; (2) tổ chức công tác tuyển sinh; (3) công tác truyền thông; (4) công tác phân tích, dự báo; (5) điểm chuẩn và lấy đến nguyện vọng bao nhiêu của từng ngành. 5 nội dung trên là cơ sở để Học viện đề ra chủ trương cho kỳ tuyển sinh tiếp theo và nội dung được phân tích cụ thể tại Báo cáo công tác tuyển sinh hằng năm [H8.08.01.14].

Công tác giám sát tuyển sinh và nhập học được giao cho Hội đồng tuyển sinh và Ban thanh tra tuyển sinh. Học viện thực hiện các biện pháp khác nhau để giám sát công tác tuyển sinh và nhập học như thực hiện giám sát từng khâu của quá trình từ xây dựng đề án tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, giám sát quá trình thực hiện đăng ký nguyện vọng, giám sát xét tuyển, xác định điểm chuẩn theo từng mã ngành, giám sát thu nhận hồ, đối

chiếu hồ sơ đăng ký và hồ sơ gốc... Học viện sử dụng phần mềm PMS-TM, camera an ninh để nâng cao chất lượng xét tuyển.

Học viện giao cho Phòng Giáo vụ kiểm dò toàn bộ hồ sơ theo từng phương thức tuyển sinh: phiếu đăng ký xét tuyển, học bạ, giấy chứng nhận tốt nghiệp, ngành học, mã đăng ký, tổ hợp xét tuyển...trước khi phân lớp học và có báo cáo công tác kiểm dò tuyển sinh [H8.08.01.15].

Ban thanh tra tuyển sinh thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành của thanh tra thi của Bộ GD&ĐT, Học viện và có báo cáo công tác thanh tra tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.16]. Kết thúc kỳ tuyển sinh hàng năm, Học viện lập báo cáo kết quả công tác tuyển sinh gửi báo cáo Bộ GD&ĐT [H8.08.01.17].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Học viện được xác định rõ ràng, được công bố công khai qua các phương tiện truyền thông và cập nhật theo các quy định mới hàng năm của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc tham khảo góp ý của các bên liên quan để xây dựng chính sách tuyển sinh chỉ dừng lại ở các đơn vị trong ngành TT-TT, mà chưa có sự tham gia của các doanh nghiệp ngoài ngành và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2024, phòng Đào tạo phối hợp với các khoa thực hiện việc khảo sát xin ý kiến các bên liên quan, trong đó chú trọng đến các doanh nghiệp ngoài ngành TT-TT, cũng như các doanh nghiệp nước ngoài để xây dựng chính sách tuyển sinh.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn người học của ngành ATTT được quy định trong các đề án tuyển sinh hàng năm với những nội dung cụ thể, rõ ràng về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu, thời gian và phương thức tuyển sinh [H8.08.01.05].

Năm 2019, Học viện chỉ sử dụng duy nhất kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia để thực hiện xét tuyển thí sinh vào đại học. Từ năm 2020, Học viện mở rộng phương án tuyển sinh với 3 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển

sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt 27,0 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; (2) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia với khoảng 85% chỉ tiêu theo ngưỡng đảm bảo chất lượng Học viện công bố, xét trúng tuyển theo ngành và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành; (3) Xét tuyển kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với chứng chỉ quốc tế hoặc thành tích cá nhân trong kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc thành tích học tập tại các trường THPT chuyên của các tỉnh, thành phố, cụ thể:

Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Học viện thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt 27,0 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021.

Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021: Học viện dành khoảng 85% chỉ tiêu cho xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021; ngưỡng đảm bảo chất lượng được Học viện công bố sau khi có kết quả thi THPT; xét trúng tuyển theo ngành và không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành.

Phương thức 3 - Xét tuyển kết hợp: Năm 2021, Học viện xét tuyển theo phương thức kết hợp giữa kết quả học tập ở bậc THPT với chứng chỉ quốc tế hoặc thành tích cá nhân trong kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc thành tích học tập tại các trường THPT chuyên. Cụ thể:

a. Đối tượng 1: Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên hoặc ACT từ 25/36 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

b. Đối tượng 2: Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

c. Đối tượng 3: Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

d. Đối tượng 4: Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hoá, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố

trực thuộc và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ/lớp chuyên các môn Toán, Lý, Hoá, Tin học của các trường THPT trọng điểm quốc; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 (hoặc học kỳ 1 lớp 12) đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

Từ năm 2022, Học viện bổ sung 1 phương thức tuyển sinh (4) Xét tuyển dựa vào bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy: Ngoài các yêu cầu theo quy định chung thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây: Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022 từ 80 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 từ 700 điểm trở lên; thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Trường đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 từ 25 điểm trở lên.

Trong đề án tuyển sinh trình độ đại học hàng năm, Học viện tuyên bố rõ tổ hợp các môn xét tuyển, theo từng phương thức xét tuyển với thông tin về ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển từng CTĐT:

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	An toàn thông tin	7480202	A00, A01
2	Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	A00, A01
3	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	A00, A01
4	Công nghệ thông tin	7480201	A00, A01
5	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	A00, A01
6	Công nghệ đa phương tiện	7329001	A00, A01, D01
7	Truyền thông đa phương tiện	7320104	A00, A01, D01
8	Quản trị kinh doanh	7340101	A00, A01, D01
9	Thương mại điện tử	7340122	A00, A01, D01
10	Marketing	7340115	A00, A01, D01
11	Kế toán	7340301	A00, A01, D01
12	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340208	A00, A01, D01

Ghi chú:

- Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa;
- Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;
- Tổ hợp D01: Toán, Văn, Tiếng Anh.

Các phương thức xét tuyển của Học viện đều phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT quy định. Trong chu kỳ đánh giá, năm 2019, Học viện áp dụng: (1) xét tuyển thẳng theo

quy định của Bộ GD&ĐT; (2) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT, trong đó năm 2020 bổ sung thêm phương thức xét tuyển kết hợp kết quả thi THPT và các chứng chỉ quốc tế; năm 2021 mở rộng thêm phương thức xét tuyển kết hợp; từ năm 2022, thêm một phương thức tuyển sinh mới: dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy. Tổ hợp các môn xét tuyển được xác lập phù hợp cho từng nhóm ngành học: các ngành khối kinh tế sử dụng các tổ hợp A0, A1, D1; các ngành công nghệ, kỹ thuật sử dụng các tổ hợp A0 và A1.

Các tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển chọn người học được rà soát, đánh giá theo đúng quy trình, quy định và quyết định bởi hội đồng tuyển sinh hàng năm nhằm mục đích tuyển chọn được các thí sinh có chất lượng cao và phù hợp với ngành đào tạo. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, Hội đồng tuyển sinh đã đưa ra các phương hướng tuyển sinh đột tiếp theo. Các vấn đề bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận trong các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm [H8.08.02.01], đặc biệt là công tác giám sát, kiểm dò thông tin ưu tiên của các thí sinh trúng tuyển Đại học được rà soát hệ thống [H8.08.01.15]. Trước khi đề án tuyển sinh được công khai trên các kênh truyền thông của Học viện, đề án được các đơn vị trong học viện góp ý, đặc biệt là ý kiến của các khoa đề xuất chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, năng lực của học viện và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của bộ, ngành, địa phương.

Điểm trúng tuyển được công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT căn cứ vào số lượng người đăng ký, kết quả thi thực tế của từng năm [H8.08.02.02] và hàng năm Học viện đã đưa ra ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT [H8.08.02.03]. Kết quả tuyển sinh ngành ATTT hàng năm của Học viện đều được công bố công khai trên website của Học viện. Mặc dù Học viện có chính sách khuyến khích thí sinh có kết quả tuyển sinh cao nhập học, tuy nhiên không nhiều thí sinh nhập học theo phương thức tuyển thẳng, mỗi năm có chưa tới 50 thí sinh được tuyển thẳng và ngành ATTT chỉ có 01 thí sinh được tuyển thẳng.

Tháng 12 hàng năm, Học viện tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh có sự tham gia của các đơn vị trong Học viện để rà soát lại nhu cầu nhân lực và nghiên cứu nội dung điều chỉnh phương thức tuyển sinh năm tiếp theo [H8.08.01.14]. Trên cơ sở các ý kiến rà soát về công tác tuyển sinh, Học viện thường xuyên có sự điều chỉnh, thay đổi về tiêu chí tuyển sinh và phương pháp tuyển sinh, cụ thể tăng từ 01 phương thức xét tuyển năm 2016 - 2019 lên 03 phương thức xét tuyển vào năm 2020 và 2021 và tăng lên thành 04 phương thức từ năm 2022; Hình thức tư vấn tuyển sinh đa dạng hơn, giúp thí sinh dễ

dường tiếp cận thông tin và đăng ký thi tuyển; thông tin về tuyển sinh của Học viện còn được thông báo rộng rãi đến học sinh các trường THPT thông qua việc kết nối với các giáo viên phổ thông, vốn là cựu SV của Học viện.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được rà soát, đánh giá trong suốt quá trình tuyển sinh để kịp thời điều chỉnh phương thức tuyển sinh trong từng năm cho phù hợp với nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Học viện đã sử dụng phương thức tuyển thẳng, tuy nhiên trong giai đoạn 2019-2023, ngành ATTT có rất ít thí sinh được tuyển thẳng.

4. Kế hoạch hành động

Từ khóa tuyển sinh năm 2024, Phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa đề xuất các hình thức quảng bá truyền thông đa dạng hơn về phương thức tuyển thẳng với các ưu đãi đặc biệt về học bổng để có thể thu hút nhiều hơn thí sinh đăng ký tuyển thẳng vào học CTĐT ngành ATTT của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ với sự tham gia phối hợp của các đơn vị: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Trung tâm Khảo thí & ĐBCLGD, Phòng CT & CTSV, Tổ Thanh tra, Khoa ATTT, các CVHT. Cụ thể:

(1) Phòng Giáo vụ có nhiệm vụ “Xây dựng khung kế hoạch đào tạo hằng năm; kế hoạch đào tạo cho các lớp, khoá, các hệ đào tạo theo chương trình, quy chế đào tạo; thành lập lớp, xử lý lên lớp, ngừng học, buộc thôi học, cảnh báo học vụ theo kết quả học tập; xét cấp học bổng khuyến khích học tập; xét điều kiện dự thi tốt nghiệp; tiếp nhận, sử dụng kết quả thi do Trung tâm KT&ĐBCLGD quản lý, cung cấp để thực hiện các nghiệp vụ quản lý: xét, xử lý kết quả học tập của sinh viên; tổng hợp, đánh giá, phân loại kết quả học tập của sinh viên theo học kỳ, năm học và khóa học; thực hiện các chế độ học tập của sinh viên; định kỳ tổ chức tổng hợp, báo cáo và cung cấp thông tin, phổ biến thông tin kế hoạch đào tạo, thông tin dữ liệu sinh viên cho các đơn vị liên quan, cho sinh viên theo quy định”

(Điều 2 QĐ số 621/QĐ-HV ngày 08/08/2018) [H8.08.03.01]. Phòng Giáo vụ phối hợp với Trung tâm Khảo thí và ĐBCLGD theo dõi, tổng hợp bảng điểm học tập của SV các học kỳ được thiết lập trên phần mềm để báo cáo đề xuất Ban giám đốc Học viện xem xét, phê duyệt kết quả học tập của SV.

(2) Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xét điều kiện tốt nghiệp và làm thủ tục cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho SV ban hành theo Quyết định số 834/QĐ-HV ngày 18/11/2015) [H8.08.03.02].

(iii) Phòng CT&CTSV có nhiệm vụ “thực hiện các nghiệp vụ, thủ tục liên quan đến công tác sinh viên đầu khóa, năm học, kỳ học: sinh hoạt tuần công dân đầu khóa học, đầu kỳ học; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện, thực các hiện chế độ, chính sách có liên quan đối với SV, hỗ trợ và chăm sóc SV, phối hợp với các đơn vị, CVHT trong công tác tư vấn học tập, rèn luyện, hỗ trợ việc làm đối với sinh viên...” (Điều 2-QĐ số 622/QĐ-HV ngày 08/08/2018) [H8.08.03.03].

(4) Trung tâm KT&ĐBCLGD có nhiệm vụ: “Tổ chức thi, chấm thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, các học phần thay thế tốt nghiệp, chấm phúc khảo, bảo vệ luận văn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên các hệ đào tạo; Quản lý lưu trữ bài thi đã chấm; quản trị cơ sở dữ liệu kết quả thi của sinh viên, học viên; Công bố kết quả học tập của sinh viên, học viên sau khi có kết quả...” (Điều 2 QĐ số 970/QĐ-HV ngày 01/11/2018) [H8.08.03.04].

(5) Tổ Thanh tra - Pháp chế thuộc Văn phòng Học viện có nhiệm vụ: “Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch, chương trình nội dung, phương pháp giáo dục, quy chế đào tạo, quy chế thi cử, cấp văn bằng, chứng chỉ; ... phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc khen thưởng, thi hành kỷ luật...sinh viên” (Điều 2 QĐ số 525/QĐ-HV ngày 12/6/2017) [H8.08.03.05].

(6) Khoa ATTT tổ chức giám sát giờ lên lớp của sinh viên, quá trình SV học tập và đánh giá điểm thành phần các môn học. Trong quá trình giảng dạy và khi kết thúc học phần, các GV sẽ đánh giá mức độ tích lũy CĐR của SV theo lớp học phần. Bên cạnh đó, GV phụ trách học phần cũng tham gia giám sát quá trình học tập của người học thông qua đánh giá điểm thành phần (điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, thảo luận, TNTH, ...).

(7) CVHT có trách nhiệm “Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu Quy chế, Quy định đào tạo của Bộ GD&ĐT và của Học viện để sinh viên nắm rõ trách nhiệm, quyền lợi của mình; nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện chung của sinh viên, phối hợp với các đơn vị, cá nhân có liên quan, kịp thời tư vấn giúp đỡ sinh viên giải quyết những khó khăn trong học tập,

đảm bảo quyền lợi sinh viên, tránh tình trạng sinh viên bị cảnh cáo học tập hoặc buộc thôi học; giữ mối liên hệ với gia đình sinh viên; thông tin kết quả học tập đến gia đình sinh viên khi được yêu cầu...” (Các QĐ: số 1235/QĐ-HV ngày 31/12/2015; số 333/QĐ-HVCS ngày 27/07/2018; số 47/QĐ-HV ngày 14/01/2022) [H8.08.03.06]. Quy định về công tác cố vấn học tập quy định cụ thể nhiệm vụ của CVHT là có trách nhiệm hướng dẫn SV tìm hiểu quy chế, quy định đào tạo của Bộ GD&ĐT và của Học viện; tư vấn cho SV đăng ký môn học, lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và toàn khoá học, chủ trì đánh giá kết quả rèn luyện của lớp SV theo đúng thời gian và quy định của Học viện. Quy định phân công rõ nhiệm vụ của từng đơn vị trong việc thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ sinh viên. như: Phòng CT&CTSV là đầu mối cung cấp các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ, phòng Giáo vụ (hỗ trợ công tác học tập cho người học, các khoa (đội ngũ CVHT hỗ trợ học tập cho NH, Trung tâm dịch vụ (hỗ trợ KTX cho SV), phòng Quản lý KHCN&HTQT (hỗ trợ hoạt động NCKH của sinh viên) và Đoàn thanh niên (hỗ trợ hoạt động ngoại khóa) thực hiện các quyết định hỗ trợ người học. Bên cạnh đó, Học viện cũng triển khai các hoạt động tư vấn cho NH thông qua hoạt động của các đơn vị như: phòng CT&CTSV, Đoàn thanh niên, Trung tâm đổi mới sáng tạo...

Hằng năm, các khoa căn cứ trên năng lực, chuyên môn của GV thuộc khoa đề xuất các GV đảm nhận công tác CVHT theo nguyên tắc đối với mỗi lớp SV, Học viện quy định cử 01 cán bộ là CVHT và một CVHT có thể phụ trách một hoặc nhiều lớp học cùng một khóa học hoặc các khóa học khác nhau. Phòng CT&CTSV tổng hợp danh sách và trình giám đốc ban hành các quyết định cử CVHT cho các lớp theo từng khóa học [H8.08.03.07].

Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, Học viện đã ban hành các quy định:

- Quy định về đào tạo đại học theo tín chỉ ban hành năm 2012, 2018 và 2021 [H5.05.01.01], [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], trong đó, tại Điều 12, Quy chế đào tạo năm 2021 đã quy định rõ khối lượng học tập của người học phải đăng ký trong mỗi học kỳ căn cứ kết quả học tập: Đối với học kỳ chính, người học được đăng ký tối thiểu không thấp hơn 15 tín chỉ (CTĐT cử nhân) và 16 tín chỉ (CTĐT kỹ sư), tối đa không vượt quá 25 tín chỉ; Điều 14 Quy định về học lại và học cải thiện điểm; Điều 18. Đánh giá lớp học phần; Điều 23. Tiêu chí đánh giá kết quả học tập; Điều 24. Đánh giá kết quả học phần. Khối lượng tín chỉ của CTĐT được phân bổ hợp lý theo từng học kỳ để người học đăng ký học tập. Để đảm bảo người học hoàn thành được CTĐT đúng thời hạn, Học viện cho phép

người học được đăng ký học lại, học cải thiện điểm vào các kỳ học chính, kỳ học phụ. Đồng thời, những SV có kết quả học tập yếu, kém sẽ bị cảnh báo học vụ theo các mức 1, 2, 3.

- Học viện ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của SV theo Quyết định số 1213/QĐ-HV ngày 31/12/2015, kèm theo Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện với các mức điểm chi tiết để đánh giá sự tiến bộ của người học về rèn luyện theo từng học kỳ của năm học [H8.08.03.08]; Quy định về công tác SV theo Quyết định số 1236/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H8.08.03.09]. Theo quy định, vào tuần đầu tiên của mỗi học kỳ Phòng CT&CTSV triển khai đánh giá kết quả rèn luyện của SV và tổng hợp báo cáo lên hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV Học viện họp xét, thống nhất trình giám đốc xem xét, công nhận kết quả. Việc đánh giá điểm rèn luyện do cá nhân SV tự đánh giá và sau đó được thẩm định với sự tham gia của CVHT, ban cán sự lớp, chi đoàn thông qua cuộc họp, bình xét.

Kết quả học tập, rèn luyện của NH được tổng hợp và thống kê theo từng học kỳ, năm học. Kết quả phân loại rèn luyện của SV được sử dụng trong việc xét cấp học bổng, khen thưởng, kỷ luật, xét thôi học, ngừng học theo quy định. Học viện thành lập các Hội đồng khen thưởng sinh viên và ban hành các quyết định về công nhận thành tích khen thưởng SV theo năm học.

Học viện có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo theo tín chỉ, cổng thông tin quản lý đào tạo, các trang mạng xã hội để triển khai hoạt động đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Từ năm 2012, Học viện đã triển khai phần mềm quản lý đào tạo (có bản quyền) quản lý toàn bộ SV từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp ra trường, gồm quản lý điểm học tập, rèn luyện, thôi học, nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập, buộc thôi học, quản lý thi đua, chế độ chính sách... Hệ thống này cho phép Học viện giám sát được kết quả học tập, tiến độ học tập của người học [H8.08.03.14]. Phòng Giáo vụ được phân quyền để giám sát, theo dõi và quản lý cơ sở dữ liệu sự tiến bộ của NH trong học tập và tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học; Phòng CT&CTSV được phân quyền để giám sát, theo dõi và quản lý kết quả rèn luyện của người học. Cơ sở dữ liệu về đăng ký học phần của SV, kết quả học tập của SV được cập nhật theo từng học kỳ vào phần mềm Quản lý đào tạo và được lưu giữ trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Sau quá trình triển khai, phần mềm quản lý đào tạo chưa tính năng cảnh báo học vụ tự động khi người học thuộc trường hợp bị cảnh báo học vụ, việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa ATTT tư vấn trực tiếp cho từng SV.

Cơ sở dữ liệu về kết quả học tập và rèn luyện của SV từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp được lưu trữ, quản lý trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo Edusoft và SV được cấp tài khoản đăng nhập để biết được kết quả học tập theo từng học kỳ, năm học. Phòng Giáo vụ theo dõi kết quả học tập của SV trong quá trình học tập tại Học viện, thông báo cảnh báo học vụ vào cuối mỗi học kỳ đối với những SV có kết quả học tập yếu, kém theo các mức 1, 2, 3 và theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV.

Đầu mỗi học kỳ, nhằm giúp SV biết thông tin về kết quả học tập và chủ động lập kế hoạch học tập thích hợp, các CVHT phê duyệt đăng ký học phần của SV trong học kỳ tiếp theo gửi Phòng Giáo vụ để tổ chức các lớp môn học [H8.08.03.15]. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo cho phép từng CVHT có thể xem và cập nhật được kết quả học tập theo từng học kỳ của SV, giúp CVHT có những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những SV không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn [H8.08.03.16]. Đồng thời, Học viện ban hành quy định về việc cấp và sử dụng hộp thư điện tử (email) của sinh viên theo Quyết định số 1103/QĐ-HV ngày 06/12/2019 [H8.08.03.17] để có thể gửi các thông báo cảnh báo kết quả học tập của SV kịp thời theo đúng quy chế đào tạo.

Thực hiện nhiệm vụ của CVHT theo quy định của Học viện, hàng tháng, cố vấn học tập họp với các lớp SV để nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của SV và kịp thời giám sát, nhắc nhở. Kết quả các cuộc họp lớp đều được gửi về Phòng CT&CTSV để phối hợp với Khoa ATTT giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của SV [H8.08.03.18]. Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của SV, phòng CT&CTSV phối hợp với đội ngũ CVHT và Khoa giữ mối liên hệ với SV và gia đình nhằm giúp SV tập trung học tập để cải thiện kết quả học tập.

Kết thúc mỗi học kỳ, căn cứ cơ sở dữ liệu kết quả học tập trên phần mềm quản lý đào tạo, Học viện theo dõi và nắm bắt được tình hình học tập của SV. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng để phòng Giáo vụ, phòng CT&CTSV và Khoa ATTT theo dõi, đánh giá sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện và tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV ngành ATTT.

2. Điểm mạnh

Học viện có phần mềm quản lý đào tạo được phân quyền cho các đơn vị chức năng liên quan chủ động quản lý, giám sát và theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, cũng như theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ và thôi học.

3. Điểm tồn tại

Sau quá trình triển khai, phần mềm quản lý đào tạo chưa có tính năng cảnh báo học vụ tự động khi người học thuộc trường hợp bị cảnh báo học vụ, việc nhắc nhở vẫn do CVHT và Khoa ATTT tư vấn trực tiếp cho từng SV.

4. Kế hoạch hành động

Quý II năm 2024, Phòng Giáo vụ phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán làm việc với đơn vị cung cấp phần mềm để bổ sung tính năng tự động đưa ra cảnh báo cho các SV thuộc diện bị cảnh báo học vụ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện giao nhiệm vụ cho các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác đối với người học. Phòng CT&CTSV tại Cơ sở Hà Nội và phòng Công tác SV Cơ sở Học viện tại Thành phố HCM [H8.08.03.03] (sau đây được gọi chung là phòng CT&CTSV) được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong công tác tổ chức các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học, Cụ thể:

- Thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với SV: Phòng CT&CTSV phối hợp với Phòng Giáo vụ, Phòng Tài chính - Kế toán tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đối với SV về học bổng hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp (nguồn kinh phí không phải từ quỹ học bổng khuyến khích học tập được học viện trích lập); học phí; khen thưởng, kỷ luật, trợ cấp xã hội; bảo hiểm; tín dụng đào tạo và các chế độ ưu tiên, hỗ trợ cho SV tàn tật, khuyết tật, SV diện chính sách, SV gặp hoàn cảnh khó khăn theo quy định và phân cấp của Học viện.

- Công tác cố vấn học tập: Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa ATTT và các đơn vị chức năng trong việc bố trí cố vấn học tập cho các lớp SV. Căn cứ Quy định về công tác cố vấn học tập [H8.08.03.06], Hằng năm, lãnh đạo Khoa căn cứ trên năng lực, chuyên môn của GV thuộc khoa để đề xuất các GV đảm nhận công tác CVHT, Phòng CT&CTSV tổng hợp danh sách và trình Giám đốc ban hành Quyết định cử CVHT Khoa ATTT đề xuất danh sách CVHT trong từng năm học gửi Phòng CT&CTSV để tổng hợp, trình Giám đốc Học

viện ký Quyết định phân công nhiệm vụ CVHT cho GV Khoa ATTT [H8.08.03.07]. Hàng năm Học viện cử khoảng 20-30 cán bộ, GV từ các đơn vị phòng ban chức năng và Khoa ATTT làm cố vấn học tập cho các lớp SV ngành ATTT từ năm thứ 1 đến năm thứ 5.

- Các hoạt động ngoại khóa và tổ chức các phong trào thi đua trong SV: Phòng CT&CTSV phối hợp với Đoàn thanh niên Học viện và các đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động phong trào: văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện, PVCD, giao lưu và các hình thức khuyến khích học tập khác; theo dõi công tác phát triển Đảng trong SV; quản lý các đội, nhóm, câu lạc bộ và diễn đàn SV để tạo điều kiện cho người học có môi trường học tập, rèn luyện, phấn đấu.

- Hệ thống tư vấn, hỗ trợ sinh viên:

+ Phòng CT&CTSV là các đơn vị chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ tư vấn và hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Phòng bố trí các cán bộ chuyên trách có kinh nghiệm để giúp đỡ tư vấn việc làm cho SV và được quy định cụ thể tại bản mô tả công việc của chuyên viên phụ trách công tác SV - mục số 4 “tư vấn hỗ trợ SV” [H8.08.04.01].

+ Ngoài ra, Học viện thành lập bộ phận một cửa để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho SV. Trong đó phòng Đào tạo có 01 nhân sự phụ trách giải đáp thắc mắc tuyển sinh, phòng Giáo vụ 01 nhân sự phụ trách học vụ, cấp bằng điểm, Phòng CT&CTSV có 01 nhân sự giúp người học trong vấn đề chính sách [H8.08.04.02].

+ Vào đầu năm học, Phòng CT&CTSV chủ trì, phối hợp với Đoàn TN Học viện, các khoa và đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động ngoại khóa của sinh viên trong từng năm học báo cáo lãnh đạo học viện phê duyệt và triển khai tổ chức thực hiện. Nội dung kế hoạch được cụ thể tại kế hoạch công tác của Phòng CT&CTSV [H8.08.04.03] và chương trình công tác của Đoàn TN hàng năm (các hoạt động liên quan đến hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ học tập SV như các cuộc thi chuyên môn, nói chuyện chuyên đề, tư vấn hỗ trợ việc làm, lấy ý kiến SV được lên kế hoạch khung từ đầu năm, có sự phân công trách nhiệm chủ trì/phối hợp và kèm dự toán kinh phí) [H8.08.04.04].

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH, cụ thể:

- Học bổng và hỗ trợ kinh phí cho SV có hoàn cảnh khó khăn trong học tập:

+ Học viện ban hành Quy định về tạo lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ học bổng SV để cấp học bổng cho những SV giỏi và SV có hoàn cảnh khó khăn nhưng có kết quả học tập khá, giỏi [H8.08.04.05].

+ Học viện có chính sách học bổng đãi ngộ cho SV ngoài học bổng khuyến khích học tập, Học bổng miễn giảm học phí cho các đối tượng chính sách xã hội của Nhà nước được Nhà nước cấp bù kinh phí. Hàng năm, Phòng CT&CTSV đã phối hợp với Khoa xét cấp học bổng và trợ cấp miễn giảm học phí cho sinh viên. Giai đoạn 2019 - 2023, có 456 lượt NH ngành ATTT được miễn giảm 1713,152 triệu đồng học phí [H8.08.04.06]. Học viện là trường đại học tự chủ tài chính và trích từ nguồn thu học phí cho Quỹ hỗ trợ SV để cấp bù thêm cho SV phần chênh lệch giữa học phí theo quy định của Nhà nước dành cho các trường đại học công lập chưa tự chủ và mức học phí của các trường đại học tự chủ tài chính. Chi tiết tại Bảng 8.1, *Phụ lục 02* về mức kinh phí cấp bù hàng năm.

Hàng năm, Học viện trích kinh phí trợ cấp cho SV có hoàn cảnh khó khăn và trích từ quỹ hỗ trợ SV để trợ cấp khó khăn cho SV các dịp khai giảng năm học mới hoặc tết nguyên đán [H8.08.04.07]. Đặc biệt trong năm 2020 và 2021, Học viện trích 6 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ SV để hỗ trợ khó khăn đột xuất cho 12.000 SV Học viện gặp khó khăn do Covid, lũ lụt, hỗ trợ cước dữ liệu Internet cho SV trong năm 2020, hỗ trợ khó khăn cho SV ở Ký túc xá trong thời gian giãn cách dịch bệnh Covid-19 năm 2021.

+ Học viện cũng kêu gọi từ các nguồn học bổng hỗ trợ từ các doanh nghiệp như Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam Agribank, Ngân hàng Đầu tư phát triển BIDV, công ty Nastech, học bổng Honda, học bổng Panasonic, ... dành cho các SV có kết quả học tập, nghiên cứu xuất sắc ... [H8.08.04.08].

Thực hiện các quy định về công tác học sinh, sinh viên của Bộ GD&ĐT, Học viện cũng hỗ trợ các thủ tục hành chính cho các SV có nhu cầu đủ điều kiện, thuận lợi trong việc vay vốn ngân hàng phục vụ việc học tập [H8.08.04.09].

- Hoạt động ngoại khóa sinh viên:

+ Học viện đã tổ chức cho sinh viên học tập ngoại khóa, tạo lập môi trường phù hợp để rèn luyện tính năng động, tính thích nghi, tự tin...thông qua việc tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo về kỹ năng sống, thực hành xã hội, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần; chương trình đồng hành cùng thanh niên trong học tập, NCKH; ... được thể hiện thông qua báo cáo tổng kết công tác năm của Phòng CT&CTSV [H8.08.04.10].

+ Hoạt động Đoàn TN Học viện: Đoàn TN Học viện luôn chú trọng tạo lập một môi trường rèn luyện và học tập cho SV nuôi dưỡng và phát triển tiềm năng, quan tâm phát triển các năng lực khác, thông qua hoạt động của các câu lạc bộ SV, các thể hệ SV Học viện luôn giữ được truyền thống năng động, sáng tạo, giỏi ngoại ngữ, có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức tốt, ... Hoạt động của Đoàn TN được thể hiện cụ thể tại Báo cáo tổng kết công tác năm [H8.08.04.11], cụ thể: Hàng năm Học viện đã tổ chức các hoạt động tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp trực tiếp, trực tuyến cho các em học sinh cuối cấp tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thanh hóa, Nam Định, Nghệ An, Hải Phòng..., với khoảng trên 25.000 lượt SV tham gia sự kiện mỗi năm; Đoàn thanh niên định kỳ hằng năm phối hợp với Phòng CT&CTSV tổ chức chương trình tình nguyện “Tiếp sức mùa thi” với gần 380 SV tham gia hướng dẫn thí sinh đến địa điểm thi, hỗ trợ giữ đồ cho thí sinh khi vào thi; Chương trình hiến máu nhân đạo được tổ chức định kỳ 02-03 lần/năm, thu hút hơn 3.200 lượt tham gia của sinh viên. Học viện đã đóng góp hơn 2.700 đơn vị máu (giai đoạn 2019-2023); Chương trình “Mùa hè xanh” hằng năm với các hoạt động như sửa đường, tổ chức dạy học, gây quỹ từ thiện, dọn vệ sinh môi trường, với hơn 625 lượt sinh viên tham gia; Chương trình “Thắp lửa ngày đông” thu hút số lượng sinh viên tham gia hằng năm, khoảng hơn gần 380 SV; Cuộc thi Tiếng hát sinh viên Học viện; tổ chức Hội trại “Nhiệt Xanh PTIT 2018” kỷ niệm 65 năm ngày thành lập trường Bưu điện (1953-2018); Giải bóng đá sinh viên; ... Trong giai đoạn 2019 - 2023, Đoàn Thanh niên Học viện đã có nhiều thành tích về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, cụ thể: Năm 2019: Đoàn Thanh niên Học viện đã vinh dự được tuyên dương tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019 của Đoàn Khối các cơ quan Trung ương, và 02 cá nhân được tuyên dương có thành tích xuất sắc trong công tác hiến máu tình nguyện năm 2019. Năm 2022 Đoàn Thanh niên Học viện đã được BCH Đoàn khối các cơ quan Trung ương tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai cuộc thi Olympic tiếng anh học sinh, sinh viên toàn quốc lần thứ IV năm 2022, Năm học 2018-2019 ĐTN Học viện cơ sở đã được BCH TW ĐTN CS HCM tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học.

- Hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm sinh viên:

+ Vào đầu học kỳ thứ 2 của mỗi khóa học, phòng Giáo vụ sẽ có buổi tập chung SV trên hội trường để hướng dẫn SV cách thức đăng ký học phần theo tín chỉ bằng hình thức online trên hệ thống của Học viện. Đến thời điểm các lớp chuẩn bị tách chuyên ngành đào

tạo, các SV lại được thông báo, hướng dẫn từ Khoa ATTT, phòng Giáo vụ để việc lựa chọn chuyên ngành đào tạo để phù hợp với bản thân mỗi SV. Năm thứ 4 của khóa học các SV sẽ được tư vấn và hỗ trợ liên hệ các công ty, đơn vị phù hợp để đi thực tập cuối khóa [H8.08.04.12].

+ Đoàn TN Học viện chủ động tổ chức Đội cờ đỏ Sinh viên Học viện hàng năm để quản lý giờ lên lớp của SV tại các giảng đường [H8.08.04.13].

+ Học viện tổ chức khóa bồi dưỡng kỹ năng nắm bắt tâm lý học đường dành cho đội ngũ CVHT của Học viện [H8.08.04.14].

+ Học viện xây dựng Website kết nối các doanh nghiệp để hỗ trợ cho SV trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp. Bên cạnh đó, Khoa ATTT thường xuyên phối hợp và hỗ trợ các doanh nghiệp khi được đề xuất để tổ chức các buổi kiến tập tại doanh nghiệp, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV, kỹ năng phỏng vấn dành cho SV để trang bị hành trang cho SV khi bắt đầu tìm việc (các Website, đường link đăng thông tin tuyển dụng của Học viện cho doanh nghiệp: <https://portal.ptit.edu.vn/thong-tin-tuyen-dung/>, đường link kết nối doanh nghiệp với Học viện tại địa chỉ link <https://www.topcv.vn/jobfair/ptit,...>) [H8.08.04.15]. Các thông tin về tuyển dụng kịp thời được đăng trên trang thông tin tuyển dụng của Học viện: <https://portal.ptit.edu.vn/thong-tin-tuyen-dung>; đường link kết nối doanh nghiệp với Học viện tại đường link <https://www.topcv.vn/jobfair/ptit>, <https://jobs.ptit.edu.vn/...>).

+ Khoa ATTT đã xây dựng mối quan hệ hợp tác đào tạo và NCKH với nhiều đối tác ngoài nước, như Đại học Viễn thông St. Petersburgs (CHLB Nga), Đại học Kỹ thuật Vienna (CH Áo), Đại học Khoa học ứng dụng St. Peolten (CH Áo), Đại học RMIT (Úc), Đại học NSW tại Canberra (Úc), Evo Labs (Singapore); và các đối tác trong nước, như Học viện Kỹ thuật Mật mã, Đại học Công nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội, Công ty an ninh mạng Viettel, Công ty an ninh mạng Việt Nam (VSEC), Công ty VNPT-IT, Công ty FSOFIT, Công ty an ninh mạng thông minh SCS, Công ty an ninh mạng CMC, Công ty an ninh không gian mạng Việt Nam (VNCS), Công ty công nghệ Savis, Công ty PwC Việt Nam, Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC), để liên hệ cử SV thực tập, tổ chức các buổi tọa đàm về chuyên môn và nghề nghiệp cho SV năm thứ 3 và thứ 4; phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác tuyển dụng nhân sự [H8.08.04.16].

+ Từ năm 2015, Học viện triển khai dự án “Tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho SV Việt Nam” (gọi tắt là dự án VOYAGE”). Theo đó, Dự án Voyage cung cấp

cho SV của 3 trường đại học tại Việt Nam, trong đó có Học viện hệ thống khảo sát SV nhằm: (1) Tạo CV trực tuyến và giúp các doanh nghiệp lựa chọn ứng viên, đánh giá và tuyển dụng nhân sự chất lượng cao trong cơ sở dữ liệu SV và cựu SV của các trường đại học tại Việt Nam; (2) Đánh giá chất lượng đào tạo của Học viện sau khi kết thúc khóa học (đây cũng là yêu cầu bắt buộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các trường đại học); (3) Tiếp cận các cơ hội việc làm được các doanh nghiệp đăng tải thông tin tuyển dụng trên hệ thống [H8.08.04.17].

+ Năm 2020, Học viện tổ chức hội nghị bàn tròn với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động [H8.08.04.18], thông qua hội nghị, nhiều nội dung được đưa ra thảo luận để đưa tới một kết quả tốt nhất có lợi cho SV. Phát huy kết quả này, trong những năm tới, Phòng CT&CTSV sẽ là đầu mối, phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức nhiều buổi hội thảo tuyển dụng, buổi đào tạo trang bị kỹ năng mềm dành cho SV sắp tốt nghiệp.

+ Học viện luôn quan tâm đến các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho SV, nhằm hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm để phục vụ cho việc đáp ứng nhu cầu tìm việc làm phù hợp sau khi ra trường. Học viện thường xuyên liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động là SV của Học viện cung cấp thông tin tuyển dụng trên website và fanpage của Học viện và của Khoa ATTT. Một năm 02 lần (thường vào tháng 4 và tháng 11), Học viện có tổ chức Ngày hội tuyển dụng và cơ hội việc làm PTIT tại các cơ sở đào tạo Hà Đông và Tp.HCM, trong những dịp này Học viện có mời nhiều công ty, doanh nghiệp (Công ty VNPT, Mobifone, Sam sung Việt Nam, FPT, Viettel,...) có nhu cầu tuyển dụng lao động cùng tham gia giới thiệu với SV về nhu cầu tuyển dụng các vị trí lao động, các yêu cầu cần có khi làm việc tại doanh nghiệp, định hướng nghề nghiệp cho SV từ những năm còn ngồi trên ghế nhà trường [H8.08.04.19]. Ngoài 2 đợt tổ chức Ngày hội tuyển dụng hàng năm, còn có các buổi hội thảo của từng doanh nghiệp; tổ chức các khóa học tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc; tổ chức mời một số đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng cũng như yêu cầu năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của ứng viên ...

- Cử sinh viên đi thực tế, thực tập tại doanh nghiệp:

+ Giai đoạn 2019- 2023, Học viện ký kết 38 biên bản thỏa thuận, hợp tác với các đối tác trong nước như: Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Công nghệ Viễn thông quân đội Viettel, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty phần mềm F-Soft của Tập đoàn FPT,

Tổng công ty Viễn thông Mobifone, Công ty Cổ phần phát triển công nghệ VINTECH, Công ty Cổ phần viễn thông FPT... [H8.08.04.23] để hợp tác NCKH, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ sinh viên đến thực tập tham quan, kiến tập, trao học bổng và tuyển dụng sinh viên khi có điều kiện. Đồng thời, để tạo môi trường học tập đa dạng, gắn lý thuyết với thực hành, Học viện đã liên kết với các công ty, doanh nghiệp tổ chức cho đi thực tập, thực tế, thể hiện tại báo cáo các hoạt động hợp tác, kết nối doanh nghiệp giai đoạn 2016-2020 [H8.08.04.24].

Học viện định kỳ tổ chức khảo sát người học và cựu người học về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát NH, NH trước khi tốt nghiệp của Trung tâm KT&ĐBCLGD cho thấy: NH khá hài lòng với các hoạt động hỗ trợ của các đơn vị chức năng trong Học viện. Ví dụ, với nội dung “Những thông tin thu được từ các hoạt động hỗ trợ, hướng nghiệp, hội chợ, tư vấn việc làm có đáp ứng mong muốn của bạn” tỷ lệ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” NH cuối khóa các năm khảo sát đều đạt trên 75%; Với nội dung “Người học được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ các quy chế, quy định có liên quan. Quy định rõ về quy trình và thời gian giải quyết các công việc có liên quan đến người học” mức độ hài lòng của NH các khóa được khảo sát các năm khảo sát đều đạt trên 80%. Kết quả khảo sát cũng cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,3% SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động hỗ trợ này của Học viện [H8.08.04.26].

Với những hoạt động kể trên, tỷ lệ có việc làm sau 6-12 tháng của SV ngành ATTT qua khảo sát việc làm của SV đã tốt nghiệp những năm vừa qua [H8.08.04.27] cụ thể tại Bảng 8.4, *Phụ lục 02* về tỷ lệ có việc làm sau 12 tháng của SV ngành ATTT.

Kết quả khen thưởng SV ngành ATTT giai đoạn 2019-2023: số SV khen thưởng trong các cuộc thi và khen thưởng học tập loại xuất sắc, giỏi cụ thể tại Bảng 8.3. *Phụ lục 02*.

Hàng năm, Học viện đều tổ chức các cuộc đối thoại trực tiếp giữa Ban Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị với SV nhằm tháo gỡ các vướng mắc của SV trong các hoạt động phục vụ, hỗ trợ SV, Học viện đã thông báo kết luận của Giám đốc tại hội nghị đối thoại với SV, trong đó phân công cụ thể các đơn vị chức năng có nhiệm vụ giải quyết đề xuất của SV và ấn định thời gian hoàn thành. Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Ban giám đốc cùng các đơn vị trong Học viện đề ra phương hướng nhiệm vụ cải tiến chất lượng, triển khai kết luận của Giám đốc [H8.08.04.28]. Trong chu kỳ KĐCLGD (2019-2023), Học viện đã có nhiều cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học như: cải tiến hỗ trợ thủ tục hành chính cho SV; kết nối các phân hệ Quản lý đào tạo, Quản lý SV và

Quản lý học phí của SV trong phần mềm tổng thể để tạo thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ NH; tin học hóa thủ tục hành chính, giấy chứng nhận SV được in trực tiếp từ phần mềm, đảm bảo chính xác, nhanh chóng và thuận tiện....

2. Điểm mạnh

Học viện đã có bộ phận chuyên trách và các đơn vị phối hợp đảm nhận nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ việc làm, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, phát triển kỹ năng cho SV. Tỷ lệ SV hài lòng về công tác hỗ trợ thực tập, việc làm ở mức cao đạt trên 90%.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khảo sát SV cho thấy vẫn còn tỷ lệ 5,3 % SV chưa thật sự hài lòng với hoạt động hỗ trợ của Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024 - 2025, phòng CT&CTSV lập kế hoạch tổ chức khóa tập huấn kỹ năng tư vấn hỗ trợ SV trong môi trường chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, phục vụ để nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ SV.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Giai đoạn 2019-2023, Học viện tổ chức nhiều hoạt động tạo môi trường tâm lý, xã hội thoải mái cho sinh viên, cụ thể:

- Chi bộ Phòng CT&CTSV tổ chức các chuyên đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh: Năm 2018 tổ chức cho các đảng viên đi thăm khu di tích lịch sử K9; Năm 2019 đi về Ninh Bình; năm 2020 viếng Lăng Hồ Chủ Tịch; năm 2021 do dịch Covid 19 nên không tổ chức được việc tham quan các di tích lịch sử, nhưng vẫn tổ chức được các buổi họp chuyên đề [H8.08.05.11].

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện định kỳ tổ chức ngày Chủ nhật xanh tại ký túc xá và khuôn viên Học viện để chỉnh trang và tạo lập môi trường sống lành mạnh cho SV; các hoạt động tình nguyện giữ gìn vệ sinh cảnh quan môi trường trong, dọn dẹp vệ sinh khuôn viên Học viện, quét vôi gốc cây. Năm 2019, Phòng Chính trị và Công tác SV đã phối hợp Đoàn thanh niên tổ chức cuộc thi “PTIT- Ký túc xá của tôi 2019” [H8.08.05.12] và tổ chức các chương trình tuyên truyền tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho SV các trường đại học, cao đẳng, tổ chức lớp tập huấn về kiến thức kỹ năng và mô

hình thực hành lối sống xanh cho SV, tổ chức triển lãm Bảo vệ động vật hoang dã, ... [H8.08.05.13]. Các hoạt động giải trí lành mạnh khác để tạo tâm lý và không khí thoải mái cho SV: vào các ngày lễ kỷ niệm lớn trong năm như 20/11; 8/3... Phòng CT&CTSV phối hợp với Đoàn thanh niên Học viện tổ chức các hoạt động vui chơi văn nghệ thể thao, thi ảnh trong SV Học viện [H8.08.05.14].

Vào các ngày lễ lớn trong năm như 20/11; 8/3; 20/10, Công Đoàn Học viện thường tổ chức các hoạt động vui chơi như biểu diễn văn nghệ, thi kéo co, thi cắm hoa, ... giữa các đơn vị để tạo không khí và tâm lý thoải mái cho CB, GV và nhân viên [H8.08.05.16].

Khuôn viên Học viện được cải tạo và trồng nhiều cây xanh tạo bóng mát trong điều kiện cho phép cũng như bố trí nhiều ghế đá để SV, khách đến liên hệ công tác nghỉ ngơi. Bên cạnh đó, Học viện cũng đã có dự án đầu tư cải tạo sân bóng chuyền, xây dựng mới sân bóng đá mini, sửa chữa nhà ăn, đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy học tập để SV có thể tham gia các hoạt động thể dục thể thao sau những giờ học tập căng thẳng [H8.08.05.04].

Để có được cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng làm việc và học tập tại Học viện, Học viện đã và đang thực hiện tốt những nội dung cụ thể sau:

- Học viện giao cho văn phòng, Trung tâm dịch vụ và Phòng TCHQ-QT CSHV tại Tp. HCM phối hợp quản lý và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, NCKH [H8.08.05.05].

- Học viện có sơ đồ bố trí mặt bằng tổng thể: bố trí phòng làm việc của Hội đồng, Ban giám đốc Học viện; bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá để hướng dẫn sinh viên liên hệ làm việc và học tập tại Học viện và khách đến liên hệ công tác [H8.08.05.06]. Học viện cũng dành riêng một khu vực ngay cạnh cổng ra vào để bố trí Trung tâm giao dịch một cửa để tiếp nhận yêu cầu về hành chính, tư vấn giải đáp các thắc mắc của SV. Khu vực này được bố trí khoa học và có danh mục công việc, mẫu biểu sử dụng cho Bộ phận "một cửa" để SV dễ dàng tiếp cận thông tin cần tư vấn trong quá trình học tập tại Học viện [H8.08.04.02].

- Để đảm bảo cảnh quan sư phạm sạch sẽ, an ninh, an toàn, Học viện đã thuê công ty dịch vụ bảo vệ, vệ sinh đảm bảo điều kiện vệ sinh và an ninh trong khuôn viên Học viện [H8.08.05.07], [H8.08.05.08]. Bộ phận Bảo vệ có nhiệm vụ trực 24/24 bảo vệ an ninh trật tự, an toàn về tính mạng và tài sản của Học viện, của CBVCNLD và NH. Lực lượng bảo

vệ của Học viện được đầu tư đầy đủ đồng phục, các phương tiện làm việc. Học viện đã lắp đặt hệ thống Camera giám sát tại cổng và các khu vực trọng yếu trong Học viện 24/24; phối hợp với chính quyền và lực lượng an ninh địa phương tăng cường công tác an ninh trật tự, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, phòng chống các tệ nạn xảy ra trong khu vực Học viện. Học viện có bộ phận chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường gồm 20 người có nhiệm vụ quản lý, vệ sinh hệ thống phòng học, giảng đường, khu vệ sinh và các tài sản trang thiết bị đi kèm, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trong toàn bộ khuôn viên Học viện. Hàng ngày, các phòng học, giảng đường đều được vệ sinh 2 lần trước và sau mỗi buổi học; khuôn viên Học viện được chỉnh trang vệ sinh hàng ngày.

- Công tác PCCN, an toàn học đường luôn được Học viện quan tâm. Để đảm công tác phòng chống cháy nổ, hàng năm Học viện đã cử cán bộ đi tập huấn, hệ thống phòng chống cháy nổ được đặt đúng vị trí theo yêu cầu và Học viện thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng sở tại, công an địa phương để bảo vệ không để xảy ra các hiện tượng cháy nổ trong giai đoạn 2019-2023 [H8.08.05.09].

- Học viện bố trí Trạm Y tế tại Ký túc xá SV để giúp cho việc chăm sóc sức khỏe cho SV và cán bộ của Học viện kịp thời, nhất là trong mùa dịch Covid-19 [H8.08.05.10]. Qua báo cáo kiểm tra công tác y tế trường học hàng năm cho thấy công tác y tế học đường đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã đầu tư kinh phí chi cho công tác y tế là 2.959.900.000 đồng; chi cho công tác an ninh trật tự là 6.545.845.932 đồng; chi cho dịch vụ vệ sinh môi trường, sân vườn ngoại cảnh là 23.592.467.340 đồng. Môi trường, sức khỏe, sự an toàn được cải tiến: Lắp đặt các hệ thống rửa tay sát khuẩn; công tác vệ sinh dịch tễ được thực hiện thường xuyên; công tác khử khuẩn các khu vực như Ký túc xá, phòng học, giảng đường đều được thực hiện định kỳ; công tác PCCC được bổ sung cả về trang thiết bị về PCCC, bảo hiểm PCCC và phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, diễn tập PCCC định kỳ; lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự; ... [H8.08.05.17].

Để có thông tin phản hồi về thực trạng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện, hàng năm các đơn vị tổ chức khảo sát ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong học viện, cụ thể:

- Trung tâm KT&ĐBCLGD đã thực hiện khảo sát các bên liên quan về điều kiện và môi trường làm việc/về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất trong

đó có các nội dung liên quan đến môi trường, tâm lý, cảnh quan của học viện hàng năm [H8.08.05.18]. Kết quả khảo sát hàng năm của Trung tâm KT&ĐBCLGD đối với đối tượng sinh viên chính quy cho thấy, NH khá hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan của Học viện. Với nội dung “Đội ngũ nhân viên kỹ thuật có chuyên môn tốt, nhiệt tình giải quyết đúng quy định theo yêu cầu của công tác dạy và học” mức độ hài lòng của NH được khảo sát các năm đều đạt trên 86%; Với nội dung “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng cơ bản yêu cầu của người học” mức độ hài lòng của NH được khảo sát các năm đều đạt trên 83%.

- Phòng CT&CTSV thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại văn phòng giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H8.08.05.19]. Báo cáo kết quả khảo sát Kết quả khảo sát cho thấy ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với tiêu chí như: thư viện đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu có tỷ lệ 96,7%; về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an toàn có tỷ lệ 93% ; về số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh có tỷ lệ 76,6%; về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn sạch sẽ có tỷ lệ 93,3%.

Qua số liệu thống kê cho thấy, mức độ hài lòng trung bình về các bên liên quan đến cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ và môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện cho thấy khoảng 90% các ý kiến được khảo sát hài lòng. Tuy nhiên vẫn còn 5,3% ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng một cửa. Đồng thời, nội dung khảo sát và việc phân tích kết quả khảo sát các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan được thực hiện chưa hợp lý nên chưa thu thập được nhiều các thông tin hữu ích phục vụ việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

2. Điểm mạnh

Khuôn viên của Học viện an toàn, sạch sẽ và thân thiện tạo không khí thoải mái và điều kiện tốt cho việc thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

3. Điểm tồn tại

Nội dung khảo sát và việc phân tích kết quả khảo sát các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan được thực hiện chưa hợp lý nên chưa thu thập được nhiều các

thông tin hữu ích phục vụ việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Phòng CT&CTSV nghiên cứu phân tích kết quả khảo sát các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan một cách khoa học để góp phần phục vụ việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm SV Học viện

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong đề án tuyển sinh hằng năm của Học viện. Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn được cập nhật trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT và thực tế của Học viện. Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của Bộ GD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao.

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học, bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV, Trung tâm KT&ĐBCLGD và cố vấn học tập (CVHT). Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Edusolf để hỗ trợ quá trình giám sát tiến trình học tập và rèn luyện của SV trong suốt khóa học.

Học viện đã chú trọng xây dựng môi trường sự phạm, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện, tạo sân chơi lành mạnh, nhân văn trong Học viện; môi trường tâm lý, xã hội, làm việc thân thiện, tạo điều kiện thoải mái để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CB, GV, NV và NH.

Số mẫu được khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm chưa đủ lớn so với quy mô SV của CTĐT vì thế kết quả khảo sát mang tính đại diện chưa cao. Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người học chưa bao quát được trên phổ rộng các vấn đề thuộc môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan vì thế kết quả khảo sát chưa thu thập được nhiều thông tin sát thực để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng. Một số câu hỏi khảo sát còn đa nghĩa nên khó thu được câu trả lời chính xác cho nội dung cần hỏi.

Tiêu chuẩn 8 có 05 tiêu chí: 4,80/7.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Chiến lược phát triển Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030 đã xác định: Học viện có hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy, được hoàn thiện và nâng cấp hàng năm; có hệ thống phòng LAB thí nghiệm thực hành hiện đại, hàng năm được đầu tư và cập nhật đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và học tập; phát triển hệ thống giảng đường, ký túc xá hiện đại, nhà thi đấu thể thao, trung tâm y tế, khu nghiên cứu hỗn hợp tiên tiến. Đến năm 2025 hoàn thành khu đào tạo Ngọc Trục, 2 khu giảng đường thông minh; cải tạo, xây mới 03 ký túc xá tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. Huy động nguồn lực đầu tư đa dạng để phát triển với các nguồn do Học viện tích lũy; vay ngân hàng; xã hội hóa, tài trợ (các giảng đường, phòng học, phòng Lab được tài trợ và mang thương hiệu tập đoàn, doanh nghiệp).

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện luôn chú trọng đến việc nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu học tập và NCKH của SV và GV của CTĐT ngành ATTT. Ngoài việc trang bị đầy đủ thiết bị các phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc, phòng máy tính, thư viện... hệ thống mạng wifi phủ sóng toàn bộ khuôn viên Học viện. Đặc biệt được sự hỗ trợ của các doanh nghiệp, các phòng Lab được đầu tư trang bị hiện đại và đáp ứng được các xu hướng phát triển của ngành ATTT trên thế giới. Học viện cũng quan tâm đến môi trường, sức khỏe, an toàn vệ sinh học đường và công tác phòng cháy, chữa cháy trong khuôn viên Học viện.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có trụ sở chính tại số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, có Cơ sở đào tạo Hà Đông tại phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 127.694,90 m² phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCD (trong đó miền Bắc là 63.464,70 m², miền Nam là 64.230,20 m²). Thực hiện các quy định về công tác học sinh, sinh viên của Bộ GD&ĐT, Học viện cũng hỗ trợ các thủ tục hành chính cho các SV có nhu cầu đủ điều kiện, thuận lợi trong việc vay vốn ngân hàng phục vụ việc học tập [H8.08.04.09].

Ban giám đốc tại nhà A1; trang bị hệ thống trang âm cho phòng họp Hội đồng KHCN và phòng hội thảo tại tầng 2, nhà A1; cải tạo nâng cấp khu làm việc của các khoa, phòng, trung tâm; đầu tư một số phòng LAB hiện đại (Lab 4G, Lab AI, Lab Viễn thông FPT, ...); xây dựng cổng Học viện tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh ở khu vực Quận 1; ngầm hoá hệ thống dây điện ở cơ sở Hà Nội; mở rộng sân thể thao bóng chuyền, bóng rổ; nhà để xe sinh viên; sửa chữa nhà ăn tại Cơ sở Hà Đông; ... Học viện có 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, có 01 sân bóng rổ. Ký túc xá SV của Học viện: tại cơ sở Hà Nội với 03 tòa nhà (B1, B2, B5) có tổng diện tích sàn xây dựng là 7.012 m², có 156 phòng ở; tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 3.516 m² với 102 phòng ở và khu 5C với diện tích 1.404 m² với 54 phòng ở chất lượng cao [H9.09.01.07]. Tuy nhiên, một số hạng mục công trình xây dựng lâu có hiện tượng xuống cấp. Học viện có 73,51% máy chiếu đã hết thời hạn khấu hao sử dụng (cơ sở Hà Nội là 69,6% và cơ sở Thành phố Hồ chí Minh là 78,3%).

Hiện nay, Học viện đang hoàn thiện để đưa các toà nhà tại thôn Ngọc Trục, xã Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm vào khai thác sử dụng với diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo 6.360 m²; diện tích sàn phòng làm việc 3180 m² và diện tích khác (Bể bơi, sân vận động) 795 m².

Hàng năm, Học viện làm việc với các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp để thu hút nguồn tài trợ từ phía các doanh nghiệp trong việc xây dựng các phòng Lab và tài trợ các phòng máy tính cho Học viện để tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH, [H9.09.01.08]. Giai đoạn 2019-2023, Học viện đã nhận 775.000 USD từ nguồn tài trợ của các tập đoàn quốc tế (Motorola, Samsung, Asean-Ivo, Naver, Qualcomm; 17.859 triệu đồng từ nguồn tài trợ của các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước (Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Viettel, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT-Telecom, Công ty Cổ phần Lumi Việt Nam, Công ty Cổ phần Công nghệ mạng LANCS Việt Nam).

2. Điểm mạnh

Học viện nhận được sự hỗ trợ hiệu quả từ các doanh nghiệp trong ngành TT&TT trong việc tăng cường các nguồn lực về trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH.

3. Điểm tồn tại

Một số hạng mục công trình xây dựng lâu có hiện tượng xuống cấp.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2023-2024, Phòng Kế hoạch đầu tư rà soát, đánh giá hiện trạng các hạng mục xây dựng để chủ động lập kế hoạch ngân sách sửa chữa, nâng cấp các công trình đã xuống cấp.

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. *Mô tả hiện trạng*

Học viện có hai thư viện tại Cơ sở Hà Đông và Cơ sở Thành phố HCM tại Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là thư viện Học viện cơ sở) phục vụ CBVCNLD và SV trong toàn Học viện, cụ thể:

- Thư viện tại cơ sở Hà Đông, Thành phố Hà Nội đặt tại tầng 1 nhà A3, có tổng diện tích 825 m² gồm 04 phòng, bao gồm: 01 phòng đọc, 01 phòng mượn sách, 01 kho sách và 01 phòng làm việc của cán bộ. Thư viện có 03 cán bộ, trong đó có 02 cán bộ có trình độ đại học chuyên ngành thông tin thư viện và 01 cán bộ được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về thư viện và có chứng chỉ cơ sở về thư viện viên [H9.09.02.01]. Các khu vực của thư viện được bố trí liên hoàn nhau; phòng đọc, kho sách tổ chức theo chuẩn thư viện và có phòng đọc, phòng mượn dành cho GV, SV riêng biệt và được phân chia cụ thể:

+ Khu vực sảnh với diện tích 66,5 m² có chứa 02 máy tra cứu và khu vực chờ, có các tủ gửi đồ để bạn đọc đến gửi đồ trước khi vào phòng đọc, mượn; có khu vực quầy thủ thư dành cho 2 phòng đọc và mượn có diện tích 21 m².

+ Kho sách Mở diện tích 56 m², là nơi bạn đọc vào tự chọn sách tại các giá sách; kho mượn diện tích 56,5 m² được tổ chức kho đóng, bạn đọc mượn sách về nhà qua thủ thư.

+ Khu vực học nhóm của bạn đọc có diện tích 22 m² được bố trí riêng để thuận tiện cho việc học nhóm.

+ Khu vực đọc sách có diện tích 189,5 m² được bố trí các bàn, ghế ngồi và khu vực đa phương tiện với 24 máy tính để bàn dành cho bạn đọc tra cứu và sử dụng các tài liệu trên mạng.

- Thư viện tại cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 893 m², gồm 04 phòng: 01 phòng đọc, 01 phòng mượn, 01 phòng kho và 01 phòng làm việc của cán bộ. Thư viện hiện có 02 cán bộ đều có trình độ chuyên môn về thông tin thư viện, trong đó có 01 cán bộ có trình độ Thạc sỹ và 01 có trình độ đại học [H9.09.02.02]. Thư viện được tổ chức đủ hai bộ phận riêng biệt là bộ phận nghiệp vụ và bộ phận phục vụ. Bộ phận phục vụ với hai hệ thống

phòng: phòng đọc mở và phòng mượn. phòng đọc mở có sức chứa khoảng 150 SV trong cùng một thời điểm, phòng mượn mỗi ngày có thể phục vụ khoảng 200 SV, ngày cao điểm khoảng 300 SV cùng lúc. Ngoài ra, thư viện còn có kho lưu và phòng xử lý nghiệp vụ với tổng diện tích 50 m² để cán bộ thu nhận tài liệu, xử lý và lưu kho.

Diện tích của hai thư viện hẹp, số chỗ ngồi trong phòng đọc còn ít so với quy mô SV của Học viện dẫn đến việc thiếu chỗ ngồi cho SV vào thời điểm trước mỗi kỳ thi.

Học viện đầu tư hệ thống quản lý thư viện thực hiện bằng phần mềm, nguồn thông tin tư liệu được tổ chức phân loại theo chuẩn quốc tế, việc quản lý lưu hành (mượn, trả tài liệu), hồ sơ độc giả được cập nhật thường xuyên và quản lý bằng mã vạch. Thư viện tại cơ sở Hà Đông, Thành phố Hà Nội được đầu tư phần mềm quản trị thư viện tích hợp Libol 6.0 và thư viện cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng phần mềm quản trị thư viện Hilib 6.0 để xử lý và quản lý tài liệu. Thư viện của cả 02 cơ sở dùng chung phần mềm mã nguồn mở Dspace và được kết nối với nhau qua phần mềm thư viện điện tử Libol 6.0 và phần mềm thư viện số Dspace [H9.09.02.03]. Hiện nay, các cơ sở dữ liệu của thư viện với 8.096 biểu ghi đã được đưa lên mạng Lan và mạng Internet để người học tra cứu và sử dụng tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/tttv/>.

Học viện đã ban hành các văn bản, quy định hướng dẫn quản lý và sử dụng thư viện trong đó có:

- Nội quy thư viện qui định giờ phục vụ thư viện được treo tại sảnh lối vào thư viện [H9.09.02.04]: Thư viện mở cửa buổi sáng từ 8h00 -12h00 và buổi chiều từ 13h00 đến 17h00 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu; đóng cửa vào Thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết. Riêng vào mùa thi thư viện mở cửa đến 21h00 và ngày thứ Bảy.

- Quy định về quản lý và cung cấp học liệu có hướng dẫn về việc mượn và trả sách đối với SV [H9.09.02.05]

- Quy định về tổ chức kho tài liệu và qui định về qui trình xử lý tài liệu [H9.09.02.06].

Trang thiết bị phục vụ triển khai nghiệp vụ công tác thư viện (bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, pho tô coppy, ...) được học viện đầu tư đồng bộ và chi tiết tại bảng kiểm kê tài sản Học viện về trang thiết bị thư viện tại thời điểm 31/12/2023 [H9.09.02.07].

Nguồn tài nguyên thông tin của thư viện bao gồm cả tài liệu in ấn, cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu điện tử (E-book) và các bộ sưu tập số, có nhiều tài liệu chuyên ngành đặc thù về thông tin và truyền thông, đặc biệt là các loại tài liệu sách, tạp chí ngoại văn chuyên ngành.

Tổng số tài liệu về bản giấy là 11.406 nhan đề tài liệu với 93.725 bản, (Thư viện cơ sở Hà Nội có 6.882 nhan đề tài liệu, 57.901 bản sách; Thư viện cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có 4.524 nhan đề sách; 35.824 bản sách); Về tài liệu điện tử, hiện thư viện có 2.119 E-book, 01 cơ sở dữ liệu Ebrary Academic Complete với 130.000 đầu sách thuộc các chủ đề KHCN - kỹ thuật - tự nhiên và xã hội. Về bộ sưu tập số, thư viện đã xây dựng các bộ sưu tập nội sinh bao gồm 1.921 giáo trình, bài giảng, tóm tắt các luận văn, luận án, đề tài NCKH, ... [H9.09.02.08]. Hiện nay, các cơ sở dữ liệu của Thư viện với 8.096 biểu ghi đã được đưa lên mạng Lan và mạng Internet để người học tra cứu và sử dụng tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/tttv/>.

Tài liệu trong diện bổ sung của thư viện đều dựa trên danh mục các tài liệu được đề cập trong đề cương học phần trong các CTĐT Học viện đang tổ chức đào tạo, trong đó có ngành ATTT đã được ban hành và cập nhật thường xuyên [H9.09.02.09] và giáo trình, bài giảng do GV Học viện biên soạn đáp ứng các học phần trong chương trình đào tạo ngành ATTT. Toàn bộ bài giảng, giáo trình của học viện sau khi nghiệm thu được xuất bản dưới dạng bản giấy và học liệu điện tử để đưa lên thư viện số, đảm bảo phục vụ đầy đủ cho các chuyên ngành đào tạo của học viện, trong đó có học liệu điện tử ngành ATTT [H9.09.02.10]. Nguồn học liệu phục vụ cho ngành ATTT trong Thư viện hiện có 120 đầu sách, bao gồm 57 đầu giáo trình; 63 đầu tài liệu tham khảo.

Học viện đặc biệt chú trọng đến việc phát triển tài liệu nội sinh bao gồm các giáo trình, bài giảng, đề tài NCKH, luận văn, luận án, ... của các GV, cán bộ, học viên thạc sỹ, tiến sỹ học tập tại học viện [H9.09.02.11]. Tính đến thời điểm 31/12/2023, nguồn tài liệu không công bố của học viện gồm có 5.560 luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ, đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học đã được cập nhật, đồng thời tiếp nhận một số đề tài NCKH đã được tổ chức nghiệm thu năm 2022. Nguồn học liệu phục vụ cho ngành ATTT trong Thư viện hiện có 145 đầu sách, bao gồm 65 đầu giáo trình; 80 đầu tài liệu tham khảo.

Việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập được thực hiện theo Quy định về việc biên soạn, phát hành và bổ sung giáo trình, tài liệu học tập theo Quy định công tác học liệu của Học viện tại Quyết định số 249/QĐ-HV ngày 30/3/2017 và QĐ số 2025/QĐ-HV ngày 07/12/2023 [H9.09.02.12]. Trong giai đoạn 2019-2023, Thư viện đã bổ sung thêm 502 đầu giáo trình, tài liệu tham khảo với 2.878 bản.

Thư viện Học viện đã tham gia các tổ chức, liên hiệp trong và ngoài nước để thiết lập các chính sách trao đổi, nhận biếu tặng tài liệu [H9.09.02.13], cụ thể Học viện là thành viên

chính thức của Quỹ Châu Á; thành viên CLB các trường đại học kỹ thuật; thư viện đã tham gia vào Consortium và được chia sẻ nguồn tài nguyên điện tử phục vụ cho đào tạo và NCKH. Hàng năm thư viện được nhận tài trợ là các sách ngoại văn phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Học viện từ các cơ quan trong và ngoài nước, các tổ chức phi chính phủ [H9.09.02.14].

Kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến được Học viện triển khai hằng năm. Vào đầu năm, phòng QLKHCN&HTQT phối hợp với các khoa lập kế hoạch và dự trù kinh phí bổ sung tài liệu cho thư viện; bổ sung trang thiết bị thí nghiệm - thực hành để đáp ứng việc dạy học các CTĐT và NCKH ngành ATTT. Phòng Kế hoạch - Đầu tư tập hợp đăng ký của các đơn vị để trình lãnh đạo Học viện ban hành Quyết định giao chỉ tiêu công việc, kinh phí chung cho toàn Học viện trong đó có nội dung bổ sung nguồn học liệu cho thư viện [H9.09.02.15]. Đồng thời, các phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Thư viện điện tử Libol 6,0, phần mềm Quản lý tài nguyên số Dspace, ...) được bảo trì thường xuyên để đảm bảo hiệu quả khai thác nguồn tài nguyên thư viện của CBGV và NH [H9.09.02.16]. Trong chu kỳ KĐCLGD, Học viện đã đầu tư mới, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng với tổng số tiền là 1.659 triệu đồng để mua bổ sung sách, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo cho các CTĐT của Học viện (năm 2019: 214 triệu đồng; năm 2020: 164 triệu đồng; năm 2021: 456 triệu đồng; năm 2022: 452 triệu đồng; 2023: 460 triệu đồng), trong đó, ngành An toàn thông tin được bổ sung 123 đầu sách/123 bản. Tuy nhiên, kinh phí chi để mua bổ sung sách, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo cho các CTĐT của Học viện chiếm tỷ lệ nhỏ (đã chi 1.006 triệu đồng, chiếm 0,07%, theo cơ cấu chi - Bảng cơ cấu thu, chi của Học viện từ năm 2019 đến năm 2023).

Thư viện có sổ theo dõi bạn đọc vào mượn, trả tài liệu [H9.09.02.17] và theo thống kê lượt bạn đọc hàng năm qua các kênh như phần mềm thư viện điện tử, thông báo của nhà cung cấp CSDL điện tử, sổ nhật ký theo dõi tại thư viện và cho thấy số lượng bạn đọc sử dụng thư viện trung bình là 2.481 lượt người/tháng.

Học viện đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng về Thư viện của các bên liên quan:

- Năm 2020 khi thực hiện khảo sát CB, GV về điều kiện môi trường làm việc tại Học viện đã có nội dung khảo sát về Thư viện, theo đó với câu hỏi “Thư viện và các nguồn tài

liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu” có 82 % CB, GV trả lời hài lòng và rất hài lòng; có 87,5 % SV trả lời hài lòng và rất hài lòng với câu hỏi “Thư viện có đủ tài liệu tham khảo cho các môn học” [H9.09.02.20].

- Kết quả khảo sát ý kiến SV về mức độ đáp ứng nhu cầu bạn đọc của Thư viện cho thấy SV khá hài lòng về Thư viện của Học viện, chẳng hạn như tỷ lệ SV trả lời hài lòng về Thư viện ở cơ sở Hà Nội đều đạt trên 80% tùy theo từng năm, cụ thể: năm 2019 là 86,3%, năm 2020 là 88.1%, năm 2021 là 89.6%, năm 2012 là 83,04% và năm 2023 là 92,19%.

2. Điểm mạnh

Tài liệu nội sinh của Học viện đã được xây dựng khá đầy đủ, đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của Học viện, nhu cầu của GV và người học.

3. Điểm tồn tại

So với qui mô đào tạo của Học viện thì diện tích phòng đọc của thư viện nhỏ, thiếu chỗ ngồi cho SV vào thời điểm thi kết thúc học kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Phòng Kế hoạch - Đầu tư nghiên cứu, đề xuất phương án mở rộng diện tích thư viện ở cả hai cơ sở đào tạo và phân bổ thêm kinh phí hằng năm mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo đảm bảo Thư viện có đủ giáo trình, tài liệu phục vụ cho các CTĐT của Học viện trong giai đoạn tới.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn 2019-2023, căn cứ chiến lược phát triển Học viện và yêu cầu công tác chuyển đổi số ngành TT&TT, Học viện xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành (TNTH), trang bị đầy đủ các trang thiết bị với mục tiêu nâng cao chất lượng dạy và học, gắn liền giữa lý thuyết và thực hành:

Học viện có 40 Phòng thí nghiệm/thực hành được bố trí trong 65 phòng, bao gồm 33 phòng ở Bắc (Phòng thực hành Naver; Phòng thực hành quay phim chụp ảnh; Phòng thực hành mạch điện tử số; Phòng thực hành thực hành xử lý tín hiệu; Phòng thực hành mạch điện số; Phòng thực hành mạch điện tử; Phòng thực hành công nghệ điện tử phần mềm 2; Phòng thử nghiệm thực hành an ninh mạng 1, 2; Phòng thực hành hệ thống thông tin 1, 2;

Phòng thực hành đa phương tiện 1, 2; Phòng thực hành công nghệ phần mềm 1, 2, 3; Phòng thực hành an ninh mạng; Phòng thực hành toán ứng dụng; Phòng thực hành samsung; Phòng thực hành vật lý 1-5; Phòng thực hành thông tin di động; Phòng thực hành truyền dẫn ghép kênh; Phòng mô phỏng 1, 2, 3; Phòng thực hành thông tin vô tuyến; Phòng thực hành 4 G Viettel; Phòng thực hành FPT...) và 32 phòng ở miền Nam (Phòng thực hành vật lý 1-5; Phòng thực hành an toàn thông tin; Phòng thực hành đa phương tiện 2; Phòng thực hành đồ họa; Phòng studio; Phòng thực hành máy vi tính 1, 2, 3; Phòng thực hành mạng máy tính và truyền thông; Phòng thực hành công nghệ phần mềm; Phòng thực hành hệ thống thông tin; Phòng thí nghiệm thực hành điện; Phòng thí nghiệm thực hành điện tử tương tự; Phòng thí nghiệm thực hành điện tử số; Phòng thí nghiệm thông tin vô tuyến; Phòng thí nghiệm thực hành mở...) [H9.09.03.01].

Trong số các phòng thí nghiệm, thực hành/LAB của Học viện có những phòng được Học viện đầu tư hoặc được tài trợ bởi các doanh nghiệp với các thiết bị đồng bộ và hiện đại, chẳng hạn như: Phòng LAB học máy và ứng dụng, phòng LAB Toán ứng dụng và tính toán, phòng LAB mô phỏng mạng viễn thông, phòng LAB Samsung, phòng LAB Blockchain, phòng LAB 4G Viettel, phòng LAB Naver, phòng LAB Viễn thông FPT và hệ thống các phòng LAB An toàn thông tin, ... [H9.09.03.02]. CBGV và SV ngành ATTT học tập sử dụng phòng TNTH và phòng Lab của học viện để phục vụ giảng dạy, học tập trên các phòng 501, 503, 507, 511, 601, 603, 611 tại nhà A3 và các khoa 2 tại CSHV [H9.09.03.03].

Từ năm 2020, khi xảy ra dịch bệnh Covid, Học viện đã triển khai nền tảng thực hành trực tuyến thông minh PTIT-Dlab để phục vụ cho các học phần thực hành của CTĐT khối ngành kỹ thuật của Học viện, theo đó SV có thể tham gia học thực hành từ hệ thống này. Hệ thống thực hành trực tuyến thông minh này có thể đáp ứng lưu lượng cho 15.000 SV tham gia thực hành trong cùng thời điểm [H9.09.03.04].

Trong chu kỳ KĐCL, Học viện luôn quan tâm đến việc huy động các nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của ngành TT&TT trong việc đầu tư các phòng Lab, các trang thiết bị phục vụ công tác TNTH. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như máy tính, wifi, máy chiếu, máy in, màn chiếu, thiết bị điện tử, phần mềm mô phỏng, bàn ghế làm việc, ... phục vụ đào tạo và NCKH. Trang thiết bị của các phòng TNTH được mô tả chi tiết tại Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng của

Học viện tại Đề án tuyển sinh năm 2023 được đăng tải trên website Học viện [H8.08.01.05], cụ thể:

- Phòng thí nghiệm vật lý được trang bị các thiết bị thí nghiệm vật lý về khảo sát điện trường biến thiên; hiện tượng giao thoa ánh sáng và máy tính; hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng và máy tính; chuyển động của điện tử trong điện từ trường; hiện tượng phân cực ánh sáng và máy tính; ...

- Phòng thực hành An toàn thông tin được trang bị: Máy tính, wifi, Switch 24 port; Smart Tivi Samsung 55 inch UA55K5500; HT cáp mạng LAN, Thiết bị Web Application Firewall Fortinet FortiWeb 400C (USA); Thiết bị Firewall Fortinet Fortigate 500D; Phần mềm ảo hóa máy chủ VMware vSphere 6; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; McAfee Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL); Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2; Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D; Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security, Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM); Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE.

- Phòng thực hành công nghệ phần mềm, hệ thống thông tin, trí tuệ nhân tạo được trang bị máy tính, các thiết bị nhúng, các phần mềm để giảng viên xây dựng các bài thí nghiệm thực hành đào tạo công nghệ, an toàn thông tin.

Ngoài các trang thiết bị CNTT, các phòng Lab được trang bị đồng bộ về các hệ thống nguồn, PCCC, chiếu sáng, điều hoà, bàn ghế, ... để phục vụ các quy mô từ 20 đến 50 người sử dụng trong cùng thời điểm [H6.06.07.17]:

- Phòng LAB rà quét lỗ hổng ATBM - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Phần mềm dò quét lỗ hổng bảo mật Website Acunetix Vulnerability Scanner phiên bản Enterprise Edition; Phần mềm InsightUBA (formerly UserInsight); Phần mềm NXEXPP256 - NEXPOSE EXPRESS PERPETUAL LICENSE (256 IPs); McAfee Network Security IPS-VM100 Virtual Software; Phần mềm COSEINC Automated Malware Analysis Lab (CAMAL).

- Phòng LAB giả lập tấn công ATBM - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server , Thiết bị máy chủ quản trị hệ thống: Fujitsu RX2540 M2, Hệ thống phòng chống tấn công AntiDDoS: Fortinet FortiGate 600D, Hệ thống giả lập tấn công hệ thống mạng: Ixia PerfectStorm ONE, ...

- Phòng LAB phân tích mã độc - LAB An toàn thông tin: Máy tính, server, Hệ thống quản lý Log và phân tích sự kiện an ninh (SIEM) - McAfee Enterprise Security; Enterprise Log Manager and Event Receiver 5700 Combination (ETM-5700-ELM; Hệ thống Sandbox phân tích và phát hiện các tấn công ATP; ...

Để nâng cao chất lượng hướng dẫn TNTH, năm 2018 Học viện đã bổ sung các phòng Lab An toàn thông tin; năm 2020, dự án tài trợ của Tập đoàn Công nghiệp và Viễn thông Quân đội Viettel trang bị phòng Lab 4G với giá trị trên 5 tỷ; năm 2021, dự án tài trợ Lab AI của Tập đoàn Naver trị giá 3 tỷ [H9.09.03.06]. Với hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành và các phòng Lab được trang bị đủ các trang thiết bị, phần mềm đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH của GV, người học các CTĐT tại Học viện, trong đó có ngành ATTT.

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các trang thiết bị TNTH, Học viện thành lập Trung tâm TNTH tại cơ sở Hà Đông [H9.09.03.07], ban hành Quy định quản lý và hướng dẫn TNTH theo Quyết định số 233/QĐ-HV ngày 04/02/2018 của Giám đốc Học viện [H9.09.03.08] và Quy định tạm thời về hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên sâu (phòng Lab) [H9.09.03.09]. Trung tâm TNTH được bố trí 7 cán bộ, có 02 cán bộ là GV giảng dạy thực hành và 5 kỹ thuật viên có chuyên môn được đào tạo phù hợp để quản lý các máy móc, trang thiết bị của Trung tâm TNTH [H9.09.03.10]. Đối với các phòng TNTH tại cơ sở Thành phố HCM, Học viện giao cho các khoa 2 quản lý và trực tiếp đội ngũ cán bộ kỹ thuật, giảng viên của khoa vận hành, nhưng vẫn phải tuân thủ theo quy định quản lý và hướng dẫn TNTH học viện ban hành. Đối với các phòng Lab chuyên sâu, Học viện giao cho các giảng viên có trình độ chuyên sâu tiến hành khai thác sử dụng.

Việc quản lý, khai thác sử dụng các phòng thực hành/thí nghiệm được thực hiện theo các văn bản: Quy định quản lý, sử dụng tài sản công của Học viện ban hành theo Quyết định số 1381/QĐ-HV ngày 29/12/2021 [H9.09.03.11], Quy định quản lý và hướng dẫn thí nghiệm thực hành tại cơ sở đào tạo Hà Nội ban hành theo Quyết định số 233/QĐ-HV ngày 04/02/2018 [H9.09.03.12] và Quy định tạm thời về hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên sâu ban hành theo Quyết định số 753/QĐ-HV ngày 23/08/2016 [H9.09.03.13].

Hàng năm, Trung tâm TNTH phối hợp với các khoa lập kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ TNTH gửi Phòng Kế hoạch - Đầu tư để tổng hợp trình giám đốc ban hành quyết định giao kế hoạch và kinh phí thực hiện việc bảo trì, nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng các máy móc, trang thiết bị [H9.09.03.14]. Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện chi cho sửa chữa máy móc trang thiết bị: 3140 triệu đồng và chi cho mua sắm CCDC, tài sản, TTB mới: 23.478 triệu đồng. Ngoài ra, Năm 2019, Công ty TNHH Điện tử Samsung tài trợ cho Khoa CNTT1 phòng Lab Samsung (QĐ số 491/QĐ-HV ngày 21/6/2019); năm 2020 Tập đoàn Công nghiệp và Viễn thông Quân đội Viettel trang bị phòng LAB 4G, một hệ thống 4G LTE hoàn chỉnh cho phép cung cấp đầy đủ các dịch vụ cơ bản của mạng viễn thông di động thế hệ thứ 4; năm 2021, tập đoàn Naver tài trợ phòng LAB AI “Nghiên cứu Quốc tế về Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu Đa phương tiện” trị giá khoảng 3 tỷ đồng (Thỏa thuận ngày 22/02/2021); Năm 2021, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (2021) tài trợ phòng LAB Viễn thông (QĐ số 1240/QĐ-HV ngày 15/12/2021).

Các phòng thực hành thí nghiệm có nội quy, bảng thống kê danh mục tài sản và các sổ theo dõi, thống kê hoạt động của các trang thiết bị được ghi chép đầy đủ thông tin theo quy định. Định kỳ, Học viện đã tiến hành kiểm kê số lượng và chất lượng các trang thiết bị của các phòng thực hành, thí nghiệm để phân loại chất lượng của trang thiết bị dạy học. Các máy móc, thiết bị đều được dán mã quản lý; có bảng hướng dẫn sử dụng và các nguyên tắc an toàn, xử lý sự cố trong thực hành, thí nghiệm; sổ sách mượn - trả, theo dõi, ghi nhận hiện trạng cũng như tần suất sử dụng; nhật ký ra vào phòng thí nghiệm, thực hành. Hằng ngày, GV hướng dẫn ghi nhật ký sử dụng trước và sau khi sử dụng. Cán bộ phụ trách sẽ tổng hợp báo cáo về việc sử dụng trang thiết bị hằng năm, phối hợp với bộ phận kỹ thuật - CSVC cập nhật, đánh giá, kiểm kê trang thiết bị để kịp thời mua sắm và sửa chữa trang thiết bị, đảm bảo cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. GV và SV phải tuân thủ các quy khi vào học tập hay NCKH, đồng thời phải ghi nhật ký sử dụng trước và sau khi sử dụng. Để đánh giá hiệu quả sử dụng, hằng năm Học viện có báo cáo công tác rà soát thực trạng CSVC của Học viện và qua nhật ký sử dụng phòng TNTH cho thấy các phòng TNTH được khai thác và sử dụng có hiệu quả [H9.09.03.15].

Tình trạng của các trang thiết bị phục vụ TNTH như: đang hoạt động/ đang sử dụng, đang hư hỏng hoặc không có nhu cầu sử dụng, ... được ghi nhận, đánh dấu vào biên bản kiểm kê tài sản hàng năm, làm cơ sở cho việc đề nghị thanh lý tài sản, hay lập kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị, bổ sung dụng cụ, sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc/hệ thống kỹ

thuật, trong biên bản xác định cụ thể nguyên giá, giá trị còn lại của từng trang thiết bị tại phòng TNTH [H9.09.03.16]. Tuy các trang thiết bị trong phòng thí nghiệm, phòng thực hành được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hàng năm, nhưng vẫn còn 267 máy tính tại các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị từ trước năm 2015, nên cấu hình không đáp ứng được việc sử dụng các chương trình phần mềm có dung lượng lớn.

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống phòng Lab chuyên sâu được đầu tư với các trang thiết bị hiện đại như phòng Lab ATTT, Samsung, Naver và 4G-Viettel.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính trong phòng thí nghiệm thực hành được trang bị từ trước năm 2015, nên cấu hình không đáp ứng được việc sử dụng các chương trình phần mềm cần dung lượng máy tính lớn.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, Trung tâm TNTH đề xuất để Học viện đầu tư, nâng cấp máy tính đã cũ trong các phòng thí nghiệm, thực hành.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành chiến lược phát triển Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn 2030 [H1.01.01.10], trong đó có đề cập đến những nội dung về xây dựng hệ thống CNTT như: Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng máy tính và hệ thống an toàn thông tin đáp ứng yêu cầu các hoạt động trong giai đoạn chuyển đổi số; tăng cường phát triển hệ thống mạng Internet băng thông rộng đặc biệt là hệ thống Wifi phủ sóng toàn Học viện; tập trung phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật, xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng của Học viện; xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp trên cơ sở liên thông và đồng bộ các hệ thống cơ sở dữ liệu hiện có từ các ứng dụng công nghệ thông tin trong Học viện; đầu tư nền tảng và triển khai hệ thống ERP trong Học viện; đầu tư nền tảng và triển khai xây dựng hệ thống kết nối sinh viên, giảng viên và các tổ chức trong Học viện theo mô hình mạng xã hội nội bộ. Học viện xây dựng phương án ứng dụng CNTT để phát triển và hoàn thiện hệ thống

thông tin phục vụ cho việc nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD. Trong đó:

(1) Về cơ sở hạ tầng: giải pháp đầu tư máy chủ để nâng cao khả năng quản lý nhiều dịch vụ khác nhau và lưu trữ CSDL; các thiết bị mạng, hệ thống máy tính, mạng Wifi, nâng cấp hệ thống sao lưu dữ liệu, đầu tư mới để nâng cao tính bảo mật của hệ thống và giúp phục hồi dữ liệu nhanh chóng;

(2) Về giải pháp phần mềm: xây dựng được hệ thống thông tin tích hợp với mô hình dữ liệu quản lý tập trung, hướng đến mô hình đại học số hóa; trang bị phần mềm quản lý đào tạo; phần mềm kế toán; phần mềm quản lý thư viện...; thống Email để quản lý và chia sẻ các thông tin đến các bên liên quan; sử dụng Google Drive làm kho lưu trữ, quản lý, chia sẻ thông tin, minh chứng trong các hoạt động của Học viện;

(3) Về giải pháp con người: văn phòng và các đơn vị khác phối hợp để thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến công việc theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Học viện có Kế hoạch xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp của Học viện ban hành theo kế hoạch số 1234/HV-KH ngày 31/12/2021 với mục tiêu xác lập, lưu trữ, cập nhật các số liệu về các lĩnh vực hoạt động của Học viện một cách khoa học, đồng bộ. Học viện xây dựng hệ thống quản lý thông tin bên trong và được duy trì liên tục, thông suốt giữa các đơn vị liên quan. Việc chuyển thông tin giữa các đơn vị để hỗ trợ các hoạt động của Học viện như đào tạo, NCKH và PVCD được thực hiện qua nhiều hình thức khác nhau như: các cuộc họp; các thông báo, chỉ thị; điện thoại; hệ thống phần mềm quản lý, thư điện tử... [H9.09.04.01].

Học viện có bộ phận quản trị hệ thống và thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, cụ thể:

(1) Văn phòng có chức năng phụ trách việc lập kế hoạch, bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng của các phòng ban, trung tâm chức năng và các khoa đào tạo tại Cơ sở Phía Bắc; quản trị mạng, quản lý Data Center, hệ thống email nội bộ; đảm bảo hệ thống hạ tầng mạng nội bộ và internet cho toàn Học viện theo quy định chức năng, nhiệm vụ của văn phòng ban hành theo Quyết định số 833/QĐ-HV ngày 18/11/2015 [H9.09.04.02];

(2) Trung tâm Thí nghiệm thực hành có chức năng tham mưu và giúp giám đốc học viện tổ chức quản lý, điều hành trong phạm vi toàn học viện; trực tiếp triển khai công tác thực hành thí nghiệm tại cơ sở đào tạo Hà Nội của học viện; quản lý, vận hành và tổ chức

khai thác có hiệu quả hệ thống trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm ban hành theo Quyết định số 693/QĐ-HV ngày 01/8/2016 [H9.09.03.07];

(3) Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông (CDIT) quản lý vận hành, duy trì, phát triển cổng thông tin portal.ptit.edu.vn theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông và văn bản giao nhiệm vụ hằng năm [H9.09.04.03];

(4) Các khoa quản lý các phòng Lab chuyên sâu, phòng thực hành thông minh PTIT D-Lab) [H6.06.07.17].

(5) Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh phụ trách việc quản trị mạng, đảm bảo hệ thống hạ tầng mạng nội bộ và internet cho toàn bộ cơ sở học viện; quản lý các phòng Lab, thí nghiệm thực hành và thực hiện sửa chữa, bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng tại Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh.

(6) Năm 2011, Học viện thành lập Trung tâm tích hợp dữ liệu Data Center theo Quyết định số 90/QĐ-TTTV ngày 24/02/2011 [H9.09.04.04] để thống nhất quản lý toàn bộ cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực hoạt động của Học viện và thực hiện sao lưu, bảo mật an toàn dữ liệu tại server tập trung.

(7) Thành lập Tổ ứng dụng CNTT thuộc văn phòng nhằm thống nhất quản lý một có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, quản lý và bảo trì các thiết bị máy chủ, thiết bị mạng và đường truyền kết nối liên thông mạng nội bộ đảm bảo hệ thống mạng của học viện hoạt động thông suốt [H9.09.04.05].

Cùng với việc cải tiến, nâng cấp phần cứng và phần mềm của hệ thống thông tin, Học viện cũng đã xây dựng và ban hành các chính sách và quy trình, kế hoạch quản lý ứng dụng CNTT:

(1) Quy định về Nội quy diễn đàn sinh viên ban hành theo Quyết định số 264/QĐ-GV&CTSV ngày 29/4/2010 [H9.09.04.06].

(2) Quy định về hoạt động quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của học viện ban hành theo Quyết định số 700/QĐ-HV, ngày 16/09/2013 [H9.09.04.07];

(3) Quy định quản lý và sử dụng mạng máy tính và truy cập Internet của học viện ban hành theo Quyết định số 720/QĐ-HV, ngày 19/09/2013 [H9.09.04.08];

(4) Quy định khai thác và sử dụng thư điện tử của cán bộ và sinh viên trong học viện ban hành theo Quyết định số 231/QĐ ngày 12/4/2013 [H9.09.04.09];

(5) Quy định quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống quản lý thông tin cán bộ Học viện ban hành theo Quyết định số 652/QĐ-TH ngày 30/9/2014 cùng với việc triển khai chuyển đổi hệ thống thư điện tử toàn học viện [H9.09.04.10];

(6) Quy trình vận hành hệ thống máy chủ ảo ban hành theo Quyết định số 188/QĐ-HV ngày 24/3/2017 [H9.09.04.11];

(7) Quy định về cấp và sử dụng hộp thư điện tử (email) sinh viên ban hành theo Quyết định số 1103/QĐ-HV ngày 06/12/2019 [H9.09.04.12];

(8) Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hành trực tuyến các môn công nghệ thông tin ban hành theo Quyết định số 752/QĐ-HV ngày 21/9/2021 [H9.09.04.13];

(9) Quy định sử dụng chương trình quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại Học viện ban hành theo Quyết định số 410/QĐ-VPHV, ngày 11/06/2010 [H9.09.04.13].

Căn cứ văn bản nêu trên, Học viện tổ chức cung cấp các ứng dụng CNTT trên website của Học viện tại địa chỉ <https://portal.ptit.edu.vn/> được cập nhật thông tin thường xuyên và đây chính là kênh thông tin để SV, CBGV Học viện cùng các bên liên quan tương tác với nhau, nhận, xử lý, ra quyết định liên quan đến công việc, cùng với hệ thống email nội bộ và các kênh online (Facebook và Zalo). Cổng thông tin điện tử của Học viện đã được nâng cấp 02 lần, phiên bản mới nhất đã được đưa vào sử dụng vào năm 2019.

Học viện triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống CNTT như xây dựng quy trình bảo trì hệ thống mạng, máy tính, thiết bị CNTT, xây dựng kế hoạch rà soát đánh giá hạ tầng CNTT toàn học viện và thực hiện rà soát đánh giá hạ tầng CNTT hằng năm, mạng Lan của Học viện được chia theo các phân khu theo chức năng để nâng cao tính bảo mật, mỗi tầng toà nhà được trang bị Wifi có bảo mật password để CB, GV, NV và SV sử dụng; các phần mềm của Học viện có cơ chế xác thực và phân quyền cho mỗi CB, GV, NV và SV tài khoản để đăng nhập các phần mềm; Ban biên tập Website quản lý và bảo mật tài khoản và mật khẩu cổng thông tin điện tử. Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống CNTT được quán triệt, phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và SV thông qua hệ thống email nội bộ của Học viện và trang thông tin điện tử. Trong chu kỳ KĐCLGD không xảy ra hiện tượng mất dữ liệu trong hệ thống ứng dụng CNTT trong Học viện.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã đầu tư mới, bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập. Cụ thể:

- Học viện có hệ thống ứng dụng CNTT hoạt động hiệu quả để cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin gồm: 1.865 máy tính phục vụ giảng dạy học tập (Cơ sở miền Bắc 1317; Cơ sở miền Nam 548). Giai đoạn 2019 - 2023, Học viện đã đầu tư mua sắm 310 máy tính (25 tính máy xách tay), 23 máy in, 45 máy chiếu, 13 máy photo, 03 máy scan; lắp đặt thêm một số đường truyền Internet với tốc độ 600 Mbps/đường để phục vụ kết nối hệ thống Wifi cho các giảng đường tại cơ sở đào tạo Hà Đông; thay thế thiết bị Router, Switch core chuẩn tốc độ gigabit (1000 Mbps) để phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của Học viện; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo Edusoft. Ở các khu vực làm việc và học tập đều có mạng Wifi, tín hiệu khá ổn định phục vụ miễn phí [H9.09.04.14] và tất cả các máy tính được kết nối mạng tới các đơn vị, được cài đặt với nhiều phần mềm có bản quyền và luôn cập nhật các phiên bản mới nhất. Tuy nhiên, Học viện hiện còn 860/1.865 (chiếm tỉ lệ 46,11%) máy tính được trang bị từ trên 05 năm trở lên đã hết thời hạn khấu hao sử dụng, trong đó Khoa ATTT có 4 máy (chiếm tỷ lệ 12,40 % được trang bị từ trên 05 năm trở lên, đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

- Hệ thống máy chủ VMware Cluster bao gồm 12 máy chủ (Fujitsu Primergy RX2540 M1 và SAN Storage được ảo hóa với tổng tài nguyên (384 Core; 3072 Gb Memory; 16TB Storage, dùng cho toàn bộ Học viện cả miền Bắc và Nam; 202 điểm phát wifi phủ sóng các giảng đường, phòng làm việc (Cơ sở miền Bắc 103; Cơ sở miền Nam 99); 17 đường truyền tổng dung lượng đường truyền 5260 Mbps (Cơ sở miền Bắc 3200 Mbps; Cơ sở miền Nam 2060 Mbps). 142 mắt cam để đảm bảo an ninh bao quanh các khu vực trọng yếu của Học viện (Cơ sở miền Bắc 120; Cơ sở miền Nam 22) [H9.09.04.15].

- Học viện triển khai đồng bộ các ứng dụng CNTT vào công tác quản lý các hoạt động và hệ thống phần mềm quản lý tích hợp đã giúp Học viện tin học hóa hầu hết các hoạt động đào tạo, quản lý và NCKH [H9.09.04.16], đặc biệt là quản lý thống nhất dữ liệu về SV (tuyển sinh, kết quả học tập,thời học, tốt nghiệp, ...), dữ liệu về chương trình đào tạo, đề cương chi tiết... đối với tất cả cơ sở đào tạo của Học viện tại các phần mềm: Phần mềm tuyển sinh, phần mềm xét tuyển, phần mềm tra cứu xác thực phát hiện văn bằng chứng chỉ giả do phòng Đào tạo quản lý; phần mềm quản lý học phí và phần mềm kế toán misa do phòng Tài chính Kế toán quản lý; phần mềm thi trắc nghiệm do Trung tâm KT&ĐBCLGD quản lý; phần mềm quản lý SV Edusoft, phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến Trans do Phòng Giáo vụ quản lý; Phần mềm Quản lý văn bản, phần mềm kết nối nội bộ và phần mềm quản lý quy cập internet do Văn phòng quản lý; phần mềm quản lý nhân sự do Phòng

TCCB-LĐ quản lý; phần mềm quản trị thư viện Libol 6.0 do Thư viện quản lý ; ... CB, GV, NH của Học viện được cấp tài khoản email theo tên miền “@ptit.edu.vn” và miễn phí khi sử dụng Internet thông qua hệ thống kết nối không dây (wifi), hệ thống mạng nội bộ để truy cập vào hệ thống mạng để sử dụng các phần mềm ứng dụng, quản lý, điều hành của Học viện, để chia sẻ dữ liệu. NH của Học viện được truy cập mạng (wifi) miễn phí tại sảnh nhà A1, A2, A3, các Hội trường lớn, khu giảng đường.

Học viện có 05 phòng hội thảo (03 phòng họp trực tuyến, 02 hội trường họp trực tuyến) đều được trang bị hệ thống CNTT hiện đại, hệ thống máy chiếu, cầu truyền hình, âm thanh, ánh sáng đảm bảo tổ chức được các hoạt động khoa học [H9.09.04.17].

Từ năm 2020, trước tình hình dịch Covid bùng phát, Học viện đã triển khai hoạt động giảng dạy - học tập trực tuyến được thực hiện qua phần mềm TranS và hệ thống hỗ trợ học tập thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến - LMS [H9.09.04.18]. Đồng thời, Học viện triển khai nền tảng thực hành thông minh PTIT-Dlab giúp SV có thể thực hành trực tuyến qua mạng [H9.09.04.19]. Do mới đưa vào sử dụng nên trong một số thời điểm, lượng SV đăng ký học phần tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của SV và GV.

Triển khai chuyển đổi số theo mô hình “Quốc gia số thu nhỏ”, Học viện đã nghiên cứu, tham khảo các định hướng, chính sách của quốc gia trong hoạt động chuyển đổi số và xây dựng phương án chuyển đổi số bám theo 3 trục của Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Học viện cũng xây dựng các mục tiêu chuyển đổi số theo 3 trục là Quản trị số - Dịch vụ số - Xã hội số, Sau gần 1 năm từ khi quyết liệt triển khai nhiệm vụ do Bộ trưởng giao, các ứng dụng, nền tảng như PTIT-Slink; Hệ thống thực hành ảo D-Lab; Mô hình lớp học thông minh, Trung tâm điều hành số, mô hình dịch vụ công cấp 4, mạng xã hội cựu SV đã được phát triển, kết nối và dần trở thành hệ sinh thái ban đầu ở Học viện số [H9.09.04.20]. Năm 2021, Học viện đã triển khai cấp mã định danh cho SV ngay khi trúng tuyển và SV có thể truy cập vào phần mềm PTIT-Slink để phục vụ cho việc nhập học trực tuyến, tra cứu điểm, tình trạng học phí, xét duyệt học bổng, theo dõi thời khóa biểu, ... trên tất cả các thiết bị di động [H9.09.04.21].

Học viện có các phòng Lab an toàn thông tin được trang bị các thiết bị đồng bộ, hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo trực tuyến, thi trực tuyến, giảng dạy E-learning, tập huấn các ứng dụng CNTT cho GV và NH [H9.09.04.22].

Các thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập của học viện được rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư hằng năm. Vào cuối mỗi năm, phòng Tài chính - Kế toán phối hợp cùng các đơn vị thực hiện công tác kiểm kê tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ trong toàn học viện và yêu cầu các đơn vị phải báo cáo và giải trình đối với các tài sản hư hỏng, mất mát để hội đồng kiểm kê tài sản sẽ xác định tỷ lệ giá trị còn lại của các thiết bị. Sau khi hoàn thành kiểm kê, Tổ kiểm kê và đại diện lãnh đạo của đơn vị được kiểm kê cùng ký xác nhận vào biên bản kiểm kê. Biên bản sẽ được sử dụng để tổng hợp số liệu báo cáo lãnh đạo học viện và phục vụ công tác bảo trì, sửa chữa, mua sắm và đầu tư mới của năm tiếp theo [H9.09.04.23].

Hằng năm, các đơn vị có nhu cầu sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, đăng ký mua sắm các phương tiện dạy và học, trang thiết bị CNTT, phần mềm quản lý,... lập kế hoạch gửi về học viện qua Phòng Kế hoạch - Đầu tư. Theo đó, phòng Kế hoạch - Đầu tư lập kế hoạch đảm bảo CSVC tổng thể cho toàn học viện để trình giám đốc phê duyệt. Trên cơ sở kế hoạch được ban hành, Phòng Kế hoạch - Đầu tư phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn, thi công xây lắp các hạng mục công trình theo đúng kế hoạch đề ra [H9.09.04.24]. Trong các hợp đồng mua sắm công cụ, dụng cụ phục vụ đào tạo hằng năm đều có danh mục mua sắm trang thiết bị CNTT, ví dụ: Năm 2019, Học viện đầu tư 1886,85 mua 110 máy tính Acer, 10 máy tính xách tay Dell Vostro3580 (HĐ số 34/HĐKT/PTIT-HNC ngày 25/10/2019); Năm 2020, Học viện đầu tư 675,55 triệu đồng mua 29 máy tính Acer Vertion ES 2735G và 10 Laptop Dell Vostro 3590 (HĐ số 36/HĐKT/PTIT-TĐ ngày 26/11/2020); năm 2021, Học viện đầu tư 1886,4 triệu đồng mua 80 máy tính Acer Vertion X Core i7 (HĐ số 01/HĐKT/PTIT-TĐ ngày 01/10/2021); Năm 2022, Học viện đã đầu tư 1.038 triệu đồng mua 60 máy tính Acer Vertion X2690G (HĐ số 01/HĐKT/PTIT-HACOM ngày 06/12/2022); năm 2023, Học viện đã đầu tư mua sắm máy tính xách tay Dell Vostro 3430; máy tính trạm Workstation Dell Precision 3660 máy tính để bàn Acer Vertion X Core 15 X2690G (Hợp đồng số 03/HĐKT/PTIT-TĐ ngày 08/12/2023)...

Học viện đã lấy ý kiến hỏi các bên liên quan các nội dung liên quan đến mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Với nội dung khảo sát: “Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu” tỷ lệ CB, GV hài lòng đều đạt trên 80%; với nội dung “Website của HV có đủ thông tin, dễ dàng truy vấn và thông tin được cập

nhật thường xuyên”, tỷ lệ NH trả lời hài lòng qua khảo sát các điều đạt trên 83%; với câu hỏi “Mạng máy tính, thiết bị tin học đáp ứng cơ bản nhu cầu người học”, tỷ lệ NH trả lời hài lòng qua khảo sát các năm đều đạt trên 76% [H8.08.05.18].

Học viện cũng thực hiện khảo sát ý kiến của người học về hệ thống thiết bị CNTT, phòng thí nghiệm thực hành định kỳ mỗi năm. Kết quả khảo sát cho thấy SV khá hài lòng với hệ thống CNTT, thiết bị dạy - học và điều kiện CSVC của Học viện. Chẳng hạn như với câu hỏi “Mạng máy tính, thiết bị tin học đáp ứng cơ bản nhu cầu người học”, tỷ lệ SV trả lời hài lòng qua khảo sát các năm là: năm 2023 (81,58%), năm 2022 (83,7%) năm 2021 (82,49%), năm 2020 (81,0%), năm 2019 (76,4%), [H9.09.04.25].

2. Điểm mạnh

Học viện là trường đại học đầu tiên trong cả nước đi đầu trong công cuộc chuyển đổi số, đây là mô hình nền tảng số đầu tiên được công bố trong việc liên thông dữ liệu thông qua ứng dụng phần mềm PTIT-Slink, nhằm tạo ra một cơ sở dữ liệu dùng chung, làm tiền đề phát triển hệ thống các ứng dụng hỗ trợ GV, SV trong quá trình đào tạo/học tập; tối ưu hoá hiệu suất lao động của cán bộ, nhân viên hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Một số thời điểm, lượng SV đăng ký học phần tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập của SV và GV.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng Giáo vụ sẽ đánh giá lại việc phân nhóm đăng ký học phần, nhằm tránh tình trạng SV tập trung truy cập hệ thống quá đông trong cùng một thời điểm.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện triển khai thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đối với CBGV và người học theo các văn bản, quy định của Nhà nước, cụ thể gồm: Luật An toàn vệ sinh lao động (số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015); Luật Phòng cháy chữa cháy (số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013); Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy (Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014); Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường (Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017); Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại

các cơ sở giáo dục (Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011); Quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Thông tư số 17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/5/2007); Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế học đường (Công văn số 3946/BGDĐTGDTC ngày 31/8/2018); Quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn (Công văn số 3946/BGDĐT-GDTC ngày 31/8/2018); Quy định về công tác Y tế trường học (Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ Y tế và Bộ giáo dục và Đào tạo); Hướng dẫn khám sức khỏe của Bộ Y tế (TT số 14/TT-BYT ngày 06/5/2013) [H9.09.05.01].

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, Học viện đã ban hành các văn bản quy định về các yêu cầu, tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn tại học viện như:

Học viện ban hành Nội quy lao động để CBGV thực hiện theo đúng quy định của ngành giáo dục [H7.07.05.01] và Quy chế làm việc của Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông theo Quyết định số 1248/QĐ-HV ngày 31/12/2015 [H7.07.05.02]. Các văn bản này quy định việc chấp hành nội quy lao động và thời gian làm việc của CBVCNLD, trong đó quy định thực hiện giờ làm việc đối với cán bộ, viên chức khối hành chính, cụ thể thời gian làm việc từ 08h00 - 17h00 các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần và gửi tới toàn thể CBVC tại các đơn vị được biết và thực hiện.

Hội đồng Học viện ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Học viện theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐHV ngày 4/8/2021 của Hội đồng Học viện [H7.07.05.05], với mục đích phát huy quyền dân chủ của VCNLD, NH và tăng cường nề nếp, kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Học viện góp phần xây dựng môi trường giáo dục, thân thiện, lành mạnh, phòng chống các hành vi tiêu cực trong đào tạo; Quy chế giám sát của Hội đồng Học viện theo Nghị Quyết số 35/NQ-HĐHV ngày 26/10/2021 ban hành [H8.08.05.01], theo đó, HĐHV sẽ giám sát toàn diện các hoạt động của Học viện để đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch và hỗ trợ các hoạt động của Học viện tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật.

Để đảm bảo quản lý và sử dụng có hiệu quả CSVC, hạ tầng cơ sở, Học viện đã ban hành các văn bản: Quy định phân cấp quản lý tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trực thuộc Học viện ban hành theo Quyết định số 1118/QĐ-HV ngày 26/11/2021 [H9.09.05.02]; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Học viện ban hành theo Quyết định số 1381/QĐ-HV ngày 29/12/2021 [H9.09.05.03]; Tiêu chuẩn,

định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của Học viện ban hành theo Quyết định số 1367/QĐ-HV ngày 28/12/2021 [H9.09.05.04].

Cơ sở Học viện ban hành Nội quy tiếp công dân theo Quyết định số 29/QĐ-HVCS ngày 14/06/2017; Quy chế tiếp công dân của Học viện cơ sở tại Tp. HCM theo Quyết định số 18/QĐ-HVCS ngày 07/02/2017 [H9.09.05.05]; Quy định văn hóa công sở tại Học viện cơ sở Tp. HCM theo Quyết định số 189/QĐ-HVCS ngày 26/08/2013 [H9.09.05.06]; Nội quy ra vào cổng Cơ sở Quận 9 - Tp. HCM theo Quyết định số 76/QĐ-CSVC&DV ngày 26/4/2013 [H9.09.05.07].

Nội Quy Giảng đường, lớp học được ban hành theo Quyết định số 353/QĐ-TTr ngày 07/08/2009 [H9.09.05.08] được treo tại hành lang giảng đường để SV thực hiện giờ lên lớp và chấp hành nội quy học tập theo quy định. Đồng thời, để đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong khu vực giảng đường. Ngoài ra, Học viện đã bố trí SV thuộc đội cờ đỏ kiểm tra thẻ SV, kiểm soát ra vào khu vực giảng đường; lắp camera theo dõi ở các khu vực hành lang lớp học để tạo nên trật tự, kỷ cương trong môi trường học đường.

Ký túc xá của SV (B5, B1, B2 và Quận 9, Tp.HCM) có bản nội quy ký túc xá treo ở sảnh các tầng và tại các địa điểm thuận lợi để SV đều nhận biết thực hiện nội quy nhằm đảm bảo nếp sống văn minh, trật tự và an toàn trong ký túc xá [H9.09.05.09].

Học viện ban hành Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng TNTH theo Quyết định số 233/QĐ-HV ngày 02/04/2018 [H9.09.03.08] và hướng dẫn sử dụng máy chiếu, các thiết bị thí nghiệm thực hành để quy định trách nhiệm của GV và SV khi làm việc tại các phòng TNTH.

Học viện thành lập bộ phận một cửa để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ cho sinh viên. Trong đó Phòng Đào tạo có 01 nhân sự phụ trách giải đáp thắc mắc tuyển sinh, Phòng Giáo vụ 01 nhân sự phụ trách học vụ, cấp bằng điểm.; Phòng Chính trị & Công tác sinh viên có 01 nhân sự giúp người học trong vấn đề chính sách [H8.08.04.02].

Văn phòng là đơn vị được Học viện giao cho nhiệm vụ quản trị về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.10]. Văn phòng trực tiếp quản lý Trạm y tế, Tổ bảo vệ, triển khai công tác PCCC, vệ sinh môi trường tại học viện. Hằng năm, Văn phòng lập kế hoạch đảm bảo môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt gửi Phòng Kế hoạch Đầu tư để tổng hợp báo cáo giám đốc phê duyệt kế hoạch sửa chữa, mua sắm, đầu tư CSVC, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ cho việc bảo vệ môi trường học đường, chăm sóc

sức khỏe, PCCN, phòng chống dịch bệnh, an ninh an toàn cho CBVCNLD và NH tại Học viện, cụ thể:

Bộ phận y tế có chức năng nhiệm vụ tổ chức công tác y tế học đường, chăm sóc sức khỏe cho CBVCNLD và NH, tổ chức tuyên truyền công tác y tế học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh [H9.09.05.11]. Cán bộ của bộ phận y tế ở cả 2 cơ sở đều có chuyên môn phù hợp (ở Hà Nội có 3 y sỹ và cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có 1 dược sỹ và 1 y tá). Trạm y tế có giường bệnh để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học và các dụng cụ y tế phục vụ cho việc sơ cứu ban đầu, cũng như các loại thuốc thông thường được mua sắm thường kỳ, có đủ lượng thuốc dự phòng theo quy định. Hằng ngày cán bộ y tế của cả hai cơ sở có lịch trực tại Học viện để hỗ trợ, cấp thuốc và sơ cứu ban đầu cho CB, GV và SV trong thời gian làm việc, học tập và ở Ký túc xá. Học viện đã thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với SV theo Thông tư liên tịch Số: 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT quy định về công tác y tế trường học. Hằng năm, Học viện tổ chức khám sức khỏe cho 100% SV mới vào nhập học. Hằng ngày cán bộ y tế của cả hai cơ sở có lịch trực tại Học viện để hỗ trợ, cấp thuốc và sơ cứu ban đầu cho CB, GV và SV trong thời gian làm việc, học tập và ở Ký túc xá. Dữ liệu kết quả khám sức khỏe và kết quả kiểm tra y tế trường học trong các năm học được lưu trữ tại Trạm Y tế của Học viện.

Trong giai đoạn 2019 - 2021, khi dịch bệnh Covid-19 diễn ra, Học viện đã nhanh chóng thực hiện các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Thông tin và Truyền thông, kịp thời ra các văn bản để phòng chống đại dịch, phân công cụ thể trách nhiệm cho từng đơn vị để cùng bảo vệ sức khỏe của CB, GV, NV và SV. Học viện có nhiều hoạt động phòng chống Covid-19 [H9.09.05.12]: Năm 2020 Học viện đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV) của Học viện theo Quyết định số 26/QĐ-HV ngày 31/01/2020; Thông báo về việc thực hiện chỉ thị 17/CT-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn Thành phố theo Công văn số 646/TB-HV ngày 24/7/2021; ... tích cực nhất là khâu vệ sinh môi trường, cách ly trong giao tiếp, hạn chế tụ tập đông người và các buổi họp đông người đều được tổ chức trực tuyến.

Hằng năm, qua các báo cáo định kỳ về công tác y tế trường học, Trạm y tế đề xuất cải tiến, đầu tư và cải thiện môi trường, sức khỏe (Báo cáo ngày 04/5/2017; Báo cáo ngày 04/6/2018; Báo cáo ngày 20/5/2019 và ngày 16/6/2020) [H9.09.05.13].

Học viện có căng tin thường xuyên được kiểm tra, đầu tư nâng cấp để bảo đảm sức khỏe, an toàn vệ sinh thực phẩm và được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ quan y tế địa phương [H9.09.05.14].

Học viện đầu tư sân bãi phục vụ các hoạt động thể dục thể thao, cụ thể có 02 sân bóng chuyền, 02 sân bóng đá, 02 sân bóng rổ tại các cơ sở đào tạo Hà Nội và Thành phố HCM [H9.09.05.15].

Học viện đầu tư hệ thống quản lý trông giữ xe cho khách, CB, GV, NV và được sắp xếp ngăn nắp, có camera giám sát, phần mềm quản lý thông minh đáp ứng yêu cầu về mỹ quan và an toàn cao [H9.09.05.16].

Học viện đã ký hợp đồng với công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Yên Việt để bảo đảm công tác an ninh trật tự trong khuôn viên Học viện, với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ khu công nghệ cao Hoà Lạc và Cơ sở TP. HCM có nhân viên làm nhiệm vụ bảo vệ [H9.09.05.17]. Căn cứ theo hợp đồng, công tác bảo vệ an ninh trật tự của học viện đã được triển khai thực hiện, lực lượng bảo vệ túc trực ở các địa điểm của học viện 24//24 để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn về tính mạng và tài sản của Học viện và CB, GV, NV và SV. Lực lượng bảo vệ được đầu tư đầy đủ quần áo đồng phục, các phương tiện làm việc. Đồng thời, Học viện đã lắp đặt hệ thống Camera giám sát tại cổng và các khu vực trọng yếu trong Học viện 24/24 và phối hợp với chính quyền và lực lượng an ninh địa phương tăng cường công tác an ninh trật tự, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, phòng chống các tệ nạn xảy ra trong khu vực Học viện.

Học viện có lực lượng tự vệ, việc thành lập kiện toàn bộ máy của Trung đội tự vệ được thực hiện thông qua các quyết định kiện toàn nhân sự hàng năm [H9.09.05.18].

Học viện đã ký các hợp đồng về dịch vụ dọn dẹp vệ sinh cơ sở vật chất của Học viện, theo đó bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm dọn dẹp vệ sinh các khu vực của Học viện [H9.09.05.19]. Cơ sở Học viện tại Tp. HCM có bố trí nhân viên làm nhiệm vụ dọn dẹp vệ sinh khuôn viên hàng ngày. Học viện cơ sở Hà Nội có Bộ phận chăm sóc cây cỏ, vệ sinh môi trường trực thuộc Trung tâm Dịch vụ gồm 20 người có nhiệm vụ quản lý, vệ sinh hệ thống phòng học, giảng đường, khu vệ sinh và các tài sản trang thiết bị đi kèm, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp trong toàn bộ khuôn viên Học viện. Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và làm vệ sinh các khu vực của Học viện. Hệ thống thoát nước được thường xuyên được nạo vét đảm bảo luôn thông thoát không bị tràn ngập ú đọng. Học viện ký hợp đồng với đơn vị thu

gom rác thải đảm bảo rác được thu gom xử lý hàng ngày. Hệ thống nước sạch được đầu tư nâng cấp và thường xuyên được kiểm tra và xét nghiệm. Toàn bộ các khu nhà đều có công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn về trang bị và vệ sinh.

Về công tác PCCC: Học viện xây dựng các phương án cứu hộ để đảm bảo an toàn cho người học và và người lao động khi xảy ra các sự cố khẩn cấp, phương án PCCC được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể: Học viện thành lập Ban Chỉ huy phòng cháy và chữa cháy gồm 05 thành viên và Đội phòng cháy chữa gồm 25 thành viên; Học viện ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC (QĐ số 430/QĐHV, ngày 05/6/2019), theo văn bản này Học viện đã phân cấp trách nhiệm của Ban chỉ PCCC, trách nhiệm của Đội PCCC, trách nhiệm của Trưởng các Phòng, ban, khoa, trung tâm và các đơn vị trực thuộc cũng như trách nhiệm của cán bộ công nhân viên và Học sinh sinh viên về công tác PCCC; Học viện đã ban hành Nội quy phòng cháy và chữa cháy (QĐ số 463/NQ-PCCC/HV ngày 13/6/2019); Phương án PCCC cơ sở đã được Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội/Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt; Học viện có hệ thống PCCC được bố trí ở các toà nhà; Đội PCCC được tập huấn theo thông báo của Phòng cảnh sát PCCC địa phương; Học viện đã phối hợp với Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội triển khai tập huấn cho CB, GV, NV và SV tại Học viện, diễn tập các phương án chữa cháy. Hằng năm, cơ quan PCCC địa phương đã tiến hành kiểm tra công tác PCCC tại Học viện, các biên bản về kiểm tra PCCC cho thấy Học viện đã thực hiện đúng quy định về công tác PCCC [H9.09.05.20]. Trong chu kỳ KĐCLGD, không có hiện tượng mất an toàn, an ninh trật tự trong khuôn viên học viện.

Khi thiết kế xây dựng khu giảng đường, Học viện đã có những ưu tiên nhất định dành cho người khuyết tật trong việc bố trí xếp phòng học ở tầng 1, đồng thời đã thiết kế lối đi, thang máy dành cho người khuyết tật thuộc dãy nhà A2. Học viện quan tâm tới môi trường học tập, làm việc, điều kiện đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người khuyết tật, nhưng chưa thể hiện rõ tiêu chuẩn, quy định qua các văn bản hiện hành. Môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được rà soát, đánh giá thông qua các báo cáo tổng kết đánh giá của các đơn vị chức năng và của Học viện, Báo cáo kiểm tra công tác Y tế trường học [H9.09.05.13]. Giai đoạn từ năm 2019-2023, môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt tại Học viện được cải tiến: Lắp đặt các hệ thống rửa tay sát khuẩn; công tác vệ sinh dịch tễ được thực hiện thường xuyên; công tác khử khuẩn các khu vực như Ký túc xá, phòng học, giảng

đường đều được thực hiện định kỳ; công tác PCCC được bổ sung cả về trang thiết bị về PCCC, bảo hiểm PCCC và phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, diễn tập PCCC định kỳ; lắp đặt hệ thống camera giám sát an ninh trật tự; Tuy nhiên, các văn bản về chính sách đặc thù cho người khuyết tật chưa được thể hiện rõ ràng và chi tiết trong các văn bản do Học viện ban hành hiện đang còn hiệu lực.

Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã đầu tư kinh phí chi cho công tác y tế là 2.959.900.000 đồng; chi cho công tác an ninh trật tự là 6.545.845.932 đồng; chi cho dịch vụ vệ sinh môi trường, sân vườn ngoại cảnh là 23.592.467.340 đồng [H9.09.05.21].

Theo báo cáo khảo sát ý kiến của NH về CSVC của Trung tâm KT&ĐBCLGD [H8.08.05.18], kết quả khảo sát các năm cho thấy SV khá hài lòng với các vấn đề về môi trường, sức khỏe và an toàn và lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Ví dụ, với nội dung *“Trạm y tế đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu của người học”* mức độ hài lòng của NH qua các năm khảo sát đều đạt trên 84% và với nội dung *“Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng cơ bản yêu cầu của người học”* mức độ hài lòng của NH qua các năm khảo sát đều đạt trên 83%; với nội dung *“Có đầy đủ nội quy, và quy định trong phòng thí nghiệm, thực hành, nhật ký sử dụng”* tỷ lệ hài lòng của GV là 96,0% và với nội dung *“Có đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết”* có 92,9% GV tham gia khảo sát hài lòng.

2. Điểm mạnh

Học viện đã triển khai thực hiện công tác đảm bảo về môi trường, an toàn, sức khỏe cho CBGV và NH trên nhiều phương diện, có kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng Chính trị và Công tác SV phối hợp với Văn phòng rà soát lại hệ thống văn bản ban hành liên quan đến “môi trường, sức khỏe và an toàn” để bổ sung/chi tiết hơn cho các chính sách đặc thù liên quan đến người khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Các điểm mạnh về tiêu chuẩn này bao gồm: 1) Diện tích khuôn viên và diện tích xây dựng phục vụ trực tiếp đào tạo của học viện đáp ứng tốt yêu cầu về tỷ lệ diện tích trên người học. Phòng học cơ sở phía Bắc đều được trang bị điều hoà không khí đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm và thông gió phù hợp cho các hoạt động đào tạo; 2) Tài liệu nội sinh của học viện đã được xây dựng khá đầy đủ, đáp ứng tốt những yêu cầu cơ bản cho các chuyên ngành đào tạo của học viện, nhu cầu của GV và người học; 3) Hệ thống phòng Lab chuyên sâu được đầu tư tốt, trang thiết bị hiện đại (phòng Lab ATTT, phòng Lab Samsung, Lab NAVER...); 4) Học viện liên tục đầu tư tập trung vào CSVC, hạ tầng cho CNTT; phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính cho các phòng Lab... được đảm bảo, hoạt động liên tục cho SV trong toàn trường nói chung và SV ngành ATTT nói riêng; 5) Học viện đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn, như: Nội quy giảng đường; Nội quy ký túc xá; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; Nội quy căng tin; nội quy PCCC; Quy định về phòng tránh dịch Covid-19...; thành lập Ban chỉ huy PCCC, Đội PCCC với nhân sự là đội ngũ CB, GV, NV. Học viện đã ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế như: cơ sở vật chất chưa được đầu tư đồng bộ giữa 2 cơ sở đào tạo; so với qui mô đào tạo của học viện thì diện tích và trang thiết bị của 2 thư viện đều chưa được đầu tư, phòng đọc chật, thiếu chỗ ngồi; nội dung các câu hỏi trong phiếu khảo sát các đối tượng liên quan chưa bao phủ được hết nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH; các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

Tiêu chuẩn 9 có 05 tiêu chí: 4,80 /7.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học gắn liền với việc cải tiến các yếu tố bao gồm: kiến thức, kỹ năng và thái độ hoặc năng lực của người học; môi trường và các cơ hội học tập; chất lượng đào tạo của Học viện hoặc đơn vị thực hiện CTĐT ngành ATTT. Nâng cao chất lượng đào tạo là việc triển khai các sáng kiến một cách có kế hoạch nhằm mục tiêu đảm bảo và cải tiến chất lượng. Đây là quá trình liên tục nỗ lực cải tiến và áp dụng các kinh nghiệm tốt (best practices).

Sự tin tưởng của người học cũng như các bên liên quan khác đối với Học viện được xây dựng và duy trì thông qua các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng. Học viện và Khoa ATTT luôn xác định nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học là yêu cầu bắt buộc trong quá trình đào tạo. Khoa luôn cải tiến các yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng và thái độ, năng lực của người học; môi trường và các cơ hội học tập cũng như chất lượng của CTĐT. Để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo, CTĐT ngành ATTT được định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp. Hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình luôn chú trọng đến các vấn đề sau: xây dựng CDR, thiết kế và phát triển CTĐT, phương pháp tiếp cận trong giảng dạy, học tập và đánh giá người học, các nguồn lực, cơ sở vật chất và trang thiết bị, dịch vụ hỗ trợ, việc ứng dụng các thành quả nghiên cứu, xây dựng cơ chế thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan một cách hiệu quả.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS [H1.01.02.04] và Quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT [H1.01.03.03], Học viện hướng dẫn Khoa ATTT triển khai việc thiết kế, xây dựng và phát triển CTDH; rà soát, cập nhật định kỳ CTDH cho phù hợp với tình hình thực tế và sự phát triển của ngành ATTT trong nước và thế giới theo Kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy hàng năm [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Các kế hoạch, quy trình này đều đã xác định cụ thể thời gian, các bước công việc và phân công trách nhiệm với từng công việc trong xây dựng và phát triển CTĐT. Các kế hoạch, quy trình cũng đều đề cập đến việc thực hiện khảo sát nhu cầu xã hội và ý kiến phản hồi của các bên liên quan để làm cơ sở cho xây dựng và phát triển CTĐT ở các đơn vị.

Nhiệm vụ thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện theo các văn bản:

- Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT ban hành theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/3/2022 [H1.02.02.06], trong đó quy định việc thiết kế các phiếu điều tra, khảo sát về CDR, CTĐT.

- Quy định tạm thời về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan ban hành theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.07] với các đối tượng bao gồm cán bộ giảng viên, sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, học viên cao học của Học viện.

- Quy định về việc lấy ý kiến về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Học viện ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04].

- Quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên tại Học viện ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.03].

- Quy định về công tác khảo sát ý kiến của người học về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ người học tại Học viện ban hành theo Quyết định số 755/QĐ-HV ngày 25/9/2018 [H10.10.01.05].

- Quy định về công tác khảo sát điều kiện cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H10.10.01.06].

Để chỉ đạo triển khai công tác khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan, Học viện ban hành Quy định về hoạt động ĐBCL theo Quyết định số 351/QĐ-HV ngày 21/3/2022 [H10.10.01.09], trong đó nêu rõ nguyên tắc của hoạt động ĐBCL, cấu trúc hệ thống ĐBCL của Học viện, phương thức, công cụ đánh giá chất lượng, tổ chức kiểm định chất lượng, xây dựng cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng và điều kiện thực hiện hoạt động ĐBCL, cam kết ĐBCLGD tại Học viện. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được đặt dưới sự chỉ đạo của Hội đồng, ban giám đốc học viện và giao đơn vị đầu mối là Trung tâm KT&ĐBCLGD, các đơn vị phối hợp gồm Văn phòng, Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên, Thư viện, Trung tâm Thí nghiệm thực hành và các khoa đào tạo. Hội đồng đảm bảo chất lượng của Học viện do Giám đốc Học viện thành lập theo Quyết định số 389/QĐ-HV ngày 07/05/2021 [H10.10.01.10]. Hội đồng có 71 thành viên, gồm lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các phòng, khoa, ban Học viện và các cán bộ làm công tác đảm bảo CLGD tại các đơn vị. Học viện có 04 cán bộ đã hoàn thành Chương trình đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp và có 01 cán bộ được cấp thẻ kiểm định viên; có 45 CBGV được cấp chứng giấy chứng nhận tham gia tập huấn về nghiệp vụ ĐBCL về CTĐT.

Học viện ban hành các mẫu phiếu đối với từng đối tượng được khảo sát bao gồm mẫu phiếu khảo sát SV về điều kiện CSVC và đánh giá hoạt động giảng dạy của GV; phiếu

khảo sát DN, chuyên gia, các nhà khoa học, giảng viên, SV tốt nghiệp về CĐR, CTĐT và CTDH; phiếu khảo sát SV năm cuối về chất lượng đào tạo; phiếu khảo sát SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm; ... [H10.10.01.11]. Việc thu thập thông tin phản hồi thực hiện bằng các hình thức khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng khảo sát trong từng thời điểm như khảo sát trực tiếp, trực tuyến, phỏng vấn hoặc thông qua hội nghị/hội thảo với doanh nghiệp, chuyên gia do Học viện, Khoa ATTT tổ chức hàng năm [H10.10.01.12], [H10.10.01.13]. Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, Học viện tổ chức khảo sát trực tuyến thông qua phần mềm PTIT-Slink [H10.10.01.14].

Trong các đợt rà soát điều chỉnh CTĐT, Học viện đều xây dựng kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để xây dựng, triển khai, rà soát, điều chỉnh CTĐT và CĐR khi thiết kế CTDH. Giai đoạn 2019-2023, để điều chỉnh, cải tiến CTDH ngành ATTT, các đơn vị thuộc Học viện đã tổ chức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan với nội dung:

(1) Khoa ATTT:

- Tổ chức khảo sát SV năm cuối về CTĐT (nội dung, mục tiêu CĐR CTĐT, CTDH); hoạt động giảng dạy, kiểm tra; nguồn lực học tập và các hoạt động hỗ trợ; đánh giá chung về kết quả đào tạo; các hoạt động hỗ trợ đào tạo trong thời gian SV học tập tại Học viện. Sau khi khảo sát, khoa tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát hàng năm [H10.10.01.15].

- Tổ chức khảo sát lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan (DN, chuyên gia, các nhà khoa học, giảng viên, SV tốt nghiệp) về dự thảo mục tiêu, nội dung, CĐR và khung chương trình đào tạo, CTDH ngành ATTT năm 2020 và 2022 [H10.10.01.16]. Phiếu khảo sát và bảng tổng hợp ý kiến về chương trình dạy học ngành ATTT năm 2020 và 2022, với khoảng 90 phiếu của hơn 20 doanh nghiệp và kết quả phản hồi cho thấy: Hầu hết các nhà tuyển dụng nhất trí với mục tiêu, CĐR, thời gian đào tạo, nội dung chương trình phù hợp với thị trường lao động.

Khi thực hiện rà soát, điều chỉnh CTDH ngành An toàn thông tin, Khoa đã tham khảo và thực hiện đối sánh CTĐT ngành An toàn thông tin của Khoa với cùng CTĐT của 3 trường đại học ở trong nước (Học viện Kỹ thuật Mật mã, Trường Đại học FPT, Trường Đại học Công nghệ Thông tin - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) và 3 trường Đại học ở nước ngoài (Trường Đại học Khoa học ứng dụng St Peolten Áo, Đại học RMIT Việt Nam, Đại học Edilth Cowan - Úc).

(2) Trung tâm KT&ĐBCLGD: Tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc học phần của từng học kỳ, năm học trong giai đoạn 2018-2023 [H10.10.01.17]. Mỗi một GV đều được lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy học phần trong kỳ học đó. Sinh viên vừa đánh giá chất lượng giảng dạy của GV vừa được tham gia nhận xét học phần, chương trình dạy học. Các ý kiến phản hồi là một kênh thông tin quan trọng cho việc thiết kế và phát triển CTDH ngành ATTT. Đa số sinh viên cho ý kiến phản hồi tích cực. Điều này phần nào phản ánh CTDH ngành ATTT đang được xây dựng và phát triển đúng mục tiêu phát triển của Học viện.

(3) Phòng Chính trị và Công tác sinh viên

- Tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm [H10.10.01.18] theo mẫu phiếu khảo sát của Bộ GD&ĐT và hình thức khảo sát gồm hỏi trực tuyến trên google, gửi phiếu khảo sát qua email, facebook phỏng vấn trực tiếp qua điện thoại. Các đợt khảo sát thu thập thông tin phản hồi của đơn vị sử dụng lao động tập trung đánh giá hai khía cạnh: (i) Sự hài lòng của nhà tuyển dụng về chất lượng cử nhân tốt nghiệp (đánh giá mức độ đáp ứng về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân); (ii) Đánh giá về mức độ cần thiết và sự phù hợp của kiến thức CĐR và CTDH, nhằm cung cấp các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh các hoạt động của chương trình dạy học.

- Tổ chức khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm năm 2019, 2020 và 2021 [H10.10.01.19].

(4) Cơ sở Học viện tại TP. HCM

- Tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm [H10.10.01.20] theo mẫu phiếu khảo sát của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức khảo sát chất lượng sinh viên đã tốt nghiệp và nhu cầu tuyển dụng năm 2021 và 2022 [H10.10.01.21] để đánh giá tình hình việc làm của SVTN từ Học viện và xu hướng tuyển dụng của các doanh nghiệp thời gian tới về kiến thức, năng lực của SV tốt nghiệp các CTĐT tại Học viện.

Mặc dù hệ thống thu thập thông tin phản hồi của Học viện và Khoa đã có, nhưng các hướng dẫn thực hiện của Học viện còn phân tán ở nhiều quy định, văn bản khác nhau, dẫn đến có khó khăn trong việc phối hợp thực hiện giữa các đơn vị trong Học viện.

Thực hiện kế hoạch xây dựng, triển khai, rà soát, điều chỉnh CTĐT và CĐR của Học viện và căn cứ những thông tin thu được qua các hoạt động khảo sát ý kiến nêu trên, Khoa

ATTT tiến hành phân tích thông tin, nghiên cứu nhu cầu của các bên liên quan để triển khai kế hoạch bổ sung, hiệu chỉnh CTDH ngành ATTT trong chu kỳ KĐCL, với quy trình như sau:

(1) Hội đồng khoa tổ chức họp về kế hoạch điều chỉnh CTDH ngành ATTT [H10.10.01.22].

(2) Khoa tiến hành tổng hợp, phân tích ý kiến của các bên liên quan, làm căn cứ để xây dựng, hiệu chỉnh và phát triển CTDH và tổ chức họp đóng góp ý kiến cho CTDH ngành ATTT năm 2020 và 2022 [H10.10.01.13]; rà soát, đánh giá các nội dung trong CTDH trước khi cải tiến và sau khi cải tiến [H10.10.01.23], [H10.10.01.24].

(3) Hội đồng nghiệm thu của Học viện họp và thông qua CTDH ngành ATTT [H10.10.01.25].

Trên cơ sở các văn bản quy định và kế hoạch của Học viện, Khoa ATTT đã tiến hành triển khai việc xây dựng, rà soát, cập nhật, thẩm định và phát triển CTDH ngành ATTT. Khi tiến hành điều chỉnh CTDH ngành ATTT năm 2020 và năm 2022, khoa đều dựa trên ý kiến cụ thể của các nhà tuyển dụng như: Ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về SV sau khi tốt nghiệp được khoa tổng hợp làm căn cứ điều chỉnh nội dung CTDH ngành ATTT cho phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động; các kết quả khảo sát lấy ý kiến của SV về CTDH ngành ATTT cũng được khoa sử dụng như là một kênh thông tin quan trọng giúp khoa có bức tranh chung về chất lượng sản phẩm đầu ra và hiệu quả của CTDH ngành ATTT; các kết quả khảo sát trên cũng được khoa sử dụng làm cơ sở điều chỉnh các hoạt động dạy học phù hợp. Ngoài ra, Khoa còn sử dụng kết quả khảo sát hằng năm của Học viện với SV về hoạt động giảng dạy của GV, với SV sắp tốt nghiệp về chất lượng khóa học, cựu người học tốt nghiệp về mức độ đáp ứng yêu cầu của công việc của cựu SV. Tất cả nội dung này đã được thể hiện trong Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan về chương trình dạy học ngành ATTT các năm 2020 và 2022 [H10.10.01.16].

Trong các buổi sinh hoạt khoa học, các hội thảo chuyên đề, khoa phân công giảng viên/nhóm GV chịu trách nhiệm xây dựng đề cương học phần. Sau đó các chuyên gia, hội đồng khoa học của khoa cho ý kiến thẩm định, góp ý. Ngoài ra, khoa còn tổ chức các hội thảo mời các chuyên gia đến trao đổi, góp ý về đề cương và nội dung giảng dạy của các học phần [H10.10.01.26], [H10.10.01.27].

Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của GV, khoa đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy trình hướng dẫn tại các văn bản của Học viện ban hành. Mục tiêu

của CTDH ngành ATTT được cụ thể hóa ở mục tiêu của các học phần trong đề cương của tất cả các học phần của CTDH. Đề cương chi tiết học phần là bản mô tả các nội dung giảng dạy, sự phân phối kiến thức cho từng tiết học cùng với CDR của học phần, đồng thời cũng là cơ sở để GV và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR của học phần được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Khoa đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và kế hoạch sửa đổi và cập nhật CTDH ngành ATTT của Học viện.

Căn cứ ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý, GV, NCV, NV, NH, người sử dụng lao động và NH đã tốt nghiệp) thông qua hội nghị/hội thảo, các buổi họp của khoa và gửi công văn đến các nhà tuyển dụng, xin ý kiến qua email và sử dụng kết quả khảo sát của Bộ TT&TT về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành ATTT trong vòng 5 năm tại Việt Nam, Khoa ATTT đã định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến CTDH, đã triển khai việc rà soát, đánh giá quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của sinh viên để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các môn học với CDR của CTĐT. Trong chu kỳ KĐCLGD, Khoa ATTT đã thực hiện điều chỉnh CTDH ngành ATTT và Học viện ban hành CTĐT và bản Mô tả CTĐT ngành ATTT năm 2020 [H1.01.01.02][H2.02.01.01] và năm 2022 [H1.01.01.03][H2.02.01.02].

Các nội dung điều chỉnh đều căn cứ trên dữ liệu khảo sát, dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT và mục tiêu giáo dục của Học viện, đồng thời có so sánh với CTDH của các trường tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Những thay đổi cụ thể trong CTĐT năm 2022:

- Mục tiêu, CDR của CTĐT ngành ATTT năm 2022 đã được xây dựng mới theo quy định mới của Học viện [H1.02.02.06] theo hướng khái quát, nhưng cô đọng và xúc tích hơn, nhằm đáp ứng sự phát triển nhanh của ngành Thông tin và Truyền thông và tiến trình chuyển đổi số ở Việt Nam.

- So với ĐCCT học phần công bố năm 2020, ĐCCT học phần năm 2022 được xây dựng lại theo mẫu mới [H1.02.02.06] có cấu trúc mạch lạc và nội dung đầy đủ hơn. Ngoài ra, ĐCCT có điểm mới về nội dung đó là đã nâng mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra từ mức độ 3 lên mức độ 3,5-4. Các nội dung cập nhật trong các học phần và chuẩn đầu ra từ truyền thụ kiến thức sang dạy học phát triển năng lực, bao gồm sự điều chỉnh tên học phần, thay đổi cấu trúc chương, bài học, thay đổi sự tương quan giữa lý thuyết và thực hành, điều chỉnh nội dung kiến thức, áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại.

- So với CTDH phiên bản ban hành năm 2020, phiên bản CTDH năm 2022 có một số thay đổi và sự được thể hiện ở việc điều chỉnh/bổ sung một vài nội dung của một số học phần như: học phần Cơ sở an toàn thông tin, học phần Mật mã học cơ sở, học phần Mật mã học nâng cao, học phần Các kỹ thuật dấu tin, học phần Kiểm thử xâm nhập, học phần Hệ điều hành Window và học phần Linux để phù hợp hơn với thực tế của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Học viện có quy định thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, trên nhiều kênh phản hồi khác nhau và là cơ sở quan trọng để khoa sử dụng hiệu chỉnh mục tiêu, CDR, CTDH của CTĐT ngành ATTT.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của Học viện và Khoa đã có, nhưng các hướng dẫn thực hiện của Học viện còn phân tán ở nhiều quy định, văn bản khác nhau, dẫn đến có khó khăn trong việc phối hợp thực hiện giữa các đơn vị trong Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với các khoa nghiên cứu, đề xuất Học viện ban hành thống nhất quy định/quy trình, hướng dẫn khảo sát, thu thập ý kiến các bên liên quan về CTDH để nâng cao hiệu quả việc phối hợp thực hiện giữa các đơn vị trong Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ quy định của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.04], Học viện đã tiến hành xây dựng các kế hoạch và tiến hành thiết kế, phát triển CDR, CTĐT và ban hành văn bản hướng dẫn qui trình thiết kế, phát triển, cập nhật chương trình đào tạo theo chu kỳ sau 2 năm [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Hội đồng KH&ĐT Học viện có trách nhiệm đánh giá CTĐT hiện có, điều chỉnh bổ sung CTĐT nhằm mở rộng qui mô hoặc nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Các quyết định, văn bản hướng dẫn nêu trên quy định quy trình rà soát, thiết kế, phát triển, cập nhật CDR và CTĐT trình độ đại học hệ chính quy thực hiện theo quy trình gồm các bước:

Bước 1: Các khoa rà soát, khảo sát, đánh giá nội dung CDR CTĐT hiện tại.

Bước 2: Trên cơ sở kết quả khảo sát, rà soát đánh giá hiện trạng, khoa đề xuất việc thiết kế, phát triển, hiệu chỉnh (nội dung CĐR, cấu trúc CTĐT, nội dung CTĐT), dự kiến các nội dung cần thiết kế, phát triển, điều chỉnh và báo cáo Ban Giám đốc Học viện phê duyệt.

Bước 3: Khoa tổ chức triển khai thiết kế, phát triển, hiệu chỉnh CĐR, CTĐT; tổ chức hội thảo nội bộ khoa; xin ý kiến của Hội đồng KHĐT của khoa để thống nhất.

Bước 4: Tổ chức xin ý kiến chuyên gia, tổ chức hội thảo chung trong Học viện về nội dung CĐR và CTĐT mới.

Bước 5: Hoàn thiện CĐR, CTĐT để xin ý kiến Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện và trình Giám đốc Học viện phê duyệt ban hành.

Căn cứ hướng dẫn của Học viện, Khoa ATTT xây dựng Dự thảo CTDH ngành ATTT, sau đó gửi Dự thảo CTDH ngành ATTT để lấy ý kiến đến các bên liên quan, gồm các chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên, các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên ... [H10.10.02.02]. Việc lấy ý kiến còn được thực hiện thông qua cuộc họp khoa và thảo luận với chuyên gia về Dự thảo CTDH trước khi hiệu chỉnh, cải tiến và sau khi hiệu chỉnh, cải tiến [H10.10.01.23], [H10.10.01.24].

Căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn CTĐT [H1.01.03.03], Học viện dự thảo Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển chương trình đào tạo, tổ chức hội thảo xin ý kiến của đại diện các bên liên quan trong Học viện (Biên bản hội thảo ngày 24/02/2022 và ngày 16/3/2022) [H10.10.02.04]. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp một cách hợp lý, Học viện hiệu chỉnh và ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/3/2022 [H1.02.02.06], trong đó quy định về quy trình các bước xây dựng CĐR gồm 9 bước (Điều 11); Quy trình rà soát, phát triển CTĐT gồm 9 bước (Điều 12) và Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT gồm 3 bước (Điều 13). Ngoài ra, trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH hiện hành có điểm mới so với quy trình trước đây đó là bắt buộc phải lấy ý kiến phản hồi và quy định cụ thể về các bên liên quan cần xin ý kiến. Mặc dù Học viện đã ban hành Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT (Quyết định số 393), nhưng các hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể kèm theo còn chưa thực sự đồng bộ, nên việc triển khai áp dụng thực tế còn một số vướng mắc.

Phòng Đào tạo là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì và phối hợp với Khoa ATTT rà soát, cải tiến CTDH trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT. Để điều chỉnh CTDH,

Khoa ATTT đã ban hành kế hoạch điều chỉnh CTDH ngành ATTT giai đoạn 2019-2023 [H10.10.01.22], với việc định kỳ tiến hành 2 năm/ lần: Lần 1 năm 2020; lần 2 năm 2022. Nội dung rà soát là toàn bộ các bước trong quy trình thiết kế CTDH ngành ATTT năm 2016 như: mục tiêu, CDR, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng môn học. Đồng thời, trong quá trình giảng dạy, khi các GV thấy có sự bất cập về nội dung dạy học, thời lượng hay phương pháp đánh giá trong CTDH sẽ đưa ra thảo luận thông qua các cuộc họp bộ môn. Bằng cách này các GV đều được tham gia vào việc thiết kế và phát triển CTDH.

Hoạt động rà soát, đánh giá và cải tiến CTDH được thực hiện bằng nhiều hình thức thông qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về việc hiệu chỉnh CTDH và thông tin phản hồi của các đối tượng khảo sát được sử dụng trong đợt hiệu chỉnh bao gồm: Phiếu khảo sát và bảng tổng hợp ý kiến các bên liên quan về chương trình dạy học ngành ATTT năm 2020 và 2022 [H10.10.01.16]; ý kiến phản biện của chuyên gia về xây dựng CDR, CTĐT [H10.10.02.05]; ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc học phần [H10.10.01.17]. Khoa cũng đã tiến hành họp, lấy ý kiến đóng góp của GV về đề cương chi tiết học phần và CTDH ngành ATTT theo các bước như trong văn bản hướng dẫn của Học viện.

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với Khoa thực hiện lấy ý kiến người học (mỗi năm 2 lần) về hoạt động giảng dạy của GV với nội dung về bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV, kết quả khảo sát là cơ sở cho việc cải tiến công tác dạy - học và kiểm tra đánh giá, đảm bảo sự tương thích với CDR của học phần, CDR của ngành học. Chẳng hạn như kết quả khảo sát 2.278 SV của Khoa An toàn thông tin ở học kỳ I năm học 2023-2024, đối với câu hỏi “Giảng viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu, hấp dẫn, sinh động, tạo sự hứng thú cho người học” và câu hỏi “Giảng viên luôn công bằng, khách quan trong cách đối xử cũng như đánh giá người học”, tỉ lệ SV trả lời ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý lần lượt là 90,21% (với SV hệ chất lượng cao 96,36%) và 90,91% (với SV hệ chất lượng cao là 96,36%)

Khi đối sánh ĐCCT của học phần cơ sở an toàn thông tin ban hành năm 2020 với ĐCCT ban hành năm 2022, cho thấy có một số điều chỉnh như: đã bổ sung các nội dung giúp cho việc tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá tương thích và phù hợp với CDR của học phần như (i) Mục 4 (Mục tiêu học phần và CDR) bổ sung các mục 4.2

(Chuẩn đầu ra); 4.3 (Ma trận liên kết nội dung với CDR học phần) và bổ sung mục 4.4 (Ma trận thể hiện đóng góp của CDR học phần vào CDR của CTĐT).

2. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống quy trình rà soát, thiết kế, phát triển, cập nhật CTDH.

3. Điểm tồn tại

Trong Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT (Quyết định số 393), các hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể kèm theo còn chưa thực sự đồng bộ, nên việc triển khai áp dụng thực thể còn một số vướng mắc.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, bổ sung đầy đủ các hướng dẫn và biểu mẫu cụ thể kèm theo Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT (Quyết định số 393).

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT, cụ thể:

- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện ban hành theo Quyết định số 897/QĐ-HV ngày 11/12/2012 [H5.05.01.01]; số 474/QĐ-HV ngày 19/6/2018 [H5.05.01.02] và số 838/QĐ-HV ngày 11/10/2021 [H5.05.01.03]. Quy định năm 2021 [H5.05.01.03] được điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các nội dung về quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH, trong đó các nội dung về đánh giá kết quả học tập của NH được quy định: Điều 23 quy định tiêu chí đánh giá kết quả học tập; Điều 24 quy định việc đánh giá kết quả học phần (các hình thức đánh giá và hình thức thi kết thúc học phần); Điều 25 quy định thang điểm đánh giá (theo thang điểm 10, điểm quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4); Điều 29 quy định việc tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

- Quy trình về xây dựng và quản lý kế hoạch giảng dạy - học tập (số 03/GV ngày 02/01/2015 và Hướng dẫn việc thay đổi giờ giảng của giảng viên [H10.10.03.01].

- Quy trình đăng ký tín chỉ, tổ chức lớp học phần tại Học viện (QT.HV-GV.02) [H10.10.03.02].

- Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần ĐH, CĐ theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định số 691/QĐ-KT ngày 13/9/2013; số 1277/QĐ-HV ngày 31/12/2018 và số 1037/QĐ-HV ngày 12/11/2021 [H5.05.01.04-6]. Trong đó quy định hướng dẫn về việc đánh giá kết quả học tập của NH với các nội dung gồm các hình thức đánh giá và tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

- Quy trình về tổ chức thực tập tốt nghiệp và hướng dẫn việc đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp của SV (Số 05/QĐ-KT&ĐBCLGD ngày 10/01/2011) [H5.05.01.09];

- Quy định về tổ chức tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đại học và cao đẳng chính quy tại Học viện ban hành theo Quyết định số 924/QĐ-HV ngày 15/11/2011) [H5.05.01.10]. Vào học kỳ thứ 7 của khóa học, khoa căn cứ vào thông báo của Học viện để tổ chức cho SV thực tập tốt nghiệp và đánh giá kết quả thực tập tốt nghiệp. Sau đó, căn cứ mức điểm Học viện đưa ra, khoa tổ chức cho SV làm khoa luận tốt nghiệp. Mức điểm cụ thể căn cứ theo từng năm học trên cơ sở kết luận của Hội đồng xét thi, giao khóa luận tốt nghiệp.

- Trong thời gian diễn ra dịch bệnh, Học viện đã ban hành các văn bản hướng dẫn công tác đánh giá KQHT của NH:

+ Quy định về việc Tổ chức thi trực tuyến trong thời gian phòng, chống đại dịch Covid19 hành theo Quyết định số 470/QĐ-HV ngày 06/9/2021; số 654/QĐ-HV ngày 08/4/2021) [H5.05.01.07-8];

+ Hướng dẫn tạm thời quy trình tổ chức thi kết thúc học phần và đánh giá bảo vệ đồ án, khóa luận theo hình thức trực tuyến hành theo Quyết định số 291/QĐ-HVCS ngày 15/6/2021) [H5.05.01.11];

+ Quy định tổ chức đánh giá đồ án, khóa luận, luận văn tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến trong thời gian dịch Covid 19 tại Học viện hành theo Quyết định số 594/QĐ-HV ngày 15/7/2021) [H5.05.01.12].

- Quy định về quản lý và hướng dẫn thực hành trực tuyến hành theo Quyết định số 752/QĐ-HV ngày 21/9/2021) [H10.10.03.03];

- Quy định lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc học phần [H10.10.01.03]. Phiếu đánh giá chất lượng giảng dạy để khảo sát SV gồm 10 nội dung, trong đó có tiêu chí liên quan đến giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

Các quy định/quy trình nêu trên đã hướng dẫn cụ thể việc đánh giá quá trình giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học; việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá để đạt được chuẩn đầu ra của từng bài học, từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; phương pháp thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan để rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học. Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học còn được quy định rõ trong các đề cương chi tiết học phần và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện [H2.02.02.04-06]. Theo đó, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá; các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần cũng được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm.

Trong các văn bản trên có quy định rõ ràng về việc đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR của học phần và CTĐT. Cụ thể:

- Việc tổ chức kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ được giao cho GV giảng dạy học phần; việc thi kết thúc học phần giao cho Trung tâm KT&ĐBCLGD; việc đánh giá rèn luyện của người học được giao cho cố vấn học tập và Phòng CT&CTSV; việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV sau khi kết thúc học phần giao cho Trung tâm KT&ĐBCLGD; việc giám sát quá trình thực hành, thực tập của người học tại Trung tâm TNTH được giao cho các bộ môn thuộc khoa.

- Việc tổ chức thực tập tốt nghiệp được giao cho Phòng Giáo vụ và khoa.

- Việc hướng dẫn đánh giá và chấm điểm TTTN được giao cho các Hội đồng do Giám đốc Học viện thành lập trên cơ sở đề nghị của khoa, bộ môn. Trong đó việc rà soát, kiểm tra các điều kiện bảo vệ luận văn tốt nghiệp do bộ môn đảm nhận.

- Quá trình SV học tập trên giảng đường, GV giảng dạy học phần có trách nhiệm điểm danh SV và ghi chép vào sổ theo dõi học tập cho từng học phần thuộc CTĐT ngành ATTT và đánh giá điểm thành phần môn học, xác định điều kiện dự thi cho SV sau khi kết thúc học phần [H10.10.03.04].

Định kỳ, Học viện và khoa đã triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT của ngành ATTT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Đầu mỗi kỳ học, khoa có tổ chức góp ý, rà soát về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV thông qua các biên bản họp khoa về việc rà soát, đánh giá các nội dung trong CTDH trước và sau khi cải tiến CTĐT [H10.10.01.23], [H10.10.01.24]. Mặc dù Học viện đã có các văn bản quy định về việc rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, cũng như đánh giá kết quả học tập của NH đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, nhưng các nội dung về vấn đề này còn tản mát trong nhiều văn bản, quy định, mà chưa có văn bản thống nhất để triển khai thực hiện một cách thuận lợi.

Vào đầu năm học, Văn phòng xây dựng và thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm, trong đó có kế hoạch thanh tra các kỳ thi được tổ chức trong từng học kỳ, năm học [H10.10.03.05]. Bên cạnh việc giám sát theo kế hoạch của bộ phận Thanh tra thuộc Văn phòng theo kế hoạch hằng năm, Học viện còn hướng dẫn và giao cho các phòng ban chức năng, các khoa/bộ môn theo dõi, đánh giá, giám sát, quá trình dạy - học, xây dựng các ma trận kỹ năng kết nối phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá với CĐR, thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học theo các rubric trong đề cương chi tiết để đảm bảo CĐR đã được công bố.

Căn cứ quy định dự giờ giảng của Học viện [H10.10.03.06], Khoa ATTT lập kế hoạch dự giờ đánh giá chất lượng giảng dạy của GV vào đầu mỗi năm học và tổ chức thực hiện, trong đó quan tâm tới các GV trẻ hoặc GV được phân công giảng dạy học phần mới trong CTĐT. Sau mỗi buổi dự giảng, thành viên tham gia đều có ý kiến góp ý với GV về phương pháp sư phạm (công tác chuẩn bị; phương pháp sư phạm; sử dụng phương tiện dạy học; năng lực làm chủ nội dung bài giảng); nội dung công tác chuyên môn (Nội dung bài giảng phù hợp với đề cương, chương trình; nội dung bài giảng có tính liên kết, logic chặt chẽ; nội dung kiến thức chuẩn xác và gần thực tế; nội dung kiến thức được mở rộng...). Kết quả dự giờ được thông báo tới GV nhằm giúp cho các GV rà soát, điều chỉnh phương pháp giảng dạy, nội dung bài giảng nhằm giúp người học đạt được CĐR của CTĐT. Tuy nhiên, việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện đều đặn hằng năm cả ở cấp học viện và cấp khoa. Nội dung các biên bản dự giờ GV của Khoa từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-

2024 cho thấy công tác này đã được thực hiện thường xuyên ở từng năm học và những ý kiến đánh giá thực sự hữu ích cho GV khi thực hiện đề cương học phần ở cả mặt nội dung, phương pháp giảng dạy, kỹ năng thực hiện bài giảng để hướng đến đạt CĐR của học phần và của ngành học [H10.10.03.07].

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với khoa thực hiện lấy ý kiến người học (mỗi năm 2 lần) về hoạt động giảng dạy của GV với nội dung về bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H10.10.01.17], kết quả khảo sát là cơ sở cho việc cải tiến công tác dạy-học và kiểm tra đánh giá, đảm bảo sự tương thích với CĐR của học phần, CĐR của ngành học. Năm 2020, Trung tâm đã tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của 184 lượt SV về hoạt động giảng dạy các học phần được triển khai trong năm. Kết quả khảo sát cho thấy có 94,42% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “Hoạt động giảng dạy luôn gắn với định hướng nghề nghiệp”; có 88,9% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “GV cập nhật phương pháp giảng dạy mới, phù hợp”; có 88,9% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “GV có phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu”. Kết quả khảo sát được gửi về khoa để xem xét và tiến hành các điều chỉnh hoạt động dạy học, qua đó giúp khoa, GV điều chỉnh quá trình, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá ở từng học phần nhằm đảm bảo đạt CĐR của ngành học.

Trong các đợt rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTĐT và đề cương học phần theo định kỳ (năm 2020 và năm 2022), bên cạnh rà soát về nội dung, cấu trúc các học phần, khoa đã tiến hành rà soát, đánh giá các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá được sử dụng. Khi rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần năm 2020, năm 2022 đã bổ sung thêm phương pháp đánh giá các học phần với các hình thức kiểm tra, cơ cấu và tỷ trọng điểm thành phần, điểm kết thúc các học phần phù hợp với quy định về kiểm tra đánh giá học phần. So với đề cương chi tiết học phần ban hành năm 2016 [H2.02.02.04] với đề cương chi tiết học phần ban hành ban hành năm 2020, 2022 [H2.02.02.05-06], khoa đã bổ sung các nội dung giúp cho việc tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá tương thích và phù hợp với CĐR của học phần: (i) Mục 3 (Mục tiêu môn học và CĐR) bổ sung các mục 3.2 (Chuẩn đầu ra môn học) và 3.3 (Ma trận CĐR của môn học và học phần); (ii) Bổ sung Mục 9 (Phương pháp dạy và học).

Ngoài ra, Khoa và Học viện thực hiện khảo sát các bên liên quan và khoa sử dụng thông tin này như là một căn cứ đánh giá lại hoạt động dạy học của GV, hoạt động học tập của sinh viên, từ đó có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy:

- Khảo sát SV năm cuối và cựu SV về chất lượng khóa học [H10.10.01.15]. Năm 2022, Học viện đã khảo sát ý kiến phản hồi của 400 SV ngành ATTT về việc giảng dạy của GV được triển khai trong năm. Kết quả khảo sát cho thấy: có 75,8% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với các tiêu chí “Hoạt động giảng dạy luôn gắn với định hướng nghề nghiệp”; có 80,2% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “GV cập nhật phương pháp giảng dạy mới, phù hợp”; có 80,8% ý kiến hài lòng và rất hài lòng với tiêu chí “GV có phương pháp giảng dạy rõ ràng, dễ hiểu”.

- Kết quả khảo sát các bên liên quan về chương trình dạy học ngành ATTT năm 2020 và 2022 [H10.10.01.16], Báo cáo khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp hàng năm [H10.10.01.18] đã giúp Khoa, GV điều chỉnh quá trình, phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá ở từng học phần nhằm đảm bảo đạt CĐR của ngành học.

Ngoài ra, để nâng cao trình độ cho GV, đặc biệt là về phương pháp giảng dạy, kiểm tra – đánh giá người học, Học viện đã quan tâm mở các lớp bồi dưỡng, nhưng các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giảng viên đại học. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá cho GV chưa được đều đặn hằng năm cả ở cấp Học viện và cấp Khoa.

2. Điểm mạnh

Phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học phần được hiệu chỉnh thường xuyên sau các lần điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Học viện chưa có bộ văn bản thống nhất quy định về việc rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, cũng như đánh giá kết quả học tập của NH đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR để triển khai thực hiện một cách thuận lợi.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Phòng Đào tạo phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai rà soát, xây dựng bộ văn bản thống nhất quy định về việc rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, cũng như đánh giá kết quả học tập của NH đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR để triển khai thực hiện một cách thuận lợi.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Trong chu kỳ KĐCLGD, CB, GV Khoa An toàn thông tin đã thực hiện 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 10 đề tài NCKH cấp Bộ/tương đương; 135 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 17 bài trên tạp chí khoa học trong nước; công bố 46 bài báo trên các tạp chí khoa học quốc tế, trong đó có 34 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus. SV ngành ATTT tích cực tham gia các đề tài NCKH các cấp cùng với các GV của Khoa. Trong đó, có nhiều đề tài NCKH, báo cáo khoa học của CBGV và SV trong Khoa có liên quan trực tiếp đến nội dung ngành học, hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV, giúp cải tiến và đa dạng hóa phương pháp dạy - học, góp phần đáng kể nâng cao trình độ của đội ngũ GV và chất lượng giảng dạy trong Khoa. Nội dung nêu trên được thể hiện thông qua danh mục các đề tài các cấp do GV Khoa ATTT thực hiện hàng năm [H10.10.04.01], danh mục các bài báo quốc tế do GV Khoa ATTT thực hiện [H10.10.04.02] và danh mục các đề tài do SV Khoa ATTT thực hiện hàng năm [H10.10.04.03].

Kết quả nghiên cứu là những kiến thức/kinh nghiệm thuộc các lĩnh vực ATTT, là cơ sở để nâng cao chất lượng dạy và học ngành ATTT. Các sản phẩm NCKH của Khoa ATTT ngoài việc được sử dụng trực tiếp làm tài liệu phục vụ giảng dạy các học phần trong CTDH, còn được vận dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Trong số các đề tài NCKH mà GV của Khoa chủ trì thực hiện có 13 đề tài được chuyển thành nội dung trong CTDH [H10.10.04.04], cụ thể:

- Năm 2019 có 02 đề tài: Nghiên cứu và xây dựng ứng dụng phát hiện URL độc; Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích vết truy cập dịch vụ cho phép phát hiện, cảnh báo hành vi bất thường và nguy cơ mất an toàn thông tin trong Chính phủ điện tử.
- Năm 2020 có 02 đề tài: Nghiên cứu xây dựng hệ thống phát hiện mã độc tấn công APT; Phát triển hệ thống phát hiện và phân loại hành vi tấn công Web-site.
- Năm 2021 có 01 đề tài: Xây dựng ứng dụng phát hiện bất thường trên máy người dùng sử dụng tập luật từ Mitre attack.
- Năm 2022 có 02 đề tài: Xây dựng nền tảng thực hành số cho các môn học an toàn thông tin; Xây dựng nội dung thực hành số cho một số môn học an toàn thông tin.

- Năm 2023 có 06 đề tài: Nghiên cứu xây dựng ứng dụng xác thực người dùng dựa trên mô hình Zero Trust; Phát triển plug-in hỗ trợ quản trị học viên và ngân hàng câu hỏi cho hệ thống quản lý học tập Moodle; Nghiên cứu phương pháp phát hiện tấn công mạng dựa trên mạng nơ-ron đồ thị; Nghiên cứu phương pháp phát hiện tấn công APT dựa trên mô hình học sâu kết hợp; Nghiên cứu xây dựng phần mềm phát hiện dấu hiệu hoạt động của mã độc DGA botnet trong mạng LAN; Nghiên cứu, phát triển hệ thống thực hành số phục vụ đào tạo ngành an toàn thông tin.

Hàng năm, để nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH, Học viện tổ chức các hội nghị chuyên đề với sự tham gia của các giảng viên, NCV có trình độ và kinh nghiệm công tác lâu năm tại Học viện để xin ý kiến đóng góp cho hoạt động đổi mới hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng chiến lược phát triển của Học viện trong từng giai đoạn [H10.10.04.05]. Hội nghị đã đóng góp những ý kiến hữu ích cho sự phát triển của Học viện. Tuy nhiên, nội dung của hội nghị chưa dành nhiều thời gian cho nội dung phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH và kinh phí cho các đề tài NCKH cấp cơ sở còn rất hạn chế, nên có khó khăn trong việc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu để chuyển tải các nội dung đã nghiên cứu lý thuyết vào thực tiễn công tác đào tạo của học viện.

2. Điểm mạnh

Nhiều đề tài NCKH cấp Học viện đều có các kết quả được áp dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như học phần thực tập, thực tế của SV, góp phần trực tiếp nâng cao trình độ của các giảng viên thông qua cập nhật kiến thức thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Nội dung của các hội nghị, hội thảo của Học viện chưa có chuyên đề chuyên sâu và chưa dành nhiều thời gian cho nội dung phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Phòng Quản lý KHCN&HTQT phối hợp với các khoa đề xuất để học viện tổ chức hội nghị chuyên đề dành cho giảng viên về việc định hướng công tác NCKH của GV và phổ biến, áp dụng kết quả NCKH vào hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành các văn bản đề khảo sát ý kiến các bên liên quan đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, cụ thể:

- Quy định về công tác khảo sát ý kiến của người học về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ người học tại Học viện ban hành theo Quyết định số 755/QĐ-HV ngày 25/9/2018 [H10.10.01.05].

- Quy định về công tác khảo sát điều kiện cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện ban hành theo Quyết định số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H10.10.01.06].

- Quy định tạm thời về công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH ban hành theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.07] với các đối tượng bao gồm cán bộ giảng viên, sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, học viên cao học của Học viện.

Các quy định nêu trên phân công trách nhiệm các đơn vị thực hiện việc khảo sát ý kiến các bên liên quan, cụ thể:

- Trung tâm KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm lấy ý kiến sinh viên về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ người học tại học viện;

- Phòng CTSV cơ sở Học viện tại Thành phố HCM có nhiệm vụ khảo sát sinh viên về chất lượng phục vụ của Học viện;

- Văn phòng Học viện (Phòng Tổ chức hành chính ở cơ sở phía Nam) có nhiệm vụ khảo sát GV về môi trường làm việc; Khoa Sau Đại học (Phòng ĐT&KHCH ở cơ sở phía Nam) khảo sát học viên cao học về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Học viện;

- Phòng Quản lý KHCHN&HTQT khảo sát các bên liên quan về chất lượng thư viện và công tác NCKH của GV, SV;

- Trung tâm Dịch vụ khảo sát công tác phục vụ tại ký túc xá;

- Trung tâm Thí nghiệm Thực hành khảo sát các bên liên quan về công tác thực hành thí nghiệm.

- Khoa ATTT khảo sát các bên liên quan về CTĐT, CDR và bản mô tả CTĐT; khảo sát ý kiến của SV ngành ATTT chuẩn bị tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện.

Quy định cũng nêu rõ quy trình thực hiện việc khảo sát ý kiến phản hồi được thực hiện theo các bước: (1) Xây dựng kế hoạch, hiệu chỉnh mẫu khảo sát, trình lãnh đạo học viện phê duyệt; (2) Thu thập và xử lý thông tin các bên liên quan (gửi phiếu khảo sát; thu thập thông tin từ đối tượng khảo sát; xử lý và phân tích số liệu; báo cáo kết quả.); (3) Chuyển báo cáo kết quả khảo sát đến lãnh đạo học viện, Trung tâm KT&ĐBCLGD và các đơn vị liên quan; (4) Đề xuất, triển khai và phê duyệt các biện pháp cải tiến (các đơn vị liên quan phân tích nguyên nhân và đề xuất biện pháp cải tiến; ban giám đốc xem xét, phê duyệt các biện pháp cải tiến và chỉ đạo thực hiện; các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện biện pháp cải tiến và báo cáo kết quả theo yêu cầu của lãnh đạo học viện).

Trên cơ sở các quy trình và quy trình nêu trên, hàng năm, Học viện đã lập kế hoạch lấy ý kiến CBGV, NH và giao cho Trung tâm KT&ĐBCLGD chủ trì, phối hợp với Phòng CT&CTSV, Phòng CTSV cơ sở học viện, Văn phòng, các khoa và các đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, nhân viên, sinh viên và các bên liên quan khác về chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ. Cụ thể:

(1) Khảo sát điều kiện cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện:

Thực hiện kế hoạch hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ sở vật chất, triển khai thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV về CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH tại Học viện các năm từ 2017-2022 [H10.10.05.01].

Thực hiện kế hoạch năm học 2022-2023, Trung tâm KT&ĐBCLGD đã tiến hành lấy ý kiến của 1200 SV về các tiêu chí (i) Mức độ đáp ứng của thư viện (3 tiêu chí); (ii) Mức độ đáp ứng yêu cầu của thiết bị dạy và học (3 tiêu chí); (iii) Về phương tiện và công cụ tin học; (iv) Về mức hướng dẫn các SV quy chế, quy chế, quy định và quy trình và thời gian giải quyết các công việc liên quan đến người học được quy định rõ ràng; (v) Trạm y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh; (vi) Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát cho thấy: 90,67% SV đồng ý “Thư viện có đủ tài liệu tham khảo”; 93,42% SV hài lòng về “Thái độ phục vụ của CB, NV thư viện”; 92,50% SV hài lòng về “CSVC của Thư viện, phòng đọc”; 82,24% SV hài lòng về “Giảng đường, phòng học”; 87,75% SV hài lòng về “Trang thiết bị các phòng thực

hành, thí nghiệm”; 90,25% SV hài lòng về “Trình độ chuyên môn, thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên”; 86,50% SV hài lòng về “Website của Học viện có đủ thông tin, cập nhật và sẵn sàng truy cập”; 81,58% SV hài lòng về mức độ đáp ứng của mạng máy tính, thiết bị tin học; 91,92% SV hài lòng về “Người học được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ về quy chế, quy định”; 90,25% SV hài lòng về “Trạm Y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu”; 92,50% SV hài lòng về “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá”.

Kết quả khảo sát ý kiến người học về công tác đảm bảo CSVC phục vụ người học tại cơ sở Hà Nội qua các năm cho thấy SV khá hài lòng với nội dung về công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, Ký túc xá, căng tin. Tỷ lệ sinh viên trả lời hài lòng với câu hỏi “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá đáp ứng cơ bản yêu cầu của người học” lần lượt theo các năm là: năm 2023 (92,50%), năm 2022(83,7%), năm 2021 (88,24%), năm 2020 (85,5%), năm 2019 (83,1%). SV khá hài lòng với hệ thống CNTT, thiết bị dạy - học và điều kiện CSVC của Học viện. Chẳng hạn như với câu hỏi “Mạng máy tính, thiết bị tin học đáp ứng cơ bản nhu cầu người học”, tỷ lệ SV trả lời hài lòng qua khảo sát các năm là: năm 2021 (82,49%), năm 2020 (81,0%), năm 2019 (76,4%), năm 2018 (81,58%) và năm 2017 (83,7%).

Kết quả khảo sát được báo cáo ban giám đốc để chỉ đạo, điều hành hoạt động của Học viện và công bố công khai để lãnh đạo các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ nắm rõ tình hình chung về các điều kiện CSVC Học viện và nghiên cứu, đề xuất kịp thời các phương án sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời CSVC và trang thiết bị.

(2) Khảo sát CBGVNV về điều kiện môi trường làm việc tại Học viện:

Hàng năm, Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị CSHV tổ chức khảo sát CBGV về điều kiện môi trường làm việc, trong đó có nội dung về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin.

Nội dung báo cáo kết quả khảo sát các năm từ 2019-2023 [H10.10.05.02], cụ thể năm 2022, Văn phòng đã khảo sát 372 CB, GV (có 320 CBGV phản hồi). Kết quả 81% CB, GV hài lòng về “Hệ thống CNTT (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu”; 84% CBGV hài lòng về “Thư viện và các nguồn tài liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu”; 82% CBGV hài lòng về “Thư viện điện tử và các phần mềm quản lý sách, tài liệu, học liệu đáp ứng nhu cầu của người sử dụng”; 78% CBGV hài lòng về “Chất lượng

các trang thiết bị tại các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu”; 80% CBGV hài lòng về “Các trang thiết bị, máy móc, nội quy, quy định và trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động của các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được trang bị đầy đủ và được cập nhật”; 76% CBGV hài lòng về “Trang thiết bị giảng dạy, nghiên cứu được hỗ trợ sửa chữa hoặc thay thế kịp thời”.

(3) Khảo sát SV năm cuối

- Khoa ATTT tổ chức lấy ý kiến của SV ngành ATTT chuẩn bị tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Học viện [H10.10.05.03], trong đó có nội dung về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, hệ thống CNTT, hoạt động tư vấn học tập/việc làm, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động đoàn thể. Kết quả khảo sát SV ngành ATTT khóa SV tốt nghiệp năm 2021 về mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác năm học cho thấy: 78,29% SV hài lòng về “Thư viện đảm bảo đủ số lượng, chất lượng sách báo, không gian và chỗ ngồi”; 78,43% SV hài lòng về “Thiết bị công nghệ thông tin phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập”; 61,87% SV hài lòng về “Cơ sở vật chất của học viện (Giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành, bàn ghế, các phương tiện nghe nhìn, chỗ gửi xe, vệ sinh...) đáp ứng nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu”; 84,05% SV hài lòng về “Hoạt động tư vấn học tập, nghề nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV”; 79,71% SV hài lòng về “Các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ thiết thực cho học tập và nghiên cứu”. Đồng thời, cuối mỗi năm học, Khoa tổ chức cuộc họp tổng kết để đánh giá toàn diện các hoạt động của Khoa trong đó có đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích [H10.10.05.04].

- Phòng CT&CTSV đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học cuối khóa về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ tìm kiếm việc làm của Học viện sau mỗi năm học, nội dung khảo sát bao gồm: Hoạt động tư vấn hỗ trợ SV trong quá trình học tập; Các hoạt động tư vấn tìm kiếm các nguồn học bổng để hỗ trợ SV; thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ SV; hoạt động hỗ trợ, hướng nghiệp tư vấn việc làm cho SV; đánh giá chung về những hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của người học cuối khóa về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ tìm kiếm việc làm của Học viện khá cao [H10.10.05.05]. Kết quả khảo sát của 100 SV cuối khóa năm học 2022-2023 cho thấy: có 77% SV cuối khóa của Học viện hài lòng về “Hoạt động tư vấn hỗ trợ SV trong quá trình học tập”; có 75% SV cuối khóa

đánh giá hài lòng về “Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ SV”; có 77% SV cuối khóa đánh giá hài lòng về “Đánh giá chung về những hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm” ... Đây là cơ sở để các đơn vị cải tiến các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV thời gian tới. Kết quả khảo sát chung cho thấy người học về cơ bản hài lòng với hoạt động phục vụ và hỗ trợ của nhà trường. Đánh giá chung về mức độ hài lòng của SV đối với dịch vụ giáo dục công của Học viện đạt trên 80% như: có 82,7% và 97.2% sinh viên được khảo sát trong năm 2019, 2021 hài lòng với các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm của Học viện; 82.1% sinh viên đánh giá mức độ hài lòng ở mức 3/5 trở lên về sự dễ dàng, thuận tiện tìm hiểu thông tin thủ tục tại văn phòng Giao dịch một cửa trong năm 2020.

- Cơ sở Học viện tổ chức lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo (Kế hoạch 52/KH-HVCS ngày 21/02/2022); Lấy ý kiến cán bộ, giảng viên về đảm bảo chất lượng các lĩnh vực của Học viện (Kế hoạch 46/KHKS-TCHC ngày 18/02/2022). Sau các đợt khảo sát, Cơ sở học viện tiến hành tổng hợp số liệu, viết báo cáo kết quả khảo sát: Ý kiến phản hồi của sinh viên (Báo cáo số 96/BC-CTSV ngày 27/09/2019; Báo cáo ngày 10/12/2019; Báo cáo số 13/BC-CT&CTSV ngày 26/03/2021). Kết quả khảo sát 185 SV năm 2020 về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm có 83,5% ý kiến đánh giá "hài lòng".

(4) Khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa: Phòng CT&CTSV thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại Văn phòng Giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H10.10.05.06]. Kết quả khảo sát cho thấy các ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý về các nội dung: có 96,7%; về thư viện đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu; về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an toàn có 93%; số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh có 76,6%; về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn, canteen Học viện sạch sẽ có 93,3%; về phòng thí nghiệm thực hành được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu thực hành các học phần trong chương trình đào tạo có 89,7%.

(5) Khảo sát thư viện: Để thu thập được đầy đủ thông tin và có kế hoạch cải tiến hoạt động phục vụ bạn đọc kịp thời, Phòng Quản lý KHCN&HTQT đã xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc về chất lượng phục vụ của thư viện và tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát [H10.10.05.07]. Kết quả khảo sát cho thấy SV khá hài lòng về

thư viện của Học viện, chẳng hạn như tỷ lệ SV trả lời hài lòng về thư viện ở cơ sở Hà Nội đều đạt trên 80% tùy theo từng năm, cụ thể: năm 2019 là 83,04%, năm 2020 là 92,19%; năm 2021 là 86,3%, năm 2022 là 88.1% và năm 2023 là 89.6%.

Năm 2022, Học viện đã tiến hành khảo sát 1200 SV về sự hài lòng đối với dịch vụ hỗ trợ tiện ích ở Thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành, CNTT, y tế...cho thấy, có 90,67% SV đồng ý “Thư viện có đủ tài liệu tham khảo”; 93,42% SV hài lòng về “Thái độ phục vụ của CB, NV thư viện”; 92,50% SV hài lòng về “CSVC của Thư viện, phòng đọc”; 87,75% SV hài lòng về “Trang thiết bị các phòng thực hành, thí nghiệm”; 90,25% SV hài lòng về “Trình độ chuyên môn, thái độ phục vụ của đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên”; 86,50% SV hài lòng về “Website của Học viện có đủ thông tin, cập nhật và sẵn sàng truy cập”; 81,58% SV hài lòng về mức độ đáp ứng của mạng máy tính, thiết bị tin học; 91,92% SV hài lòng về “Người học được cung cấp, hướng dẫn đầy đủ về quy chế, quy định”; 90,25% SV hài lòng về “Trạm Y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh ban đầu”; 92,50% SV hài lòng về “Công tác vệ sinh môi trường, giáo dục thể chất, nhà ăn, ký túc xá”

(6) Trung tâm TNTH cũng tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên, sinh viên về cơ sở vật chất trang thiết bị các phòng TNTH trong học kỳ II năm học 2020-2021. Kết quả khảo sát cho thấy có 53,6% GV và 72,5% SV hài lòng về trang thiết bị các phòng thí nghiệm thực hành [H10.10.05.08].

(7) Khảo sát cán bộ, giảng viên về NCKH giai đoạn 2019-2023 [H10.10.05.09].

(8) Báo cáo khảo sát ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong từng học kỳ [H10.10.01.17].

Trên cơ sở khảo sát ý kiến phản hồi của SV, cựu SV và CBGV, các dịch vụ hỗ trợ đã được cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ như:

- Sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến PTIT-Slink để cung cấp các dịch vụ học tập, nghiên cứu cho người học 24/7 [H10.10.01.10]. Học viện là cơ sở giáo dục đại học tiên phong trong công tác chuyển đổi số, PTIT-Slink là mô hình nền tảng số đầu tiên được công bố trong việc liên thông dữ liệu đối trong Học viện với mục đích phát triển hệ thống các ứng dụng hỗ trợ GV/SV trong quá trình đào tạo/học tập; tối ưu hoá hiệu suất lao động của cán bộ, hỗ trợ [H10.10.01.11]. Với quá trình chuyển đổi số, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi Học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng sử dụng các dịch vụ trong môi trường chuyển đổi số cho NH nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

- Thiết lập quan hệ với các đối tác bổ sung thêm trang thiết bị cho các phòng TNTH, phòng Lab phục vụ nghiên cứu chuyên sâu về CNTT như Phòng Thí nghiệm trí tuệ nhân tạo; Phòng Lab 4G Viettel; Phòng Lab Samsung, có máy tính và phần mềm chuyên dụng được mô tả cụ thể tại Đề án tuyển sinh Học viện năm 2023 [H10.10.05.12]. Giai đoạn 2019-2023, Học viện đầu tư 2.545 triệu đồng mua sắm trang thiết bị mới phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH.

- Đầu tư, nâng cấp hệ phần mềm quản lý thư viện và đầu tư mua sắm các tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy/học tập [H10.10.05.13], trong đó có việc số hóa các học liệu cung cấp cho thư viện điện tử để SV có thể truy cập sử dụng mọi lúc, mọi nơi; giai đoạn 2019-2023, thư viện được bổ sung 502 đầu sách/2878 bản; thư viện tăng thời gian mở cửa phục vụ bạn đọc từ 8 lên 12 giờ/ngày trong thời gian diễn ra các kỳ thi kết thúc học phần.

- Hoạt động của tổ chức đoàn thể và các hoạt động ngoại khoá giúp SV nâng cao kỹ năng mềm và tham gia hoạt động cộng đồng được tổng kết đánh giá hằng năm và có những cải tiến về hình thức, nội dung hoạt động ... [H10.10.05.14], [H10.10.05.15].

Qua báo cáo tổng kết năm học hằng năm của Học viện giai đoạn 2019-2023 và của các đơn vị tổ chức thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho thấy việc đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã được triển khai hằng năm [H10.10.05.16].

2. Điểm mạnh

Công tác chuyển đổi số tại Học viện đã đạt được những kết quả nhất định, hỗ trợ có hiệu quả cho Học viện thông qua môi trường mạng.

3. Điểm tồn tại

Với quá trình chuyển đổi số, hầu hết các dịch vụ hỗ trợ cho NH được cung cấp thông qua môi trường số, trong khi Học viện chưa quan tâm đến việc tập huấn để nâng cao kỹ năng sử dụng các dịch vụ trong môi trường chuyển đổi số cho NH nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa tổ chức tập huấn cho sinh viên và CVHT về việc sử dụng các ứng dụng, tiện ích phục vụ hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên trong môi trường chuyển đổi số.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện đã ban hành các văn bản quy định về hoạt động thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan như: Quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV tại Học viện ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.03]; Quy định về việc lấy ý kiến về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Học viện ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04]; Quy định về công tác khảo sát cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Học viện ban hành theo Quyết định số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2018 [H10.10.01.06]; Quy định khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, NCKH ban hành theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021) [H10.10.01.07];

Các văn bản trên quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan: (i) Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục là đơn vị chủ trì khảo sát có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc khảo sát; thiết kế, hiệu chỉnh nội dung phiếu khảo sát được phân công; quản lý, bảo quản, lưu trữ hồ sơ gốc liên quan đến nhiệm vụ khảo sát được phân công; lập báo cáo kết quả khảo sát gửi lãnh đạo học viện (ii) Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục có nhiệm vụ phối hợp với đơn vị chủ trì khảo sát để thiết kế, điều chỉnh, bổ sung định kỳ nội dung các phiếu khảo sát phù hợp với tình hình hoạt động của Học viện về yêu cầu thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan; làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp các kết quả khảo sát tại các đơn vị để báo cáo ban giám đốc học viện; (iii) Trưởng đơn vị thuộc học viện có trách nhiệm nhắc nhở cán bộ, viên chức thuộc đơn vị tham gia khảo sát đầy đủ và nghiêm túc theo thông báo của Học viện; lập kế hoạch cải tiến các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao qua kết quả, số liệu khảo sát có tỷ lệ hài lòng thấp.

Các văn bản trên cũng quy định các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện khảo sát, trong đó: (i) Trung tâm KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm chủ trì, lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; mức độ đáp ứng của CSVC, trang thiết bị, hệ thống CNTT, phòng thực hành/thí nghiệm; (ii) Phòng Đào tạo lấy ý kiến khảo sát liên quan để thiết kế phát triển CTDH, CDR, CTĐT, ... Phòng Chính trị và Công tác SV (Phòng CTSV) lấy ý kiến khảo

sát cựu SV, nhà tuyển dụng về việc làm SV; (iii) Văn phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính) lấy ý CB, GV về điều kiện CSVC, môi trường làm việc; (iv) Khoa Sau ĐH (Phòng ĐT&KHCN) khảo sát học viên cao học về chất lượng giảng dạy và phục vụ của Học viên; (v) Phòng Đào tạo khảo sát các bên liên quan khi điều chỉnh mục tiêu, CDR CTĐT và xây dựng, phát triển CTDH; (vi) Phòng Quản lý KHCN&HTQT khảo sát các bên liên quan về chất lượng phục vụ của thư viện; Trung tâm Dịch vụ khảo sát công tác phục vụ tại ký túc xá; (vii) Trung tâm Thí nghiệm - Thực hành lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng phòng thí nghiệm - thực hành.

Hàng năm, Học viện đã tiến hành các hoạt động khảo sát để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan: (i) Khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV theo từng học kỳ [H10.10.01.17]; (ii) Khảo sát SV, HV về chất lượng phục vụ của Học viện [H10.10.05.01]; (iii) Khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp về chất lượng khóa học [H10.10.05.03]; (iv) Khảo sát SVTN về tình hình việc làm và chất lượng khóa học [H10.10.05.05]; (v) Khảo sát CB, GV về môi trường làm việc [H10.10.05.02]; (vi) Khảo sát doanh nghiệp về tình hình sử dụng lao động sinh viên tốt nghiệp [H10.10.06.01], [H10.10.06.02]; (vii) Khảo sát các bên liên quan khi rà soát thiết kế CTĐT [H10.10.06.03]; (viii) Các khảo sát khác (khảo sát các bên liên quan trong công tác xây dựng, bổ sung, hiệu chỉnh CTDH [H10.10.01.16]; Khảo sát SV về chất lượng phục vụ Thư viện [H10.10.05.07]; Báo cáo kết quả khảo sát về chất lượng dịch vụ tại văn phòng giao dịch một cửa 3 năm (2017, 2019 và 2021) [H10.10.05.06]; ...

Hệ thống mẫu phiếu khảo sát của từng khảo sát được thiết kế theo mục tiêu của từng loại khảo sát và được điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng [H10.10.01.11]. Tùy từng trường hợp cụ thể, Học viện đã sử dụng phương pháp khảo sát phù hợp để đảm bảo sự tiện ích và tính khách quan trong thu thập các thông tin phản hồi. Việc thu thập ý kiến phản hồi có thể thực hiện bằng các phương pháp khác nhau: phát phiếu hỏi trực tiếp hoặc online hoặc qua điện thoại; tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi, đối thoại; thông qua các cuộc họp của bộ môn, tổng kết hàng năm của Khoa và Học viện...

Trong việc khảo sát các bên liên quan, việc khảo sát cựu SV vẫn còn hạn chế do dữ liệu về mạng lưới cựu SV đang được triển khai và hoạt động thu thập thông tin phản hồi do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nên chưa thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện theo quy trình 4 bước: (i) Lập kế hoạch trình lãnh đạo học viện phê duyệt; (ii) Phổ biến, tổ chức triển khai khảo sát theo kế hoạch; (iii) Tổng hợp, xử lý số liệu, gửi báo cáo lãnh đạo học viện và các bên liên quan theo yêu cầu của giám đốc học viện; (iv) Các đơn vị/cá nhân có liên quan triển khai hoạt động cải tiến chất lượng.

Hàng năm sau khi kết thúc đợt khảo sát, các đơn vị tiến hành thống kê kèm theo nội dung đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến nội dung, phương pháp khảo sát và ghi nhận những đề xuất để cải tiến cho khảo sát ở các năm sau.... qua báo cáo kết quả khảo sát các loại giai đoạn 2019-2023 [H10.10.06.04]. Dựa trên các ý kiến đề xuất của các đơn vị Học viện đã thực hiện một số cải tiến liên quan đến cơ chế phản hồi. Cụ thể:

Năm 2017, các khảo sát của Học viện chủ yếu dừng lại ở tờ trình xin chủ trương và tổ chức khảo sát, mà chưa có quy định để thống nhất thực hiện. Năm 2018, Học viện, đã cải tiến các nội dung, tiêu chí, mẫu phiếu khảo sát SV tốt nghiệp và ban hành quy định khảo sát SV tốt nghiệp [H10.10.01.04]. Năm 2021, Học viện ban hành quy định về khảo sát các bên liên quan để thống nhất thực hiện trong toàn học viện [H10.10.01.03]. Phương pháp khảo sát chuyển dần từ khảo sát trực tiếp (phát phiếu) sang hình thức khảo sát trực tuyến qua hệ thống webstie các đơn vị và phần mềm khảo sát PTIT-Slink [H10.10.05.11] và các năm gần đây nội dung điều chỉnh các mẫu phiếu, quy trình được tích hợp luôn vào phân hệ khảo sát thuộc hệ thống đại học điện tử của Học viện. Đồng thời, chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoạt động khảo sát cũng được điều chỉnh phù hợp với cơ cấu tổ chức của học viện. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, Học viện đã phân công cho văn phòng tổ chức khảo sát các điều kiện về CSVC, đồng thời, khuyến khích các đơn vị chủ động đề xuất và tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành các quy định/quy trình công tác lấy ý kiến phản hồi của đầy đủ các bên liên quan và hàng năm chủ động triển khai hoạt động khảo sát.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi tại Học viện còn do nhiều đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2024, Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với Phòng CT&CTSV và các đơn vị xây dựng quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách thống nhất, rõ ràng

với hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ, đảm bảo tính hệ thống cho thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi của các bên liên quan và thống nhất nhiệm vụ khảo sát ý kiến các bên liên quan vào một đầu mối để điều hành và tổ chức thống nhất.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan trong các lần rà soát điều chỉnh CĐR và CTĐT, xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan; các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT; các văn bản quy định cụ thể về nội dung, quy trình và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; Học viện đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ người học thông qua các phương thức khác nhau để tạo lập cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này.

Công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá được thực hiện thông qua việc cập nhật, điều chỉnh về CTDH và ĐCCT học phần; hoạt động dự giảng; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng dạy học; kết quả nghiên cứu của các đề tài được chuyển thành nội dung giảng dạy và áp dụng để cải tiến hoạt động dạy học các học phần của CTDH ngành ATTT trình độ đại học.

Khi tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học của ngành ATTT, số lượng các nhóm đối tượng bên ngoài học viện (Người sử dụng lao động, cựu SV, các chuyên gia, nhà khoa học, ...) được khảo sát ý kiến còn hạn chế; Học viện chưa có bộ văn bản thống nhất quy định về việc rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, cũng như đánh giá kết quả học tập của NH đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR để triển khai thực hiện một cách thuận lợi.

Mặc dù có nhiều bên tham gia khảo sát, nhưng trong nhiều trường hợp chất lượng khảo sát chưa tốt. Quá trình lấy ý kiến khảo sát SV, GV còn thiếu đồng bộ giữa Văn phòng, Thư viện, Trung tâm TNTH và Trung tâm KT&ĐBCLGD do các đơn vị thực hiện theo kế hoạch riêng, chưa thống nhất.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí: 4,83/7.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Khi đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng, Học viện không chỉ đánh giá chất lượng của quá trình đào tạo, mà còn đánh giá chất lượng đầu ra và người học tốt nghiệp. Để đánh giá chất lượng người học tốt nghiệp, cần phải giám sát việc đạt được các chuẩn đầu ra, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Nghiên cứu khoa học cũng là một chuẩn đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo và các loại hình nghiên cứu khoa học của người học phải đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Kết quả đầu ra của CTĐT nhằm phản ánh chất lượng người học. Kết quả CDR của ngành ATTT được xác lập qua tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, số lượng và loại hình nghiên cứu của người học và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Với chất lượng đầu vào tương đối cao và quá trình đào tạo có chất lượng của ngành ATTT, Học viện đảm bảo CDR. Các tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, số lượng và loại hình nghiên cứu của người học và mức độ hài lòng của các bên liên quan được đối sánh với các CTĐT khối ngành kỹ thuật trong Học viện và ngành ATTT của một số trường đại học khác để có những biện pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng đầu ra của người học.

Sau khi phân tích đầu vào, quá trình và đầu ra, Học viện phân tích sự hài lòng của các bên liên quan và thiết lập một hệ thống thu thập và đo lường sự hài lòng của các bên liên quan. Các thông tin thu thập được phân tích và đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến CTĐT thông qua hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Học viện.

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Học viện có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, tỷ lệ tốt nghiệp, Trong đó, Phòng Giáo vụ làm đầu mối triển khai, các đơn vị phối hợp gồm Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV và các khoa. Tại các khoa, cố vấn học tập theo dõi, giám sát tỷ lệ và danh sách sinh viên thôi học của ngành đào tạo do khoa quản lý.

Học viện giao Phòng Giáo vụ có nhiệm vụ theo dõi, cập nhật danh sách, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy đang học tập tại Học viện theo

Điều 2, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo vụ ban hành kèm theo Quyết định số 621/QĐ-HV ngày 08/08/2018 [H11.11.01.01] và Bản mô tả các vị trí công việc của chuyên viên phòng giáo vụ được giám đốc học viện phê duyệt [H11.11.01.02]. Phòng Giáo vụ đã thực hiện việc giám sát thông qua nhiều hình thức như: Sổ lên lớp, báo cáo hàng tháng, hàng năm, lịch dạy và học hàng tuần, từng học kỳ; kiểm tra định kỳ, bài thi kết thúc học học phần.

Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá kết quả học tập, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo học vụ được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện ban hành năm 2012, 2018 và 2021 [H5.05.01.01-03], trong đó quy định về việc đăng ký học phần, hủy/rút đăng ký học phần (Điều 12, 13), đăng ký lại, học cải thiện điểm (Điều 14), nghỉ học tạm thời (Điều 15), cảnh báo kết quả học tập (Điều 33), buộc thôi học (Điều 32).

Học viện ban hành Quy trình quản lý và cập nhật CSDL sinh viên (Quy trình Số 01/GV ngày 02/01/2015) [H11.11.01.03].

Học viện có phần mềm Edusoft trợ giúp giám sát tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại và tỷ lệ tốt nghiệp, thông qua phần mềm, Phòng Giáo vụ phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCLGD theo dõi, tổng hợp bảng điểm học tập của SV các học kỳ được thiết lập trên phần mềm để báo cáo đề xuất lãnh đạo học viện xem xét, phê duyệt kết quả học tập và dữ liệu về kết quả học tập của SV, SV ngừng học, thôi học, tốt nghiệp được xử lý trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo Edusoft và được phân quyền theo nhiệm vụ của các đơn vị/cá nhân để có thể theo dõi và lập danh sách SV thôi học, tốt nghiệp theo học kỳ, năm học [H11.11.01.04].

Khi SV trúng tuyển đến nhập học, Phòng Giáo vụ cấp cho mỗi SV một tài khoản cá nhân, sau khi đã hoàn thành việc cập nhật đầy đủ thông tin vào cơ sở dữ liệu, SV có thể đăng nhập vào vào phần mềm quản lý đào tạo để theo dõi thông tin học tập, thời khóa biểu các môn học, học phí và các khoản lệ phí phải nộp trong từng học kỳ [H11.11.01.05]. Dữ liệu về kết quả học tập của SV lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo là cơ sở để Học viện xác lập kết quả học tập, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp trong tiến trình đào tạo toàn khóa học của SV ngành ATTT và kết quả học tập của SV được cập nhật thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp SV theo dõi và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập theo từng thời điểm cụ thể. Danh sách SV bị cảnh báo học vụ và thôi học [H11.11.01.06] được cập nhật theo năm học và được lưu tại Phòng Giáo vụ trên phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.01.07].

Hàng năm, Học viện tiến hành 4 đợt xét tốt nghiệp và ban hành các quyết định công nhận tốt nghiệp cho SV. Danh sách SV tốt nghiệp được cập nhật hằng năm trên phần mềm quản lý đào tạo [H11.11.01.08].

Học viện thống kê, giám sát chặt chẽ tiến độ và kết quả học tập, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV thông qua hệ thống đội ngũ cán bộ làm công tác CVHT, trợ lý khoa và cơ sở dữ liệu về SV được quản lý tại Phòng Đào tạo, Giáo vụ. Theo kết quả thống kê SV các khóa học từ khóa 2014 đến khóa 2019, thông tin về tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp đúng hạn của 5 khóa gần đây được thể hiện qua bảng 11.1 và 11.2, *Phụ lục 02*. Số liệu thống kê cũng cho thấy tỉ lệ SV ngành An toàn thông tin tốt nghiệp đạt từ 52.70 % đến 77,86 % tùy theo khoá học; trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ SV ngừng học học tăng cao hơn các năm trước do tình hình dịch Covid-19, nguyên nhân do SV học trực tuyến, nên sự giám sát đối với SV trong quá trình học tập môn tiếng Anh thiếu chặt chẽ.

Phòng Giáo vụ đã thống kê nguyên nhân thôi học, nghỉ học của sinh viên và thông qua số liệu thống kê cho thấy, các nguyên nhân thôi học bao gồm: (i) SV thôi học vì lý do cá nhân (học nước ngoài, thi lại vào các trường khác, do sức khỏe, điều kiện kinh tế..); (ii) Bị buộc thôi học do kết quả học tập [H11.11.01.09].

Theo báo cáo tổng kết các khóa đào tạo đại học chính quy khối ngành kỹ thuật tại lễ phát bằng tốt nghiệp [H11.11.01.10] và báo cáo tổng kết năm học của Học viện [H11.11.01.11] cho thấy số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định phần lớn là do SV thiếu các điều kiện như chưa tích lũy đủ khối kiến thức theo quy định hoặc không đạt yêu cầu CDR về ngoại ngữ. Hàng năm, tỷ lệ SV ngành ATTT tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ.

Để giảm tỷ lệ thôi học của SV, Học viện đã giao cho đội ngũ cố vấn học tập giám sát chặt chẽ tình hình học tập, tư tưởng SV [H4.04.02.12] và liên hệ với đội ngũ cán bộ lớp, Đoàn thanh niên thường xuyên nắm bắt tình hình học tập và rèn luyện của SV để tư vấn, cảnh báo các SV có nguy cơ thôi học; gặp gỡ, trao đổi trực tiếp tháo gỡ những khó khăn trong học tập, đời sống của SV; kết hợp liên lạc với gia đình quan tâm động viên để giúp SV cải thiện kết quả học tập, rèn luyện.

Kết quả đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học giai đoạn 2019-2023 của SV ngành ATTT với các CTĐT khác của Học viện được trình bày ở các bảng 11.3, *Phụ lục 02*. Kết quả đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học ngành ATTT với cùng ngành ATTT của các trường đại học khác được trình bày ở bảng 11.4, *Phụ lục 02*.

Kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được Phòng Đào tạo, Phòng Giáo vụ, Khoa ATTT, CVHT và Đoàn Thanh niên phối hợp thực hiện các biện pháp hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể: (i) Xét, trao học bổng cho các SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh đặc biệt [H8.08.04.07-08]; (ii) Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để định hướng nghề nghiệp cho người học [H8.08.04.11] (iii) Làm tốt công tác quán triệt các quy chế, quy định giúp người học xác định đúng đắn động cơ học tập, mục đích học tập thông qua Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học [H4.04.01.08]; (iv) CVHT hỗ trợ SV về phương pháp học tập, giúp SV trong việc lập kế hoạch, xây dựng lộ trình học tập hợp lý...) [H4.04.02.12].

Hàng năm sau khi nắm bắt được tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, Khoa đã tiến hành họp, phân tích các dữ liệu thống kê, số liệu đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Ví dụ, khi phát hiện ra SV thôi học tập trung nhiều ở năm thứ nhất do chưa thích nghi được với phương pháp học tập ở ĐH, chưa yên tâm với ngành nghề; nguyên nhân thôi học, chậm hay không tốt nghiệp là do nợ nhiều học phần, không đủ điểm tích lũy để đủ điều kiện tốt nghiệp..., Học viện/Khoa đã đề xuất giải pháp thúc đẩy hơn nữa vai trò của cố vấn học tập trong tư vấn nghề nghiệp, phương pháp học ĐH cho SV mới, giám sát chặt chẽ kết quả học tập của SV, nắm bắt tình hình nợ môn, học cải thiện để nhắc nhở SV đăng ký học bù, họ vượt. Từng học kỳ, Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo đã cập nhật số liệu biến động của người học, phối hợp với Khoa tăng cường công tác cảnh báo học vụ, nhất là cảnh báo trực tiếp trên phần mềm quản lý đào tạo; Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để định hướng nghề nghiệp cho SV; Xét, trao học bổng cho các SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh đặc biệt ...

2. Điểm mạnh

Danh sách SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Học viện, điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình, kết quả học tập của SV trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ SV ngừng học/gián đoạn học tăng cao hơn các năm trước do tình hình dịch Covid-19, nguyên nhân do SV học trực tuyến, nên sự giám sát đối với SV trong quá trình học tập môn tiếng Anh thiếu chặt chẽ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, phòng Giáo vụ phối hợp với bộ môn Ngoại ngữ, Khoa Cơ bản nghiên cứu triển khai các giải pháp hỗ trợ người học trong việc lập kế hoạch và chọn phương pháp học tập phù hợp để đạt CĐR tiếng Anh theo tiến độ đào tạo của khóa học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn.

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. *Mô tả hiện trạng*

Từ năm học 2012 - 2013, Học viện đã chính thức chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho tất cả các CTĐT trình độ đại học. Theo Mục 2, Chương trình giáo dục đại học ngành ATTT năm 2018 [H1.01.01.01], Chương trình giáo dục đại học ngành ATTT năm 2020 [H1.01.01.02] và Chương trình khung giáo dục đại học ngành ATTT năm 2022 [H1.01.01.03], CTĐT ngành ATTT trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện có thời gian học chuẩn là 4,5 năm và tối đa là 9 năm. CTĐT ngành ATTT có sự linh hoạt rút ngắn thời gian đào tạo đối với những SV có khả năng và nguyện vọng học vượt tiến độ để tốt nghiệp sớm trước thời hạn. Tuy nhiên qua quá trình Học viện triển khai tổ chức đào tạo theo tín chỉ, chưa có sinh viên tốt nghiệp sớm.

Học viện áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên kể từ khóa tuyển sinh năm 2014, yêu cầu SV tốt nghiệp phải có trình độ 450 Toeic hoặc có các chứng chỉ tiếng Anh quy đổi tương đương [H11.11.02.01].

Theo Điều 2, tại Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo vụ ban hành kèm theo Quyết định số 621/QĐ-HV ngày 08/08/2018 [H11.11.01.01], Phòng Giáo vụ phối hợp cùng Phòng Đào tạo có nhiệm vụ theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành ATTT được trình bày trong Bảng 11.5, *Phụ lục 02*. Số liệu thống kê cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành An toàn thông tin dao động từ 4,7 năm đến 4,8 năm tùy theo từng khóa học. Như vậy thời gian tốt nghiệp trung bình gần đúng với thời gian thiết kế trong CTĐT [H1.01.01.03].

Học viện có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của người học. Trong đó Phòng Giáo vụ là đầu mối triển khai phối hợp cùng Phòng Đào tạo theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp của NH, đánh giá tỷ lệ thời học của tất cả các CTĐT. Đồng thời, Học viện có phần mềm quản lý đào tạo edusoft trợ giúp giám sát tỷ lệ thời học,

tỷ lệ học lại và tỷ lệ tốt nghiệp [H11.11.01.04] và ban hành Quy trình quản lý và cập nhật CSDL sinh viên để quản lý và giám sát kết quả học tập của SV [H11.11.01.03].

Học viện tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành ATTT với thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các ngành thuộc khối kỹ thuật trong Học viện và với ngành ATTT các trường đại học khác, cụ thể tại Bảng 11.6 và 11.7, *Phụ lục 02*. Tại Bảng 11.6 cho thấy kết quả đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành ATTT của Học viện thấp hơn so với các ngành khác thuộc khối kỹ thuật của Học viện và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành ATTT ở cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng dài hơn cơ sở tại Hà Nội. Tại Bảng 11.7 cho thấy thời gian tốt nghiệp trung SV ngành ATTT của Học viện so với các trường đại học khác không có khác biệt nhiều.

Phòng Giáo vụ có bảng tổng hợp nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV thông qua bảng thống kê các môn học có nhiều SV không đạt các môn học trong CTĐT ngành ATTT [H11.11.01.09]. Theo kết quả phân tích từ Phòng Giáo vụ và Khoa, số SV tốt nghiệp muộn có nguyên nhân chủ yếu do nhiều SV nợ các học phần trong CTĐT, cùng các nguyên nhân khác như không đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh, không có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất, nợ học phí; một số do hoàn cảnh cá nhân, mãi đi làm thêm, chưa biết lập kế hoạch học tập nên thời gian tốt nghiệp bị chậm.

Học viện tổ chức họp giữa các đơn vị để phân tích nguyên nhân SV chậm tốt nghiệp để từ đó đánh giá, đề xuất biện pháp hỗ trợ người học giảm thời gian học tập [H11.11.02.02]. Năm 2022, Học viện đã tổ chức hội nghị đánh giá chất lượng đào tạo các khóa nhập học từ năm 2012 đến năm 2017. Nguyên nhân SV tốt nghiệp muộn chủ yếu là: SV còn chưa trả nợ xong các môn học; nợ học phí, nợ chứng chỉ GDQP, GDTC, nợ CĐR tiếng Anh (theo báo cáo của Phòng Giáo vụ tỷ lệ nợ tiếng Anh của SV Học viện 29,2% (Cơ sở Hà Nội là 36,8%, Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh là 14,7%), trong đó ngành ATTT là 8,3% (Cơ sở Hà Nội là 3,1%, Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh là 5,2%).

Từ các phân tích trên, Khoa ATTT cùng các đơn vị trong Học viện đề xuất các giải pháp để giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian học tập, cụ thể như sau:

- Sau mỗi học kỳ, Học viện đã cảnh báo tới từng SV bị chậm tiến độ, SV còn nợ môn học để nắm thông tin và hoàn thành chương trình đúng thời hạn [H11.11.02.03].

- Tổ chức học kỳ phụ trong từng năm học và mở lớp học lại, học cải thiện điểm vào học kỳ chính và học kỳ phụ (Học kỳ hè) để SV có thể đăng ký học lại những môn chưa đạt, học cải thiện điểm hoặc đăng ký học vượt rút ngắn thời gian học tập. Ngoài 02 học kỳ

chính, tùy thuộc vào điều kiện thực tế của Học viện và nhu cầu của SV mà Học viện tổ chức thêm học kỳ hè (còn gọi là học kỳ phụ), thời gian học tập là 02 tháng hè hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu học tập, tăng tiến độ hoặc cải thiện điểm cho SV [H11.11.02.04]. Hoạt động này nhận được sự ủng hộ và tham gia học tập nhiệt tình của hầu hết SV các khoa, các ngành đào tạo trong Học viện. Đồng thời, Học viện yêu cầu các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm tư vấn sát sao đăng ký học lại của SV.

- Học viện tổ chức 2 kỳ xét tốt nghiệp chính cho SV (kỳ 1 vào tháng 12, kỳ 2 vào tháng 8 hàng năm) và 02 kỳ tốt nghiệp phụ theo từng năm học sau khi SV hoàn thành học kỳ hè để cải thiện điểm hoặc học lại các môn học chưa đạt [H11.11.02.05]. Việc tổ chức các đợt xét tốt nghiệp nhằm đáp ứng kịp thời, nhanh chóng nhu cầu của SV, tăng thêm tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của CTĐT sau khi hoàn thành các học phần chưa đạt.

- Trong các buổi lễ tổng kết các khóa đào tạo và phát bằng tốt nghiệp SV các khóa [H11.11.01.10], Phòng Giáo vụ tiến hành thống kê, phân tích tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp của người học ngành ATTT. Báo cáo đã phân tích, đánh giá tỷ lệ SVTN, tốt nghiệp đúng kế hoạch, thảo luận, phân tích nguyên nhân sinh viên chậm tốt nghiệp, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học và các kiến nghị, đề xuất.

- Trong các hội nghị tổ chức hằng năm, thông qua báo cáo tổng kết năm học [H11.11.01.11]; hồ sơ đại hội chi đoàn lớp SV; báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động Đoàn Thanh niên theo năm học, các ý kiến tham luận, các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm đưa ra những định hướng để hỗ trợ SV trong học tập và NCKH [H8.08.04.11]. Đồng thời, tại báo cáo tổng kết năm học của Khoa ATTT hàng năm, các giảng viên cũng đề xuất các biện pháp hỗ trợ SV trong học tập giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.06].

- Căn cứ quy định về chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV được áp dụng từ khoá 2014, Học viện phối hợp với Công ty IIG tổ chức các chương trình đào tạo tiếng Anh theo chuẩn TOEIC quốc tế cho SV CTĐT ngành ATTT để hỗ trợ chuẩn đầu ra tiếng Anh cho SV, giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn [H11.11.02.07].

Học viện đã thông báo sớm kế hoạch đào tạo học kỳ tiếp theo để SV bố trí sắp xếp và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho hệ thống cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm để quản lý, theo dõi và hướng dẫn SV chậm tiến độ [H11.11.02.08]. Đồng thời Học viện cũng xem xét, điều chỉnh Quy định về công tác CVHT cho phù hợp với việc quản lý SV trong thời kỳ chuyển đổi số [H8.08.03.06].

Mặc dù Học viện có nhiều biện pháp hỗ trợ để giúp cho SV tốt nghiệp đúng thời hạn, nhưng một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các học phần trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra. Đồng thời, Học viện cũng chưa có SV tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của CTĐT ngành ATTT.

2. Điểm mạnh

Học viện và Khoa ATTT có quy định rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi, kịp thời để SV tốt nghiệp đúng tiến độ.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2012, song cho đến nay ngành ATTT vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, phòng CT&CTSV phối hợp với các khoa tổ chức hội nghị tổng kết hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp và hướng dẫn đội ngũ CVHT tích cực hỗ trợ SV chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần để hạn chế số lượng SV tốt nghiệp muộn và có được SV tốt nghiệp sớm so với kế hoạch, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức Phòng CT&CTSV ban hành theo Quyết định số 622/QĐ-HV ngày 08/08/2018 [H11.11.03.01] và Quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức Phòng Công tác sinh viên thuộc cơ sở đào tạo Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành theo Quyết định số 326/QĐ-HV ngày 31/3/2016 [H11.11.03.02], Phòng CT&CTSV/Phòng CTSV (sau đây gọi chung là Phòng CT&CTSV) có chức năng, nhiệm vụ thực hiện khảo sát tình trạng việc làm SV sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo của Học viện.

Quy định lấy ý kiến về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Học viện được ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04] đã quy định cụ thể về quy trình, biểu mẫu khảo sát; đối tượng khảo sát; phương pháp khảo sát và các tiêu chí khảo sát. Theo đó, quy trình khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp

gồm các bước sau: (i) Xây dựng kế hoạch khảo sát; (ii) Trình giám đốc phê duyệt; (iii) Thực hiện khảo sát; (iv) Xử lý, thống kê số liệu; (v) Viết báo cáo kết quả khảo sát; (vi) Trình lãnh đạo học viện phê duyệt; (vii) Công bố kết quả khảo sát; (viii) Các đơn vị lập kế hoạch cải tiến; (ix) Lưu hồ sơ. Đối tượng khảo sát là SV hệ đại học chính quy đã tốt nghiệp tại Học viện và có 2 phương pháp khảo sát là khảo sát trực tiếp bằng phiếu khảo sát và trực tuyến qua mã QR Code.

Mẫu phiếu khảo sát SVTN của Học viện bao gồm các tiêu chí khảo sát về tình trạng việc làm, mức thu nhập, lĩnh vực công tác, loại hình làm việc của SV sau khi tốt nghiệp ra trường, vấn đề SV ra trường làm “đúng nghề” (liên quan tới ngành được đào tạo) hoặc “trái nghề” (những công việc ít hoặc không liên quan tới kiến thức được đào tạo), thu nhập bình quân/tháng của SV tốt nghiệp, mức độ ứng dụng kiến thức được đào tạo vào công việc, ... [H11.11.03.03].

Học viện đã ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021. Văn bản này quy định về các đối tượng khảo sát, quy trình thu thập thông tin, bộ công cụ lấy ý kiến, phân tích kết quả, đề xuất kiến nghị, kỳ hạn lấy ý kiến các bên liên quan... Trung tâm KT&ĐBCLGD là đầu mối thực hiện các khảo sát tại Học viện [H10.10.01.07].

Từ năm 2019, Phòng CT&CTSV định kỳ 2 lần trong năm, tổ chức khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại lễ phát bằng vào khoảng tháng 4 và tháng 11 hàng năm. Đối với những sinh viên không dự lễ phát bằng mà nhận bằng trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Học viện cũng tổ chức phát phiếu khảo sát khi sinh viên tốt nghiệp đến nhận bằng để đảm bảo sinh viên cung cấp dữ liệu về tình trạng việc làm khi đến nhận bằng. Qua khảo sát giúp Học viện nắm được tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường từ 6 đến 12 tháng, đặc biệt có được các thông tin về sự phù hợp công việc của SV với CTĐT, những kỹ năng SV còn thiếu cần bổ sung trong quá trình làm việc, những góp ý của SV liên quan đến chương trình đào tạo ngành ATTT được thể hiện qua báo cáo kết quả khảo sát SVTN hàng năm [H11.11.03.04].

Các số liệu thống kê khảo sát được tổng hợp, lưu trữ trên hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu khảo sát SV tốt nghiệp và có thể xuất file dữ liệu dưới định dạng excel thành danh sách sinh viên tốt nghiệp tại Học viện có việc làm giai đoạn 2019 - 2023 khi thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H11.11.03.05].

Nội dung báo cáo kết quả khảo sát SVTN các năm từ 2019 - 2023 của Phòng CT&CTVS cho thấy: Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành ATTT tham gia trả lời phiếu hỏi ở các đợt khảo sát dao động từ 90% - 93% so với số SV tốt nghiệp được khảo sát; tỷ lệ SV ngành ATTT có việc làm dao động từ 88,24% - 100% và tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp 1 năm của ngành ATTT được trình bày ở Bảng 11.8, *Phụ lục 02*.

Định kỳ vào cuối tháng 12 hàng năm, Học viện tổng hợp báo cáo khảo sát việc làm của SV sau khi tốt nghiệp từ các số liệu khảo sát được thực hiện trong năm và gửi Bộ GD&ĐT [H11.11.03.06] và công khai danh sách việc làm SV sau tốt nghiệp trên Website của Học viện tại địa chỉ: <https://portal.ptit.edu.vn/bao-caotinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep-2020-cua-hoc-vien-cong-nghe-buuchinh-vien-thong/>.

Tỷ lệ thu nhập bình quân của sinh viên ngành ATTT tốt nghiệp giai đoạn 2019-2023 của học viện được thể hiện ở Bảng 11.9, *Phụ lục 02*.

Học viện đã tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm giữa ngành ATTT trình độ đại học với tỷ lệ SV có việc làm các CTĐT trình độ đại học khác tại Học viện, cụ thể tại Bảng 11.10, *Phụ lục 02*. Qua bảng thống kê cho thấy tỷ lệ SV có việc làm ngành ATTT luôn tương đương với các CTĐT thuộc khối ngành kinh tế, cao hơn khối ngành kỹ thuật trong Học viện. Tuy tỷ lệ có việc làm của SV ngành ATTT khá cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Số liệu cho thấy tỉ lệ có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp của SV ngành An toàn thông tin khá cao (từ 93,94% đến 100%), tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành dao động từ 37,1% đến 69,8%. Trên 90% SV có mức thu nhập bình quân từ 7 triệu đồng đến 15 triệu đồng/tháng. Về khu vực làm việc của SV ngành An toàn thông tin là khá đa dạng, trong đó tỉ lệ SV làm việc trong môi trường tư nhân là cao nhất (từ 50% đến 72,6%), tiếp theo là khu vực nhà nước (từ 9,4% đến 26,4%), sau đó là môi trường có yếu tố nước ngoài (từ 1,2% đến 21,2%) và tự tạo việc làm (từ 0,00% đến 7,1%).

Học viện cũng tiến hành đối sánh tỷ lệ SVTN có việc làm CTĐT ngành ATTT với cùng ngành đào tạo của các trường đại học khác như Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Số liệu cụ thể tại Bảng 11.11, *Phụ lục 02*. Kết quả đối sánh cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm của các cơ sở giáo dục là tương đương.

Học viện đã triển khai thực hiện các khảo sát chất lượng về người học sau khi tốt nghiệp với đối tượng khảo sát là cựu sinh viên, người sử dụng lao động chuyên gia như:

Báo cáo kết quả khảo sát SV năm cuối về CTĐT, CTDH ngành ATTT [H10.10.01.15] và bảng tổng hợp ý kiến khảo sát các bên liên quan về chương trình dạy học ngành ATTT năm 2020 và 2022 của Khoa ATTT [H10.10.01.16]; Báo cáo khảo sát chất lượng sinh viên tốt nghiệp và nhu cầu tuyển dụng năm 2021 và 2022 của CSHV [H10.10.01.21]. Trên cơ sở kết quả khảo sát về tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp và kết quả đối sánh với các ngành đào tạo khác/các trường đại học khác đã giúp Khoa xác định được nhu cầu xã hội và xu hướng việc làm của SV thuộc CTĐT và đồng thời, chỉ ra nguyên nhân SV tốt nghiệp chưa có việc làm để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm tăng hơn nữa tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của CTĐT.

Trong chu kỳ KĐCLGD, Học viện và Khoa An toàn thông tin đã thực hiện các giải pháp hỗ trợ SV tìm việc làm qua các hoạt động cụ thể như: Tổ chức các khóa học tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc, kỹ năng viết hồ sơ xin việc, kỹ năng quản lý bản thân; tổ chức mời đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng cũng như yêu cầu năng lực và kỹ năng nghề nghiệp của ứng viên; tổ chức “Chương trình hội thảo tuyển dụng” với sự tham gia của các doanh nghiệp; hợp tác với doanh nghiệp tiếp nhận SV đến thực tập cuối khóa (các biên bản thỏa thuận với Công ty Gameloft, Công ty VTC, Công ty ABI, Công ty VietsoftPro, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, Công ty Cổ phần tập đoàn công nghệ CMC, Công ty TNHH HINORI TECHNO...); mời chuyên gia, lãnh đạo doanh nghiệp phối hợp tham gia giảng dạy các chuyên đề trong CTĐT; hỗ trợ SV nâng cao kỹ năng mềm (viết email, làm việc theo deadline, giao tiếp, kỹ năng tiếng Anh, ...); tăng cường kết nối với các cựu SV nhất là với các cựu SV thành đạt... [H11.11.03.07]. Năm 2020, Học viện tổ chức hội nghị bàn tròn với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động được tổ chức ngày 18 tháng 11 năm 2020 với sự tham gia của đại diện của 21 doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh phía Bắc [H11.11.03.08] với nội dung phân tích nguyên nhân, biện pháp để hỗ trợ hiệu quả SV trong tìm kiếm việc làm và các kỹ năng mềm cần bổ sung cho SV sau khi tốt nghiệp (viết email, làm việc theo deadline, giao tiếp, kỹ năng tiếng Anh, ...), cũng như hỗ trợ sinh viên trong bồi dưỡng kỹ năng mềm và cử chuyên gia, lãnh đạo doanh nghiệp phối hợp tham gia giảng dạy các chuyên đề trong CTĐT ngành ATTT.

Dữ liệu về tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp và kết quả đối sánh việc làm của SV giúp Học viện/Khoa dự đoán nhu cầu xã hội và xu hướng việc làm của

SV thuộc CTĐT ngành An toàn thông tin, đồng thời nhận định được nguyên nhân một bộ phận nhất định SV tốt nghiệp chưa có việc làm để từ đó đề xuất các giải pháp để tăng hơn nữa tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của CTĐT, như thiết lập các kênh thông tin kết nối giữa cựu SV và SV trong khoa, kênh liên lạc với các doanh nghiệp.

2. Điểm mạnh

Công tác khảo sát, báo cáo, phân tích về tình trạng việc làm của SVTN được thực hiện hàng năm và có hệ thống CNTT hỗ trợ đảm bảo số liệu khách quan, trung thực và khoa học. Tỷ lệ SVTN ngành ATTT có việc làm cao và tăng dần hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, phòng CT&CTSV phối hợp với khoa và Đoàn Thanh niên Học viện tiếp tục nghiên cứu các giải pháp phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động để hỗ trợ SVTN tìm được việc làm và làm việc đúng với ngành được đào tạo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được quy định tại Điều 4, Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên ban hành theo Quyết định số 630/QĐ-HV ngày 21/8/2008 và Quyết định số 521/QĐ-HV ngày 17/7/2020 của học viện [H11.11.04.01], [H11.11.04.02]. Theo đó, hằng năm người học thực hiện các loại hình NCKH: (i) Tham gia thực hiện đề tài NCKH dành cho SV; (ii) Tham gia các hội thảo khoa học dành cho SV ở các cấp; (iii) Công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí khoa học; (iv) Tham gia các cuộc thi về KHCN; (v) Tham gia nhóm nghiên cứu do GV làm chủ trì đề tài; (vi) Tham dự các buổi báo cáo seminar được tổ chức ở các cấp tại Học viện (bộ môn, khoa, Học viện).

Quy định về hoạt động NCKH đã quy định trình tự thủ tục, quy trình triển khai thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Việc triển khai NCKH thực hiện theo quy trình gồm các bước: (i) Khoa thông báo cho GV và SV đăng ký thực hiện đề tài NCKH; (i) Khoa đề xuất đề tài, xác định danh mục đề tài; (ii) Hội đồng khoa học của khoa sẽ duyệt danh mục đề tài, đề xuất kinh phí, phân công GV hướng dẫn; (iii) Khoa đăng ký kế hoạch

với Học viện; (iv) Phòng Quản lý KHCN&HTQT là đơn vị đầu mối tổng hợp, trình lãnh đạo học viện; (v) Lãnh đạo học viện phê duyệt kế hoạch thực hiện đề tài NCKH của SV từng khoa/bộ môn; (vi) SV tham gia các hoạt động KHCN dưới sự định hướng, hỗ trợ, hướng dẫn của GV.

Căn cứ Thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục [H11.11.04.03] và để định hướng cho các hoạt động KHCN của GV, NCV, NH, Học viện ban hành Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2017-2022 [H11.11.04.04], Hội đồng đã ban hành Nghị quyết về Chiến lược phát triển của Học viện giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn 2030, trong đó xác định cụ thể các hoạt động KHCN với loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV và NH tại Học viện phải thực hiện [H1.01.01.10]. Trên cơ sở quy định của Học viện về hoạt động NCKH của SV, hằng năm Học viện đã xây dựng kế hoạch tài chính cho triển khai công tác NCKH, trong đó có hoạt động NCKH của SV.

Học viện giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trong việc tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động NCKH của NH, cụ thể: Khoa ATTT được giao nhiệm vụ tổ chức cho SV của khoa đăng ký các hoạt động KHCN hàng năm, báo cáo lãnh đạo học viện phê duyệt và tổ chức thực hiện và nội dung này được quy định cụ thể tại Quy định chức năng nhiệm vụ của Khoa ATTT [H11.11.04.05]; Phòng Quản lý KHCN&HTQT là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, các hoạt động NCKH của người học, có nhiệm vụ xây dựng các văn bản quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động KHCN đối với NH trong toàn Học viện [H11.11.04.06].

Phòng Quản lý KHCN & HTQT, khoa và GV hướng dẫn có trách nhiệm quản lý, giám sát các hoạt động nghiên cứu của SV, nội dung giám sát được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý đề tài KHCN được Học viện ban hành năm 2020 [H11.11.04.07]. Theo quy định, việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của SV từ khi đăng ký, xét duyệt, đến nghiệm thu, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình, quy định, thể hiện tại hồ sơ quản lý đề tài NCKH của SV hàng năm được lưu tại Phòng Quản lý KHCN & HTQT. Sau khi được giao nhiệm vụ nghiên cứu, chủ trì đề tài và GV hướng dẫn triển khai thực hiện đề tài theo quy trình: xây dựng và bảo vệ đề cương; sau khi đề cương được thông qua, GV hướng dẫn SV thực hiện đề tài; sau đó phối hợp Phòng Quản lý KHCN&HTQT kiểm tra tiến độ thực hiện đề

tài NCKH của SV, theo dõi tiến độ NCKH của SV. Sau khi hoàn thành nghiên cứu, chủ trì đề tài tổ chức hội thảo báo cáo hướng thực hiện/kết quả đạt được; GV hướng dẫn góp ý hoàn thiện đề tài; Khoa tổ chức nghiệm thu đề tài với sự tham gia của Phòng Quản lý KH&CN&HTQT; Khoa gửi hồ sơ xác nhận hoàn thành đề tài cho Phòng Quản lý KH&CN&HTQT và thanh quyết toán đề tài theo quy định. Nội dung này được thể hiện qua quyết định giao kế hoạch kinh phí đề tài NCKH của sinh viên các năm từ 2019 đến năm 2023 cho Khoa ATTT và CNTT2 [H11.11.04.08] và hồ sơ quản lý đề tài NCKH của SV hàng năm lưu tại Văn phòng khoa, phòng QL KH&CN&HTQT (bộ phận thư viện) [H11.11.04.09].

Đối với các đề tài đạt kết quả loại xuất sắc, Học viện sẽ in ấn trong các tài liệu báo cáo/ kỷ yếu tại hội nghị NCKH SV hàng năm [H11.11.04.10], tổ chức trao thưởng cho SV có đề tài đạt loại xuất sắc [H11.11.04.11] và đăng ký tham gia xét thưởng đề tài NCKH SV với Bộ GD&ĐT [H11.11.04.12].

Để đảm bảo nguyên tắc trong việc tham gia hoạt động KH&CN của NH, Học viện ban hành Quy định về tiêu chuẩn và ứng xử đạo đức trong hoạt động KH&CN của Học viện theo Quyết định số 1023/QĐ-HV ngày 22/11/2018 [H11.11.04.13] và giảng viên hướng dẫn thường xuyên, kiểm tra nhắc nhở, hướng dẫn SV thực hiện đề tài hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả, chất lượng và giúp SV tránh được tình trạng thực hiện đề tài chậm tiến độ hay nghiệm thu không đạt yêu cầu.

Tổng kết giai đoạn 2019-2023, về hoạt động KH&CN của SV ngành ATTT có 170 lượt SV tham gia thực hiện 93 đề tài NCKH (chiếm tỷ lệ 17,54% tổng số SV ngành ATTT), trong đó 12 SV tham gia đề tài cấp bộ và đạt giải tại các cuộc thi chuyên ngành ATTT do Học viện và các đơn vị tổ chức [H11.11.04.14] và đạt 07 giải thưởng SV nghiên cứu khoa học, sáng tạo [H11.11.04.15]. Nội dung các hoạt động NCKH của SV luôn được định hướng gắn với lĩnh vực được đào tạo, với hướng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ và mục tiêu phát triển của Ngành ATTT.

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ Học viện của Học viện ban hành theo Quyết định số 1233/QĐ-HV ngày 31/12/2019 [H11.11.04.16], kinh phí dành cho NCKH nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện được huy động từ nhiều nguồn như khác nhau: kinh phí sự nghiệp của nhà nước; kinh phí hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp; kinh phí hợp tác quốc tế về NCKH và kinh phí từ hoạt động chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ. Quy định còn hỗ trợ một đề tài NCKH của SV từ 1,5 - 2 triệu đồng; những đề tài có

tính ứng dụng cao hoặc có bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín, có thể được hỗ trợ kinh phí lên đến 5 triệu đồng. Ngoài ra, Học viện đã khuyến khích, tạo cơ chế cho các khoa, GV, SV thực hiện các đề tài NCKH SV từ nguồn kinh phí tài trợ của các doanh nghiệp.

Để hỗ trợ hoạt động KHCN của SV, trong các năm 2019 và 2020, Học viện xúc tiến tham gia 03 chương trình khởi nghiệp theo đề án 844 của Nhà nước với kinh phí tương đương 3 tỷ VNĐ [H11.11.04.17] và thành lập Trung tâm Khởi nghiệp đối với SV Học viện vào tháng 06 năm 2021 để qua đó phát động phong trào sáng tạo và khởi nghiệp trong SV Học viện [H11.11.04.18].

Trong 5 năm, Học viện đã đầu tư trên 1,365 tỷ VNĐ để thực hiện đề tài, tham gia hội nghị hội thảo, đăng bài báo trên tạp chí khoa học, mua trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ hoạt động NCKH của SV, trong đó đầu tư cho SV ngành ATTT khoảng 585 triệu VNĐ.

Khoa ATTT đã thực hiện đối sánh kết quả NCKH hằng năm của người học CTĐT ngành ATTT với kết quả NCKH của người học các CTĐT khác của học viện, cụ thể tại Bảng 11.12, *Phụ lục 02*. Kết quả đối sánh cho thấy số lượng SV tham gia NCKH hằng năm của các CTĐT trong học viện khối ngành kỹ thuật là khá tương đương nhau, hàng năm, SV ngành ATTT của học viện thực hiện được từ 8-24 đề tài NCKH.

Khoa ATTT đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV NCKH ngành ATTT của Học viện với ngành ATTT/CNTT của các trường đại học khác, cụ thể tại Bảng 11.13, *Phụ lục 02*. Kết quả đối sánh cho thấy, tỷ lệ SV ngành ATTT của Học viện tham gia đề tài NCKH ở mức khá so với các trường đại học khác.

Để thúc đẩy hoạt động NCKH của SV, Học viện đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho SV thực hiện đề tài NCKH với mức hỗ trợ là 5 triệu đồng/đề tài cho khối kỹ thuật và 1,5 triệu đồng cho khối kinh tế - xã hội, đề tài tham dự thi NCKH đạt giải được cộng điểm rèn luyện để xét học bổng, khen thưởng SV hàng năm.

Kết quả thống kê và đối sánh về số lượng và loại hình hoạt động NCKH của SV giúp Học viện/Khoa ATTT dự báo xu hướng SV tham gia NCKH, từ đó xây dựng kế hoạch định hướng cải tiến công tác NCKH của SV của Học viện trong những năm kế tiếp. Đồng thời, còn cho thấy một số tồn tại như hoạt động NCKH chỉ tập trung ở các SV có kết quả học tập khá, giỏi, mà phong trào NCKH chưa lan tỏa đến mọi đối tượng SV của ngành ATTT; số lượng loại hình, sản phẩm NCKH của SV chưa phong phú; kinh phí chi cho các hoạt động NCKH của SV còn thấp.

Khoa ATTT và phòng QL KHCN-HTQT đã có các đề xuất đầu tư NCKH phù hợp với khả năng của NH như thực hiện kế hoạch cải tiến để tăng số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của người học thông qua việc tăng cường kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu của người học, ưu tiên những đề tài có tính ứng dụng cao hoặc có bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín, có thể được hỗ trợ kinh phí lên đến 5.000.000 đồng. Đồng thời, Học viện đã thành lập Câu lạc bộ các nhà khoa học trẻ trực thuộc Đoàn Thanh niên học viện để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của người học theo Quyết định số 26/QĐ-ĐTN ngày 28/10/2019 [H11.11.04.19].

2. Điểm mạnh

Sinh viên ngành ATTT tích cực tham gia NCKH và hàng năm, SV ngành ATTT của học viện thực hiện được từ 8-24 đề tài NCKH.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của SV ngành ATTT chỉ tập trung ở các SV khá, giỏi, mà phong trào NCKH chưa lan rộng đến mọi đối tượng SV học ngành ATTT.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2024-2025, Học viện nghiên cứu ban hành các chế tài cũng như chính sách nhằm khuyến khích tính tích cực của SV trong tham gia NCKH để tạo ra nhiều loại hình và sản phẩm NCKH sinh viên; Khoa có biện pháp tận dụng tối đa các nguồn kinh phí huy động từ xã hội, doanh nghiệp để hỗ trợ và khuyến khích SV thực hiện và tham gia các đề tài NCKH gắn với các lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, đào tạo, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất được thực hiện theo các văn bản: Quy định lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên ban hành theo Quyết định số 861/QĐ-HV ngày 23/11/2015 [H10.10.01.03]; Quy định lấy ý kiến về tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp tại Học viện ban hành theo Quyết định số 642/QĐ-HV ngày 09/08/2018 [H10.10.01.04]; Quy định về công tác khảo sát ý kiến của người học về công tác đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ người học tại Học viện ban hành theo Quyết định số 755/QĐ-HV ngày 25/09/2018 [H10.10.01.05]; Quy định khảo sát CSVC phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và NCKH

tại Học viện ban hành theo Quyết định số 1059/QĐ-HV ngày 30/11/2019 [H10.10.01.06]; Quy định tạm thời lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan ban hành theo Quyết định số 519/QĐ-HV ngày 22/6/2021 [H10.10.01.07] và Quy định xây dựng, cải tiến và phát triển CTĐT ban hành theo Quyết định số 393/QĐ-HV ngày 23/03/2022 [H10.10.01.08].

Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm KT&ĐBCLGD có nhiệm vụ “Tổ chức công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục. Hướng dẫn công tác tự đánh giá ở các đơn vị và tổng hợp đánh giá chất lượng giáo dục Học viện”(https://portal.ptit.edu.vn/co-cau-to-chuc/trung-tam-khao-thi-va-dambao-chat-luong-giao-duc/) [H6.06.06.08].

Căn cứ các văn bản nêu trên, các đơn vị đầu mối được phân công triển khai công tác khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, trong đó bao gồm: xây dựng công cụ, xây dựng kế hoạch và khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về công tác đào tạo, NCKH và PVEC của Học viện. Công cụ khảo sát do các đơn vị xây dựng phù hợp với các lĩnh vực khảo sát; một số trong đó được ấn định thành các biểu mẫu phiếu khảo sát có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm và đối sánh với các cơ sở giáo dục ĐH khác.

Trên cơ sở mục đích và đối tượng cần thu thập thông tin phản hồi, việc khảo sát được tiến hành theo các hình thức khảo sát trực tuyến hoặc phát phiếu khảo sát trực tiếp với công cụ sử dụng lấy ý kiến phản hồi là phiếu khảo sát, được thiết kế ở dạng câu hỏi về mức hài lòng/mức đồng ý của người được hỏi được thể hiện qua giá trị thang đo 4 hoặc 5 bậc về các nội dung: mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất, mức độ hài lòng đối với công tác phục vụ học tập SV, mức độ hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV, mức độ hài lòng về hoạt động khoa học công nghệ; mức độ hài lòng về môi trường làm việc, ... [H10.10.01.11]. Việc sử dụng đa dạng các phương pháp thu thập thông tin như khảo sát như: phỏng vấn, phát phiếu hỏi trực tiếp, phỏng vấn điện thoại cũng đã giúp cho việc kiểm tra chéo thông tin thu được. Tuy nhiên, nội dung một số phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các bên liên quan về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất..” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị trong Học viện

Sau mỗi đợt khảo sát, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì hoạt động khảo sát đều tiến hành xử lý thông tin phản hồi thu thập được; viết báo cáo kết quả, phân tích các số liệu thu được về sự hài lòng của các bên liên quan đối với lĩnh vực được khảo sát, đề xuất các kiến nghị hướng đến cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phân tích, đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa các năm học và mức

độ hài lòng giữa các CTĐT trong Học viện và gửi báo cáo lãnh đạo học viện và các đơn vị liên quan làm căn cứ cho lập kế hoạch cải tiến chất lượng [H10.10.01.15-21]. Cụ thể, Khoa đã sử dụng kết quả đối sánh sự hài lòng của người học ở các học phần khác nhau do cùng một GV giảng dạy, hoặc đối sánh kết quả khảo sát của nhiều GV cùng giảng dạy một học phần, để có kế hoạch phân công giảng dạy, góp ý cho cải tiến giảng dạy ở các học kỳ sau hoặc làm cơ sở cho công tác bồi dưỡng GV, bố trí công tác, đánh giá xếp loại hằng năm.

Hàng năm, GV tham gia giảng dạy chương trình ngành ATTT được Văn phòng thực hiện khảo sát ý kiến về điều kiện, môi trường làm việc [H10.10.05.02]. Kết quả khảo sát với tiêu chí nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là 87,5% cho thấy Học viện đã có những chính sách về đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, giúp cho người lao động nâng cao được chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình làm việc; đối với hoạt động NCKH là 84,38%; các tiêu chí còn lại về hệ thống phòng làm việc, phòng học phòng chức năng; các trang thiết bị hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng; công tác thư viện, tài liệu dạy và học, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu và phục vụ cộng đồng; công tác tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần, công tác hành chính giáo vụ khoa và chế độ, chính sách cho người lao động đạt từ 68,75% đến 97,5%.

Định kỳ hàng năm, Học viện thực hiện khảo sát chất lượng dịch vụ tại văn phòng giao dịch một cửa qua hệ thống khảo sát trực tuyến để SV đánh giá về chất lượng dịch vụ tại văn phòng một cửa, tác phong, thái độ của từng cán bộ tiếp nhận hồ sơ và tư vấn cho SV [H10.10.05.06]. Kết quả khảo sát cho thấy các ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với nhận định: có 96,7% đồng ý nội dung thư viện đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, phòng đọc và các trang thiết bị phục vụ cho việc tra cứu tài liệu, có 93% đồng ý về điều kiện an ninh của ký túc xá đảm bảo an toàn: 76,6% đồng ý về số thuốc được cung cấp sau khi khám/sơ khám đáp ứng điều trị bệnh, 93,3% đồng ý về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của nhà ăn, căng-tin Học viện sạch sẽ, có 89,7% ý kiến đồng ý về phòng Thí nghiệm Thực hành được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu thực hành các học phần trong chương trình đào tạo. Qua số liệu thống kê cho thấy, mức độ hài lòng trung bình về các BLQ đến cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ và môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện cho thấy khoảng 90% các ý kiến được khảo sát hài lòng. Tuy nhiên vẫn còn một số ý kiến của SV phản hồi chưa tích cực về công tác giao tiếp với SV tại Văn phòng một cửa.

Các ý kiến phản hồi của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh chương trình đào tạo ngành ATTT cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Doanh nghiệp có sử dụng SV tốt nghiệp ngành ATTT đánh giá cao kiến thức chuyên môn và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn của SV ngành ATTT, khoảng 82% doanh nghiệp tham gia khảo sát hài lòng, đánh giá cao năng lực chuyên môn và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc [H11.11.05.01].

Trong giai đoạn 2019 - 2023, trong quá trình điều chỉnh CTĐT định kỳ theo quy định, Học viện, Khoa cũng như các đơn vị khác đều căn cứ vào ý kiến phản hồi về sự hài lòng của các bên liên quan như ý kiến GV, SV, người sử dụng lao động, cựu SV, các chuyên gia để điều chỉnh, cải tiến CTĐT và CDR, đề cương học phần, cập nhật tài liệu học tập ... [H10.10.01.15].

Học viện tham gia Dự án tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường lao động cho SV Việt Nam” VOYAGE” [H8.08.04.17], theo báo cáo dự án, hầu hết những người được khảo sát cũng thể hiện sự chấp nhận của họ đối với cơ sở hạ tầng, phòng học, thiết bị, hệ thống ứng dụng CNTT mà Học viện cung cấp. Tuy nhiên, vẫn còn một số lượng đáng kể các câu trả lời chỉ ra rằng cơ sở hạ tầng được trang bị chưa được đầy đủ (dao động từ 9,2% đến 12,8% câu trả lời). Điều này dẫn đến thực tế là Học viện cần có cái nhìn tổng thể về sự đầy đủ của cơ sở hạ tầng để cung cấp và đầu tư tốt hơn cho SV. Tiếp thu những ý kiến này, từ năm từ 2019 đến nay, Học viện đã và đang không ngừng cải thiện điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu học tập, sinh hoạt của người học.

Báo cáo tổng kết của Khoa ATTT và Học viện, cũng như qua các hội nghị CBVC hàng năm tạo điều kiện CBGV đóng góp ý kiến về các hoạt động của Học viện [H11.11.05.02], [H11.11.05.03].

Từ việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan, Học viện và Khoa ATTT đã tiến hành đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT. Cơ sở vật chất của Học viện được chú trọng đầu tư. Hệ thống công nghệ thông tin của trường đáp ứng nhu cầu của người học. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Kết quả đánh giá của SV về việc điều kiện CSVC phục vụ cho việc học tập cho thấy, hầu hết SV hài lòng về hệ thống công nghệ thông tin của trường, các trang thiết bị đáp ứng tốt được nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Như vậy, có thể thấy việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, giúp Học viện và Khoa ATTT có giải pháp cải tiến chất lượng CTĐT ngành ATTT.

2. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành hệ thống các văn bản để khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, ...

3. Điểm tồn tại

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các bên liên quan về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất..” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2024-2025, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát để có thể thu thập được đầy đủ các thông tin hữu ích từ các bên liên quan phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện.

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học thuộc CTĐT ngành ATTT đã được Học viện xác lập, giám sát theo quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện và quy trình quản lý dữ liệu sinh viên tại Học viện.

Hằng năm, Học viện đã thực hiện đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và tình hình việc làm của người học tốt nghiệp của CTĐT ngành ATTT với các CTĐT trình độ đại học khác của Học viện và với các CTĐT ngành ATTT/CNTT của các CSGD khác trong nước; tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành ATTT có việc làm/có việc làm phù hợp với ngành đào tạo đạt mức khá cao.

Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đã nêu rõ các loại hình NCKH đối với SV và trình tự thủ tục, quy trình triển khai, giám sát việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay vẫn chưa có SV ngành ATTT tốt nghiệp sớm.

Định kỳ hằng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất.

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các bên liên quan về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất..” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện.

Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí: 4,80 / 7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành tự đánh giá lần thứ nhất CTĐT ngành ATTT trình độ đại học, Học viện đã rút ra các kết luận sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của chương trình đào tạo

1.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành ATTT được xác định rõ ràng và được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT vào các năm 2020 và năm 2022. Các mục tiêu của CTĐT ngành ATTT phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện qua các giai đoạn khác nhau và phù hợp với mục tiêu của GDDH.

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành ATTT được xác định và được thể hiện cụ thể trong CTĐT ngành ATTT các năm 2020 và năm 2022. Học viện đã có 2 lần ban hành CĐR của CTĐT theo các quyết định ban hành CĐR trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành ATTT năm 2020 và năm 2022. CĐR của CTĐT ngành ATTT đã nêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học (NH) tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai.

Khoa ATTT đã có kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan (bao gồm các nhà tuyển dụng; cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV); cựu sinh viên (SV) và SV năm cuối) về CĐR của CTĐT ngành ATTT. Trong quy trình rà soát điều chỉnh CĐR năm 2020, Khoa ATTT đã khảo sát ý kiến của các bên liên quan, bao gồm cơ quan, doanh nghiệp, các chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên và cựu sinh viên về bản Dự thảo CĐR đã được Ban lãnh đạo Khoa đề xuất.

1.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành ATTT của Học viện ban hành năm 2022 có đầy đủ các mục nội dung theo quy định và có những thay đổi về nội dung các mục, đặc biệt là thay đổi trong CĐR và cấu trúc CTĐT.

100% ĐCCT CTĐT các học phần trong CTĐT ngành ATTT có đủ các thông tin theo quy định và được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Học viện. Việc cập nhật các đề cương học phần được triển khai theo hai hướng là cập nhật số mục trong mỗi đề cương và cập nhật nội dung đề cương.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT sau khi phê duyệt chính thức được công bố trên cổng thông tin điện tử của Học viện. Đồng thời, được các GV giới thiệu với SV trong giờ học đầu tiên của mỗi học phần. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động,

GV, NH, cựu NH v.v... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT ngành ATTT trên website của Học viện.

1.3. Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành ATTT được thiết kế và đưa vào sử dụng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.

Phiên bản CTDH năm 2022 được thiết kế với 150 tín chỉ với 54 học phần, bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh), khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khối thực tập và tốt nghiệp. Tất cả các học phần trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và đáp ứng cụ thể cho từng CĐR của CTĐT ngành ATTT được thể hiện qua ma trận kỹ năng về sự đóng góp của mỗi học phần cho CĐR của CTĐT, được mô tả trong bản mô tả CTĐT ban hành năm 2022.

1.4. Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học viện đã ban hành Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục, với nội dung: “Tri thức - Sáng tạo - Đạo đức - Trách nhiệm”. Nội dung Triết lý giáo dục, phù hợp với mục tiêu của Học viện: Phát triển Học viện trở thành trung tâm giáo dục của đất nước và khu vực, định hướng ứng dụng vào năm 2030.

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy được thiết kế và thực hiện trong các đề cương chi tiết học phần/môn học của CTĐT ngành ATTT tương đối đa dạng và phù hợp để đạt được CĐR. Các hình thức dạy học được mô tả trong CTDH bao gồm thuyết giảng, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, tổ chức thảo luận nhóm, giao bài tập, giao chủ đề môn học hoặc tiểu luận môn học để SV làm báo cáo thuyết trình, tăng tương tác giữa GV với SV, xây dựng bài giảng điện tử, bài giảng online có mô phỏng.

CTĐT ngành ATTT năm 2022 có đề cương chi tiết học phần mô tả rõ việc sử dụng các hoạt động dạy và học được đa dạng hóa nhằm thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy độc lập, kỹ năng thuyết trình, phản biện giải quyết vấn đề, giải quyết các bài toán thực tế. Mỗi bài giảng trong CTĐT ngành ATTT đều nêu cụ thể hình thức tự học, tự nghiên cứu và trong đó chỉ rõ nội dung chính, những yêu cầu đối với người học. Học viện và Khoa thực hiện khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp, cựu sinh viên, để cải tiến chương trình và chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp.

1.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện đã ban hành Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ; ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần (trong đó quy định về việc ra đề thi, hình

thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần) áp dụng cho thi kết thúc học phần với các hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Dựa vào các quy định này, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của SV. Quy trình này nêu rõ về việc cho điểm quá trình, xếp lịch thi, ra đề, tổ chức thi, chấm thi, nhập điểm, phúc tra, lưu trữ bài thi và công bố điểm.

Học viện đã ban hành Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi các học phần thay thế tốt nghiệp, Quy định đào tạo hệ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ và cuốn Sổ tay sinh viên hàng năm. Hình thức, phương pháp, tiêu chí và trọng số đánh giá kết quả NH được trình bày tại đề cương chi tiết của mỗi học phần, được giảng viên phổ biến cho sinh viên ngay trong tuần giảng dạy đầu tiên của học phần.

Khoa ATTT cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CDR của CTĐT và đối với CDR mỗi học phần. Hình thức kiểm tra phong phú, đa dạng gồm: tự luận, trắc nghiệm, viết tiểu luận, thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đã được Khoa ATTT sử dụng có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ nội dung phương thức đánh giá SV với CDR học phần.

Đầu mỗi năm học, trong tuần sinh hoạt công dân, GV và NH được phổ biến về quy định đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập. Ngoài ra, các quy định này được công khai trên website của Học viện và trong Sổ tay sinh viên.

Toàn bộ quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH được chi tiết và cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần, thi các học phần thay thế tốt nghiệp, Quy định đào tạo hệ ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ. Tất cả các văn bản này đều được phổ biến tới SV qua “Tuần sinh hoạt công dân đầu năm học”. Báo cáo kết quả chấm thi phúc tra trong 5 năm gần đây (từ năm học 2019-2023) cho thấy tỷ lệ khiếu nại về kết quả học tập của NH toàn Học viện nhỏ hơn 1,5% tính trên quy mô đào tạo của các ngành học. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% SV được hài lòng với kết quả học tập.

1.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên (GV) của Học viện nói chung và Khoa ATTT nói riêng được thực hiện theo đúng quy trình và phù hợp với cơ cấu đào tạo ngành Kế toán. Khoa đủ đội ngũ GV để thực hiện CTĐT ngành ATTT. Tỷ lệ GV/SV đảm bảo đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối lượng công việc của GV được

đo lường, giám sát để làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Các tiêu chí tuyển chọn giảng viên tuân thủ theo đúng quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng của Nhà nước và của Học viện. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ trong các văn bản quy định của Học viện. Việc đánh giá năng lực GV khá đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xây dựng theo kế hoạch và định kỳ được rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai theo đúng quy định. Tất cả GV ngành ATTT đều hoàn thành nhiệm vụ trong từng năm học. Hoạt động NCKH của GV được triển khai và giám sát chặt chẽ; kết quả NCKH được ghi nhận và làm căn cứ để cải tiến chất lượng. Số lượng và loại hình NCKH do đội ngũ GV thực hiện được xác lập rõ ràng và được thực hiện hằng năm, được đối sánh và đóng góp đáng kể vào công tác đào tạo, phát triển cộng đồng.

1.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên của Học viện được xây dựng dựa trên quan điểm chỉ đạo từ Nghị quyết của Đảng ủy và Đề án vị trí việc làm đã được Giám đốc Học viện phê duyệt năm 2014 và năm 2020. Đội ngũ NV tại các bộ phận hỗ trợ đủ về số lượng, có năng lực đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Việc tuyển dụng, điều chuyển NV đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được điều chuyển hay tuyển dụng đều đảm bảo được các yêu cầu của vị trí việc làm. Nhân viên được đánh giá theo qui trình và được thông báo công khai. Học viện có văn bản hướng dẫn cụ thể để đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ để tự đánh giá và được đánh giá qua các cấp, từ đó biết được năng lực, trình độ và thái độ phục vụ của NV. Học viện đã kịp thời ban hành những quyết định cử cán bộ, viên chức, người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về học tập và chế độ tài chính theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai, Học viện đã chi thu nhập tăng thêm góp phần tạo động lực cho cán bộ, viên chức, người lao động. Các cán bộ chuyên viên và nhân viên có trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp với vị trí đảm nhiệm theo quy định hiện hành.

1.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách, tiêu chí tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Học viện và được cập nhật trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT và thực tiễn đào tạo Học viện.

Ngoài các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh như của Bộ GD&ĐT, Học viện có thêm chính sách ưu tiên trong tuyển sinh thông qua việc cấp các suất học bổng toàn phần (miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất) và học bổng bán phần (miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất) cho các thí sinh có kết quả thi THPT hoặc có thành tích cá nhân, thành tích học tập cao. Các chính sách và quy định tuyển sinh được Học viện công bố công khai thông qua các hình thức như: công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện <https://ptit.edu.vn>; cổng thông tin tuyển sinh <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>; các trang mạng xã hội chính thức của Học viện: facebook.com/ptittuyensinh, facebook.cpm/ptitwebsite; quảng bá trên các Brochure tuyển sinh; trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (<https://thituyensinh.vn>).

Học viện có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học, bao gồm: Phòng Giáo vụ, Phòng Đào tạo, Phòng CT&CTSV/Công tác Sinh viên, Trung tâm KT&ĐBCLGD và cố vấn học tập (CVHT). Học viện sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo Edusolf để hỗ trợ quá trình giám sát tiến trình học tập và rèn luyện của SV trong suốt khóa học.

Học viện có phân công các đơn vị, bộ phận tham gia tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH, theo đó hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH đã được Học viện triển khai thực hiện.

Học viện đã chú trọng xây dựng môi trường sự phạm, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tình nguyện, tạo sân chơi lành mạnh, nhân văn trong Học viện; môi trường tâm lý, xã hội, làm việc thân thiện, tạo điều kiện thoải mái để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của CB, GV, NV và NH.

1.9. Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Học viện có trụ sở chính tại số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, có cơ sở đào tạo tại Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội và Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 127.694,90 m² phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCD (trong đó miền Bắc là 63.464,70 m², miền Nam là 64.230,20 m²). Tổng diện tích sàn phục vụ đào tạo, NCKH là 79.376 m²,

diện tích sàn phục vụ đào tạo đạt bình quân 6,337 m²/sinh viên, đáp ứng Khoản 2 Điều 6 Thông tư 06/2018/TT- BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018.

Học viện có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành/Lab đáp ứng yêu cầu cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Các phòng làm việc của Học viện được trang bị máy tính, máy in, máy photocopy, bàn ghế làm việc và các tủ đựng tài liệu; các phòng làm việc được lắp đặt điều hoà, quạt treo tường. Các phòng học đều được trang bị thiết bị trình chiếu (máy chiếu, tivi, máy tính), hệ thống âm thanh, bảng viết, bảng từ, bàn ghế, hệ thống đèn chiếu sáng. Trong các phòng thí nghiệm, thực hành/LAB được trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho các giờ học thực hành và phù hợp với CTĐT ngành ATTT.

Hệ thống CNTT của Học viện đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy, học tập và NCKH. Học viện đã triển khai hoạt động giảng dạy - học tập trực tuyến thông qua phần mềm Trans và hỗ trợ học tập thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến - LMS, đặc biệt là trong giai đoạn dịch Covid 19.

Năm 2021, Học viện đã triển khai cấp mã định danh cho SV ngay khi trúng tuyển để SV có thể truy cập vào phần mềm PTIT-Slink để phục vụ cho việc nhập học trực tuyến, tra cứu điểm, tình trạng học phí, xét duyệt học bổng, theo dõi thời khóa biểu... trên tất cả các thiết bị di động. Trong giai đoạn 2019-2023, không xảy ra hiện tượng mất dữ liệu, mất an toàn hệ thống CNTT, mất an ninh trật tự, không xảy ra dịch bệnh trong khuôn viên của Học viện.

Học viện đã ban hành các quy định liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn, như: Nội quy giảng đường; Nội quy ký túc xá; Quy định về tổ chức, quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành; Nội quy căng tin; nội quy PCCC; Quy định về phòng tránh dịch Covid-19...; thành lập Ban chỉ huy PCCC, Đội PCCC với nhân sự là đội ngũ CB, GV, NV. Học viện đã ban hành Quy chế phân cấp trách nhiệm về công tác PCCC.

1.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc thu thập thông tin phản hồi các bên liên quan. Trong các lần rà soát điều chỉnh CDR và CTĐT, Khoa ATTT đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Học viện đã ban hành các văn bản quy định việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kết quả học tập của người học để đảm bảo sự gắn kết giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT. Công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá được

thực hiện thông qua việc cập nhật, điều chỉnh về CTDH và ĐCCT học phần; hoạt động dự giảng; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng dạy học.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài được chuyển thành nội dung giảng dạy và áp dụng để cải tiến hoạt động dạy học các học phần của CTDH ngành ATTT.

Học viện đã có quy định và định kỳ tổ chức việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ người học thông qua các phương thức khác nhau để tạo lập cơ sở cho đề xuất cải tiến các dịch vụ này. Học viện đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về nội dung, quy trình và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

1.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp, số năm tốt nghiệp trung bình của người học thuộc CTĐT ngành ATTT đã được xác lập, giám sát theo Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Học viện và Quy trình quản lý số liệu, danh sách sinh viên Học viện.

Hằng năm, Học viện đã thực hiện đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học, sinh viên tốt nghiệp và tình hình việc làm của người học tốt nghiệp của CTĐT ngành ATTT với các CTĐT trình độ đại học khác của Học viện và với các CTĐT ngành ATTT/CNTT của các CSGD khác trong nước; tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành ATTT có việc làm phù hợp với ngành đào tạo ở mức khá cao.

Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đã ghi rõ các loại hình NCKH đối với SV và trình tự thủ tục, quy trình triển khai, giám sát việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Định kỳ hằng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

2.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc khảo sát các nhà tuyển dụng về mục tiêu giáo dục của Học viện và mức độ phù hợp Mục tiêu và Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện chưa được triển khai trên diện rộng với đông đảo sự tham gia của các nhà tuyển dụng.

Khoa ATTT đã khảo sát các bên liên quan về CDR của CTĐT, tuy nhiên mẫu khảo sát của các nhà tuyển dụng chưa đa dạng (doanh nghiệp tư nhân, nhà nước, tổ chức nước ngoài) để đảm bảo tính đại diện cao.

Phương thức truyền thông về CDR của ngành ATTT chưa đa dạng nên chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo các đối tượng bên ngoài Học viện.

2.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Các ý kiến đóng góp cho Bản mô tả CTĐT mới nhất năm 2022 của các bên liên quan ngoài Học viện chưa thật sự sâu để có thể khai thác được các thông tin hữu ích phục vụ cho việc điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành ATTT.

Một số câu hỏi trong phiếu khảo sát không được đối tượng được khảo sát trả lời hoặc trả lời với cùng một mức cho các câu hỏi khác nhau, điều này dẫn đến độ tin cậy của kết quả khảo sát không cao.

Học viện đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần, nhưng vẫn còn có bên liên quan chưa quan tâm đến bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần.

2.3. Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Kết quả khảo sát SV đánh giá giảng viên chưa được xử lý một cách khoa học để có thể đúc kết ra được những khuyến nghị hữu ích phục vụ cho việc giảng viên cải tiến hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Khi đối sánh và tham khảo các CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học khác, Khoa chỉ đối sánh về số lượng tín chỉ và số lượng các học phần, tên gọi của các học phần, chưa đối sánh sâu về các kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong từng học phần, phương pháp dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng trong từng học phần.

2.4. Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên được thiết kế chưa khoa học, nên chưa thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc đổi mới/cải tiến các phương pháp giảng dạy đáp ứng nhu cầu của SV.

Trong một số đề cương học phần, việc hướng dẫn việc tự học, tự nghiên cứu cho SV còn khá chung chung.

2.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa tổ chức đánh giá một cách khoa học về mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đã được thiết kế đối với việc đo lường được mức độ đạt CĐR.

Học viện chưa tiến hành phân tích phổ điểm, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy và mức độ khó/dễ của các câu hỏi thi/đề thi để điều chỉnh các đề thi phù hợp với yêu cầu đánh giá được CĐR của học phần.

Việc thông báo các điểm thường xuyên đặc biệt là điểm giữa kỳ vào thời điểm sau khi thi kết thúc học phần là chưa hợp lý.

Phần mềm quản lý đào tạo của Học viện chưa tích hợp chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi của sinh viên vào phần mềm.

2.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện có quy hoạch chung cho đội ngũ GV của Học viện, nhưng chưa chi tiết hóa quy hoạch cho từng ngành đào tạo.

Hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên chưa được lượng hóa cụ thể nên công tác đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng không thuận lợi.

Chính sách và cơ chế đặc thù để thu hút GV có trình độ học vị và học hàm cao cao (PGS, GS) chưa đạt được mức hấp dẫn và cạnh tranh cao để thu hút được nhiều hơn nữa các GV có học vị tiến sỹ và học hàm PGS và GS về làm GV cơ hữu của Học viện.

Mức chi kinh phí hỗ trợ GV tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chưa thật sự cao để tạo được nhiều động lực hơn nữa cho việc GV luôn đam mê tự học và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn nghề nghiệp.

2.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa thực sự chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành ATTT.

Nguồn tuyển dụng và hình thức thông báo tuyển dụng của Học viện chưa phong phú và đa dạng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên tiềm năng từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện; mức thu nhập của từng vị trí việc làm chưa thực sự tạo sự hấp dẫn đối với ứng viên.

Nội hàm của các tiêu chí liên quan đến việc điều động/luân chuyển KTV, nhân viên, chuyên viên của Học viện chưa thể hiện rõ được tính đặc thù chuyên biệt của một số ngành

đào tạo, đặc biệt đòi hỏi có những nhân viên am hiểu về lĩnh vực đặc thù của ngành đào tạo trong đó có ngành ATTT.

Mặc dù Học viện đã có bộ tiêu chuẩn đánh giá năng lực cán bộ, giảng viên, nhân viên nhưng tính phân loại chưa cao của các tiêu chí đánh giá năng lực giữa các nhóm KTV, chuyên viên và nhân viên có đặc thù công việc khác nhau dẫn đến khó khăn nhất định trong việc đối sánh năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng nhóm đối tượng phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả công tác và công nhận các mức thi đua khen thưởng đạt được. Học viện chưa tách thành bộ tiêu chuẩn riêng biệt để đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên theo từng nhóm nhân viên: Thư viện, quản lý ứng dụng CNTT, phòng thí nghiệm, thực hành, hành chính ...

Các khóa học, tập huấn và hội thảo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 2019-2023 do Học viện tổ chức, chủ yếu dành cho cán bộ lãnh đạo và một số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ; chưa có nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho các chuyên viên làm công tác giáo vụ, giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập.

2.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Đội ngũ GV đảm nhận chức vụ CVHT chưa được định kỳ thường xuyên bồi dưỡng những kỹ năng tư vấn cho người học vì thế hiệu quả của hoạt động tư vấn/hỗ trợ người học chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Số mẫu được khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm chưa đủ lớn so với quy mô SV của CTĐT vì thế kết quả khảo sát mang tính đại diện chưa cao.

Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người học chưa bao quát được trên phổ rộng các vấn đề thuộc môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan vì thế kết quả khảo sát chưa thu thập được nhiều thông tin sát thực để phục vụ cho việc cải tiến chất lượng. Một số câu hỏi khảo sát còn đa nghĩa nên khó thu được câu trả lời chính xác cho nội dung cần hỏi.

2.9. Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số phòng học tại khu giảng đường ở cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh chưa lắp máy điều hoà không khí. Một số phòng học của Học viện đã cũ và bắt đầu xuống cấp.

Diện tích phòng đọc của Thư viện cơ sở Hà Nội còn hẹp, số chỗ ngồi trong phòng đọc còn ít nếu so với quy mô SV của Học viện. Kinh phí chi cho mua bổ sung giáo trình,

tài liệu của Thư viện trong giai đoạn KĐCLGD chỉ chiếm 0,07% tổng kinh phí chi của Học viện.

Học viện hiện còn 267 máy tính được trang bị từ trên 05 năm trở lên (chiếm tỉ lệ 20,27%) đã hết thời hạn khấu hao sử dụng.

Nội dung các câu hỏi trong phiếu khảo sát các đối tượng liên quan chưa bao phủ được hết nội dung khảo sát về mức độ đáp ứng của hệ thống CNTT đối với hoạt động đào tạo và NCKH.

Các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật đã được quan tâm nhưng chưa được thể hiện thành các văn bản cụ thể.

2.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Số lượng các nhà tuyển dụng, tổ chức xã hội nghề nghiệp được khảo sát ý kiến trong các đợt thiết kế/điều chỉnh CĐR/CTĐT ngành ATTT chưa được rộng rãi nên kết quả khảo sát mang tính đại diện chưa cao.

Khi tiến hành rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học của ngành ATTT, số lượng các nhóm đối tượng bên ngoài Học viện (Nhà sử dụng lao động, cựu SV, các chuyên gia...) được khảo sát ý kiến còn hạn chế.

Học viện chưa có bộ văn bản thống nhất quy định về việc rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, cũng như đánh giá kết quả học tập của NH đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR để triển khai thực hiện một cách thuận lợi.

Trong một số báo cáo kết quả khảo sát, chưa tách xuất các dữ liệu khảo sát các bên liên quan đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) đối với từng CTĐT, dẫn đến việc hạn chế những đề xuất cải tiến liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ cho từng CTĐT.

2.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn thấp phần lớn là do sinh viên chưa đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định của CTĐT. Mặc dù đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ được nhiều năm, song cho đến nay Khoa vẫn chưa có SV tốt nghiệp sớm, trong khi tỷ lệ SV tốt nghiệp muộn vẫn còn khá cao.

Tuy tỷ lệ có việc làm của SV CTĐT ngành ATTT khá cao, nhưng vẫn còn tỷ lệ nhỏ SVTN sau 1 năm chưa tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo; hoạt động NCKH của SV ngành ATTT tập trung chủ yếu ở các SV có học lực khá, giỏi, mà chưa lan rộng đến mọi đối tượng SV ngành ATTT.

Nội dung phiếu khảo sát chưa thật sự bao phủ toàn diện các thông tin cần thu thập để có thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan về mức độ hài lòng của các bên liên quan về “Hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất” để làm cơ sở để cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của các đơn vị/bộ phận trong Học viện. Trong một số báo cáo kết quả khảo sát chưa có nội dung đề xuất, kiến nghị.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo

3.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa định kỳ hằng năm huy động cựu SV tham gia vào việc thu hút đông đảo các nhà tuyển dụng cho ý kiến về mục tiêu giáo dục của Học viện và mục tiêu của riêng ngành ATTT, cũng như mức độ mục tiêu giáo dục phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Học viện.

Khoa ATTT phối hợp với Phòng CT&CTSV định kỳ hằng năm huy động các cựu SV tham gia truyền thông về CDR của CTĐT ngành ATTT và động viên đông đảo và đa dạng về thành phần các nhà tuyển dụng (doanh nghiệp tư nhân, nhà nước, nước ngoài, cơ quan ...) tham gia các đợt khảo sát ý kiến của Học viện để có thể thu thập được nhiều ý kiến đa chiều mang tính đại diện cao về CDR của CTĐT ngành ATTT.

3.2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Trong lần rà soát và điều chỉnh bản mô tả CTĐT ngành ATTT thời gian tới, Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa ATTT nghiên cứu đề xuất những giải pháp hữu hiệu hơn thông qua các mối liên kết với các cựu SV để kết nối được đông đảo các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp tham gia đóng góp nhiều ý kiến thiết thực nhằm cải tiến và cập nhật nhất bản mô tả CTĐT ngành ATTT của Học viện.

Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị rà soát lại các câu hỏi trong các loại phiếu khảo sát và bổ sung/hoàn thiện các câu hỏi theo sát mục tiêu khảo sát và phù hợp với từng nhóm đối tượng để đảm bảo người được khảo sát không hiểu nhầm ngữ nghĩa của câu hỏi hoặc bỏ trống không trả lời. Đồng thời, Khoa cần có giải pháp thu hút và động viên các nhóm đối tượng được khảo sát nhiệt tình trả lời tất cả các câu hỏi trong phiếu khảo sát; cần có quy định cụ thể về những vấn đề Báo cáo kết quả khảo sát cần chỉ rõ để có được các thông tin cần thiết cùng với những đề xuất để cập nhật các đề cương chi tiết học phần và các biện pháp cải tiến các hoạt động liên quan.

Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa nghiên cứu về phương thức truyền thông về bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần để các bên liên quan đều được biết về bản mô tả CTĐT ngành ATTT và các học phần của CTĐT để có thể có những đóng góp ý kiến cho việc rà soát và hoàn thiện hơn bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết học phần trong lần rà soát và cập nhật tiếp theo.

3.3. Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Trung tâm KT&ĐBCLGD xây dựng quy định hướng dẫn chung về từng loại công cụ khảo sát, việc chọn mẫu khảo sát, định lượng thống kê, phân tích các kết quả khảo sát, biểu mẫu báo cáo kết quả khảo sát, trong đó nhất thiết cần có việc đánh giá được các thông tin và số liệu đã được phân tích và đưa ra các khuyến nghị hữu ích để các đối tượng liên quan có thể sử dụng phục vụ việc điều chỉnh và cải tiến hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Khoa ATTT và các Bộ môn cần thảo luận và lấy ý kiến các bên liên quan để xem xét một cách khoa học, chính xác sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được của CDR của CTĐT ngành ATTT.

Khi tham khảo và đối sánh CTĐT ngành ATTT của Học viện với các CTĐT ngành ATTT/CNTT của các trường ĐH khác, khoa nghiên cứu sâu các nội dung về kiến thức và kỹ năng được truyền tải trong mỗi học phần, CDR của từng học phần, phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng học phần để tạo lập cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện các học phần thuộc CTĐT ngành ATTT của Học viện.

3.4. Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khoa ATTT cần thường xuyên với các hình thức đa dạng hơn trong việc phổ biến và giải thích rõ và sâu rộng hơn về Triết lý giáo dục của Học viện để các bên liên quan đặc biệt là cán bộ, giảng viên và sinh viên của khoa hiểu rõ ý nghĩa của Triết lý giáo dục của Học viện.

Trung tâm KT&ĐBCLGD rà soát và hoàn thiện lại các câu hỏi trong Phiếu khảo sát để đảm bảo các câu hỏi bám sát các mục tiêu khảo sát nhằm thu thập được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy của GV.

Khoa ATTT đề xuất có cơ chế đi kèm các chính sách hỗ trợ để khuyến khích sinh viên tham gia NCKH; rà soát lại các đề cương học phần để bổ sung và hoàn thiện hơn với những hướng dẫn chi tiết cho SV về việc tự học, tự nghiên cứu các vấn đề trong từng chương mục của học phần và rèn luyện cho SV khả năng tự học tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

3.5. Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với các khoa đề xuất việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu, sự phù hợp của từng hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đã được thiết kế đối với việc đo lường được mức độ đạt CDR; ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn việc xây dựng ngân hàng câu hỏi thi để thống nhất sử dụng chung cho tất cả các CTĐT hiện hành của Học viện về kết cấu số lượng câu hỏi thi cũng như mức độ đánh giá với từng chương mục phù hợp với CDR của học phần thông qua ma trận tương quan giữa CDR của học phần và chương mục của học phần.

Trung tâm KT&ĐBCLGD rà soát và bổ sung vào văn bản quản lý liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người học nội dung quy định về việc định kỳ đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của câu hỏi thi (đề thi) bằng các phần mềm chuyên dụng để đảm bảo các đề thi đo lường được chính xác mức độ SV đạt CDR của học phần.

Trung tâm KT&ĐBCLGD xây dựng kế hoạch rà soát các văn bản hướng dẫn chi tiết về việc xây dựng đề thi, đáp án thi, tổ chức thi, chấm thi hết học phần và hướng dẫn về quy trình giám sát việc chấm thi, hậu kiểm sau mỗi kỳ thi để hạn chế tối đa những sai sót có thể có trong quá trình tổ chức đánh giá kết quả học tập từng học phần và đảm bảo việc người chấm thi tuân thủ các quy định về chấm thi hết học phần.

Phòng Giáo vụ đề xuất với Học viện nên nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, bổ sung thêm một số tác vụ, như chức năng xin/cho phép phúc khảo bài thi để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên khi muốn đăng ký phúc khảo bài thi.

3.6. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Phòng TCCB-LĐ chi tiết hóa quy hoạch cho từng ngành đào tạo của Học viện và đề xuất các chính sách để thu hút GV có trình độ cao về làm việc tại Học viện.

Phòng QL KHCN&HTQT nghiên cứu để định mức khối lượng NCKH cho GV theo hạng bậc và chức danh GV; cần có quy định cụ thể về số lượng đề tài NCKH các cấp và số bài báo công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước cho từng hạng bậc và chức danh giảng viên, ví dụ đối với GV là giáo sư, GV là phó giáo sư yêu cầu thực hiện đề tài NCKH cấp nào, số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước ...; định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ hoàn thành của từng giảng viên.

Khoa phối hợp với các đơn vị đề xuất việc khai thác các nguồn thu hợp pháp bổ sung thêm cho quỹ NCKH của Học viện để có thể tăng định mức chi cho hoạt động NCKH của giảng viên trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện nhằm đạt được mức hấp dẫn cao đối với giảng viên khiến các GV ngày càng đam mê nghiên cứu và tạo ra thêm nhiều hơn nữa những sản phẩm khoa học có hàm lượng chất xám cao hơn.

3.7. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Phòng TCCB-LĐ chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, trong đó có ngành ATTT khi quy hoạch đội ngũ nhân viên của khoa, phòng chức năng để cân đối điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên toàn Học viện.

Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu để có các phương thức thông báo tuyển dụng phong phú và đa dạng để thu hút được rộng rãi nhiều ứng viên tiềm năng từ ngoài xã hội về công tác tại Học viện mức thu nhập của từng vị trí việc làm cần thực sự tạo sự hấp dẫn đối với ứng viên và được xác định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

Phòng TCCB-LĐ nghiên cứu tách các tiêu chí đánh giá năng lực thành những bộ tiêu chuẩn riêng biệt để đánh giá cụ thể năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên theo

từng nhóm đối tượng nhân viên, như: nhân viên Thư viện; nhân viên CNTT; nhân viên các phòng thí nghiệm, nhân viên văn phòng, trung tâm dịch vụ, ...

Phòng TCCB-LĐ thiết kế một lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT theo từng vị trí việc làm để đảm bảo số lượng các đợt đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ NV giữa các đơn vị phục vụ CTĐT được phân bổ đồng đều hơn; cần có cơ chế để nhân viên các phòng thực hành chủ động tìm các khóa tập huấn giúp nâng cao chất lượng công tác phục vụ giảng dạy; cần quan tâm hơn tới số cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các chuyên viên làm công tác giáo vụ, giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập.

3.8. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Phòng CT&CTSV nghiên cứu đề xuất các hình thức quảng bá truyền thông về phương thức tuyển thẳng với các ưu đãi đặc biệt về học bổng để có thể thu hút được nhiều thí sinh đăng ký tuyển thẳng vào học CTĐT ngành ATTT của Học viện.

Phòng TCCB-LĐ đề xuất việc định kỳ bồi dưỡng những kỹ năng tư vấn/hỗ trợ cho người học đặc biệt là kỹ năng tư vấn trong học tập để nâng cao hiệu quả của hoạt động tư vấn/hỗ trợ người học trong thời gian tới.

Trung tâm KT&ĐBCLGD rà soát lại mẫu phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người học, trong đó cần bổ sung thêm các câu hỏi để có thể bao quát được trên phổ rộng các nội dung liên quan đến môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan để đảm bảo có thể thu thập được nhiều thông tin phục vụ cho việc cải tiến chất lượng; đảm bảo mỗi câu hỏi trong phiếu khảo sát đơn nghĩa và sát với nội dung cần khảo sát.

3.9. Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Phòng Kế hoạch Đầu tư lập kế hoạch ngân sách để phân bổ kinh phí cho việc lắp đặt máy điều hoà không khí ở các phòng học chưa có máy điều hoà, cũng như để duy tu và nâng cấp các phòng học đã xuống cấp.

Phòng QL KHCN&HTQT đề xuất kinh phí đầu tư để nâng cấp phần mềm quản lý Thư viện nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý cũng như phục vụ bạn đọc; giải pháp để mở rộng diện tích và tăng số chỗ ngồi trong phòng đọc của Thư viện để có nhiều SV hơn nữa có thể đến học tập tại Thư viện, đặc biệt là vào những thời điểm chuẩn bị có các kỳ thi; phân bổ thêm kinh phí hằng năm để mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo để đảm bảo Thư viện có đủ giáo trình, tài liệu phục vụ cho các CTĐT của Học viện.

Phòng CT&CTSV cụ thể các chính sách đặc thù dành cho người khuyết tật của Học viện bằng các văn bản để thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.

3.10. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Khoa mở rộng quy mô khảo sát đối với đối tượng là các nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp để thu thập được nhiều ý kiến đa chiều phục vụ cho việc

điều chỉnh, cập nhật CTDH ngành ATTT của Học viện, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động rộng lớn.

Khi rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTDH, Khoa nghiên cứu đề xuất các giải pháp để có thể huy động được đông đảo và rộng rãi các bên liên quan, như: các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên tham gia trả lời các phiếu khảo sát để có thể thu thập được các ý kiến hữu ích phục vụ cho việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH của ngành ATTT.

Định kỳ hằng năm, Trung tâm KT&ĐBCLGD đề xuất tổ chức các hội nghị, hội thảo hoặc mở các lớp tập huấn về đổi mới phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá, đề thúc đẩy các bộ môn, GV thường xuyên xem xét lại và cải tiến công tác giảng dạy và kiểm tra đánh giá của bộ môn và của từng cá nhân.

Trung tâm KT&ĐBCLGD phối hợp với các đơn vị định kỳ tổ chức các hội nghị/hội thảo/hợp bàn để rà soát, đổi mới cơ chế phản hồi với sự tham gia của đầy đủ các bên liên quan (CB, GV, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng .) để thu được nhiều ý kiến hữu ích phục vụ cho việc cải tiến cơ chế phản hồi.

3.11. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Phòng Giáo vụ phối hợp với các đơn vị tiếp tục nghiên cứu, phân tích, đánh giá kỹ nguyên nhân tỷ lệ SV thôi học các khóa vẫn đang ở mức khá cao để đưa ra các giải pháp hiệu quả hơn nhằm giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học và chậm tốt nghiệp.

Phòng CT&CTSV phối hợp với Khoa Cơ bản tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ CVHT để có các biện pháp hỗ trợ người học trong việc lập kế hoạch và chọn phương pháp học tập phù hợp để đạt CDR tiếng Anh theo tiến độ đào tạo của khóa học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng kế hoạch và có sinh viên tốt nghiệp sớm.

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các mẫu phiếu khảo sát để có thể thu thập được đầy đủ các thông tin hữu ích từ các bên liên quan phục vụ cho hoạt động cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện. Trong kết cấu các báo cáo kết quả khảo sát nên bổ sung thêm nội dung đề xuất, kiến nghị để tham mưu cho Giám đốc Học viện các chủ trương, giải pháp để cải tiến chất lượng các hoạt động của Học viện.

4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo ngành An toàn thông tin

Tên cơ sở giáo dục: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Mã: BVH và BVS

Tên CTĐT: An toàn thông tin

Mã CTĐT: 7480202

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4,60	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5,00	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4,83	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6				4						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,84	50	100

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Đặng Hoài Bắc

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 01. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ngành An toàn thông tin

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Tiếng Anh: Posts & Telecommunications Institute of Technology

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: HV CN BCVT

Tiếng Anh: PTIT

3. Tên trước đây (nếu có): Không

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Thông tin và Truyền thông

5. Địa chỉ: Số 122 Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: +84.24.3756.2186 Số fax: +84.24.3756.2036

E-mail: vanphonghv@ptit.edu.vn

Website: <http://www.ptit.edu.vn>

7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Năm 1997

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 1997

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Năm 2002

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa An toàn thông tin

Tiếng Anh: Faculty of Information Security

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa ATTT

Tiếng Anh: FIS.

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7480202

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Khoa An toàn thông tin : Tầng 10, nhà A2, Km10, Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội.

Bộ môn An toàn thông tin - Khoa CNTT 2: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Số điện thoại liên hệ:

Khoa An toàn thông tin: Điện thoại: 024.38545604; Email: khoaattt@ptit.edu.vn;
Website: <https://portal.ptit.edu.vn/khoa-an-toan-thong-tin/>

Khoa Công nghệ thông tin 2: Điện thoại: 028.37305316 hoặc 028.38299605;
E-mail: khoacntt2@ptithcm.edu.vn; Website: <https://fit.ptithcm.edu.vn>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

Khoa An toàn thông tin: 2021

Khoa Công nghệ thông tin 2: 1999

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2013

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2018

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Học viện thành lập hai đơn vị phụ trách đào tạo ngành ATTT là (1) Khoa ATTT thực hiện nhiệm vụ đào tạo đại học ngành ATTT tại Cơ sở Học viện tại Hà Đông, Thành phố Hà Nội và Bộ môn ATTT thuộc Khoa Công nghệ thông tin 2 thực hiện nhiệm vụ đào tạo đại học ngành ATTT tại Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Kể từ năm 2013 đến tháng 3 năm 2022, nhiệm vụ đào tạo ngành ATTT tại cơ sở Hà Nội của Học viện được giao cho Bộ môn An toàn thông tin, trực thuộc Khoa CNTT1 thực hiện. Khoa ATTT là đơn vị đào tạo mới trực thuộc Học viện được thành lập vào tháng 4 năm 2022 có nhiệm vụ đào tạo ngành ATTT tại cơ sở Hà Nội của Học viện.

Trực tiếp giảng dạy tại Khoa ATTT gồm giảng viên của Khoa ATTT (Cơ sở Hà Nội), Bộ môn ATTT- Khoa CNTT 2 (Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh) và Viện Công nghệ thông tin và Truyền thông (CDIT) đều là đơn vị thực hiện CTĐT ngành ATTT.

Trong giai đoạn 2019-2023, Khoa đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Nghiên cứu khoa học: Khoa đã thực hiện 02 đề tài cấp Nhà nước, 04 đề tài cấp Bộ; 15 đề tài NCKH cấp Học viện; đã công bố 14 bài đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước, 38 bài đăng trên tạp chí khoa học quốc tế và 30 báo cáo khoa học tại các hội thảo quốc tế và trong nước; xuất bản 02 cuốn sách giáo trình và 09 bài giảng phục vụ đào tạo.

- Các hoạt động hợp tác đào tạo và NCKH: Các chương trình đào tạo của Học viện nói chung và ngành ATTT nói riêng đều được xây dựng với phương châm gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất kinh doanh, vì vậy, Khoa ATTT đã xây dựng mối quan hệ hợp tác đào tạo và NCKH với nhiều đối tác ngoài nước, như Đại học Viễn thông St. Petersburgs (CHLB Nga), Đại học Kỹ thuật Vienna (CH Áo), Đại học Khoa học ứng dụng St. Peolten (CH Áo), Đại học RMIT (Úc), Đại học NSW tại Canberra (Úc), Evo Labs (Singapore); và các đối tác trong nước, như Học viện Kỹ thuật Mật mã, Đại học Công nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội, Công ty an ninh mạng Viettel, Công ty an ninh mạng Việt Nam (VSEC), Công ty VNPT-IT, Công ty FSOFIT, Công ty an ninh mạng thông minh SCS, Công ty an ninh mạng CMC, Công ty an ninh không gian mạng Việt Nam (VNCS), Công ty công nghệ Savis, Công ty PwC Việt Nam, Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)...

- Tổ chức phong trào sinh viên:

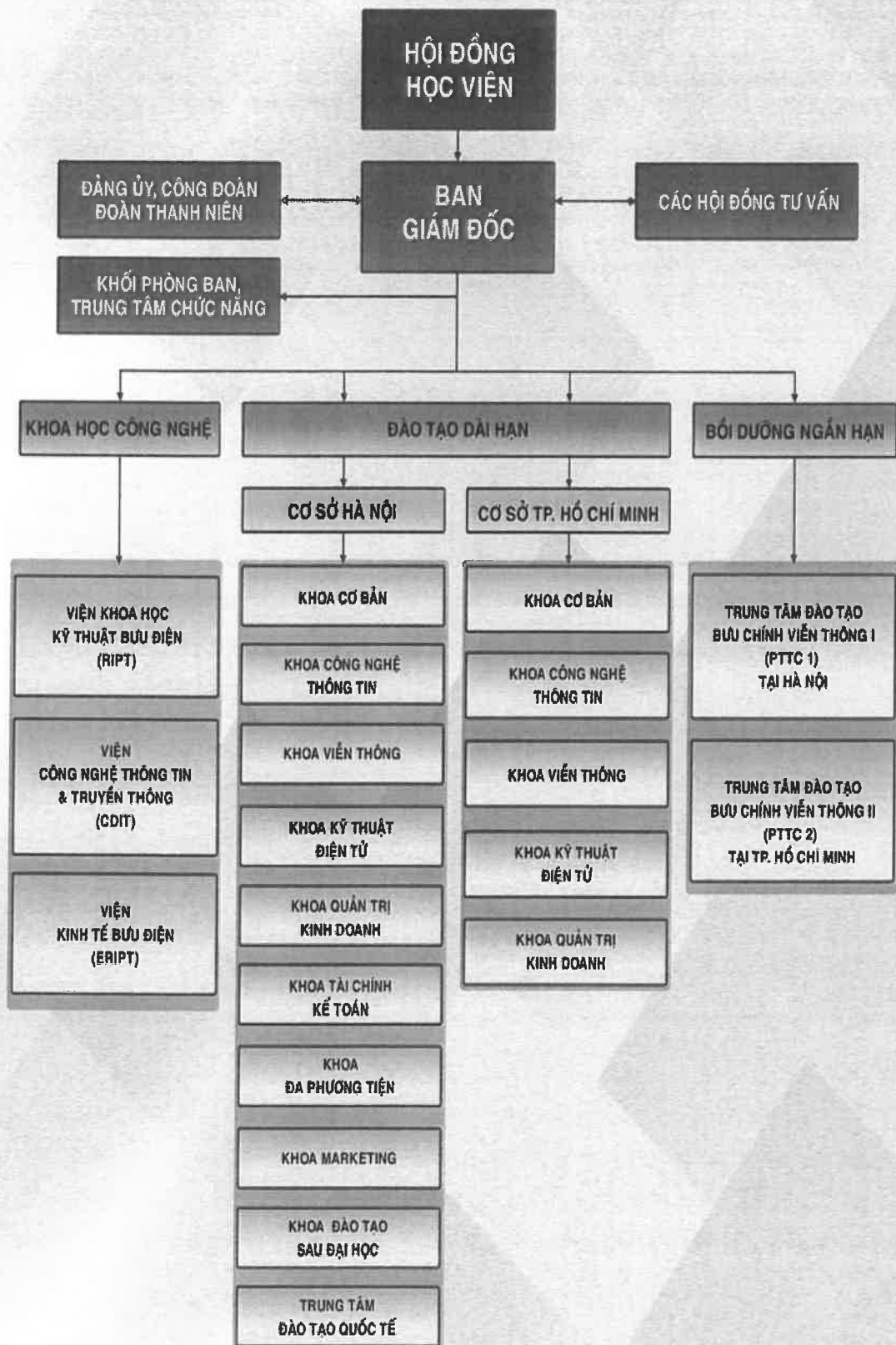
+ Khoa tổ chức cho sinh viên tham gia các cuộc thi chuyên môn về an toàn thông tin, như cuộc thi cấp trường “Sinh viên với an toàn thông tin” được tổ chức hàng năm thu hút 250-300 sinh viên tham gia/kỳ thi.

+ Khoa tổ chức tuyển chọn và đào tạo đội tuyển sinh viên an toàn thông tin của Học viện tham dự các cuộc thi Sinh viên với an toàn thông tin quốc gia và quốc tế. Các đội tuyển sinh viên an toàn thông tin Học viện thường xuyên đạt thứ hạng cao trong các cuộc thi, đã đạt nhiều giải thưởng như Giải Nhì, Giải Ba cuộc thi Sinh viên với an toàn thông tin quốc gia và quốc tế (ASEAN).

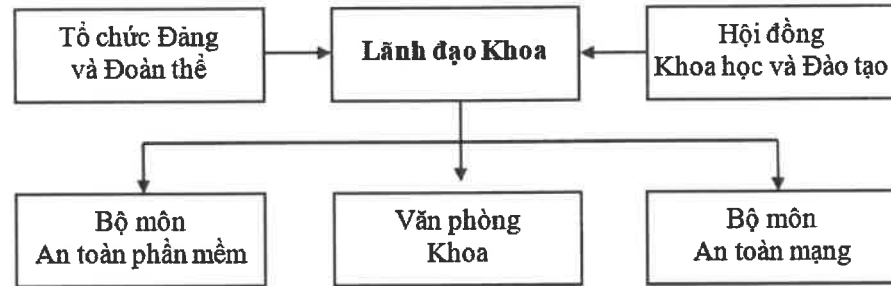
+ Khoa tổ chức hoặc phối hợp tổ chức nhiều hoạt động phong trào tạo sân chơi lành mạnh cho sinh viên: các sự kiện chào tân sinh viên hàng năm, các cuộc thi tài năng, văn hóa, văn nghệ trong sinh viên và hỗ trợ phát triển Câu lạc bộ An toàn thông tin cho sinh viên với hơn 50 thành viên tham gia

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

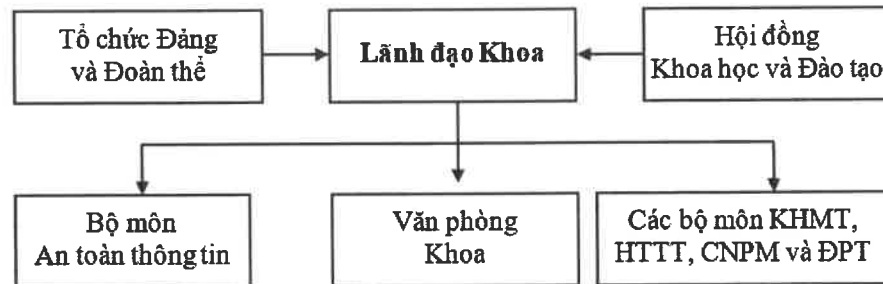
23.1 Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục (Xem sơ đồ trang sau)



23.2 Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa ATTT



23.3. Cơ cấu tổ chức của Khoa Công nghệ thông tin 2



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.
(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1	Hội đồng Học viện	Từ Minh Phương	1971	GS.TS. Chủ tịch Hội đồng	0913507508	phuongtm@ptit.edu.vn
2	Ban Giám đốc	Đặng Hoài Bắc	1976	PGS.TS. Giám đốc	0903284728	bacdh@ptit.edu.vn
		Vũ Tuấn Lâm	1962	TS. Phó giám đốc	0903426232	lamvt@ptit.edu.vn
		Trần Quang Anh	1974	PGS.TS. Phó giám đốc	0911762222	tqanh@ptit.edu.vn
		Tân Hạnh	1964	TS, Phó giám đốc	0907106251	tanhanh@ptit.edu.vn
	Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT					
	Khoa An toàn thông tin					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.		Hoàng Xuân Dậu	1969	PGS. TS, Trưởng khoa	0904534390	dauhx@ptit.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội SV					
1	Bí thư Chi bộ	Nguyễn Duy Phương	1965	TS, Bí thư chi bộ	0913575442	phuongnd@ptit.edu.vn
2.	Chủ tịch Công đoàn	Nguyễn Ngọc Điệp	1980	TS, Tổ trưởng công đoàn	0898980205	diepnguyennngoc@ptit.edu.vn
3.	Bí thư Đoàn TN					
III.	Các bộ môn					

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1.	Bộ môn An toàn phần mềm	Hoàng Xuân Dậu	1969	PGS. TS, Trưởng bộ môn	0904534390	dauhx@ptit.edu.vn
1.	Bộ môn An toàn mạng	Nguyễn Ngọc Điệp	1980	TS, Trưởng bộ môn	0898980205	diepnguyenngoc@ptit.edu.vn
	Khoa Công nghệ thông tin 2					
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.		Nguyễn Hồng Sơn	1968	TS, Trưởng khoa CNTT2	0913717565	ngson@ptithcm.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội SV					
1	Bí thư Chi bộ	Nguyễn Văn Sáu	1973	ThS, Bí thư chi bộ	0931054010	saunv@ptithcm.edu.vn
2.	Chủ tịch Công đoàn	Huỳnh Trọng Thừa	1977	TS, Trưởng bộ môn AITT	0909899791	hthua@ptithcm.edu.vn
3.	Bí thư Đoàn TN					
III.	Các bộ môn					
2.	Bộ môn ATTTT	Huỳnh Trọng Thừa		TS, Trưởng bộ môn		thuaht@ptit.hcm.edu.vn
3.	Bộ môn CNĐPT	Lê Minh Hóa		ThS, Phụ trách bộ môn		hoalm@ptit.hcm.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Ngành ATTT
gồm có 1 chuyên ngành là An toàn thông tin

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không.

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☒	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01.

IV. Cán bộ quản lý, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	26	9	35
I.1	Đội ngũ trong biên chế			
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	26	9	35
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	25	6	31

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² GV thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0		0			
2	Phó Giáo sư	6		5	1		
3	Tiến sĩ khoa học	0		0			
4	Tiến sĩ	13		13			
5	Thạc sĩ	15		15			
6	Đại học	01		01			
7	Cao đẳng	0		0			
8	Trình độ khác	0		0			
	Tổng số	35		34	1		

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 34 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $34/35 = 97,14\%$

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	GS, VS	5,0	0		0				0
2	PGS	3,0	6		5	1			15.3
3	TSKH	3,0	0		0				0
4	Tiến sĩ	2,0	13		13				26
5	Thạc sĩ	1,0	15		15				15
6	Đại học	0,3	01		01				0.3
	Tổng		35	0	34	1	0	0	56.6

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	GS, VS	0	0.00%	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó GS	6	17.14%	5	1	0	1	1	0	4
3	TSKH	0	0.00%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	13	37.14%	11	2	0	2	7	2	2
5	Thạc sĩ	15	42.86%	9	6	1	8	5	1	0
6	Đại học	01	2.86%	01	0	0	1	0	0	0
	Tổng	35	100%	26	9	1	12	13	3	6

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 39,8 tuổi.

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $19/35 = 54,29\%$

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $15/35 = 42,86\%$

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	100	
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (%)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2018-2019	2785	375	7.43	370	BVH: 20.80 TTNV $\leq$ 2 BVS: 19.00 TTNV $\leq$ 7	20,25	0
2019-2020	2193	310	7.07	306	BVH: 23,35 TTNV $\leq$ 3 BVS: 20,00 TTNV = 1	22,50	0
2020-2021	2866	272	10.54	272	BVH: 26,25 TTNV $\leq$ 10 BVS: 24,20 TTNV $\leq$ 18	25,37	0
2021-2022	5122	293	17.48	284	BVH: 26.55 TTNV $\leq$ 5 BVS: 25.40 TTNV $\leq$ 11	25,51	0
2022-2023	4404	320	13.76	316	BVH: 26,70 TTNV $\leq$ 3 BVS: 25,05 TTNV $\leq$ 7	26,23	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. SV đại học	1045	1119	1175	1170	1125
Trong đó:					
Hệ chính quy	1045	1119	1175	1170	1125
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Khác ...	0	0	0	0	0

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5.727	5.727	5.727	5.727	5.727
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	1.150	1.160	1.140	1.150	1.200
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	960	970	950	950	980
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5,9	5,9	6,0	6,0	5,8

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

Các tiêu chí	Năm học				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
Số lượng (người)	50	50	39	26	19
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	1,37	1,28	1,95	0,62	0,44

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. SV tốt nghiệp đại học	193	201	93	125	220
Trong đó:					
Hệ chính quy	193	201	93	125	220
Hệ không chính quy					
4. SV tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018 (TN năm 2018)	2018-2019 (TN năm 2019)	2019- 2020 (TN năm 2020)	2020- 2021 (TN năm 2021)	2021- 2022 (TN năm 2022)
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	1045	1119	1175	1170	1125
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	75,29	67,74	67,06	55,05	54,69

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	84	78,4	83,7	86	87,12
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	21,62	24,12	22,00	81,42	84,36
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	5,15	7,25	6,50	2,10	2,13
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	8.5	10,02	11,00	13,00	11,24
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5-10 triệu chiếm 44%	5-10 triệu chiếm 68.2%	5-10 triệu chiếm 54.11%	5-15 triệu chiếm: 79.8%	5-20 triệu chiếm: 82.19%
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	Ứng dụng cao và phù hợp: 54,80	Ứng dụng cao và phù hợp: 67,30	Ứng dụng cao và phù hợp: 68,35	Ứng dụng cao và phù hợp: 75,00	Ứng dụng cao và phù hợp: 75,00

5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	Ứng dụng không cao: 21,0	Ứng dụng không cao: 31,7	Ứng dụng không cao: 30,75	Ứng dụng không cao: 15,2	Ứng dụng không cao: 15,2
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	Không ứng dụng: 7,5	Không ứng dụng: 0	Không ứng dụng: 0	Không ứng dụng: 9,8	Không ứng dụng: 9,8

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	1	0	0	2
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	1	3	2	2	2	10
3	Đề tài cấp trường	0,5	18	22	30	36	29	67,5
	Tổng		19	25	33	38	31	79,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

Tổng số đề tài quy đổi: 79,5 đề tài

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $79,5/35 = 2,27$.

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	1.240	2	20,67
2	2020	3.356	5	55,93
3	2021	3.880	6	64,67
4	2022	128	0,2	2,13
5	2023	425	0,6	7,08

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	10	37	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	26	
Trên 6 đề tài	0	0	12	
Tổng số cán bộ tham gia	1	10	12	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5	2			1	1	06
3	Sách tham khảo	1,0						
4	Sách hướng dẫn	0,5	12	6	3	13	16	25
	Tổng		14	6	3	14	17	31

Tổng số sách (quy đổi): 31

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $31/35 = 0,89$.

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	3	0	33
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	05
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	3	0	38

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019	2020	2021	2022	2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	12	9	9	8	8	69
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	4	3	3	4	3	17
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	1	4	4	1	5
	Tổng		4	6	12	11	0	91

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng GSN

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 91 bài.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $91/35 = 2,6$.

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus, ...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	1	6
Từ 6 đến 10 bài báo	3	2	1
Từ 11 đến 15 bài báo	1	1	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	8	4	7

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	3	2	4	7	2	18.0
2	Hội thảo trong nước	0,5	5	3	2	6	4	10
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
	Tổng		8	5	6	13	6	28

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 28 bài

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $28/35 = 0,80$.

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	2	1
Từ 6 đến 10 báo cáo	2	1	1
Từ 11 đến 15 báo cáo	1	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	8	3	2

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp: Không.

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	170	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	170	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của SV: (Tổng kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	2	0	3	1	1
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 127.694,70 m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 79.376 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 26.402,0 m² Nơi học: 46.640,0 m² Nơi vui chơi giải trí: 4.335 m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 11.991 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $11.991/15.324 = 0.73\text{m}^2/\text{sinh viên}$.

- Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy là 5,18 m²/SV.

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 77 giáo trình và tài liệu tham khảo.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 0

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 477

- Dùng cho người học học tập: 840

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: $840/15.324=0,05$.

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên

Tổng số GV cơ hữu (người): 35.

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $34/35 = 97,14\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $19/35 = 54,29\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $15/35 = 42,86\%$.

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 1125 SV.

Tỷ số người học chính quy trên GV trung bình trong 5 năm: 18,38 SV/GV.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 87,36%.

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Không điều tra.

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Không điều tra.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 87,12%.

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 8,27%.

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 12,1 triệu VNĐ.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 86,24%.

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 14,26%.

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $79,5/35 = 2,27$.

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0,48.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $31/35 = 0,89$.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $91/35 = 2,6$.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $28/35 = 0,80$.

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: $840/15.324 = 0,05$.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: $11.991/15.324 = 0,73\text{m}^2/\text{SV}$.

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy là $5,18\text{ m}^2/\text{SV}$.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: $24.834/15.324 = 1,62\text{ m}^2/\text{SV}$.

Phụ lục 02: Các tư liệu, tài liệu liên quan

1. Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (*Trang 269*)

2. Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành An toàn thông tin (*Trang 274*)

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Số: 1963/QĐ-HV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành An toàn thông tin

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động và Trường trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành An toàn thông tin gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành An toàn thông tin có Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách gồm các Ông/ Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng Tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành An toàn thông tin theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013, Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động, Trường Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Khoa An toàn thông tin, Trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông/Bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐHV để (b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD.





**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN**
(Kèm theo Quyết định số 1963/QĐ-HV ngày 27/12/2022 của Giám đốc Học viện)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Đặng Hoài Bắc	Giám đốc Học viện, Phó Bí thư Đảng ủy Học viện	Chủ tịch
2.	PGS.TS. Trần Quang Anh	Phó Giám đốc Học viện	Phó chủ tịch
3.	TS. Tân Hạnh	Phó Giám đốc Học viện, Chủ tịch Công đoàn Học viện	Phó chủ tịch
4.	PGS. TS. Hoàng Xuân Dâu	Trưởng khoa An toàn thông tin	Phó chủ tịch thường trực
5.	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc Trung tâm ĐTBCTI	Ủy viên thường trực
6.	TS. Nguyễn Hồng Sơn	Trưởng khoa CNTT2	Ủy viên
7.	TS. Huỳnh Trọng Thưa	Phó trưởng khoa CNTT2 - Trưởng bộ môn ATTT	Ủy viên
8.	TS. Nguyễn Ngọc Diệp	GV, Trưởng bộ môn An toàn mạng Khoa ATTT	Ủy viên
9.	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Ủy viên
10.	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT	Ủy viên
11.	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB-LĐ	Ủy viên
12.	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền trưởng phòng Đào tạo Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Ủy viên
13.	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ Thư ký Hội đồng Học viện	Ủy viên
14.	TS. Ngô Đức Thiện	Trưởng phòng QLKH&HTQT	Ủy viên
15.	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Ủy viên
16.	ThS. Đinh Hồng Hải	Phó trưởng phòng KHĐT	Ủy viên
17.	ThS. Trần Vũ Hải	Chánh văn phòng Học viện	Ủy viên
18.	TS. Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng trung tâm TN-TH	Ủy viên
19.	CN. Cao Xuân Hiền	Giám đốc trung tâm Dịch vụ	Ủy viên
20.	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
21.	ThS. Lê Quang Phú	Trưởng phòng ĐT&KH&CN - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
22.	ThS. Lưu Nguyễn Kỳ Thư	Trưởng phòng Giáo vụ - Cơ sở Học viện tại Tp.HCM	Ủy viên
23.	ThS. Chung Hải Bằng	Bí thư Đoàn Thanh niên Học viện	Ủy viên
24.	Phạm Thị Văn Anh	Sinh viên Lớp D20CQAT03-B	Ủy viên
25.	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

(Danh sách gồm có 25 người)



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN**

(Kế hoạch Quyết định số 1963/QĐ-HV ngày 27/12/2022 của Giám đốc Học viện)

STT	* Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	CN. Nguyễn Xuân Trường	Phó giám đốc Trung tâm ĐTBCT1	Trưởng Ban
2.	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Phó trưởng Ban
3.	PGS.TS. Đỗ Xuân Chơ	GV Khoa An toàn thông tin	Ủy viên
4.	TS. Đinh Trường Duy	GV Khoa An toàn thông tin	Thành viên
5.	ThS. Vũ Minh Mạnh	GV Khoa An toàn thông tin	Thành viên
6.	ThS. Ninh Thị Thu Trang	GV Khoa An toàn thông tin	Thành viên
7.	ThS. Nguyễn Hoa Cương	GV Khoa An toàn thông tin	Thành viên
8.	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thành viên
9.	CN. Trịnh Thị Hằng	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thành viên
10.	ThS. Cao Minh Hằng	CV Phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
11.	CN. Đào Thị Thanh Thủy	CV Phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
12.	ThS. Phạm Lê Huy	Phó trưởng phòng TCCB-LĐ	Thành viên
13.	ThS. Phạm Hồng Minh	CV phòng TCCB-LĐ	Thành viên
14.	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	CV Phòng QLHCN&HTQT	Thành viên
15.	ThS. Bùi Thị Minh Huệ	CV Phòng QLHCN&HTQT	Thành viên
16.	ThS. Nguyễn Thị Thu Nga	CV Phòng QLHCN&HTQT	Thành viên
17.	ThS. Nguyễn Hồng Huệ	Phó trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
18.	ThS. Đinh Thị Bích Hạnh	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
19.	ThS. Trần Hoàng Sơn	Phó trưởng phòng KHĐT	Thành viên
20.	CN. Nguyễn Hồng Minh	CV Phòng Giáo vụ	Thành viên
21.	ThS. Nguyễn Ngọc Quang	CV Phòng Giáo vụ	Thành viên
22.	ThS. Lê Thị Cẩm Thuần	Phó chánh Văn phòng Học viện	Thành viên
23.	CN. Nguyễn Thị Mơ	CV Văn phòng Học viện	Thành viên
24.	ThS. Dương Thị Hà Quyên	CV Pháp chế - VPHV	Thành viên
25.	ThS. Trần Quang Thuận	Trưởng phòng CTSV - CSHV	Thành viên
26.	ThS. Nguyễn Thanh Vân	Trưởng phòng TCHCQT - CSHV	Thành viên
27.	ThS. Trần Quang Hưng	Phòng Kế hoạch Đầu tư	Thành viên
28.	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
29.	CN. Lê Thị Kim Nhung	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
30.	ThS. Nguyễn Thu Trang	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
31.	ThS. Phạm Trần Lan Anh	Trợ lý Khoa ATTT	Thành viên

(Danh sách gồm có 31 người)

**DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN**

(Kèm theo Quyết định số 1963 / QĐ-HV ngày 27/12/2022 của Giám đốc Học viện)

Nhóm 1: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 1, 2 và 3

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Hoàng Xuân Dậu	Trưởng khoa An toàn thông tin	Trưởng nhóm
2	ThS. Đặng Văn Tùng	Quyền trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
3	TS. Huỳnh Trọng Thừa	Phó trưởng khoa CNTT2	Thành viên
4	TS. Đinh Trường Duy	GV Khoa An toàn thông tin	Thành viên
5	ThS. Ninh Thị Thu Trang	GV Khoa An toàn thông tin	Thư ký

Nhóm 2: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 4 và Tiêu chí 10.1, 10.2, 10.3

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Ngọc Điệp	Trưởng bộ môn ATM, Khoa ATTT	Trưởng nhóm
2	ThS. Vũ Minh Mạnh	GV Khoa An toàn thông tin	Thành viên
3	ThS. Đỗ Hải Yến	Trưởng phòng CT&CTSV	Thành viên
4	ThS. Nguyễn Chí Thành	Trưởng phòng Giáo vụ	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Hoa Cương	GV Khoa An toàn thông tin	Thư ký

Nhóm 3: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 5 và các tiêu chí 10.6 và 11.5

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Trần Thị Mỹ Hạnh	Trưởng trung tâm KT&ĐBCLGD	Trưởng nhóm
2	ThS. Nguyễn Hoàng Thanh	Trưởng TT KT&ĐBCLGD - CSHV	Thành viên
3	ThS. Lê Thị Cẩm Thuận	Phó chánh Văn phòng Học viện	Thành viên
4	ThS. Lê Thị Hội An	CV Phòng CT&CTSV	Thành viên
5	KS. Nguyễn Hải Ngọc	CV Trung tâm KT&ĐBCLGD	Thư ký

Nhóm 4: Viết báo cáo Tiêu chuẩn 6 và 7 (trừ tiêu chí 6.7).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Đặng Thu Hà	Trưởng phòng TCCB-LĐ	Trưởng nhóm
2	ThS. Nguyễn Thị Bích Liên	Trưởng phòng TCKT	Thành viên
3	ThS. Nguyễn Thanh Vân	Trưởng phòng TCHCQT - CSHV	Thành viên
4	ThS. Phạm Lê Huy	Phó trưởng phòng TCCB-LĐ	Thành viên
5	ThS. Phạm Hồng Minh	CV Phòng TCCB-LĐ	Thư ký

Nhóm 9: Viết báo cáo Tiêu chí 9.1, 9.3, 9.4 và 10.5

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Trần Vũ Hải	Chánh văn phòng Học viện	Trưởng nhóm
2	ThS. Nguyễn Thanh Vân	Trưởng phòng TCHCQT - CSHV	Thành viên
3	TS. Nguyễn Quý Sỹ	Trưởng trung tâm TN-TH	Thành viên
4	KS. Cao Xuân Hiền	Giám đốc trung tâm Dịch vụ	Thành viên
5	ThS. Trần Quang Hưng	CV Phòng Kế hoạch Đầu tư	Thành viên
6	ThS. Cao Minh Hằng	CV Phòng Tài chính - Kế toán	Thành viên
7	CN. Nguyễn Thị Mơ	CV Văn phòng Học viện	Thư ký

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Số 1534/KH-HV

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH AN TOÀN THÔNG TIN

I. Mục đích tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành An toàn thông tin sẽ giúp Học viện và Khoa An toàn thông tin đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo kỹ sư An toàn thông tin so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Học viện; tự xem xét, đánh giá CTĐT của Học viện để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành An toàn thông tin để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Học viện đối với xã hội và cộng đồng.

- Thực hiện việc giải trình với cơ quan lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình đào tạo, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình và nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực được đào tạo từ Học viện.

- Là cơ sở để Học viện cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Học viện trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội. Tự đánh giá (TĐG) CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch. Giúp các bên liên quan biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT ngành An toàn thông tin theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT ngành An toàn thông tin hiệu quả hơn.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành An toàn thông tin.

II. Phạm vi tự đánh giá

Khoa An toàn thông tin tiến hành đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành An toàn thông tin theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện và sự cung cấp thông tin, minh chứng của các đơn vị chức năng Học viện, qua các thông tin và minh chứng



trong 5 năm, giai đoạn 2019-2023 (Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2023).

III. Công cụ tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành An toàn thông tin của Khoa An toàn thông tin và Học viện được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành An toàn thông tin được thành lập theo Quyết định số 1963/QĐ-HV ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Học viện), Hội đồng gồm có 25 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo)

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Ban thư ký:

- Phối hợp với các nhóm công tác chuyên trách tổ chức thu thập thông tin minh chứng cho các tiêu chí, tiêu chuẩn theo tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH) tại công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức biên soạn phần I. Tổng quan và phần IV. Cơ sở dữ liệu kiểm định của Báo cáo TĐG CTĐT ngành An toàn thông tin.

b) Các nhóm công tác chuyên trách, cá nhân thực hiện

TT	Tiêu chuẩn Tiêu chí	Cơ sở dữ liệu kiểm định	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2 và 3	Mục 13 đến 21 Mục 25 đến 32	Nhóm 1	30/01/2023+02/4/2023	
2	- Tiêu chuẩn 4 - Tiêu chí 10.1, 10.2 và 10.3		Nhóm 2	30/01/2023+02/4/2023	
3	- Tiêu chuẩn 5 - Tiêu chí 10.6 và 11.5		Nhóm 3	30/01/2023+02/4/2023	
4	- Tiêu chuẩn 6 (trừ tiêu chí 6.7). - Tiêu chuẩn 7	Mục 22, 23, 24 Mục 33 đến 37	Nhóm 4	30/01/2023+02/4/2023	
5	Tiêu chí 6.7, 9.2, 10.4 và 11.4	Mục 42, 60 Mục 45 đến 55	Nhóm 5	30/01/2023+02/4/2023	

TT	Tiêu chuẩn Tiêu chí	Cơ sở dữ liệu kiểm định	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
6	Tiêu chí 8.1 và 8.2	Mục 38, 39, 40	Nhóm 6	30/01/2023+02/4/2023	
7	Tiêu chí 8.3, 11.1 và 11.2	Mục 43	Nhóm 7	30/01/2023+02/4/2023	
8	Tiêu chí 8.4, 8.5, 9.5 và 11.3	Mục 44	Nhóm 8	30/01/2023+02/4/2023	
9	Tiêu chí 9.1, 9.3, 9.4 và 10.5	Mục 41, 56, 57, 58, 59, 61	Nhóm 9	30/01/2023+02/4/2023	

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: Dự kiến trong tháng 02/2023

2. Thành phần: Lãnh đạo Học viện; cán bộ giảng viên làm công tác đảm bảo CLGD; thành viên hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách của các chương trình đào tạo đăng ký tự đánh.

3. Nội dung, chương trình tập huấn:

- Tập huấn về kỹ năng viết báo cáo tự đánh giá để kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ban hành ngày 14/3/2016.
- Hướng dẫn xác định minh chứng và thực hành viết các tiêu chí theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT theo từng nhóm.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

Giao Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực phục vụ cho công tác TĐG CTĐT ngành An toàn thông tin (Nhân sự, tài chính, CSVC, trang thiết bị, ...) báo cáo Lãnh đạo Học viện phê duyệt để tổ chức thực hiện.

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các thông tin cần thu thập từ bên ngoài do các nhóm chuyên trách đề nghị (cụ thể về nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Thuê chuyên gia hướng dẫn tìm minh chứng và thực hành viết các tiêu chí theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT cho Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách.

Khảo sát ý kiến của các chuyên gia, doanh nghiệp, cựu sinh viên tốt nghiệp ngành An toàn thông tin tại Học viện; khảo sát về CTĐT và đối sánh tỷ lệ sinh viên NCKH, tốt nghiệp, thôi học với cùng chuyên ngành của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG

thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã MC.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bằng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 (26/12/2022÷ 01/01/2023)	1. Hợp Ban giám đốc Học viện và lãnh đạo Khoa An toàn thông tin để thảo luận mục đích, yêu cầu, thời gian và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. 2. Giám đốc Học viện ký quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. 3. Hợp Hội đồng TĐG CTĐT với nội dung: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG. - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách. - Trao đổi, thống nhất Kế hoạch TĐG CTĐT. - Thống nhất dự thảo Đề cương báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 2-5 (02/01/2023÷ 29/01/2023)	1. Giám đốc Học viện phê duyệt và công bố kế hoạch TĐG CTĐT. 2. Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện TĐG CTĐT. 3. Tổ chức hội thảo về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG CTĐT đối với đội ngũ cán bộ tham gia Hội đồng TĐG và cán bộ chủ chốt các đơn vị có liên quan. 4. Hướng dẫn phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng; phân tích và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 6-14 (30/01/2023÷ 02/4/2023)	1. Thu thập hồ sơ minh chứng và viết Báo cáo kết quả thu thập hồ sơ minh chứng. Hoàn thành Phiếu phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 2. Hợp HĐ TĐG để thông qua danh mục hồ sơ MC của các Nhóm công tác và thống nhất danh mục các hồ sơ, minh chứng cần thu thập bổ sung.
Tuần 15-20 (03/4/2023÷ 14/5/2023)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).

Thời gian	Nội dung hoạt động
	3. Thư ký HĐ tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 21-24 (15/5/2023÷ 11/6/2023)	1. Hội đồng TĐG CTĐT để xem xét các báo cáo tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được và các thông tin cần thu thập bổ sung; ... 2. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu có). 3. Hội đồng TĐG CTĐT họp với các khoa, phòng, ban để thảo luận về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 25-32 (12/6/2023÷ 06/8/2023)	1. Thường trực HĐ nhận BC TĐG do các Nhóm chỉnh sửa để xin ý kiến thẩm định của các thành viên hội đồng và chuyên gia tư vấn; 2. Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các khoa, bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ Học viện và Khoa An toàn thông tin. 3. Đăng tải nội dung Báo cáo TĐG CTĐT lên website Học viện để xin ý kiến và đề nghị các Nhóm tiếp tục chỉnh sửa báo cáo và bổ sung MC. 4. Các khoa, bộ môn, phòng ban, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, người học Ngành An toàn thông tin đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 33-37 (07/8/2023÷ 17/9/2023)	1. Các Nhóm Công tác chuyên trách chỉnh sửa, hoàn thiện vào cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và gửi cho Thường trực HĐ. 2. Thường trực hội đồng tổng hợp thành Báo cáo TĐG CTĐT gửi các thành viên hội đồng để xin ý kiến thẩm định. 3. Hội đồng TĐG CTĐT để thống nhất việc bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. 4. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG, hoàn thiện báo cáo TĐG và trình Giám đốc Học viện, Chủ tịch HĐ TĐG CTĐT phê duyệt.
Tuần 38-40 (18/9/2023÷ 08/10/2023)	1. Học viện gửi báo cáo TĐG CTĐT tới Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT để xin ý kiến trước khi đánh giá ngoài. 2. Sau khi nhận được phản hồi của Cục Quản lý chất lượng, Học viện rà soát và sửa lại báo cáo TĐG theo yêu cầu của Cục Quản lý chất lượng hoặc giải trình (nếu giữ nguyên ý kiến) và gửi lại cho Cục Quản lý chất lượng. 3. Học viện gửi báo cáo TĐG CTĐT cho Bộ Thông tin và Truyền thông, kèm theo công văn đề nghị Bộ TT&TT quan tâm, hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT theo các kế hoạch hành động đã nêu trong báo cáo TĐG.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 41-42 (09/10/2023÷ 22/10/2023)	1. Trung tâm KT&ĐBCLGD lưu trữ báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo đã được phê duyệt cùng toàn bộ hồ sơ liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện để chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài. Hồ sơ lưu trữ gồm: a) Quyết định thành lập hội đồng TĐG; b) Kế hoạch TĐG; c) Các Phiếu đánh giá tiêu chí; d) Báo cáo TĐG; e) Các thông tin, minh chứng (có thể lưu trữ riêng hoặc lưu trữ, bảo quản tại hồ sơ lưu trữ đang sử dụng của nhà trường, nhưng phải bảo đảm nguyên tắc thuận tiện tra cứu và sử dụng); f) Các văn bản liên quan (nếu có). 2. Lưu bản sao báo cáo tự đánh giá CTĐT tại Thư viện Học viện 3. Trung tâm KT&ĐBCLGD xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT hằng năm.

Học viện thông báo để các đơn vị triển khai tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

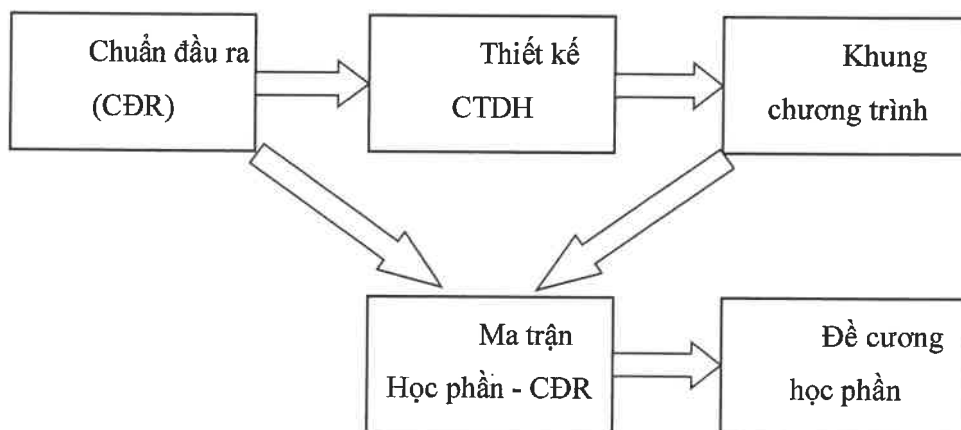
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Hội đồng TĐG CTĐT (để t/h);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện (để t/h);
- Lưu VT, KT&ĐBCLGD



Đặng Hoài Bắc

3. Các bảng biểu tổng hợp, thống kê số liệu theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

(1) Hình 3.1: Quy trình thiết kế chương trình dạy học Ngành ATTT tại Học viện



(2) Bảng 3.1: Chuẩn đầu ra của CTDH ngành ATTT năm 2022

TT	Nhóm CĐR	Ký hiệu	Giải thích
1	CĐR về kiến thức	LO1, LO2, LO3	Các CĐR về kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành
2	CĐR kỹ năng nghề nghiệp chung	LO4, LO5, LO6, LO7, LO8, LO9, LO10	Các CĐR kỹ năng nghề nghiệp chung
3	CĐR kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành	LO11, LO12, LO13, LO14	Các CĐR kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành ATTT
4	CĐR kỹ năng mềm	LO15, LO16	Các CĐR về kỹ năng làm việc nhóm, CĐR về chứng chỉ và khả năng sử dụng tiếng Anh
5	CĐR về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm	LO17, LO18	Các CĐR về năng lực tự chủ, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

(3) Bảng 3.2: Chuẩn đầu ra, khối kiến thức và học phần của CTDH

TT	CĐR	Khối kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTDH	Học phần
1	LO1, LO2, LO3, LO4, LO5, LO8,	- Kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và vận dụng kiến thức trong học tập, nghiên	Lý luận chính trị, Giải tích 1-2, Đại số, Vật lý 1-3 và thí nghiệm, Xác suất thống kê,

TT	CĐR	Khối kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTDH	Học phần
	LO9, LO10, LO11, LO12, LO13, LO14, LO15, LO16, LO17	cứu và thực hiện hoạt động nghề nghiệp; - Kiến thức cơ sở của ngành CNTT và vận dụng các kiến thức này trong hoạt động nghề nghiệp; - Kiến thức cơ sở của ngành ATTT	Tin học cơ sở 1-2; Kỹ thuật số, Toán rời rạc 1-2, Ngôn ngữ lập trình C++, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật, Cơ sở dữ liệu, Kiến trúc máy tính, Lý thuyết thông tin, Hệ điều hành, Lập trình hướng đối tượng, Mạng máy tính, Nhập môn công nghệ phần mềm, Lập trình Web, Lập trình với Python, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, Nhập môn trí tuệ nhân tạo; Cơ sở an toàn thông tin, Mật mã học cơ sở, Thực tập cơ sở
2	LO2, LO3, LO4, LO5, LO8, LO9, LO10, LO11, LO12, LO13, LO14, LO15, LO16, LO17, LO18	Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục chuyên nghiệp	Kiểm thử xâm nhập, Hệ điều hành Windows và Linux/Unix, An toàn mạng, An toàn hệ điều hành, Quản lý an toàn thông tin, An toàn ứng dụng Web và Cơ sở dữ liệu, An toàn mạng nâng cao, Kỹ thuật theo dõi, giám sát an toàn mạng, Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động, IoT và ứng dụng, Mật mã học nâng cao, Phát triển phần mềm an toàn, Khoa học pháp lý số, Các kỹ thuật giấu tin, Phân tích mã độc
3	LO1, LO2, LO3, LO15,	- Kỹ năng giao tiếp: giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc	Kỹ năng thuyết trình, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng

TT	CDR	Khối kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTDH	Học phần
	LO16, LO17	trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ và các vấn đề kinh tế xã hội; - Kỹ năng làm việc nhóm: biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm; - Kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc. - Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế; - Sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với cộng đồng công nghệ thông tin khu vực và quốc tế sau khi ra trường.	tạo lập văn bản, Kỹ lập kế hoạch và tổ chức công việc, Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng tư duy sáng tạo, Tiếng Anh.
4	LO3, LO4, LO5, LO6, LO7, LO8, LO9, LO10, LO11, LO12, LO13, LO14, LO15, LO16, LO17, LO18	Khối kiến thức, kỹ năng thực tập và tốt nghiệp: - Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc; - Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về	Thực tập cuối khóa, Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp/ học và thi các học phần thay thế ĐAKLTN

TT	CĐR	Khối kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm của CTDH	Học phần
		ngành nghề đào tạo; - Năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.	

(4). Bảng 3.3: Cấu trúc các khối kiến thức của CTDH ngành ATTT phiên bản 2022 và khả năng đáp ứng các Chuẩn đầu ra

TT	Khối kiến thức	Số TC		Đáp ứng CĐR
		Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Kiến thức giáo dục đại cương			
	<i>Bắt buộc</i>	61.5	37.4	
	<i>Tự chọn</i>	0	0	
	<i>Thực hành, thực tập, thực tế</i>	4.8	2.9	
1.1	Kiến thức lý luận chính trị	11	6.7	LO1, LO15, LO17, LO18
1.2	Kiến thức KHXH-NV			
1.3	Kiến thức ngoại ngữ	14	8.5	LO1, LO2, LO15, LO16
1.4	Kiến thức Toán, Tin và KHTN	25	15.2	LO1, LO2, LO15
1.5	Giáo dục Thể chất	4	2.4	
1.6	Giáo dục Quốc phòng & An ninh	7.5	4.6	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành	56	34	LO2, LO3, LO4, LO5, LO8, LO9, LO10, LO11, LO12, LO13, LO14, LO15, LO16, LO17
	<i>Bắt buộc</i>	56	34	
	<i>Tự chọn</i>	0	0	
	<i>Thực hành, thực tập, thực tế</i>	6.6	4	
2.2	Kiến thức chuyên ngành	32	19.5	LO2, LO3, LO4, LO5, LO8, LO9, LO10, LO11, LO12,
	<i>Bắt buộc</i>	28	17	
	<i>Tự chọn</i>	4	2.4	

	<i>Thực hành, thực tập, thực tế</i>	4.7	2.9	LO13, LO14, LO15, LO16, LO17, LO18
2.3	Kiến thức bổ trợ nếu có (<i>kỹ năng mềm, hướng nghiệp...</i>)	3	1.8	LO2, LO3, LO15, LO16, LO17
3	Thực tập và tốt nghiệp			
3.1	Thực tập tốt nghiệp	6	3.6	LO3, LO4, LO5, LO6, LO7, LO8, LO9, LO10, LO11, LO12, LO13, LO14, LO15, LO16, LO17, LO18
3.2	Khóa luận tốt nghiệp	6	3.6	
3.3	Thi tốt nghiệp môn thay thế	6	3.6	
Cộng		164.5	100	

(5). Bảng 3.4: Ma trận liên kết giữa học phần và Chuẩn đầu ra

Tên học phần	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																				
		Kiến thức			Kỹ năng nghề nghiệp chung								KN ng. nghiệp chuyên ngành						K. năng mềm		NL TC.TN	
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO15	LO16	LO17	LO18			
I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																						
Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3															1		2	1		
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	3															1		2	1		
Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	3															1		2	1		
Lịch sử Đảng cộng sản VN	BAS1153	3															1		2	1		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	3															1		2	1		
Tiếng Anh (Course 1)	BAS1157	3	1														1	2				
Tiếng Anh (Course 2)	BAS1158	3	1														1	2				
Tiếng Anh (Course 3)	BAS1159	3	1														1	3				
Tiếng Anh (Course 3 Plus)	BAS1160	3	1														1	3				
Tin học cơ sở 1	INT1154	3	1														1					
Tin học cơ sở 2	INT1155	3	1														1					
Phương pháp luận NCKH	SKD1108	3	1														2					
Kỹ năng thuyết trình	SKD1101		1	1													2	2	1			
Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102		1	1													3	2	1			
Kỹ năng tạo lập văn bản	SKD1103																1	1				
Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104		1	1													2	2	1			
Kỹ năng giao tiếp	SKD1105		1	1													2	3	1			
Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106		1	1													2	2	1			

Tên học phần	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																	
		Kiến thức			Kỹ năng nghề nghiệp chung								KN ng.nghiệp chuyên ngành					K.năng mềm	
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO15	LO16	LO17	NL.TC.TN
Lập trình với Python	INT13162		3	1	1				1	1						1			
Phân tích và thiết kế HTTT	INT1342		3	1	1				1							1			
Nhập môn trí tuệ nhân tạo	INT1341		3	1	1				1	2	2					1			
Cơ sở an toàn thông tin	INT1472		3	2	1				1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	
Mật mã học cơ sở	INT1344		3	2	1				1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	
Thực tập cơ sở	INT13147		3	2	1	2			1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1
III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																			
Kiểm thử xâm nhập	INT14107		1	3	1	2		1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
Hệ điều hành Windows và Linux/Unix	INT1487		2	3	1	2		1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
An toàn mạng	INT1482		1	3	1	2		1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
An toàn hệ điều hành	INT1484		1	3	1	2		1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
Quản lý an toàn thông tin	INT14106		1	3	1			1	1			2	2	2	2	1	1	1	1
An toàn ứng dụng Web và Cơ sở dữ liệu	INT14105		1	3	1	2		1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
An toàn mạng nâng cao	INT1483		1	3	1	2		1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
Kỹ thuật theo dõi, giám sát an toàn mạng	INT1429		1	3	1	2		1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	INT1449		2	3	1	2		1	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1
IoT và ứng dụng	INT14149		2	3	1	2		1	1	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1
Mật mã học nâng cao	INT1491		1	3	1	2		1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1

Tên học phần	Mã học phần	CHUẨN ĐẦU RA																				
		Kiến thức			Kỹ năng nghề nghiệp chung								KN ng nghiệp chuyên ngành						K. năng mềm		NLTC.TN	
		LO1	LO2	LO3	LO4	LO5	LO6	LO7	LO8	LO9	LO10	LO11	LO12	LO13	LO14	LO15	LO16	LO17	LO18			
Phát triển phần mềm an toàn	INT1463		2	3	1	2	1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1				
Khoa học pháp lý số	INT1488		1	3	1	2	1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1				
Các kỹ thuật giấu tin	INT14102		1	3	1	2	1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1				
Phân tích mã độc	INT14164		1	3	1	2	1	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1				
IV. THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP																						
Thực tập tốt nghiệp				3	2	2	3	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3				
Đồ án/HP thay thế tốt nghiệp				3	2	2	3	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3				

(6). Bảng 6.1: Thành tích thi đua và khen thưởng của GV Khoa ATTT

Năm	Giấy khen của GDHV	Giấy khen của Bộ TT&TT	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Chiến sĩ thi đua cấp bộ
2019	1	2	4	1
2020	1	1	3	0
2021	2	2	3	1
2022	1	1	2	1
2023	1	1	2	0
Tổng	6	7	14	3

(7). Bảng 6.2: Bảng thống kê số lượng đề tài nghiên cứu các cấp giai đoạn 2019 - 2023 do Giảng viên Khoa ATTT thực hiện

TT	Phân loại đề tài	Năm học					Tổng
		2019	2020	2021	2022	2023	
1	Đề tài cấp NN	0	0	1	0	0	1
2	Đề tài cấp Bộ và tương đương	1	3	2	2	2	10
3	Đề tài cấp Học viện	18	22	30	36	29	135

(8). Bảng 6.3: Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố giai đoạn 2019 - 2023 do giảng viên Khoa ATTT thực hiện.

TT	Phân loại bài báo	Năm học					Tổng
		2019	2020	2021	2022	2023	
1	Bài báo trong nước	4	3	3	4	3	17
2	Bài báo quốc tế	12	9	9	8	8	46
	<i>Bài ISI/Scopus</i>	7	6	8	6	7	34
	Tổng	16	12	12	12	11	63

(9). Bảng 6.4: Bảng thống kê số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus 2019 - 2023 do GV khoa ATTT thực hiện.

STT	Năm học	ISI/Scopus	Q2	Ghi chú
1	2019	7	4	
2	2020	6	3	
3	2021	8	5	
4	2022	6	4	
5	2023	7	4	
Tổng		34	20	

(10). Bảng 7.1: Danh sách nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác

Nhân viên	Trình độ cao nhất đạt được						Tổng số
	Khác	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Nhân viên Thư viện				5			5
Nhân viên phòng TNTH		1		4			5
Trợ lý Khoa				11	1		12
Nhân viên CNTT	1				3		4
Nhân viên hỗ trợ người học (Trung tâm 1 cửa, Trạm y tế, TTDV, CSVN tpHCM)	26	12	3	15	4		60
Tổng số	27	13	3	35	8	0	86

* Ghi chú: Trình độ trung cấp là lái xe, trực KTX, giảng đường.

(11). Bảng 8.1: Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT ngành ATTT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm
2018-2019	2785	375	7.43	370	BVH: 20.80 TTNV $\leq$ 2 BVS: 19.00 TTNV $\leq$ 7
2019-2020	2193	310	7.07	306	BVH: 23,35 TTNV $\leq$ 3 BVS: 20,00 TTNV = 1
2020-2021	2866	272	10.54	272	BVH: 26,25 TTNV $\leq$ 10 BVS: 24,20 TTNV $\leq$ 18
2021-2022	5122	293	17.48	284	BVH: 26.55 TTNV $\leq$ 5 BVS: 25.40

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm
					TTNV ≤ 11
2022-2023	4404	320	13.76	316	BVH: 26,70 TTNV ≤ 3 BVS: 25,05 TTNV ≤ 7

(12). Bảng 8.2: Mức kinh phí cấp bù hàng năm

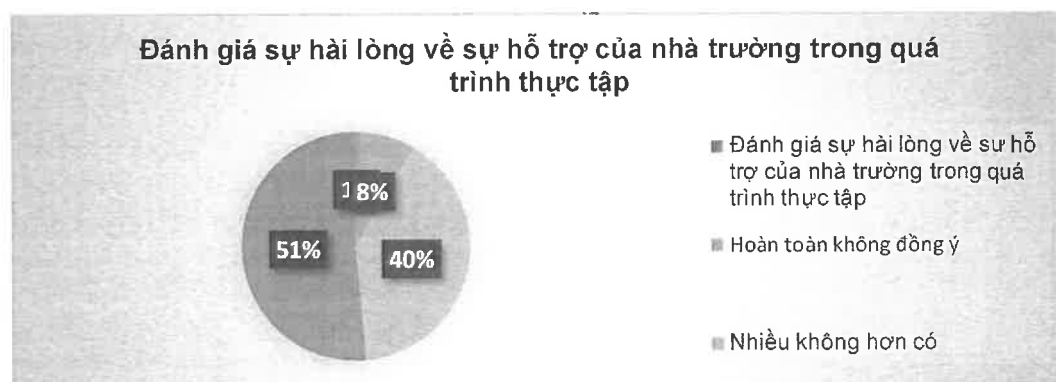
TT	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số tiền cấp bù (VNĐ)	338.582.000	348.364.000	373.216.350	360.087.780	307.757.320

(13). Bảng 8.3: Kết quả khen thưởng SV ngành ATTT giai đoạn 2019-2023

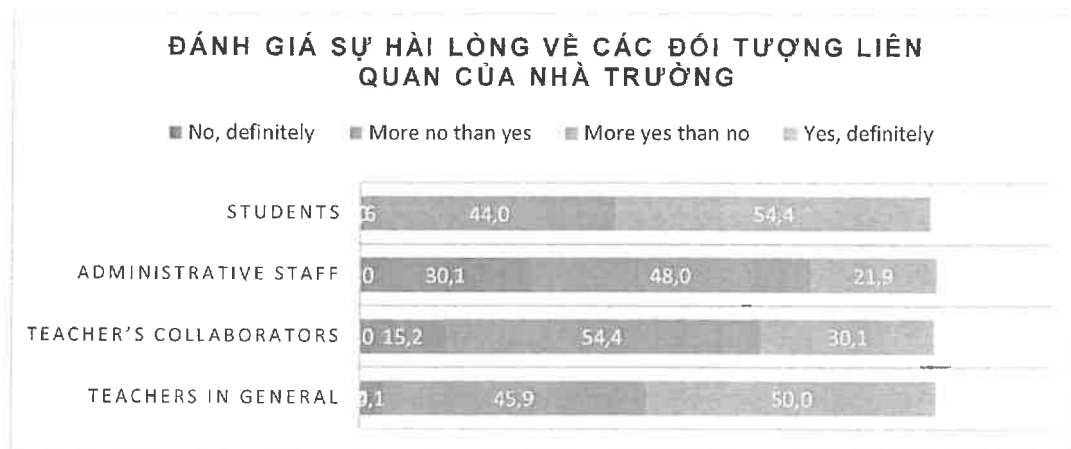
Nội dung	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số SV được khen thưởng	424	426	392	521	745
Số tiền khen thưởng (đồng)	56.300.000	67.000.000	84.200.000	115.300.000	157.650.000

(14). Bảng 8.4: Tỷ lệ có việc làm 12 tháng sau khi tốt nghiệp của SV ngành ATTT

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tỷ lệ %	97,08	88,24	94,27	94,30	91,54



(15). Hình 8.1: Đánh giá sự hài lòng của SV đối với hoạt động thực tập



(16). Hình 8.2: Đánh giá mức độ hài lòng của SV về sự hỗ trợ của các đối tượng liên quan

(17). Bảng 11.1: Tỷ lệ sinh viên thôi học ngành An toàn thông tin theo khóa học

Khóa học	Cơ sở	Quy mô SV	Sinh viên thôi học theo các năm						Tỷ lệ
			Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	>4 năm	Tổng	
			SV	SV	SV	SV	SV	SV	%
20142019	Hà Nội	182	4	16	10	0		30	16.40%
	Tp. HCM	98	8	0	0	0	0	8	8.16%
	Tổng	280	12	16	10	0	0	38	13.57%
20152020	Hà Nội	187	6	11	10	0		27	14.40%
	Tp. HCM	70	0	0	0	0	0	0	0.00%
	Tổng	257	6	11	10	0	0	27	10.51%
20162021	Hà Nội	175	2	10	5	0		17	9.70%
	Tp. HCM	61	0	0	14	0	0	14	22.95%
	Tổng	236	2	10	19	0	0	31	13.14%
20172022	Hà Nội	216	2	3	5	0		10	4.60%
	Tp. HCM	79	0	6	5	0	0	11	13.92%
	Tổng	295	2	9	10	0	0	21	7.12%
2018-2023	Hà Nội	266	8	12	9	0		29	10.90%
	Tp. HCM	104	2	3	7	0	0	12	11.54%
	Tổng	370	10	15	16	0	0	41	11.08%

(18). Bảng 11.2: Tỷ lệ sinh viên ngành An toàn thông tin tốt nghiệp theo khóa học

Khóa học	Cơ sở	Nhập học	SV chưa TN		SVTN		SVTN sớm		SVTN đúng hạn	
		SV	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%
2014-2019	Hà Nội	182	34	18.68%	148	81.32%	0	0%	68	37.36%
	Tp.HCM	98	28	28.57%	70	71.43%	0	0%	44	44.90%
	Tổng	280	62	22.14%	218	77.86%	0	0%	112	40.00%
2015-2020	Hà Nội	187	44	23.53%	143	76.47%	0	0%	76	40.64%
	Tp.HCM	70	22	31.43%	48	68.57%	0	0%	13	18.57%
	Tổng	257	66	25.68%	191	74.32%	0	0%	89	34.63%
2016-2021	Hà Nội	175	48	27.43%	127	72.57%	0	0%	74	42.29%
	Tp.HCM	61	32	52.46%	29	47.54%	0	0%	5	8.20%
	Tổng	236	80	33.90%	156	66.10%	0	0%	79	33.47%
2017-2022	Hà Nội	216	95	43.98%	121	56.02%	0	0%	66	30.56%
	Tp.HCM	80	35	43.75%	45	56.25%	0	0%	24	30.00%
	Tổng	296	130	43.92%	166	56.08%	0	0%	90	30.41%
2018-2023	Hà Nội	266	113	42.48%	153	57.52%	0	0%	78	29.32%
	Tp.HCM	104	62	59.62%	42	40.38%	0	0%	22	21.15%
	Tổng	370	175	47.30%	195	52.70%	0	0%	100	27.03%

(19). Bảng 11.3: Đối sánh tỉ lệ SV thôi học giữa ngành ATTT với các ngành đào tạo khác của Học viện

CTĐT	Cơ sở	Tỉ lệ thôi học theo khóa học (%)					
		2014-2019	2015-2020	2016-2021	2017-2022	2018-2023	Trung bình
Ngành ATTT	Hà Nội	16.40	14.40	9.70	4.60	10.90	11.20
	Tp.HCM	8.16	0.00	22.95	13.92	11.54	11.32
	Tổng	13.57	10.51	13.14	7.12	11.08	11.08
Ngành CNTT	Hà Nội	11.10	9.30	9.00	8.60	10.80	9.80
	Tp.HCM	3.67	0.00	8.00	10.64	10.40	6.54
	Tổng	7.20	4.10	8.30	9.40	10.50	7.90
Ngành CN ĐPT	Hà Nội	13.07	11.67	16.00	10.19	8.65	11.92
	Tp.HCM	6.94	0.00	16.67	18.31	9.09	10.20
	Tổng	11.01	7.71	16.19	12.20	8.75	11.17

(20). Bảng 11.4: Đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành An toàn thông tin với một số ngành khác của Học viện

CTĐT	Cơ sở	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn theo khóa học (%)					Trung bình
		2014-2019	2015-2020	2016-2021	2017-2022	2018-2023	
Ngành ATTT	Hà Nội	37.36	40.64	42.29	30.56	29.32	36.03
	Tp.HCM	44.90	18.57	8.20	30.00	21.15	24.56
	Tổng	40.00	34.63	33.47	30.41	27.03	33.11
Ngành CN ĐPT	Hà Nội	49.12	47.08	41.18	34.60	45.17	43.43
	Tp.HCM	40.97	43.18	36.11	36.62	37.66	38.91
	Tổng	46.37	45.76	39.86	35.03	43.45	42.09
Ngành CNTT	Hà Nội	53.00	50.10	51.30	52.70	54.80	52.38
	Tp.HCM	27.10	21.20	37.70	26.60	20.40	26.60
	Tổng	39.10	34.65	43.50	38.65	36.60	38.50

(21). Bảng 11.5: Đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp và thôi học giữa ngành ATTT của Học viện với ngành ATTT/CNTT của các trường đại học khác (đơn vị tính %)

Cơ sở Giáo dục	2019		2020		2021		2022		2023		TB	
	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH
Học viện	89.0	2.75	88.6	1.75	88.0	2.76	87.1	2.06	85.5	3.33	87.6	2.53
ĐH Bách khoa HN	76.9	3.88	77.12	2.16	78.50	0.76	71.10	2.68	77.60	3.47	81.30	2.59
Trường ĐH CNTT, ĐHQG TP HCM	98.00	3.49	94.00	1.47	97.00	3.46	90.61	2.76	88.38	3.05	94.40	2.85
ĐH CNTT, ĐHTN	84.66	2.30	88.76	1.83	82.15	3.02	77.55	3.68	90.82	4.14	88.85	2.99

(22). Bảng 11.6: Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành ATTT theo khóa học giai đoạn 2019-2023

Năm học	2013-2018	2014-2019	2015-2020	2016-2021	2017-2022	Trung bình
Tỷ lệ (%)	4,80	4,70	4,70	4,80	4,70	4,74

(23). Bảng 11.7: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành ATTT của Học viện với các ngành đào tạo khác của Học viện

CTĐT	Thời gian tốt nghiệp trung bình theo khóa học (năm)					
	2015-2019	2016-2020	2017-2021	2018-2022	2019-2023	Trung bình 5 năm
Ngành ATTT	4.80	4.70	4.70	4.80	4.70	4.74
Ngành CN ĐPT	4.80	4.70	4.70	4.80	4.70	4.74
Ngành CNTT	4.85	4.85	4.75	4.85	4.85	4.83

(24). Bảng 11.8: Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành ATTT của Học viện với ngành ATTT/CNTT của các trường đại học khác

Trường	Khóa học					Trung bình
	2013-2018	2014-2019	2015-2020	2016-2021	2017-2022	
Học viện CNBCVT	4,80	4,70	4,70	4,80	4,70	4,74
ĐH Bách khoa Hà Nội	4.73	4.66	5.14	5.18	5.00	4.94
Trường ĐH CNTT, ĐHQG TP HCM	4.67	4.64	5.18	5.16	5.10	4.95
ĐH CNTT, ĐH Thái Nguyên	4.35	4.77	5.02	4.96	5.12	4.84

(25). Bảng 11.9: Số liệu việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành An toàn thông tin

Năm khảo sát	Tên ngành đào tạo	Tỷ lệ phản hồi/số sv tốt nghiệp	Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số SV phản hồi (%)	Đúng ngành (%)	Khu vực làm việc (Tỷ lệ %)				Mức thu nhập từ 7 triệu đến trên 15 triệu (%)
					Cơ sở nhà nước	Cơ sở tư nhân (%)	Tự tạo việc làm (%)	Có yếu tố nước ngoài	
2019	Toàn Học viện	87,80%	100,00%	63,9%	26,4%	50,0%	2,8%	20,8%	91,0%
	Cơ sở Hà Nội	87,80%	100,00%	63,9%	26,4%	50,0%	2,8%	20,8%	91,0%
	Cơ sở Tp.HCM				-	-	-	-	0%
2020	Toàn Học viện	79,44%	98,84%	69,8%	9,4%	63,5%	5,9%	21,2%	95,5%
	Cơ sở Hà Nội	76,40%	98,30%	79,4%	7,4%	63,2%	2,9%	26,5%	93,0%
	Cơ sở Tp.HCM	94,44%	94,44%	33,3%	17,6%	64,7%	17,6%	0,0%	98,0%
2021	Toàn Học viện	85,23%	94,94%	64,6%	12,0%	68,0%	0,0%	20,0%	95,8%
	Cơ sở Hà Nội	85,25%	96,02%	80,0%	10,5%	63,2%	0,0%	26,3%	96,0%
	Cơ sở Tp.HCM	85,19%	95,83%	29,2%	16,7%	83,3%	0,0%	0,0%	95,6%
2022	Toàn Học viện	68,80%	96,63%	37,1%	19,0%	72,6%	7,1%	1,2%	96,1%
	Cơ sở Hà Nội	60,82%	96,72%	42,6%	24,1%	70,7%	3,4%	1,7%	96,0%
	Cơ sở Tp.HCM	92,86%	92,86%	25,0%	7,7%	76,9%	15,4%	0,0%	96,2%
2023	Toàn Học viện	81,22%	93,94%	37,9%	15,7%	64,9%	2,7%	16,8%	96,2%
	Cơ sở Hà Nội	79%	95,20%	42,5%	17,8%	62,3%	0,0%	19,9%	94,6%
	Cơ sở Tp.HCM	86,79%	88,46%	25,0%	7,7%	74,4%	12,8%	5,1%	97,8%

(26). Bảng 11.10: Tỷ lệ thu nhập bình quân trong tháng của SV ngành ATTT

Năm	Thu nhập bình quân dưới 5 triệu	Thu nhập bình quân từ 5-15 triệu	Trên 15 triệu
2018	4,40%	86%	9,60%
2019	7,76%	87,52%	5%
2020	7,60%	87%	5,20%
2021	6,32%	81,28%	12,40%
2022	5,50%	79,50%	15%

(27). Bảng 11.11: Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm ngành ATTT với các ngành đào tạo khác tại Học viện.

CTĐT	Tỷ lệ SV có việc làm (%)				
	2019	2020	2021	2022	2023
An toàn thông tin	100%	98,84%	94,94%	96,63%	93,94%
Công nghệ đa phương tiện	94,58%	94,09%	93,07%	98,21%	90,19%
Công nghệ thông tin	93,58%	96,28%	95,25%	98,05%	92,96%
Kỹ thuật ĐTVT	91,49%	94,02%	93,33%	94,39%	90,17%

(28). Bảng 11.12: Đối sánh tỷ lệ SVTN có việc làm CTĐT ngành ATTT với cùng ngành ATTT/CNTT của các trường đại học khác

Cơ sở giáo dục	Tỷ lệ SV có việc làm (%)					
	2019	2020	2021	2022	2023	Trung bình
Học viện CN BCVT	100%	98,84%	94,94%	96,63%	93,94%	95,67
ĐH Bách khoa Hà Nội	99,70	89,61	69,91	92,95	96,12	89,66
Trường ĐH CNTT, ĐHQG TP HCM	89,72	96,59	95,60	90,74	92,63	93,06
ĐH CNTT, ĐH Thái Nguyên	93,92	93,92	97,27	97,37	96,35	95,77

(29) Bảng 11.13: Bảng đối sánh số lượng đề tài, số SV tham gia NCKH của sinh viên CTĐT ngành ATTT với các ngành đào tạo khác của Học viện

Năm	Ngành đào tạo							
	An toàn thông tin		Kỹ thuật ĐT-VT		CNKT Điện - Điện tử		Công nghệ Đa phương tiện	
	Đề tài	SV tham gia	Đề tài	SV tham gia	Đề tài	SV tham gia	Đề tài	SV tham gia
2019	16	31	35	84	28	59	9	26
2020	9	22	28	86	28	78	6	6

Năm	Ngành đào tạo							
	An toàn thông tin		Kỹ thuật ĐT-VT		CNKT Điện - Điện tử		Công nghệ Đa phương tiện	
	Đề tài	SV tham gia	Đề tài	SV tham gia	Đề tài	SV tham gia	Đề tài	SV tham gia
2021	8	25	23	81	34	58	11	25
2022	25	41	15	46	15	43	11	34
2023	35	51	23	53	5	16	14	52
Tổng	93	170	124	350	121	254	51	143

(30). Bảng 11.14: Đối sánh tỷ lệ % số lượng SV ngành ATTT của Học viện tham gia NCKH với ngành ATTT/CNTT của các trường đại học khác (tỷ lệ SV/ĐT)

TT	Cơ sở giáo dục	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	Trung bình
1	Học viện CN BCVT	0,03	0,02	0,02	0,04	0,04	0,03
2	ĐH Bách khoa Hà Nội	0,23	2,99	3,29	1,75	2,23	2,10
3	Trường ĐH CNTT, ĐHQG TP HCM	1,52	1,26	1,1	1,9	2,26	1,61
4	ĐH CNTT, ĐH Thái Nguyên	0,57	2,95	2,09	2,12	1,72	1,89

Phụ lục 03. Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG

Tại Quyển danh mục minh chứng kèm theo báo cáo TĐG CTĐT



